HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

Số 38, tháng 12 / 97 & 1 / 98



xuân

MẬU DẦN

1998

SINH NHẬT NĂM THỨ BẢY



TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA

Tel: (714)537-5229 • E-mail: tchl@aol.com

Phát hành hai tháng một kỳ • Số 38, tháng 12/97 & 1/98

Đại diện tại Florida: Triều Hoa Đại / Tel: (904)282-2419 • *Đại diện tại Houston, TX*: Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262 • *Đại diện tại San Jose*: Phạm Việt Cường / Tel: (408)294-2413 • *Đại diện tại Âu châu*: Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013 Paris. France / Tel: 33 (0) 1 45.83.19.12 • *Đại diện tại Na Uy:* Hoài Mỹ / Olsvikaasen 138. N-5079 Olsvik, Norway • *Đại diện tại Canada*: Trân Sa / Tel: (416)762-4659 &Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514)342-8018 • *Đại diện tại Australia*: Thường Quán / Tel: 61.3/ 8071.797 • *Đại diện tại ĐôngÂu*: Yên Phong / PSF-21. 37284 - Waldkappel. Germany

Thể lệ gửi bài

Kèm theo bài xin ghi địa chỉ, số điện thoại. Bài gửi cho *Hợp Lưu* đừng gửi báo khác. Trong trường hợp đã phổ biến, phải cho tòa soạn biết, dù chỉ trên báo địa phương. Viết một mặt giấy, rõ ràng, tránh bôi xóa quá nhiều. Nếu đánh máy xin chừa rộng khoảng cách giữa hai dòng. Viết bằng computer xin gửi bài kèm đĩa (ghi rõ dạng đang sử dụng: VNI, VNU, VPS..., và ký hiệu của bài). Bài không đăng không trả lại bản thảo. Nếu là thơ, sau ba số không thấy xuất hiện, tác giả tùy nghi sử dụng. Nếu là truyện, biên khảo... bài chọn đăng sẽ có thư riêng hoặc điện thoại. Có thể gửi bài qua E-mail.

Bài được chọn đăng không nhất thiết phản ảnh quan điểm của Hợp Lưu. Tác giả chịu trách nhiệm nội dung bản văn.

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN : 1065-9323



HỢP LƯU

Kính chúc quí văn hữu và độc giả

một năm mới anh khang, hạnh phúc

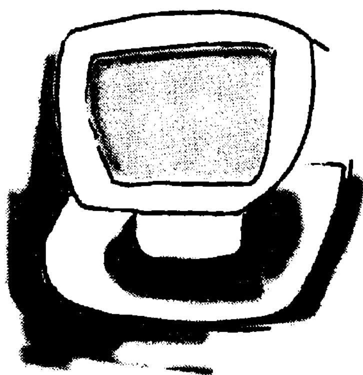


MỤC LỤC

Tranh bìa:
Nguyên Khai: Renaissance (*Mixed Media, 1997) 60" X 25" X 2"*



THƯ TÒA SOẠN



Đánh dấu bảy năm (1990-1998) hiện diện trên diễn đàn Văn Học Hải Ngoại, ban chủ trương dự định sẽ thực hiện một số báo có sự góp mặt của hầu hết những ngòi bút trong, ngoài nước từng sát cánh và chia xẻ với *Hợp Lưu* những khó khăn cũng như những thành quả suốt thời gian qua. Số báo ấy - theo ước tính sơ khởi - có thể trên dưới 400 trang. Để có đủ bài vở cho số trang vừa nêu, không khó. Trong dĩ vãng, mỗi lần *Hợp Lưu* muốn thực hiện một số chủ đề, là anh chị em văn hữu trên khắp thế giới đều vui vẻ hưởng ứng. Nay, kỷ niệm sinh nhật bảy năm, chắc chắn sự hưởng ứng càng nồng nhiệt hơn.

Thế nhưng khi bắt tay thực hiện số báo dự tính, chúng tôi đã vấp phải một khó khăn, dù không liên quan gì đến văn học nghệ thuật, vẫn chiếm giữ vai trò quyết định. Đó là tình hình tài chánh hạn chế của *Hợp Lưu*. Hiện nay, nếu không tính đến công sức và những tốn kém ngoại vi (thù tiếp văn hữu từ xa tới thăm, mua sắm vật dụng, máy móc, điện thoại, sách vở, tài liệu...) thì cơ bản, đã cân bằng chi thu, không phải bù lỗ như trước đây. Nói cách khác, tiền thu về từ độc giả dài hạn và các đại lý mỗi hai tháng vừa đủ trang trải phí khoản in ấn và tem cước cho từng số, chứ không thặng dư trong trương mục. Đột xuất *Hợp Lưu* tăng lên 400 trang, cũng có nghĩa tiền in sẽ tăng, và nhất là giá cước- theo tính toán của bưu điện - sẽ nhảy sang cấp hạng khác, chênh lệch gần gấp đôi. Ngoài khả năng chịu đựng của *Hợp Lưu*. Thật ra nếu chúng tôi kêu gọi văn hữu và độc giả tiếp tay, thì có lẽ cũng giải quyết

được trở ngại ấy. Nhưng bảy năm qua, *Hợp Lưu* vẫn canh cánh một ước mơ: sau khi cân bằng ngân sách, phải tiến đến giai đoạn... thặng dư, hầu mỗi tác giả có bài trên *Hợp Lưu*, sẽ được trả một khoản nhuận bút (tượng trưng), thay cho lời cảm ơn. Thế thì không lý do gì chúng tôi tiếp tục gây phiền hà đến anh chị em, vốn bao năm nay, từng bị phiền hà hơi nhiều, từ tinh thần (khả năng sáng tạo) đến vật chất (văn hữu, vẫn phải mua dài hạn).

Vì thế, kế hoạch tăng trang phải hủy bỏ (chỉ thêm 8 trang tượng trưng, "ăn gian" bưu điện tí đỉnh), và đành chờ đợi một tương lai gần, *khi Hợp Lưu* cùng nhiều tờ báo khác ở hải ngoại được phát hành rộng rãi trong nước. Ngày ấy, với số lượng độc giả đông hơn gấp năm gấp mười, việc tăng thêm một hai trăm trang chắc chắn không khó.

Nội dung của số báo này khá đặc biệt: Phần biên khảo (trừ bài của Đào Thái Tôn *Nhân bài "nhận xét" của ông Nguyễn Quảng Tuân về việc nghiên cứu Truyện Kiều của cố học giả Hoàng Xuân Hãn),* và phần truyện ngắn, cũng như hầu hết thơ là của các tác giả ở ngoài nước. Đặc biệt hơn nữa: Ngoài hai truyện ngắn của Thảo Trường (*Ngày nghỉ hè ở sa mạc*) và Hoài Mỹ (*Thằng cu và ông già tàu ngầm*), tất cả các truyện ngắn, tùy bút còn lại được viết bởi các cây bút nữ: Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Nguyễn Hương, Lê Thị Thấm Vân, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Minh Hà, Nguyễn Mai (Ninh). Hiện tượng những người viết nữ chiếm ưu thế (về lượng và phẩm) trong lãnh vực sáng tác là một hiện tượng đặc thù của văn học hải ngoại, *Hợp Lưu* sẽ đề cập đến trong một số đặc biệt có chủ đề "Các nhà văn nữ của VN hải ngoại".

Mùa xuân sắp trở lại, thay mặt ban chủ trương, *Hợp Lưu* chân thành gửi đến văn hữu, độc giả lời chúc tốt lành nhất. Rất mong số báo này sẽ là người bạn nhỏ giúp quí vị thư giản đầu óc, sau một năm vật lộn với bao lo toan trong đời sống.

HỢP LƯU

Phát hành đầu tháng 3/1998

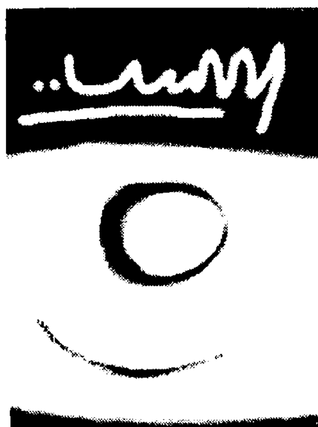
HỢP LƯU

SỐ 39, TÂN NIÊN 1998



NGUYỄN MẠNH TRINH thực hiện

VĂN HỌC VIỆT NAM NĂM 1997 VÀ NHỮNG NĂM SẮP TỚI QUA HOẠT ĐỘNG, NHẬN ĐỊNH CỦA NHIỀU TÁC GIẢ



LTS: *Tạp chí* Hợp Lưu- *qua nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh - có ý định thực hiện một cuộc phỏng vấn trên qui mô rộng, trải dài nhiều thế hệ cầm bút hiện có mặt tại hải ngoại, về đôi vấn đề liên quan đến văn học của từng cá nhân,nói riêng, Việt Nam, nói chung, trong năm 1997, cùng dự kiến tương lai. Tuy nhiên, do vài trở ngại ngoài ý muốn, chúng tôi không làm được điều muốn làm trọn vẹn. Cuộc phỏng vấn chỉ thực hiện được với một số ít tác giả, Tuy vậy, trong chừng mực nào đó, chúng tôi hy vọng độc giả sẽ tìm thấy một mẫu số chung tương đối chính xác.*

(Tòa soạn sắp xếp các bài phát biểu của các giả theo thứ tự thời gian nhận được)

Ngoài 3 câu hỏi với Nguyễn Hoàng Nam và đạo diễn kịch Vũ Hạ, hơi khác. Với tất cả các tác giả còn lại, đều tương tự, như sau:

1) Hoạt động văn học của anh / chị trong năm vừa qua, cùng dự kiến tương lai?

2) Trong năm vừa qua, tình hình văn học hải ngoại có gì đáng lưu ý? Có hiện tượng nào nổi bật? Cũng như phân tích mặt tiêu cực lẫn tích cực?

3) Anh / chị nghĩ thế nào về những người viết trẻ. Triển vọng? Họ sẽ kế thừa văn học Việt Nam hay sẽ hội nhập và đồng hóa với văn học của các quốc gia họ đang sống?

*

NGUYỄN HOÀNG NAM

- Anh có bao giờ nghĩ thơ mình sẽ ra sao, sau năm năm, mười năm...? (Nghĩa là lúc mình không còn trẻ nữa).

- Tôi không biết. Thật tình tôi chưa hề bận trí về chuyện này. Hồi 10 năm trước, hay 5 năm trước, tôi cũng không biết trước được về thơ tôi làm bây giờ. Tôi làm thơ từ những va chạm kinh nghiệm hàng ngày trong cuộc sống của tôi, và qua đó phản ảnh phần nào tiếng nói của thời đại này, của thế hệ tôi. Cũng có thể sau này tôi sẽ tới lúc cảm thấy không có gì để nói, và sẽ ngưng làm thơ hẳn.

- Trong năm 1997, tình trạng thi ca ở hải ngoại có điều gì đáng nói? Có tập thơ nào anh nghĩ là có giá trị?

- Tôi nghĩ năm 1997 là một năm chuyển tiếp. Qua những bài đăng trên tạp Chí Thơ, tôi nhận thấy đã bắt đầu có nhiều người tham gia khuynh hướng mới. Có lẽ những tập thơ của họ sẽ xuất hiện vào năm sau. Còn năm nay, tôi nghĩ tập thơ đáng chú ý nhất là "Lửa Đốt Ngoài Giới Hạn" của Cao Đông Khánh. Tôi cảm nhận được nỗ lực của tác giả, bằng ngôn ngữ huyền thoại, nói lên tiếng nói của thế hệ mình và kinh nghiệm lưu vong một cách mạnh mẽ, đầy tự hào. Điều đáng tiếc là có một số đoạn thiếu liên kết chặt chẽ với cấu trúc chung, làm giảm tác động của toàn tập.

-Anh có nghĩ đến tương lai của thơ VN không? Có thành một loại thơ song ngữ hoặc tả pín lù những ký hiệu hoặc hình ảnh? Hay trở về thời Thơ Mới, mới hơn thơ Đường thơ Tống ngày xưa?

- Anh dùng chữ "tá pín lù" có lẽ hàm chứa mỉa mai? Thật ra không hề có sự hỗn tạp cẩu thả trong khuynh hướng mới. Hình thức mới được sử dụng

để trình bày nội dung không trình bày được qua các thể thơ quen thuộc. Và ngược lại (tôi cũng đã đăng khá nhiều thơ vần). Tuy nhiên, tôi nghĩ không nên để ý quá nhiều đến hình thức. Những bài thơ bây giờ nói lên *nội dung mới*. Và đó chính là nỗ lực của tôi, nói riêng, của tạp chí Thơ, nói chung. Còn về thơ song ngữ thì, theo kinh nghiệm của tôi, hiện nay có rất ít nội dung thích hợp được với cả hai ngôn ngữ Anh và Việt, vì đời sống văn hóa của ta còn nhiều khác biệt với dòng chính ở Mỹ. Dĩ nhiên có một số đề tài chung về kinh nghiệm của người di dân, nhưng có rất nhiều người đã viết rồi.

THƯỜNG QUÁN

1) Một năm bình thường, tôi vẫn đọc và viết. Đọc bao giờ cũng khỏe và thú hơn là viết. Viết khổ lắm. Thêm nữa trong thơ không khổ công lao tác thì chắc chắn không có gì rồi, nhưng lao tác thôi cũng không phải là điều kiện đảm bảo cần và đủ cho sự thu hoạch. Làm thơ là làm việc với Im Lặng. Và kiên nhẫn.

Về dự tính? Ngay trước mắt là phải hoàn tất tập WATERMARKS, vì đã nhận và đã tiêu xong khoản grant Hội Đồng Nghệ Thuật Australia tặng cho hồi năm ngoái. Xa hơn nữa là cố gắng thu lượm những gì đã viết sau tập "Ngoài Giấc Ngủ" cho một tập thơ khác. Và cố gắng tìm kiếm thì giờ để làm thêm việc điểm sách và chuyển ngữ thơ, giới thiệu thơ (ở những nơi người ta chưa quen biết nhau). Cho tới bây giờ, thơ VN, nhất là thơ đương đại, vẫn là một vùng đất ẩn với độc giả các nước. Dịch thơ là chuyện cực kỳ gian truân, nhiều bài thơ hầu như bất khả chuyển ngữ. Nhưng nếu như các dân tộc thông hiểu nhau qua phần sâu thẳm và mạnh mẽ của một ngôn ngữ, thì cũng giảm bớt những ngộ nhận, kỳ thị, kèn cựa chiến tranh.

2) Dường như là một năm sôi động trong lãnh vực phê bình. Tôi vẫn theo dõi các cuộc tranh luận với tính hiếu kỳ cố hữu của mình. Các cuộc tranh luận làm vỡ lẽ ra nhiều thứ. Có thứ bổ ích. Đây là bước khởi đầu? Tôi hy vọng năm tới các ngòi bút phê bình sẽ mạnh mẽ bước qua một giai đoạn mới: làm công tác *deconstruct* những tác phẩm đương đại. Phê bình cần thiết, lại cần thiết hơn nữa trong bối cảnh xuất bản hỗn loạn như hiện nay. Chúng ta muốn thấy đa nguyên chính trị, đa dạng và giàu có văn học nghệ thuật thì không có cách nào khác hơn là phải mở rộng quang phổ tiếp nhận. Văn học và nghệ thuật luôn có tính dân chủ ưu tuyển.

3) Nói như Backett thì chúng ta đều đang chờ Godot, và trong lúc chờ thì làm vui và làm khổ nhau. Làm khổ thì được nhưng làm vui thì thực tình

cũng không muốn ai vui quá (Lớp trẻ hơn thì chắc chắn rồi chỉ đủ sức kế thừa thôi, không được quá vui). Lời thúc của Trần Dần: tôi chờ lớp trẻ nhanh chóng chôn lớp bọn tôi, là một thúc giục khỏe mạnh.

Tại Úc thì lứa Caroline Dang, Hanh Ngo, Hoa Pham, Chi Vu, Tạ Duy Bình... đang viết bằng Anh ngữ và làm nghệ thuật như những nghệ sĩ khác, họ được độc giả và giới thưởng ngoạn ngoài cộng đồng VN biết tới nhiều hơn là trong cộng đồng (tôi dùng chữ cộng đồng ở đây trong nghĩa báo chí VN vẫn dùng). Họ không muốn bị nhìn thấy như những *ethnic artist* và thực sự thì nghệ thuật của họ mang những phong thái riêng, bộc lộ những cá tính riêng. Họ xa lạ với những gì gọi là "truyền thống dân tộc". Theo chỗ tôi biết họ nghĩ và làm việc rất chi thanh thản và khỏe mạnh.

TRẦN DOÃN NHO

1) Năm nay, tôi sáng tác tương đối đều đặn. Số lượng truyện ngắn giảm so với năm trước. Nhưng tôi lại viết được một số tiểu luận về nhiều vấn đề khác nhau, kể cả văn học; đồng thời cũng đang viết một tập truyện dài. Tác phẩm thứ hai của tôi phát hành vào tháng Tám năm nay, cũng là một tập truyện có tên căn Phòng Thao Thức, do Thanh Văn xuất bản. Trước mắt, nếu không có gì trở ngại, tôi cố gắng hoàn tất truyện dài năm nay, và dự tính cho in vào năm tới. Một dự tính khác: in một tập tiểu luận văn học, cũng vào năm tới. Nói thì "ồn ào" thế, nhưng mọi sự cũng còn tùy duyên.

2) Tôi ở quá xa các trung tâm văn học trên nước Mỹ, thiếu tài liệu cũng như dữ kiện văn học, hơn nữa, tôi cũng chẳng có nhiều sách báo, và tác phẩm để đọc, nên không thể có bất kỳ một nhận định chính xác nào. Tuy nhiên, qua một số sách, báo nhận được, trong tầm hiểu biết hạn hẹp của mình, tôi cho rằng, năm qua, chẳng có "hiện tượng" văn học nào đáng kể. Cuốn *Đêm Giữa Ban Ngày* của Vũ Thư Kiên là một hiện tượng, nhưng lại không thuần túy thuộc văn học. Tôi ghi nhận có nhiều truyện ngắn từ hay đến rất hay của các tác giả phái nữ như Lê Minh Hà, Phan Thị Trọng Tuyến, Hoàng Nga, Lệ Hằng. Lê Minh Hà thâm trầm, Phan Thị Trọng Tuyến vững về kỹ thuật, phong phú về nội dung, Hoàng Nga sâu lắng, Lệ Hằng viết như nước chảy mùa lũ. Về nam, tôi thích mấy truyện lịch sử của Hồ Minh Dũng, nhất là truyện *Thị Lộ*. Nguyễn Quý Đức nhiều nỗ lực, chịu khai phá, tìm tòi. Qua sáng tác của các tác giả này, tôi tin rằng truyện ngắn vẫn đóng một vai trò đáng kể trong sinh hoạt Văn Học Hải Ngoại. Tôi đặc biệt thích thú theo dõi cuộc tranh luận khá sôi nổi trên tạp chí Văn Học giữa Nguyễn Hưng Quốc và Đỗ Minh Tuấn, kéo theo sự đáp ứng của nhiều nhà phê bình tên tuổi ở

hải ngoại. Cuộc tranh luận làm "vỡ" ra nhiều vấn đề thực lý thú, khiến cho nhiều người, dù không thích lắm, cũng phải động não. Phải chăng, dè dặt mà nói, đã bắt đầu có một dạng giao lưu văn hóa? Mặt khác, cuộc tranh luận về tục và thanh trong văn chương trên Hợp Lưu trông cũng khá vui và bổ ích.

3) Theo tôi Văn Học Hải Ngoại chỉ là một hiện tượng tạm thời trên chiều dài lịch sử văn hóa dân tộc. Sự hình thành, tồn tại và phát triển (cũng như suy đồi) của nó bị điều kiện hóa bởi những yếu tố bên ngoài nó, trong đó, chế độ chính trị hà khắc ở đất nước ta là yếu tố chính. Một ngày nào đó, khi hoàn cảnh chính trị quốc nội thay đổi (mà chắc chắn phải thay đổi) thì ít có cơ may Văn Học Hải Ngoại (như chúng ta hiểu hiện nay) còn được đặt ra với chúng ta, nhất là đối với các thế hệ sau. Hơn nữa, một nền văn học làm sao có thể phát triển và tồn tại mãi trong một môi trường mà ngôn ngữ dùng để xây dựng nó cứ mất dần. Tuy nhiên, tôi tin rằng, với sự hiện diện của hơn hai triệu người Việt ở xứ người, vẫn còn một hình thức sinh hoqt văn học nào đó ở hải ngoại, ngay khi Văn Học Hải Ngoại không còn nữa, nhưng tính cách của nó hoàn toàn khác. Những cây bút trưởng thành ở xứ người sẽ, theo tôi, không phải kế thừa văn học của chúng ta, mà họ là một thứ văn học khác, kiểu văn học của chính họ.

Trước mắt, chúng ta có Văn Học Hải Ngoại. Chúng ta yêu quý và cố gắng duy trì cũng như phát triển nó. Nếu có một ước mơ, thì đó là không còn Văn Học Hải Ngoại nữa, nghĩa là chỉ có Văn Học Việt Nam, một nền văn học mới được hình thành trong tự do, dân chủ và hòa bình.

VÕ ĐÌNH

1) Vẫn lai rai. Có chậm vì những chuyến "di trú" về miền Nam nắng ấm, dời bỏ miền Bắc (băng tuyết) - Nhà Văn Nghệ sắp in xong cuốn *Lầu Xếp* của tôi. Chắc ra đời trước Hợp Lưu số Xuân này. Năm tới, sẽ làm lại, (thêm bài, dịch lại, vẽ lại) cuốn *Hương Thiền*, Trung tâm Phật Giáo Việt Nam ấn hành năm 1981. Về chuyện vẽ, vẫn vẽ hăng. Nhưng không nghĩ đến chuyện trưng bày, triển lãm, v.v...

Xin phép nhắc lại một câu nói của Henri James:

"Chúng ta sáng tạo trong bóng đêm tăm tối. Làm được gì ta làm. Có gì, ta cho. Nghĩ cho cùng, chính sự nghi hoặc của ta lại là nỗi đam mê của ta, và cơn đắm say của ta là công trình vất vả ủa ta. Cái còn lại là gì? Nỗi điên dại của nghệ thuật đó thôi"

2) Tôi thường đặc biệt lưu tâm đến các truyện ngắn, tùy bút v.v... Dạo sau này được đọc mấy truyện có nét độc đáo của Lê Minh Hà. Mới đây, trong *Hợp Lưu* số 37, có một truyện ngắn thật xuất sắc của Nguyễn Thị Ngọc Nhung.

2) Cái gọi là Văn Học Việt Nam Hải Ngoại hình thành do một hoàn cảnh đặc biệt. Tên gọi không quan trọng, như bản chất. Bản chất của văn Học (Việt Nam) Hải Ngoại là Việt Nam - Trong nước, ngoài nước, Việt Nam cả.

"Các cây bút trẻ lớn lên và trưởng thành ở xứ người" sẽ có một số (có thể là rất ít) tiếp tục đèo bòng hành trang Việt Nam, và sáng tác bằng tiếng Việt. Như thế, họ là thành phần của Văn Học Việt Nam

ĐINH LINH

Tôi hy vọng những nhận xét của tôi sau đây sẽ đóng góp một phần nào cho cuộc thảo luận về văn học Việt Nam Hải Ngoại.

Thứ nhất: tuy nhiều người vẫn than rằng Văn Học Việt Nam Hải Ngoại là một nền văn học bệ rạc, đang hấp hối, vì bị bức tại gốc, nhưng tôi lại thấy không đúng. Vẫn, và sẽ có, những nhà văn xuất sắc xuất hiện tại hải ngoại. Có lẽ trường hợp điển hình nhất là Trần Vũ, một người trưởng thành ở ngoài nước, được hấp thụ mạnh cả nếp sống lẫn văn chương Tây phương. Văn phong của Trần Vũ có lúc rất lập dị, quái đản, làm người đọc phải chú ý từng câu một. Sống ở ngoài nước cung cấp cho Trần Vũ những đề tài mới, những cách nhìn mới, và cả một ngôn ngữ mới. Phạm Thị Hoài cũng vậy. Nhờ ảnh hưởng ngôn ngữ Đức, văn phạm Đức, và nhờ ảnh hưởng những nhà văn Đức, như Arno Schmidt, chẳng hạn, văn của Phạm Thị Hoài là một hiện tượng rất mới trong nền văn học Việt Nam. Có lẽ nhiều người sẽ phản đối rằng, không thể coi Phạm Thị Hoài là một nhà văn hải ngoại được, vì nhiều tác phẩm nổi tiếng nhất của chị Hoài được viết ở trong nước, và ngay tới bây giờ, Phạm Thị Hoài vẫn đi tới đi lui giữa Hà Nội và Berlin. Nhưng cái ranh giới trong nước/ngoài nước nó không có rõ ràng như xưa nữa. Đỗ Kh., và nhiều nhà văn "hải ngoại" cũng đi đi lại lại như ăn cơm bữa vậy. Phan Thị Vàng Anh có nói với tôi rằng, người Viết ở hải ngoại, nói chung, dùng tiếng Việt một cách rất thận trọng, không vung vít, không lộng, bằng trong nước. (cô cho tôi một ví dụ: một ông nhà quê, thấy vợ nằm trên phản, mắng: "sao bà nằm lai láng vậy!") Dĩ nhiên Vàng Anh nói đúng, nhưng những người đã dám phá rồi, đã dám quậy, thì quậy hết ga. Đỗ Kh. chẳng hạn, pahỉ! Pahỉ!

Còn câu hỏi "những người cầm bút Việt Nam có thể đi vào văn học thế

giới không?" Cái khó khăn thứ nhất là, bất cứ nhà văn Việt Nam nào, nếu muốn có độc giả ngoại quốc, thì cũng phải đi qua trung gian là người dịch. Mà có được một người dịch thông thạo tiếng Việt và biết sử dụng một tiếng ngoại quốc không phải là một chuyện dễ. Mà khi dịch từ tiếng Việt qua tiếng Anh chẳng hạn, cái quan trọng nhất là người dịch phải biết sử dụng tiếng Anh cho thật hay. Nếu không, dù người dịch đó có giỏi tiếng Việt cho tới mức nào đi nữa, mà văn Anh ngữ của anh ta vụng về, ngớ ngẩn, thì cũng chẳng ma nào thèm đọc. Ai mà chịu khó so sánh quyển "Thân Phận Tình Yêu" của Bảo Ninh với "The Sorrow of War" (dịch bởi 4 người! hai An Nam, một Anh, một Úc), thì sẽ tá hỏa ngay! Nhưng lạ thay, quyển "The Sorrow of War" đã được "dịch" ra rất nhiều thứ tiếng, và lại bán rất chạy. Nhưng đó là nhờ những lý do khác, không liên hệ gì đến văn chương.

Còn có những trường hợp như Hồ Trường An, chẳng hạn, khó mà dịch văn của ông ấy ra tiếng ngoại quốc.

Nhưng yếu tố chính vẫn là: có bao nhiêu nhà văn Việt Nam hiện đại thực sự có tầm vóc quốc tế? Dĩ nhiên, câu này rất khó trả lời, và mỗi người sẽ có một danh sách riêng. Nhưng dù có đếm cách nào đi nữa, cuối cùng ai cũng phải nhận định rằng: trong mỗi một nền văn học chỉ có, nhiều lắm, ba bốn người đáng được người ngoài chú ý đến. Ở nước Mỹ, cả những người rất có học cũng chỉ quanh quẩn, qua loa biết một vài nhà văn ngoại quốc. Hỏi người ấy, anh đã đọc những nhà văn Nhật Bản nào? thì có lẽ ông ta chỉ biết Mishima, và giỏi lắm là Kawabata hay Kenzaburo Oe mà thôi. Cô Banana không kể.

Tôi hy vọng những lời viết trên không bừa bãi quá. Tôi cám ơn anh đã mời tôi tham dự vào cuộc thảo luận này.

LUÂN HOÁN

1)Thưa anh, cái có thể gọi là sáng tác của tôi, chỉ lẩn quẩn trong việc làm thơ. Nhưng cái việc này, hình như vài năm nay đã nhiễm phải cái bệnh lười biếng có sẵn trong cơ thể làm suy yếu trầm trọng, năm ngoái: lai rai, năm nay: thất thường, năm đến, không chừng nghỉ chơi luôn. Do đó tôi không có dự tính gì cho ngày mai.

2) Tôi vội nghĩ đại khái:

a) Thơ Việt ở hải ngoại hiện nay đang được sản xuất quá nhiều, căn cứ vào sự kêu than của các tạp chí văn học trong mục thư tòa soạn.

b) Thơ Việt ở hải ngoại đang được quí anh chị ở hai tạp chí Thơ, Hợp Lưu có nỗ lực làm mới. Họ vừa sáng tác cái mới, vừa châm biếm, đả phá cái

cũ. Nhưng dường như công tác thứ hai có phần tích cực hơn.

Cái mới trong sáng tác được thực hiện ở cả hai mặt, hình thức lẫn nội dung. Về hình thức: chối bỏ vần điệu, sáng lập cách ngắt câu, và nghiêng nhiều về trang trí. Về nội dung: bí hiểm hóa suy tư và cảm xúc, đồng thời dùng một số chữ vốn được nhìn là thô, sượn.

Đội ngũ các anh chị làm mới thi ca tại hải ngoại chưa được đông đảo và hình như còn quá ít những người có thực tài.

Thơ trong nước cũng có sự đổi mới tương tự. Nhưng số người góp sức có phần ít hơn và cung cách đổi mới cũng chừng mực hơn.

c) Thơ Việt ở hải ngoại dù được sáng tác, in ấn ồn ào nhưng rõ ràng đã bị độc giả bỏ rơi hoặc tệ hơn thế nữa. Thơ trong nước, theo vài tin đáng tin cậy, từ bạn bè, đỡ hơn.

- Thơ VN, dù trong nước hay ở hải ngoại quả cần phải được làm mới cả nội dung lẫn hình thức.

Nhưng dù lột xác đến đâu, đã là thơ, theo tôi, căn bản phải tạo được sự thông cảm giữa người sáng tác và giới thưởng ngoạn. Có lẽ, thơ không nên đi quá gần đến lãnh vực hội họa, để giữ được cái khoái là đọc thơ, nghe thơ hơn là nhìn thơ, ngắm thơ. Và không nên đi cùng đường với các nhà thiết kế quần áo, thời trang trình diễn.

NGUYỄN QUÍ ĐỨC

1a. Về văn học Việt Nam hải ngoại, phần Việt ngữ.

Trong 20 năm qua có nhiều truyện ngắn, dài, hồi ký, v.v..., quan trọng và đặc sắc, viết về một số đề tài nhất định: chiến tranh, kinh nghiệm cộng sản, cải tạo, vượt biên, tị nạn và hoài niệm quê hương. (Kinh nghiệm xung đột/đáp ứng văn hóa cũng hay nhưng có lẽ ít thu hút hơn - có lẽ vì người viết còn quá gần với kinh nghiệm của mình, hoặc viết cho một số độc giả hạn chế, cùng kinh nghiệm, hiểu biết, định kiến và văn hóa với tác giả.)

Văn học Việt Nam hải ngoại là một kho tàng ghi lại kinh nghiệm người Việt trong khoảng 50 năm qua - nói như vậy không có nghĩa là nền văn học này chỉ mang giá trị xã hội/lịch sử mà không có giá trị văn chương, nhưng văn chương hay một phần là vì ghi lại và soi sáng được kinh nghiệm đặc biệt đó.

Trong mấy năm qua văn học Việt Nam hải ngoại dường như sa sút, phải chăng vì giới viết văn ở trên một lứa tuổi nào đó đã thôi không muốn viết về những đề tài nêu trên nữa và chưa quyết định là họ sẽ viết về đề tài nào khác?

1b. Về cố gắng của những người viết bằng Anh ngữ nhưng mang tâm hồn Việt Nam

Số người trẻ viết bằng Anh ngữ còn ít. Chưa có mấy ai thực sự viết được nhiều, hoặc viết được gì thật xuất sắc. Ngoại trừ một vài sáng tác rải rác thật hay, lứa trẻ có lẽ chưa có đủ kinh nghiệm sống và họ vẫn còn phải dùng đến kinh nghiệm của giới lớn tuổi để làm đề tài mà viết. Do đó, họ vẫn còn dùng đến (và bị vướng vào) những đề tài nêu trên, và điều đó đôi khi được hiểu là họ viết từ một tâm hồn Việt Nam. Dường như họ viết vì thích ngành viết lách hơn là vì có ấm ức thúc bách.

Trong vài năm tới, chắc rằng sẽ có người viết tiếng Anh thành công trong việc rút tỉa những nhận xét mới về kinh nghiệm của người Việt, hoặc họ sẽ viết về những điều gần gũi, trung thực hơn với kinh nghiệm của họ, gồm cả những kinh nghiệm không liên quan đến nguồn gốc Việt Nam của họ.

Giới trẻ có lẽ dễ thoát ra khỏi những cliché và thành kiến của lớp trên. Họ có thể nhìn các vấn đề một cách "độ lượng" và bình thản hơn. Giới trẻ viết tiếng Anh tất nhiên mang ảnh hưởng của môi trường họ sống, và suy nghĩ khác hơn những gì đã được phản ánh trong văn học Việt Nam Hải Ngoại phần Việt ngữ.

Họ sẽ thu tập được những kỹ thuật mới, họ mang ảnh hưởng của Borges và Carver nhiều hơn của Nguyễn Du, Kim Dung, Sartre và Proust. văn phong họ sẽ khác. Họ cũng sẽ gần gũi hơn với ý kiến, phản ứng và đòi hỏi của thị trường, giới biên tập, và người đọc tại nơi họ sống.

2. Hội nhập văn học Việt Nam hải Ngoại và văn Học xứ sở địa phương.

Các nhà văn VN hải ngoại còn nằm trong bóng tối vì thiếu người đủ "thế lực" ảnh hưởng ngoại giới dịch và lưu tâm đến các các tác phẩm của họ. Những cố gắng gần đây sẽ thay đổi điều này phần nào; hy vọng các chương trình Việt học đang bành trướng sẽ gây dựng được một lớp người dịch và nghiên cứu những tác phẩm của 20 năm qua để có những phân tích và xác định về kinh nghiệm đó của người VN. Tuy nhiên, những chương trình giảng huấn về người di dân vẫn bị lép vế so với những chương trình giáo dục về văn hóa, lịch sử, văn học của một nước nào đó. (Vietnamese-American Studies sẽ không chiếm được chỗ đứng quan trọng như Vietnamese Studies trong các giảng đường và ngân sách đại học)

Những người đang cố gắng đưa văn học VN hải ngoại ra công chúng rộng lớn vẫn phải bị lép vế so với những nỗ lực lưu tâm đến văn chương trong nước, văn chương của kẻ thù cũ, v.v, Trong tương lai, người Việt hải ngoại

vẫn sẽ gặp khó khăn khi muốn có được một vai trò quan trọng trong các nhà xuất bản, các hệ thống in ấn và xuất bản sách tại các nước định cư để tạo một chỗ đứng đúng đắn cho văn học VN hải ngoại trong nền văn học ở xứ định cư. Nếu có người VN làm biên tập cho các nhà xuất bản lớn, họ cũng sẽ có những nhu cầu và đòi hỏi khác, họ sẽ phải có lối nhìn, những lưu tâm, vượt quá sự kiện họ là người Việt hoặc người gốc Việt.

Hiện có một vài người VN dỗ đạt cao, được tuyển chọn vào dạy văn chương ở các Đại học. Nhưng chưa đủ để họ có thể gây ảnh hưởng tích cực.

3. Chỗ đứng của người Việt Nam cầm bút trong văn học thế giới.

Mặc dù có nhiều người Việt hải ngoại viết nhiều, viết hay, và đáng được nhìn nhận trên văn đàn thế giới, số tác phẩm dịch ra ngoại ngữ còn rất ít. Cũng có những trường hợp như Naguib Mahfouz hay Kenzabo Oe, nhưng đó là ngoại lệ. Những nơi như Anh và Pháp quốc dường như thường hay lưu tâm tới văn chương ở những nước thuộc địa như Ấn Độ, Canada, Algerie, v.v. Người Việt hải ngoại, nhất là Mỹ, không có được sự lưu tâm đó.

Trên thực tế, ở nước ngoài một tên tuổi văn chương tùy thuộc vào nhiều yếu tố. Sách bán có chạy hay không? Nhà văn quen biết những ai quan trọng? Nhà văn có vui vẻ lên đài truyền hình, nói chuyện với báo chí hay không? Điều này không phải chỉ áp dụng cho những người viết truyện tầm phào, best sellers...

Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Linda Lê, Phạm Thị Hoài... có tác phẩm tiếng Anh, tiếng Pháp. Họ viết hay, viết giỏi, nhưng có lẽ phần nào họ được chú ý vì họ sống và tác phẩm của họ ra đời trong một thời điểm đặc biệt. Thị trường, thị hiếu nhất thời trên thế giới cũng có ảnh hưởng về sự có mặt của họ trên văn học thế giới. Khó quả quyết rằng họ sẽ tồn tại trong văn học thế giới lâu dài như Proust hay Hemingway.

Trong thời gian 15, 20 năm tới rồi sẽ có người VN cầm bút có được chỗ đứng trong văn học thế giới, và có thể họ sẽ dành được chỗ đứng ấy với những tác phẩm viết về kinh nghiệm của người Việt. Nhưng họ sẽ những nhà văn gốc Việt viết tiếng Anh/Pháp/Đức, không khác gì Philip Roth gốc Do Thái và V.S. Naipaul gốc Ấn Độ, tức là một vài cá nhân xuất chúng bất kể nguồn gốc. Họ sẽ có chỗ đứng trong văn học thế giới vì họ là những cây bút hay, giỏi, đề tài và nguồn gốc sắc tộc của họ là điều phụ.

Số người VN sinh hoạt trong lĩnh vực văn học ở các xứ định cư vẫn còn quá hạn hẹp để có thể gây ảnh hưởng tiếng tăm gì đáng kể trong tương lai gần.

VŨ HẠ

- Lúc này anh có còn tham dự các sinh hoạt về kịch không? Hoạt động nào đáng kể?

- Không phải bây giờ và ở hải ngoại mà ngay cả trước năm 1975 và trong nước, mọi sinh hoạt về kịch, nhất là thoại kịch, rất giới hạn.

Sự giới hạn này do nhiều yếu tố.

a) Yếu tố nội tại: người viết, kịch bản, diễn viên, đạo diễn, chuyên viên...

Trong sinh hoạt văn học nghệ thuật Việt Nam, chúng ta có rất nhiều nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, điêu khắc gia đã và đang đóng góp sáng tác của mình bằng một số lượng rất lớn. Trong khi đó, những người sáng tác kịch rất hiếm hoi. Thời tiền chiến với những Vi Huyền Đắc, Nguyễn Đình Thi, Khái Hưng..., sau 1954 cũng chỉ có vài người như Dương Kiền, Trần Lê Nguyễn, Nghiêm Xuân Hồng, Phan Tùng Mai, Doãn Quốc Sĩ và Vũ Khắc Khoan. Các vị này giờ đây đã ngưng sáng tác. Riêng kịch tác gia Vũ Khắc Khoan thì đã qua đời năm 1986.

Với số người viết kịch ít ỏi đó chúng ta chỉ có một số lượng kịch bản - đã in ấn - thật khiêm nhường. Tóm lại, muốn làm một kịch mục (repertoire) thì chúng ta cũng chỉ có trên dưới hai mươi kịch bản. Với số kịch bản này - mà phần nhiều mang tính cách văn học - khó để người yêu kịch - hiểu theo nghĩa là người muốn dựng kịch - làm nổi một mùa kịch thật sự.

Ngoài vấn đề kịch bản khan hiếm như nói trên, chúng ta còn gặp nhiều trở ngại về nhân sự như: đạo diễn, diễn viên, chuyên viên...

Ở hải ngoại, có nhiều bạn trẻ đã tốt nghiệp ngành đạo diễn, nhưng hầu hết chọn ngành đạo diễn điện ảnh. Mặc dù hai ngành này hơi giống nhau, nhưng sự khác biệt không phải nhỏ. Về vai trò diễn viên cũng thế, các bạn trẻ ít chú tâm về kịch nghệ mà chỉ chuyên tâm về điện ảnh, tuy nhiên, dù sao hai bộ môn diễn xuất này cũng gần nhau và họ có thể hội nhập vào cả hai môi trường. Trở ngại lớn nhất cho các diễn viên trẻ là "ngôn ngữ". Xin nói rõ, không phải ngôn ngữ chuyên môn mà là "Việt Ngữ". Các bạn trẻ đã không trao dồi Việt ngữ nên có phần khó khăn khi đứng trên một sân khấu kịch hoàn toàn Việt Nam.

Còn vấn đề chuyên viên? Chúng ta cũng có rất nhiều chuyên viên về âm thanh, ánh sáng, y phục, hóa trang, trang trí, quản diễn sân khấu...nhưng các bạn này phần đông đã hội nhập vào dòng sinh hoạt Hoa Kỳ nên không có thì giờ tham gia vào môi trường Việt Nam.

b) Yếu tố ngoại giới: nhà đầu tư hay cũng còn gọi là nhà sản xuất

(producer), rạp, khán giả...

Vấn đề cốt lõi cho mọi việc, là Tài Chánh. Trước khi muốn dựng một vở kịch hay một đêm trình diễn, phải có tiền để thanh toán mọi chi phí: mướn chỗ tập dượt; thuê rạp; thuê an ninh; bảo hiểm; mua sắm y trang; thuê người thực hiện cảnh trí; cung cấp phương tiện di chuyển, ẩm thực hàng ngày cho diễn viên, nhân viên; son phấn; quảng cáo; in vé, in chương trình...Cả trăm thứ tốn kém, mà thứ nào cũng cần phải có "tiền tươi".

Hai vấn nạn nữa: tìm diễn viên và khán giả.

Diễn viên thì dù sao cũng tương đối dễ. Nhiều anh chị có nhiệt tâm sẽ đến hợp tác. Nhưng cái khó nằm trong việc phân phối vai (casting). Thí dụ như dự định dựng vở *Thành Cát Tư Hãn* của Vũ Khắc Khoan đã bị trì hoãn nhiều lần vì không tìm được người đảm trách vai Sơn Ca! Ngoài ra, những diễn viên mới (chưa có tên tuổi) không đủ hấp lực để lôi cuốn sự chú ý của khán giả. Và quan trọng nhất là khán giả!

Kịch, có một đời sống. Đời sống đó là được thực hiện, dàn dựng trên sân khấu với sự hiện diện của khán giả.

Khán giả của kịch phần đông là những người ở lứa tuổi bốn mươi trở lên. Lớp tuổi này có nhiều ràng buộc về đời sống, vì thế họ có rất ít thì giờ rảnh để tham dự vào các sinh hoạt kịch nghệ.

Vả, khán giả Việt Nam chưa quen với lối dàn dựng và "không khí thoại kịch". Họ đã đồng hóa "kịch" với những màn "tấu hài", những vở cải lương hay những kịch hời hợt thường được trình diễn trong các đại nhạc hội, nên rất ngỡ ngàng khi tham dự vào những buổi trình diễn các vở kịch có tầm vóc. Tóm lại, "thoại kịch" chưa được đám đông khán giả Việt Nam hưởng ứng.

Tuy thế, tôi xin nói là dù với những khó khăn nêu trên của bộ môn thoại kịch Việt Nam hải ngoại, chúng tôi cùng một số bạn bè, trong đó có đạo diễn Nguyễn Minh Phương, và các diễn viên như Việt Hùng, Mai Phương, Mai Khanh, Bảo Ân, Vũ Khanh, Anh Dũng và những mạnh thường quân như Giáo sư Trần văn Ân, Luật sư Đỗ Đức Hậu...vẫn cố gắng đẩy mạnh phong trào kịch bằng những hoạt động hạn chế.

Trong hai năm qua, Kịch Đoàn Việt Nam đã cố gắng, do công của anh Nguyễn Minh Phương - vừa trong vai trò đạo diễn kiêm nhà sản xuất - đã dựng được hai vở *Lôi Vũ* và *Yêu*. Tuy tài chánh không thuận lợi, nhưng ít ra cũng đã gây được ít nhiều tiếng vang trong cộng đồng.

Trong mùa kịch năm nay Kịch Đoàn Việt Nam sẽ cố gắng dựng vở *Sân Khấu Về Khuya*, và trong dự định - một vài kịch ngắn của Vũ Khắc Khoan như *Thằng Cuội Ngồi Gốc Cây Đa, Những Người Không chịu Chết* hay *Ga Xép*. Chúng tôi cũng đang dự tính chuyển truyện dài *Viết Lên Trời Xanh* của

nhà văn Hoàng Khởi Phong thành kịch. Hy vọng rằng dự định không phải là dự định xuông.

-Anh có nhận xét gì về nền kịch nghệ Việt Nam hải ngoại. Bi quan hay lạc quan?

- Nền kịch nghệ Việt Nam hải ngoại còn trong vòng thăm dò và tạo dựng. Những sinh hoạt thuần túy thoại kịch rất hiếm vì những khó khăn mà tôi vừa đề cập. Nhưng vì được tiếp xúc với những sinh hoạt kịch tại các sân khấu Hoa Kỳ chúng tôi đã học hỏi được rất nhiều. Và dựa trên các kinh nghiệm đó chúng tôi sẽ cố gắng vượt qua các trở ngại để đẩy mạnh phong trào kịch tại hải ngoại.

Cụ thể , trong tháng 10, 1977 vừa qua, chúng tôi đã cho thử nghiệm một công thức mới. Một buổi nói chuyện bỏ túi về đề tài Kịch Nghệ Việt Nam Từ Đào Tấn Đến Nguyễn Thành Châu và Vũ Khắc Khoan, và kết thúc bằng một trích đoạn vở *Sân Khấu Về Khuya* của Nguyễn Thành Châu do anh Nguyễn Minh Phương viết lại và đạo diễn tại phòng Sinh Hoạt Người Việt đã được sự ngợi khen của khoảng hơn trăm người hiện diện. Sự khích lệ đó sẽ là lực đẩy cho những buổi sinh hoạt bỏ túi với những đề tài chuyên kịch và có thể một lớp huấn luyện diễn viên và Nhóm Bạn Yêu Kịch sẽ được thành hình. Xin nói rõ, "yêu kịch" mang tính cách hai chiều gồm cả những người dựng kịch và những người xem kịch. Bên cạnh đó, các buổi hội thảo về sáng tác kịch cũng sẽ được tổ chức để gây hứng khởi cho những người viết kịch.

Thành quả nêu trên cho chúng tôi một cái nhìn lạc quan về một sự hình thành khả thể của sinh hoạt kịch Việt Nam hải ngoại.

Tóm lại, lúc nào chúng tôi cũng lạc quan. Lạc quan cho đến lúc nào không thể còn lạc quan được nữa thì sẽ đành phải bi quan vậy.

- Xin cho biết ý kiến về sinh hoạt kịch trong nước. Có sự khác biệt nào?

- Cách đây vài năm, nhà xuất bản Tân Thư có ấn hành tuyển tập kịch *Xuân Hồng* của nhà văn còn ở trong nước Nguyễn Huy Thiệp. Trong khi đó chúng tôi nghe nhiều về Lưu Quang Vũ, thế mà trong tay chúng tôi chỉ có được hai vở: *Hồn Trương Ba Da Hàng Thịt* và *Bệnh Sĩ.* Lưu Quang Vũ mất khi còn rất trẻ thế mà đã để lại hơn năm mươi vở kịch vừa ngắn vừa dài, và theo các tài liệu thì các vở kịch này đã được trình diễn cả ngàn buổi. Nếu những con số ghi nhận được là đúng thì quả thật sinh hoạt kịch nghệ trong nước có phần lấn lướt hơn ở hải ngoại. Điều đó cũng không có gì là phản lý vì trong nước có bẩy mươi lăm triệu người cùng nói tiếng Việt. Và nếu sân khấu là một nơi chốn đặc biệt thì ở Việt Nam nơi chốn nào cũng là tụ điểm

của người Việt Nam. Và vì thế sự sinh hoạt kịch nghệ có phần dễ dàng hơn. Ngoài ra, với phong trào phim video hiện nay, sân khấu thoại kịch sẽ lôi cuốn nhiều diễn viên vì đó là điểm tiến dễ dàng đưa diễn viên vào video và phim ảnh. Sự sinh hoạt này sẽ thúc đẩy nhiều người viết kịch cũng như là môi trường tốt để các chuyên viên có nơi hoạt động.

Ở hải ngoại, chúng ta bị chi phối rất nhiều về hoàn cảnh địa dư và nhân sự. Những tụ điểm đông đảo người Việt là nơi chốn của nhiều hình thái sinh hoạt: khiêu vũ, ra mắt sách, ra mắt băng nhạc, hội hè, tiệc tùng, cưới hỏi, ăn nhậu, cờ bạc...nên một sân khấu kịch thật là hiếm hoi. Hơn nữa, như đã nói, người làm kịch chưa đáp ứng được sự hưởng ứng của khán giả.

Do đó, nếu phải so sánh sinh hoạt kịch giữa trong và ngoài nước thì hải ngoại còn phải cố gắng nhiều.

NGUYỄN XUÂN QUANG

1) Tình trạng sáng tác của tôi hiện nay rất đều. Một ngày trung bình viết được khoảng hai tiếng. Công việc và đời sống đã được thu xếp lại để dồn tất cả vào việc viết lách. Trở ngại chính vẫn là thiếu thì giờ. Mất khá nhiều thì giờ vào Tờ Y Học Thường Thức nên đã phải quyết định giảm xuống hai tháng ra một số. Dự định trong nay mai sẽ cho xuất bản quyển "Sự Liên Hệ Giữa Việt Ngữ và Ấn Âu ngữ". Đã viết xong và đang viết bản Anh ngữ. Hy vọng trong vòng sáu tháng tới ra mắt được. Các quyển về Cổ sử Việt Nam, về Trống Đồng, về Nguồn Gốc Ngôn Ngữ Nhân Loại... đã viết nháp xong đang đợi có thì giờ cắt xén lại.

2) Thú thật với anh, trong thời gian gần đây vì để dứt điểm mấy quyển sách nên tôi không đọc nhiều. Hình như cũng không thấy có hiện tượng nào làm "nổi sóng" văn học cả?

3) Tôi vẫn tin tưởng là sẽ có những khám phá, sáng tạo lớn của văn học hải ngoại nhất là về mặt khảo cứu. Giới cầm bút "nửa tẻ, nửa nếp" sống khỏe, sống mạnh được cả hai thế giới Việt và "quê hương thứ hai" có nhiều triển vọng làm được một chút gì cho văn học Việt Nam cũng như cho nền văn hóa nơi quê hương thứ hai của họ đang sống. Các cây bút trẻ sinh đẻ ở hải ngoại không rành nhiều tiếng Việt thì không có chuyện "thừa kế" đặt ra...

HOÀNG MAI ĐẠT

1) Đây là câu hỏi mà tôi sợ nhất, như phụ nữ sợ bị hỏi tuổi và cân nặng, như đàn ông sợ bị hỏi về kích thước dài hay ngắn. Trong những năm qua tôi

sáng tác rất ít, mặc dù ngày nào nguồn cảm hứng cũng có lúc dâng cao, thôi thúc tôi phải viết, phải sáng tác. Thế nhưng sức lực của tôi có giới hạn. Sau một ngày làm việc đặc 9, 10 tiếng đồng hồ trong sở làm, rồi sau đó bận bịu với các con còn nhỏ, tôi hầu như không còn "xí quách" để trở về với thiên chức của nhà văn. Như một người có hai cô vợ, hết nửa ngày nằm với cô này thì chắc không thể nào còn sức để nằm với cô còn lại, nhất là khi cô thứ nhì lại rất khêu gợi và đòi hỏi một sức lực dồi dào. Mỗi đêm nằm ngủ, tôi vẫn ray rứt vì tôi chưa viết được một chữ nào cho những câu chuyện còn mãi hình thành và biến chuyển trong đầu của tôi. Đây là tình trạng vào lúc này của tôi. Hy vọng trong những ngày sắp tới, tôi sẽ tìm được một giải pháp thỏa hiệp nào đó, để tăng cường sinh lực và ào ào phục vụ hai cô vợ mà không biết mệt (nên uống một chai thuốc malefort ngọc ngưu bò đực chăng?). Tất cả cũng chỉ vì tôi lỡ biết sáng tác, và giờ đây viết là điều cần thiết trong đời sống của tôi.

2) Vấn đề quan trọng nhất đối với tôi là sáng tác, là diễn đạt được ý tưởng của mình bằng chữ nghĩa, và tất cả những vấn đề văn học khác đều không quan trọng bằng. Mỗi tác phẩm của tôi đòi hỏi tôi phải sống trọn vẹn với nó với hết tâm tư và xúc cảm của mình, và nếu tôi dành thời giờ để "theo dõi" tình hình văn học tại hải ngoại, ở trong nước, tại Phi Châu hay ở Nam Cực, tôi sẽ không sống được và hiểu được "hiện tượng văn học" của chính mình. Theo ý kiến của tôi (nhất là sau khi uống vài chai bia Michelob), thiên chức của nhà văn là sáng tác, chứ không phải là làm "mật thám" và rời bàn viết của mình, để quan sát mấy người viết ở California hay ở Sài Gòn họ đang làm cái gì, viết hay dở ra sao, đang theo trường phái nào và đang nhậu nhẹt ở đâu.

Những nhà phê bình, độc giả và những chủ nhiệm báo văn học có thể cần nhận xét về tình trạng văn học ở khắp nơi, cần thắc mắc tại sao phái nữ đang viết nhiều hơn phái nam, cần biết tại sao đề tài này (sex chẳng hạn) đang được viết đến nhiều hơn đề tài kia (bia Michelob), vân vân và vân vân. Sự quan tâm của họ đến tình hình văn học hải ngoại sẽ cần thiết hơn đối với họ, chứ không cần thiết đối với người sáng tác. Đối với một người viết như tôi, tác phẩm của mình là quan trọng hơn hết, và nếu tôi không viết được, không vật lộn được với chính tôi trong cuộc chiến sáng tác đầy riêng tư, thì tình hình văn học ở những nơi khác chỉ là một sự phân tâm không cần thiết. Như một người lính đang rơi vào một trận đánh, tôi cần cầm súng và đối đầu với bóng tối đang đe dọa ở trước mặt, chứ tôi không cần phải nghĩ đến chiến lược toàn diện mà vô số người như tôi đang lâm vào.

2) Sáng tác đi liền với cuộc sống của con người. Nếu ngày nào còn người Việt sống ở hải ngoại, ngày đó người Việt hải ngoại vẫn sáng tác và vẫn có "văn học". Những cây bút mới gốc Việt đang thừa hưởng cả hai di sản văn hóa của Việt Nam và của thế giới. Họ sẽ viết gì và viết như thế nào là chuyện riêng của mỗi người. Tôi không thể nói cho những tác giả khác và vai trò của họ trong tương lai của văn học Việt Nam hải ngoại. Riêng tôi, tôi sáng tác không phải vì tôi cảm thấy có trách nhiệm phải bảo tồn và phát huy văn hóa Việt Nam, mà vì tôi cần bày tỏ nỗi niềm riêng của tôi về cuộc sống chung quanh, bằng chữ nghĩa. Sáng tác bằng tiếng Việt hay bằng tiếng Anh không quan trọng, miễn là tôi giãi bày được đến tận cùng nỗi ưu tư với hết tấm lòng của tôi (trước khi tôi "xỉn" vì mấy chai bia Michelob).

TRẦN LONG HỒ

1) Trong thời gian gần đây, phải nói rõ là từ năm vừa rồi, 1996, tôi vẫn viết đều nhưng càng ngày tôi cảm thấy, tôi thiếu nợ tôi càng nhiều. Nợ chồng chất đến độ ngập đầu khiến tôi không trả nổi. Đó là cái nợ văn chương, nói rõ hơn, tôi thiếu nợ tôi nhiều truyện ngắn, vài truyện dài, bộ trường thiên, biên khảo về y học, trà, Lão Tử và Đạo Đức Kinh,... và mới nhất, Web và internet.

Từ đó, tôi cảm thấy ngày tháng ngắn lại, thời gian đi nhanh quá, vùn vụt. Thư từ của bạn hữu, thân nhân đến càng nhiều, ngất ngưởng trên bàn làm việc.

Tôi phân chia thời giờ cho việc làm, gia đình, và sáng tác. Công việc của ngành y khoa không ảnh hưởng nhiều đến chuyện sáng tác, vì cả hai, y học và văn chương đã gắn liền với tôi từ mấy thập niên qua. Nếu y học cản trở chuyện sáng tác thì tôi đã không viết từ lâu rồi. Trái lại, chuyện hành nghề y khoa, đối với tôi, ủng hộ cho việc sáng tác rất nhiều. Hai công việc khám bệnh và viết đã quyện với nhau rất hài hòa, tôi không cần phải cố gắng sắp xếp gì cả. Hai thứ đi đôi với nhau hết sức thân thiện trong cuộc sống hàng ngày. Buông chuyện khám bệnh ra, tôi ngồi xuống viết ngay. Ngừng viết, tôi trở lại khám bệnh thật dễ dàng. Tôi không biết phải cám ơn ngành điện toán như thế nào cho tương xứng, "đánh bài vào máy" thật dễ dàng và tiện lợi hơn "viết bài trên giấy" quá nhiều.

Dự định của tôi trong thời gian lại quá nhiều. Tôi cảm thấy sợ với những dự tính của chính mình. Tôi không biết phần đời còn lại của mình có đủ để tôi viết những điều mà mình dự tính hay không?

Những truyện ngắn huyền thoại đặt nền tảng trên Đạo Đức Kinh của Lão Tử, ngày qua, chồng chất càng nhiều. Những truyện ngắn do khung

cảnh xã hội và đời sống mang lại càng ngày càng đầy ắp. Những bố cục của mấy truyện dài, những sắp xếp của bộ trường thiên Dung Thân cứ thúc bách tôi hàng ngày. Bài viết về y học nhắc nhở tôi liên tục. Biên khảo về trà trách móc tôi từ nhiều năm qua. Những trang web của Minh Văn trên internet lôi cuốn quá khiến tôi không dừng lại được.

Như thế, tôi mong rằng, tôi sẽ sắp xếp được thời giờ để từ cuối năm nay và những năm sắp tới, những tập truyện ngắn huyền thoại và xã hội sẽ lần lượt ra đời, bộ trường thiên Dung Thân sẽ bước đều, bài viết y học cũng tiến bước, biên khảo về trà cũng nhúc nhích được, biên khảo về Lão Tử và Đạo Đức Kinh cũng lên đường.

Tôi xin nói qua một chút về đề tài truyện ngắn huyền thoại. Đây là những truyện ngắn được thực hiện với bối cảnh quá khứ thật xa hay gần đây. Chuyện xưa nhưng cưu mang những vấn đề luôn mới đối với con người và đời sống. Cốt tủy của truyện đặt trên nền tảng Đạo Đức Kinh của Lão Tử. Những điều cốt yếu của loạt truyện ngắn huyền thoại được tôi gởi gấm rất nhiều trong truyện ngắn "Sư Phụ". Đáng tiếc là có một số người đọc tuy có thấy nhưng chỉ thấy loáng thoáng và hiểu mơ màng. Hãy đọc truyện ngắn huyền thoại thật chậm và động não. Có những câu hay vài chữ trong đó đáng để chúng ta suy ngẫm cả một đời. Một vài người, độc giả và văn hữu, lấy giáo lý Phật để bàn về truyện ngắn huyền thoại của tôi. Làm như thế là gây đau lòng cho tác giả lắm.

2) Tình trạng sinh hoạt văn học hải ngọai trong năm qua vẫn mang nặng tính "sắc tộc" như những năm trước với sự tồn tại của rất nhiều "bộ lạc" (tôi không muốn dùng chữ "ghetto").

Bắt đầu từ những bài tổng kết sinh hoạt văn học của năm trước, thường được đăng vào đầu năm. Người viết tổng kết đeo nặng xiềng xích của quan điểm chính trị, cưu mang chình chịch tình bạn và thâm thù; hay nhẹ hơn, lấn cấn vì lập trường chính trị, nhằng nhì trong tương quan tình cảm thương ghét, rồi đi quẩn quanh ở các lối mòn trong "bộ lạc" của mình. Vì thế vài viết tổng kết chỉ là bài nối tiếp và tỏ bài những tồn đọng của bao nhiêu hằn học, bực bội, hay thắc mắc trong năm mà chưa có dịp nói ra hết.

Sinh hoạt văn học năm qua có phần cởi mở và dễ thở hơn những năm trước, tuy nhiên, nó vẫn tiếp nối sắc màu u uẩn của những vòng rào bộ lạc lạnh lùng và im ỉm. Người của sắc tộc nào thì vảng lai ở những túp lều hay mái tranh của mình, thỉnh thoảng có người đi lạc qua bộ lạc khác, được sự hoan nghênh của những tù trưởng và các bô lão. Nhìn lại, trong sinh hoạt văn học năm qua không còn những chiến địa hãi hùng như những năm trước

mà chúng ta còn kinh khiếp vì tiếng phèn la, trống trận, và âm ba của đao kiếm hay những tiếng thét cuồng nộ. Các bộ lạc thôi đánh nhau. Mặc dù các vòng rào còn đóng cửa nhưng trên đó, chúng ta thấy có trương bản của những sắc tộc khác mà những bộ lạc đó, trước kia, tưởng chừng như kẻ thù.

Trong số người viết trong năm qua vẫn thiếu vắng những bóng dáng xa xưa. Những người viết trước năm 1975 ở quê nhà vẫn còn im lặng. Những bô lão trong văn học vẫn còn uể oải. Trong khi đó, những người trẻ trong lớp tuổi lớn lên ở hải ngoại đang xung phong. Những người viết trẻ mang tên Việt hay Việt Mỹ đang rầm rộ lên đường. Trong bài viết, họ nêu lên những suy nghĩ mới, cách viết mới. Tôi mong mỏi rằng những người viết trẻ hãy viết rặt ròng chữ Việt, để độc giả khỏi tủi thân khi đọc một bài viết tiếng Anh do một tác giả Việt Nam, lại đăng trên một tờ báo văn chương Việt. Ở điểm này, chúng ta không nói đến những bài chuyển ngữ từ Việt sang Anh, hay do chủ trương của tờ báo muốn phổ biến các bài viết đến những người Việt trẻ không thông chữ Việt. Chúng ta nhận thấy rằng các tờ báo văn chương ở hải ngoại đã có công rất lớn trong sự vun bồi những mầm sinh hoạt văn học. Các vị trong ban chủ trương đã tạo đất cho sinh hoạt văn học xin hãy duy trì công việc tốt đẹp này. Bởi vì, chúng ta nhận thấy, hình như có sự bộc phát... nhưng đừng rụi tàn.

3) Điều đáng sợ nhất cho người tham gia trong sinh hoạt văn học Việt Nam hải ngoại, người viết và người đọc, là sự tàn lụi của tiếng Việt dần dần trong đời sống thường ngày. Không chỉ xảy ra ở những trẻ nhỏ mà chính ở chúng ta, có khi đang suy nghĩ hay nói về một vấn đề gì, bất thần quên phứt một chữ Việt rất thân quen mà ta thường dùng. Nếu cái nguy cơ ấy xảy ra thường xuyên hơn, không chỉ ở một mà nhiều người, không chỉ ở lớp tuổi này mà nhiều lớp tuổi khác, như thế, đáng sợ lắm.

Kế tiếp là sự xâm lấn của truyền thông, phim ảnh, video, audio, và ghê gớm nhất hiện nay là mạng lưới web trên internet. Càng ngày, không chỉ ở người Mỹ mà còn xảy ra cho rất nhiều người Việt, người ta bỏ nhiều thì giờ hơn cho máy điện toán, cụ thể là internet, rõ hơn là mạng lưới toàn cầu, web. Bây giờ, người ta làm mọi việc trên máy điện toán, qua internet. Ngoài internet, người ta phải xem truyền hình, xem video, nghe nhạc,... Thì giờ cho sách vở không còn nhiều nữa, người ta đọc báo loáng thoáng, xem sách qua loa.

Bây giờ, tôi được hỏi rằng, có tin tưởng nào về sinh hoạt văn học hải ngoại trong tương lai và sự kế thừa của lớp trẻ. Câu hỏi trúng điểm quá làm tôi sợ và lo đến rúng động.

Bên cạnh những chuyện kể trên, tôi nhận thấy có một số chuyện nữa. Trong công việc hành nghề y khoa, tôi có dịp tiếp xúc nhiều trẻ em. Có em không nói được chữ nào, có em nói kiểu "ba rọi", có em chỉ nghe và hiểu được nhưng không nói được. Sau một thời gian, khi gặp lại, tôi ngạc nhiên vì các em nghe, nói, và hiểu được tiếng Việt khá rành. Tôi tìm hiểu mới biết rằng, có vài tác động đáng kể.

Tình trạng về nguồn với sự xuất hiện của giới trẻ mới định cư trong diện HO hay trong những đợt thuyền nhân gần đây. Sự va chạm văn hóa và tự ái dân tộc đã khiến các em đã hăng hái tìm một "Nơi Có Thể Quay Về".

Những đợt phản công của các lớp dạy Việt ngữ, băng nhạc karaoke với chữ Việt, băng nhạc nhi đồng như loạt video "Thế Hệ Trẻ", sự tràn ngập báo chí phát không,... Tôi biết có một em gái chín tuổi, chưa hề được cha mẹ dạy tiếng Việt hay đi học ở trường, nói rất rành tiếng Việt và đọc được chữ Việt. Một hôm, em cầm quyển sách "Chân Trời Lam Ngọc" của nhà văn Hồ Trường An, bèn mỉm cười và đọc "Trăn Trối Làm Ngơ". Em đọc sai nhưng ít ra cũng có lý do để sai.

Sự quan tâm và thúc đẩy của thế hệ hoa râm. Tôi biết có vài người bạn đã cương quyết đến nỗi, "đứa con nào nói được tiếng Việt mới được ăn cơm", "thằng rể hay con dâu tương lai nói được tiếng Việt mới được bước vào nhà",... Những điều này có hiệu quả lắm. Một em, là bệnh nhân cũ của tôi, trước kia không nói được tiếng Việt, bẵng đi bảy năm. Em trở về, nói và đọc tiếng Việt thật lưu loát. Bởi vì, em thương "con bé tóc đen" kia quá, bố mẹ cô bé ra điều kiện, em nói và đọc được tiếng Việt thì ông bà mới chịu gả con. Cũng may, "con bé tóc đen kia" còn giữ nề nếp Á Đông.

Nói chung, tương lai văn học hải ngoại và sự kế thừa của lớp trẻ tùy thuộc vào cuộc chiến đấu không hề mệt mỏi của chúng ta. Một sự chiến đấu và giành giựt từng phần đất và phần người. Kẻ thù không chân dung kia mới đáng kể. Xin các "bộ lạc" hãy phá vỡ vòng rào.

Cám ơn quí vị, anh Nguyễn Mạnh Trinh, và báo Hợp Lưu đã cho tôi có dịp tỏ bày những điều muốn nói. Kính cẩn.

TRẦN HOÀI THƯ

- Tôi hiện dốc toàn lực cho việc hoàn thành một truyện mới và tập thơ đầu tay dự trù in đầu năm sang năm. Riêng hai tập truyện đã in, *Ra Biển Gọi Thầm* xuất bản cuối năm 1995 (hết sau 5 tháng) và *Ban Mê Thuộc Ngày Đầu Ngày Cuối* mới xuất bản đã bán hết. Điều này nói lên sự cảm mến của độc giả dành cho những người viết trẻ trước 75 vẫn còn sâu đậm như thời trước 75, và cũng nói lên sự lạc quan của văn học hải ngoại. Riêng BMTNĐNC tôi

in 1000 cuốn, tự xuất bản, tự phát hành và đã bán hết sau 4 tháng, và nhu cầu đòi hỏi vẫn tiếp tục mạnh. (Xin hỏi nhà phát hành Alpha ở VA, hay nhà sách Xây Dựng ở Houston thì biết). Xin đừng nghĩ là tôi muốn khoe thành tích hay hiện tượng gì hết. Nhưng đó là sự thật để nói lên sự khao khát một tác phẩm viết và nói thay cho người đọc.

Tôi nghĩ rằng không thế hệ nào lại phải chịu đựng những trái núi oan nghiệt như thế hệ chúng tôi. Chiến tranh, tù tôi, sự chiến đấu để bảo bọc gia đình và dạy dỗ con cháu ở hải ngoại và cái thân tủi nhục của một thứ công dân hạng chót ở trong nước. Riêng về lãnh vực văn học, thì cả một bầu trời câm nín. Chúng ta không còn được đọc Dương Nghiễm Mậu hay Nguyễn Đình Toàn nữa... Nếu có là những bài thơ dấu tên của Khoa Hữu trong nước. Chính điều đó mới giúp tôi tiếp tục viết, và biết mình sẽ làm gì, phải ứng xử gì cùng ngòi bút của mình. Ít ra sách tôi xuất bản, tôi vẫn còn có tiền để gửi về để giúp đỡ bạn bè đồng đội của tôi. Bạn bè nói tôi viết về lính tráng, chiến tranh dễ tiêu thụ. Vâng, đúng vậy, tôi viết về họ thật và chỉ có họ mới xứng đáng để nhận lấy tấm lòng và ngòi bút trân trọng của tôi.

- Nghề nghiệp tôi liên quan đến điện toán và nhờ vậy tôi có cơ hội sinh hoạt với anh chị em trẻ qua những forum như Ô Thước, VHNT, hay Chat Live. Cứ lên trên Net, mới thấy sự sinh động và tinh thần yêu mến văn chương mẹ đẻ của họ. Hãy nhìn tạp chí điện tử VHNT mỗi tuần ra hai kỳ, với văn thơ, biên khảo, dịch thuật phong phú, hay tạp chí chuyên về thi ca Poetry Digest ra hàng tuần trên Internet mới thấy rỏ tinh thần yêu trọng văn chương tiếng Mẹ của lớp người trí thức trẻ.

Họ có thế giới riêng của họ. Cũng như chúng ta có thế giới riêng của chúng ta. Muốn tiếp họ, hãy đến với họ, ráng tập đánh dạng Vietnet, ráng chịu khó đóng tiền điện thoại... Đừng nói nhiều bằng lời, cũng đừng tin tưởng những gì mình viết trên các tập san văn học là sẽ có người đọc!

Như vậy, tôi có quyền hy vọng là lớp người này sẽ thay thế những người đi trước. Mặc dù 5, 10 năm nữa, chắc kỹ thuật về WEB, mạng lưới sẽ còn nhiều màn ngoạn mục nữa. Chừng ấy, sách in sẽ mất đi, nhường lại sách điện tử, hay sách Real audio... Điều này có thể xảy ra. Bởi vì cách đây 10, 15 năm, nào ai biết được một ngày những bàn máy đánh chữ, hay những hộc chữ trong nhà in, sẽ không còn chỗ đứng như hôm nay!

PHẠM CHI LAN

1) Thưa anh, lúc này vì bận rộn với công việc và mải lo cho tạp chí *Văn Học Nghệ Thuật* trên liên mạng mỗi tuần, nên tôi đã không còn nhiều thì giờ

để sáng tác nữa. Thỉnh thoảng vẫn có ý nhưng tìm được thì giờ rảnh không phải lo nghĩ đủ chuyện, tinh thần thư thả để viết sao mà khó tìm. Từ ngày mẹ mất, tôi bỗng bị rơi vào bế tắc, mặc dù có rất nhiều điều muốn viết, muốn bộc lộ bày tỏ về đời sống, cái chết, tình người, tình yêu, xã hội, và những nỗi bất hạnh của con người... nhưng có thể vì tôi sáng tác không đều tay nên khả năng cũng cùn lụt đi, tôi lại viết rất chậm, rất khó tính với chính mình, bản thảo và những truyện viết dở dang nằm trong hard disk thì nhiều nhưng chưa hoàn tất và không có ... can đảm phổ biến hay gửi cho các báo văn học, ngày tháng thì qua nhanh vùn vụt, tôi lo sợ thời gian bỏ mình đi, mà mình thì cứ ngồi yên một chỗ, nghĩ đến các bạn văn khác viết dễ dàng, sao mà thèm.

Về chủ trương VHNT trên internet, đến nay nó đã "chạy" được hơn 2 năm, nhiều vất vả và hao mòn tinh thần, nhuệ khí lắm ạ. Nó là một môi trường thử nghiệm làm báo rất lạ, như một vùng đất mới tìm thấy, đầy thử thách lẫn nhiều khám phá thú vị. Điều đáng nói về việc phát hành một tạp chí văn chương trên liên mạng là cái khả năng tiện lợi của internet: Bài gửi tới qua emails, không phải đánh máy lại, phát hành rất nhanh chóng, dễ dàng như chỉ bấm có một nút "Send" là đến tay nhiều độc giả khắp nơi, với vận tốc trong vòng vài phút, độc giả đã nhâm nhi "tờ báo" trên màn ảnh trong những giờ giải lao trong sở, sau lớp học, giờ ăn trưa...

Làm báo trên mạng còn được cái là không phải lo đến vấn đề tài chánh, đem đi in ấn, bưu phí, báo đi lạc bị trả về v.v. Tuy nhiên, ngoài cái tiện dụng của mạng, việc điều hành một mailing list cả mấy ngàn độc giả cũng tốn nhiều thì giờ và cũng nhiều nhức đầu khi phải đương đầu với các trục trặc kỹ thuật không suông sẻ, không kể việc chọn bài, đọc và sửa bài, liên lạc thư từ, trao đổi qua lại với nhóm biên tập, độc giả, người đóng góp... phát hành báo trên net cũng vất vả và tốn thì giờ hệt như các vị chủ bút những tờ báo dưới đất vậy. Không biết các báo dưới đất có nhận được nhiều thư feedback hay không, chứ báo liên mạng này thì nhận được khá nhiều e-mail hồi đáp của độc giả khen chê, góp ý kiến, phê bình, thư nặc danh chỉ trích, đủ cả ... có lẽ tại vì gửi email dễ và nhanh hơn là viết một lá thư tay bỏ bưu điện gửi đi, có khi lại phải nhờ toà báo chuyển đến tay người nhận, nên người đọc người ta siêng "trao đổi" hơn.

Thưa anh, cho đến nay, ngoài VHNT là tờ báo đầu tiên thử nghiệm trên net phát hành định kỳ, tôi chưa thấy có báo nào khác phổ biến theo kiểu gửi qua "mailing list" như chúng tôi. Có rất nhiều báo khác có homepages trưng bày bài vở giới thiệu, update hàng tháng một, nhưng VHNT vẫn chưa có bạn đồng nghiệp phát hành theo kiểu mailing list gửi định kỳ.

2) Xin phép trả lời anh theo cái nhìn và nhận xét của riêng tôi. Văn học hải ngoại đang phát triển và có chiều hướng loay hoay muốn làm mới nhưng chưa biết xoay hướng nào. Đó là một thái độ nhận thức rất tốt khi nhận ra mình đã già cỗi, cần học hỏi và cải tiến, nâng cao tri thức, cảm nhận về mặt nghệ thuật. Có lẽ ở nước ngoài, dân trí người VN cao hơn và có một trình độ thưởng thức khá hơn, nên khả năng tiếp thụ văn hóa xứ người đã giúp cho giới độc giả biết kén và chọn lựa một loại tác phẩm hợp với sở thích của mình, người ta có nhiều mặt hàng để người ta tha hồ chọn lựa, có quá nhiều món ăn tinh thần, đó cũng là cái khó khăn cho độc giả phải chịu khó đi "shop around" trên thị trường chữ nghĩa hải ngoại, quá nhiều cũng khiến người ta đâm ra bối rối, không đủ thì giờ để duyệt hết các mặt hàng tìm loại có phẩm chất.

Lớp lớn viết văn đã "nhẹ nhàng" hơn, hội nhập hơn, đề tài bớt khô khan và có vẻ cũng thích ứng với đời sống, văn hóa xứ người.

Còn lớp trẻ thì rất "trẻ", rất phóng khoáng, tự tin, tự do phơi phới vì không bị ràng buộc gì hết với quá khứ, thiên tả thiên hữu, cực đoan đầu này hay đầu kia, nên người trẻ viết dễ dàng và đề tài họ chọn thì không bị giới hạn, không chỉ viết về những mảng đời sống trong cộng đồng người Việt chung quanh, mà còn tưởng tượng lan xa đến đời sống con người những miền đất khác, văn hóa khác, đề tài của họ phong phú, đa dạng hơn các cây bút trong nước. Bối cảnh, khung cảnh ... có khi chỉ là cái cớ để thể hiện những suy nghĩ cảm nhận cái nhìn của người viết. Văn học vị nghệ thuật, hoặc có khi chẳng vị cái gì hết, có nhu cầu thì viết cho đã, vậy thôi. Không mục đích to tát, có khi lại vô tư và hay không ngờ. Các nhà văn trẻ như Nguyễn Quí Đức, Andrew Lam...đã chứng tỏ khả năng sáng tác của họ, họ là lớp trẻ đặc trưng cho văn học hải ngoại, họ có chỗ đứng không những trong văn học VN hải ngoại mà còn có thể len lỏi và văn học xứ người (vì họ còn sáng tác bằng Anh ngữ).

Tuy nhiên, khi lớp trẻ sáng tác bằng tiếng Việt (phần lớn) thì lại gặp cái trở ngại khó khăn là khả năng sử dụng ngôn ngữ chưa được thuần thục nên sự diễn đạt chưa thể hiện hết ý. Họ dùng từ có khi không đúng, hoặc đánh vần sai, hoặc trích dẫn các điển tích văn hóa, lịch sử không chính xác...Về mặt tiêu cực, tôi thấy văn giới VN hải ngoại quá cô lập và chia rẽ, có những khoảng cách khó có thể đến gần nhau, họ không sinh hoạt thân mật được với nhau để trao đổi, giúp đỡ khuyến khích, nên chưa thể đoàn kết để có một tiếng nói nào đó có tầm vóc với văn đàn thế giới trong thời gian này. Đó là một điều đáng buồn.

3) Thưa anh, tôi có rất nhiều hy vọng và mong ước cho giới trẻ, giới cầm bút và giới thưởng thức. Họ có lòng và tâm hồn họ mở rộng, phóng khoáng và bao dung. Họ biết học hỏi, biết tìm tòi, biết cải thiện, và biết lắng nghe ý kiến xây dựng của người khác. Những người mới, khởi sự bắt đầu viết là những người dễ thương nhất, khi họ gửi bài và rụt rè nhắn khẽ là "bài em còn dở lắm, chị xem lại thấy được thì đăng còn không thì bỏ qua bên nhường chỗ cho người khác...", đọc sao mà thấy thương. Ai viết văn mà cũng có cái tâm hồn khiêm tốn ấy, thì đỡ khổ cho các chủ biên (cười). Vâng, tôi nghĩ là có một thế hệ tiếp nối giữa lớp đàn anh và lớp trẻ, đó là thế hệ ... lưng chừng, không già mà cũng không trẻ lắm, họ cũng gánh trên vai một phần cái quá khứ đau buồn và một hiện tại mệt nhọc, nhưng họ không cưu mang ngày đêm và tự dằn vặt chính mình, không để cho sức nặng của quá khứ đè trĩu trên vai, họ cố đứng lên để tranh đấu, tìm một con đường, một hướng đi mới, rộng thênh thang, không bị gò bó và giới hạn, kềm chế bởi những áp lực tinh thần.

Tuy nhiên, tôi mong ước họ sẽ có cái đạo đức ngay thật của một người làm văn hóa, chân chính và thành thật, công bình, vị tha, không xuyên tạc, không tuyên truyền, không thiên vị.

Xin cảm ơn anh đã chiếu cố tới PCL, để tôi có dịp tâm sự.

LÊ THỨ

- Anh nghĩ gì về thơ VN hải ngoại ? Anh thấy có sự làm mới trong thơ hay không ?

- Tôi có đọc thơ Việt ngữ sáng tác ở hải ngoại qua vài tạp chí quen thuộc như Hợp Lưu, Thơ, Văn Học, Thế Kỷ 21, và đôi ba tập thơ, do đó các nhận xét sau đây có thể phiến diện.

Tôi thấy hình như ngày càng có nhiều người làm thơ đăng báo hơn. Ngoài cái hay là đông vui ra, với số lượng sáng tác lớn ta có nhiều hi vọng sàng lọc ra được châu ngọc chăng ? Tuy nhiên, cho đến giờ, việc gạn lọc (của người chọn đăng thơ và nhất là của người làm thơ) hình như còn gượng nhẹ lắm thì phải. Kể ra cũng đáng tiếc, vì nếu gạn lọc kỹ, có lẽ ta cũng có được thơ hay mà không tốn nhiều trang báo. Một bài viết không có gì để "nói", để "góp vào cho thơ" chỉ là một sự phí phạm. Ngại đọc lắm. Nhiều bài thơ trên báo cho mình cảm tưởng đã đọc rồi đâu đó. Sự lập lại mình và lập lại nhau nơi một số người làm thơ hình như còn phổ biến. Tôi cả gan nói lên nhận xét này với lòng yêu mến và kỳ vọng của tôi dành cho thơ.

Ngày xưa, nghe đâu thơ hiếu hỉ được chép và trao tặng riêng cho nhau hoặc đem treo trước cửa nhà của nhau, nạn "thi mãn" có thể nhờ đó nên đỡ trầm trọng hơn chăng ?

Tôi vốn cảm phục những nhà thơ. Không biết làm thơ, tôi tin rằng viết ra được một bài thơ tự nó là một sự vượt qua, một làm mới. Nếu bài thơ không mới, ta có thêm một bài thơ thừa. Còn nghe nói, thơ phải bắt kịp (đi trước?) thời đại, do đó cái mới là tất yếu phải có.

Thật thích thú khi được đọc một bài thơ, một câu thơ, thậm chí chỉ một chữ thơ mà chủ quan người đọc phát hiện ra được cái mới trong ấy. Một chữ thật "cũ", thật "xoàng", thật quen thuộc chợt bật sáng lên với một chức năng ngữ nghĩa mới, trong một ngữ cảnh mới, từ đó, chuyên chở một giá trị mới. Hay, một xúc cảm thật quen thuộc, thật bình thường chợt tỏ rạng một cách bất ngờ, chưa hề thấy ai biểu đạt tài tình như vậy — và chỉ người làm thơ của thời này mới viết được, và nó cho người đọc cái mới của bài thơ, của thơ. Hoặc, khi nhà thơ nghĩ giùm tôi một cảm nghĩ thật bất ngờ — và tuyệt diệu — khả dĩ nói lên được một điều mình vẫn cảm mà chưa hề diễn tả nổi.

Là nhà thơ, chắc anh bắt chộp được cái tội ác vẫn cột thơ với chữ và nghĩa của tôi; nếu quan niệm đó lỗi thời, tôi xin nhận tội, nhưng không thể chừa. Xin khai ra luôn một tội ác khác của tôi về thơ: tôi muốn thơ không những để đọc mà còn đọc lên thành tiếng. Thơ tiếng Việt phải là tiếng Việt, và có thể là một thứ tiếng Việt được cách tân. Bất cứ ký hiệu gì ghi lại trong "thơ" mà tôi không đọc lên được đều khiến tôi chào thua. Đã hiểu như thế, tôi tự hỏi nếu hai chữ "làm mới" còn có thể hàm một ý khác. Thí dụ như nó nói tới một cố gắng (hay một gắng gượng?) làm một cái gì khác thường (ở hình thức). Khác thường không nhất thiết là mới. Tôi bắt gặp, ngày càng nhiều, các kiểu "làm mới" trong thơ.

Có thể sự cầu kỳ, dị thường dễ tìm và dễ thấy hơn cái mới đích thực, trong thơ. Vì lẽ đó, tôi vẫn phải nhủ mình kiên nhẫn trước mọi dò dẫm, thử nghiệm (đầy thiện chí) của nhiều người làm thơ. Đó cũng là mong có sự đồng cảm chân thật với tác giả. Tranh cãi về các thông điệp tự thân nhà thơ không nhằm đến, trong lúc bỏ qua cái loé sáng riêng nhà thơ muốn gửi gắm sẽ là một thiệt thòi cho cả tác giả lẫn người đọc. Sự nghiêm khắc, nếu cần, nên bắt đầu từ tự thân người sáng tác. Theo nghĩa đó, đôi khi tôi rất... ba phải. Tôi sợ những nhà... purists.

- Anh có nhận xét gì về văn chương VN hải ngoại. Có hiện tượng nào nổi bật ? Cũng xin anh cho một vài phân tích về mặt tiêu cực hoặc tích cực.

- Câu hỏi này quá sức nặng ký đối với tôi, một người đọc vốn phải tự giới hạn sự thưởng ngoạn của mình trong một phần nhỏ hẹp của những gì được viết ra bằng tiếng Việt. Vậy xin thưa đôi điều quanh một thể loại tương đối tôi có dịp đọc thường hơn các thể loại khác: truyện ngắn. Tôi ao ước được

đọc nhiều hơn nữa những sáng tác ghi lại được cuộc sống của người Việt quanh tôi, kể cả những tương quan của họ với những cá nhân, cộng đồng thuộc các sắc tộc khác ngay trên đất nước này. Tôi thấy cuộc đời thật của chúng ta còn nhiều bí ẩn thích thú, đau đớn, rạng rỡ lắm. Gần đây, một số người viết trẻ xuất hiện và đóng góp phần nào trong loại đề tài này. Đó là một dấu hiệu đáng mừng, nhưng cũng còn thưa thớt lắm.

Viết về Việt Nam hôm qua và phần nào của hôm nay — với hồi ức, hoặc hiện tại với đôi phần thực chứng hay hoàn toàn hư cấu — hình như vẫn là phần đáng kể của sáng tác bằng tiếng Việt ở hải ngoại. Phải nhận chúng ta đã đi được khá xa so với những ngày của các nhân vật hai chiều kích của các tác phẩm hậu 30-4-75, trong đó các anh chàng cán bộ Việt cộng mang cái tội huênh hoang, ngu xuẩn, hay mưu mô, độc ác như mang một thứ dị tật bẩm sinh. Tuy vậy, một loại nhân vật mới của thời "đổi mới" và "kinh tế thị trường" hình như được khai sinh. Họ cũng vẫn hai chiều kích, mang dị tật bẩm sinh mới: không tim, nhiều óc, yêu tiền, bán và mua mọi thứ trên đời. Cuộc sống và tâm thức của họ tăm tối hơn hết mọi tăm tối trên đời. Người ta có thể viết về khu Harlem, Watts, các tiệm mát-sa với những phụ nữ Triều Tiên và Việt Nam hành nghề trong vùng Los Angeles, về các nhà chứa ở Hoà Lan, ở Đức với các cô gái Nga bị bắt cóc. Chỉ khác, bối cảnh phải là Việt Nam, con người là Việt Nam. Tội nghiệp thay, vì chúng ta làm văn học tiếng Việt.

Riêng đối với tôi, sự thể này khiến tôi xoay qua tìm đọc truyện ngắn viết bằng Anh ngữ về xã hội Mỹ; và các sáng tác bằng Việt ngữ của các tác giả trong nước viết về xã hội Việt Nam (cái hiện thực ghi lại trong một số tác phẩm của họ cũng là những mũi dao bén ngọt chọc qua tim người đọc, không nhân nhượng). Tôi có cảm tưởng người ở hải ngoại viết về Việt Nam ngày càng khó khăn. Nhưng, chẳng lẽ viết về cuộc sống thật quanh ta lại khó hơn thế nữa ư? Có một điều gì đó ngăn trở người viết chăng? Rốt lại, có lẽ vấn đề là vốn sống, kế đó là kỹ năng ghi lại, nói lên những gì sự mẫn cảm nghệ sĩ đón bắt được. Và, bước qua các taboos !?

Thỉnh thoảng, Hợp Lưu có được những sáng tác như ẩm *Ướt Những Cơn Mưa* của Nguyễn Mai Ninh [HL36], *Có Phải Là Tình Yêu* của Nguyễn Thị Ngọc Nhung [HL37]. Tôi không bàn về giá trị văn học của các tác phẩm này (vì nó ngoài khả năng chuyên môn của tôi), trên quan điểm thưởng ngoạn của người đọc, tôi thích thú được đọc các sáng tác như thế, vì trong một chừng mực nào đó (qua tác phẩm) tôi có cảm tưởng tác giả này đón bắt được phần cuộc đời thật quanh họ, và từ đó, các xúc cảm hoặc suy tư của họ gần gũi và (có cơ sở) hiện thực hơn. Nhìn rộng hơn một chút, các sáng tác ấy

đóng góp vào nền văn học chữ Việt cái phần mà các tác giả trong nước (cho đến giờ này, cũng như về sau) khó thể lấp đầy khoảng trống được.

Hiện tượng ư ? Tôi không ghi nhận được một hiện tượng nào để nhắc ra đây. Tôi cũng không coi đó là điều (thiếu sót) quan trọng. Vả lại, lắm thứ (hiện tượng) ồn ào trong cộng đồng của chúng ta không hề mang một giá trị gì. Những người viết nghiêm cẩn, lao động gian khổ để gửi đến người đọc những dòng tâm huyết của mình, đôi khi còn không hề hay biết về những mối đồng cảm sâu xa họ tạo ra được nơi người đọc. Cụ Nguyễn Du đã cho cái khoảng thời gian mờ mịt ấy là hai trăm năm; chắc cụ hiểu cái cô đơn của người sáng tác. Họ thường không là, mà cũng không tạo ra, hiện tượng. Giá trị thật sự của tác phẩm — nếu có được — là một sự tồn đọng do gạn lọc qua thời gian. Người sáng tác không nhất thiết là nhà thiết kế một thứ cơ đồ văn học, bao bì dán nhãn và khệ nệ tự bưng nó đặt vào văn học sử. Điều đáng mừng là hình như gần đây người ta bớt quan tâm về các nền, các dòng, các nhánh văn học thế này thế khác cho hải ngoại.

Rốt lại, người đọc chỉ mong đợi được đón nhận tác phẩm hay từ tay người sáng tác. Người đọc không say mê, mà cũng ít quan tâm, đến những nền văn học quan phương; kinh nghiệm của nền văn học "hiện thực XHCN" cho thấy điều ấy. Cụ thể hơn, người đọc yêu thích một tác phẩm không nhất thiết vì một nhà văn (tự cho là) cổ thụ khen dồi tác phẩm ấy bằng cách trích dẫn lời khen người của một nhà văn còn đại cổ thụ hơn nữa, vân vân và vân vân. Cuộc công kênh rồng rắn không xác định giá trị tác phẩm cho người đọc. Chúng ta đã rời xa nếp sống ngôi thứ nơi thôn ổ khá lâu rồi.

- Anh có tin tưởng gì về tương lai của Văn Học VN hải ngoại cũng như sự kế thừa của lớp những cây bút trẻ lớn lên ở xứ người ?

- Đây lại là một câu hỏi nặng ký khác so với khả năng của tôi. Tôi xin hiểu câu hỏi hàm ý văn chương viết bằng tiếng Việt, vì ngày càng có nhiều (dù chưa nhiều đủ) người Việt sáng tác bằng Anh ngữ. Câu trả lời giỏi lắm cũng sẽ chỉ chạm đến một vài khía cạnh của vấn đề.

Là người đọc, tôi không đặt vấn đề tin tưởng hay không tin tưởng. Người thụ hưởng hoa trái do lao động và tài hoa của người sáng tác làm ra sẽ tiếp tục tìm kiếm và đón chờ. Nếu nhu cầu duy trì và phát triển văn chương chữ Việt ở hải ngoại thật sự là bức thiết (không chỉ cho riêng người làm văn học nghệ thuật ở hải ngoại), tôi tò mò muốn biết những người làm văn học nghệ thuật có những hoạch định, trù tính gì để đạt được mục tiêu của mình. Ngay cả hình thành cho mình một thái độ phù hợp cũng là một chuẩn bị. Nếu tất cả chỉ là tự phát, ngẫu nhiên thì có thể ta cần đến, không phải sự tin tưởng,

mà là một lời cầu nguyện.

Những người viết trẻ, nói chung, thường có cơ hội được học hỏi, và chịu học hỏi, về văn học và sáng tác văn học một cách chính quy, đó là một vốn quan trọng. Thứ nữa, họ thường lăn vào cuộc sống một cách nồng nhiệt và táo bạo, kinh nghiêm sống của họ có cơ hội rèn dũa hơn. Do đó, có cơ may những người tài hoa và trách nhiệm trong lớp người viết này sẽ mang lại những thu hoạch rực rỡ.

Chữ kế thừa dùng ở đây cũng đáng để ý. Tôi rất e dè hai chữ này. Vì, cái vế thứ hai của sự truyền thừa là trao truyền. Hình như chúng ta không nhất thiết có được một hiểu biết đáng kể (và chung) về những giá trị được thừa nhận và được trao truyền. Do đó, tôi ước ao lớp người viết đang đến, bằng bản lĩnh riêng của mình, có thể phát hiện ra những giá trị mà họ muốn thu lượm từ trong vốn liếng văn học quốc gia và quốc tế. Trong đó, có cái vốn lớn ngôn ngữ dân tộc mà hơn bảy mươi triệu người đang nói cần được vận dụng, hoà hợp khéo léo với những kỹ năng nghiệp vụ hiện đại nhất. Đẹp hơn nữa, nếu họ góp phần làm giàu và mới cái ngôn ngữ ấy.

Xin ra ngoài đề một chút, tôi còn thật sự mong những người viết gốc Việt thành công hơn nữa trong sinh hoạt văn học dòng chính của quê hương mới của mình. Họ giúp tạo những nhịp cầu giao lưu cần thiết với những sắc tộc khác cùng sống trong cộng đồng. Rộng ra hơn, thế giới.

Xin cảm ơn anh đã cho dịp để một người đọc góp ý, góp lời. Mong là tôi không làm phật lòng nhiều người.

HOÀNG KHỞI PHONG

1) Năm vừa qua đối với tôi là một năm bế tắc. Trước tiên là cuốn *Người Trăm Năm Cũ* Tập II, kể như đã viết xong từ giữa năm 1996, nhưng vì nhiều lý do chưa góp mặt được với đời. Tuy nhiên tôi hy vọng sự chậm trễ này, sẽ được nhà xuất bản Đại Nam đền bù lại phần nào, bằng cách in lại cả hai cuốn I và II, để sau đó tôi yên tâm ngồi xuống viết cuốn III, hoặc là nhẩy ngay sang cuốn V, theo lời đề nghị của một người bạn văn. Theo người bạn đó cuốn V là cuốn cần viết trước, bởi vì thời điểm của cuốn này chính là thời điểm của mọi chúng ta. Việc in lại cả cuốn I, vì một sơ sót kỹ thuật nên trong ấn bản đầu cuốn I, tên của tác phẩm nơi trang 3 đã bị in nhầm. Năm nay tôi không có sách mới, nhưng có một cuốn được tái bản lại.

Cuối năm nay, nhà xuất bản Văn Sử, một nhà xuất bản mới ra đời sẽ cho tái bản cuốn *Cây Tùng Trước Bão.* Nói là tái bản, nhưng trong ấn bản mới này tôi có viết thêm vài truyện ngắn, của những nhân vật có thật, đã ghi lại những ấn tượng mạnh trong đầu tôi. Sở dĩ phải viết thêm, vì sau khi cuốn

sách ra đời, tôi lắng nghe tiếng vọng lại, và được biết thêm đời sống không chỉ có những cây tùng không mà thôi. Ấy là chưa kể có những cây tùng không cong lưng khi gặp bão, song bão quá lớn nên đã trốc tận gốc.

Nói về những dự định trong tương lai, tôi có ba dự định:

- "Thứ nhất là viết. Thứ nhì là viết nhiều hơn. Thứ ba là viết nhiều hơn nữa"

- Tôi cũng muốn nói rõ là sẽ viết cái gì, nhưng chỉ e rằng việc viết đã khó, sự góp mặt của tác phẩm còn khó hơn nữa. Nói về những dự định của mình, để rồi cuối năm tới anh lại làm một màn tổng kết, mà dự định không thành thì hóa ra tôi là người nói cho sướng miệng mà thôi. Việc nói cho sướng miệng thì hình như không phải của nhà văn, việc đó của những người thích xuất hiện trước đám đông.

2) Nếu nói về mặt văn chương thuần túy, thì trong năm qua hình như tôi không được đọc một tác phẩm nào cực hay của nền văn học hải ngoại. Hình như những cây bút thành danh tại hải ngoại trong năm qua cũng có vẻ im hơi lặng tiếng. Nói như thế không có nghĩa là viết nhiều là sẽ viết hay. Có nhiều người càng viết càng không hay, cũng hệt như những cái bình vôi của *Ong Năm Chuột,* trong một truyện ngắn của cụ Phan Khôi, nghĩa là càng sống lâu càng đặc ruột lại.

Không kể các cuốn sách do các tác giả tự in lấy, trong năm qua các nhà xuất bản thành danh chỉ thích in sách hồi ký chính trị, khoa học huyền bí, sách tôn giáo, đặc biệt là Phật Giáo Tây Tạng, và tất nhiên không thể thiếu những tiểu thuyết diễm tình. Ngay như nhà xuất bản Văn Nghệ, một nhà xuất bản chú trọng nhiều tới văn học hải ngoại, cũng đã chỉ khấm khá nhờ các cuốn hồi ký chính trị của các nhân vật còn ở trong nước, như Vương Hồng Sển, Nguyễn Văn Trấn, Trần Thư, Tiêu Dao Bảo Cự, hay là những người thuộc hàng ngũ Cộng Sản, nhưng đã thoát ra ngoài như Vũ Thư Hiên, Nguyễn Minh Cần.

Trong những cuốn sách của các nhân vật vừa kể, tôi thích cuốn ***Đêm*** *Giữa Ban Ngày* của Vũ Thư Hiên, bởi theo chính tác giả, thì đây là một cuốn "***hồi ký chính trị của một người không làm chính trị***". Hãy bỏ qua những khuyết điểm nhỏ của cuốn sách này, thí dụ những trang hơi cường điệu, khi đối đầu với những tên quản giáo, thì đây là một cuốn sách hay. Vũ Thư Hiên đã cống hiến cho người đọc khá nhiều tư liệu, về những vụ thanh toán kinh hoàng giữa các "người đồng chí" thân Nga và thân Tầu ngoài Bắc. Miền Nam chúng ta không thể nào biết nổi những cuộc thanh trừng này, nếu không có những nạn nhân ngồi xuống ghi lại những gì họ đã trải qua. Chỉ

nội điều này không mà thôi, cũng cho độc giả thấy tinh thần nô lệ ngoại bang của miền Bắc vĩ đại như thế nào. Tôi không mặn chính trị, nhưng đây là một cuốn hồi ký có tính văn chương nhất mà tôi đã đọc trong năm qua. Tôi cũng tò mò đọc thêm những lời ca ngợi, và những lời chỉ trích cuốn sách này. Cuốn sách đã khá thú vị, mà những lời khen chê còn thú vị hơn nữa.

Khó mà có một tác phẩm tiêu biểu cho văn học hải ngoại. Nói chung kể từ khi có được dòng văn học hải ngoại, chúng ta có một số tác phẩm hay, có giá trị. Với tôi thế là đủ. Vả lại một tác phẩm tiêu biểu cho một số người này, có khi không phải là tiêu biểu cho một số người khác, nhất là thời đại của chúng ta, tính chính trị nhiều khi đã át đi tính văn học thuần túy.

2) Về những nhà văn trẻ mới xuất hiện trên diễn đàn văn học hải ngoại. Nếu tôi nhớ không lầm thì cách đây khoảng mười năm, con số những người mới gia nhập văn chương Việt Nam tại hải ngoại khá đông đảo. Giờ đây lớp người này đã ở vào lứa tuổi trên 30, sắp sửa 40, nghĩa là bây giờ họ tuy chưa già, nhưng đã không còn trẻ. Nếu ta coi những người này như là mùa gặt đầu của văn học Việt Nam hải ngoại, thì sau mùa gặt đầu cách đây mười năm, hình như ở hải ngoại chúng ta chưa có một mùa gặt thứ hai.

Tuy vậy tôi không bi quan khi nghĩ đến dòng văn học tiếng Việt của chúng ta ở hải ngoại, nếu phải bi quan thì tôi nghĩ tới dòng văn học trong nước nhiều hơn, bởi vì các nhà văn trong nước có cả một dân tộc để nhắm tới, và đồng thời cũng là hậu thuẫn cho các tác phẩm của họ. Thế nhưng từ bao nhiêu năm nay, do sự đè nén của chính trị, mà những nhà văn trong nước chỉ cống hiến cho độc giả, một con số khiêm tốn những tác phẩm văn chương hay. Và ngay cả trong những tác phẩm hay của các nhà văn trong nước, cái bóng chính trị vẫn hằn lên trên những trang sách. Tôi tin rằng nếu không bị ám ảnh bởi chính trị, những nhà văn trong nước sẽ có nhiều đóng góp hơn, và con số các tác phẩm phải cao hơn đang có hàng trăm lần.

Về phía chúng ta, chúng ta đã có một mùa gặt thứ hai mà có lẽ chúng ta chưa chú ý đúng mức, bởi vì họ không còn viết tiếng Việt thuần túy nữa. Mùa gặt mới của chúng ta đã có những bông hoa lạ. Nếu chúng ta coi dòng văn học của của mỗi dân tộc như một dòng sông xuôi ra biển, thì những cây bút mới này không cùng tắm một khúc sông với chúng ta. Chỗ chúng ta bơi lội bì bõm ở cuối nguồn, sắp ra tới biển. Còn họ thì đã ra tới cửa biển, và sẽ góp mặt với biển văn hóa của cả nhân loại.

Tuy nhiên phải có những người đi trước, mới có chúng ta. Phải có chúng ta mới có những cây bút mới. Tôi vẫn tin tưởng cho dù họ viết bằng ngôn ngữ nào chăng nữa, chúng ta vẫn có một mùa gặt mới, nghĩa là có sự

liên tục giữa chúng ta, với thế hệ viết văn đầu tiên ở hải ngoại và thế hệ kế tiếp. Vả lại điều quan trọng của một nhà văn, bất kể già hay trẻ, không phải là gốc gác của nhà văn, quốc tịch của nhà văn, mà là phải viết cho hay. Cứ viết cho thật hay nhiên hậu tác phẩm sẽ được dịch ra nhiều thứ tiếng, kể cả tiếng mẹ đẻ giờ đây đã xa lạ với những nhà văn này.

Về các nhà văn mới tinh hảo của chúng ta, họ ở vào lứa tuổi ngoài 20, chưa tới 30. Tôi tin chắc họ viết không giống chúng ta. Bởi vì họ khác chúng ta cả về lối sống, lẫn suy nghĩ thì làm thế nào để họ viết như chúng ta. Họ phải sống và viết như chính họ, chứ không thể sống và viết như chúng ta. Cò một điều tôi biết chắc: Những người viết mới được sửa soạn vào nghề văn kỹ hơn chúng ta, tôi tin tưởng văn nghiệp họ sẽ đi xa hơn chúng ta.

LÊ BI

1) Trong suốt năm qua tôi chỉ làm được một số bài thơ lẻ. Với tôi, thơ là sự ngẫu tính, nên không có và không cần dự định nào cả.

2) Tôi không nhớ là câu hỏi này đã được đặt ra năm trước, và mấy năm trước nữa hay không? Câu trả lời của tôi, xin lập lại. Văn học Việt Nam hải ngoại đang giống Văn học Việt Nam trong nước là có quá nhiều tác giả và quá ít tác phẩm.

3) Nói về sự kế thừa của các cây bút trẻ nên để dành cho những người làm phê bình. Còn với các cây bút trẻ, với tôi, là sự ép uổng. Văn học Việt Nam 21 năm của miền Nam, Văn học Việt Nam xã hội chủ nghĩa, những thế hệ già, tôi thấy những người trẻ không cần thiết phải kế thừa, và có gì đáng phải kế thừa đâu? Họ nên tách ra. Càng xa càng khác càng tốt. Hoàn toàn tự do. Và nếu cần thiết, cầu chúc họ tách khỏi, hòa nhập vào văn học bản xứ, như một số người trẻ đang làm, viết trực tiếp bằng ngoại ngữ.

SONG THAO

1) Tôi vốn là một công chức nên sự mẫn cán đã thành nếp. Nay nhào vào chuyện viết lách, tôi trở thành một con kiến cần mẫn. Mỗi ngày tôi tha một chút. Cứ cắm đầu tha đều đều thì cũng có lúc đầy một truyện ngắn.

Anh hỏi về ảnh hưởng của đời sống đến sự cầm bút là anh xoáy đúng nỗi thương tâm của tôi. Quả thật, để làm đầy cái bao tử, thời giờ của tôi nó trốn chạy quá kỹ. Nói thực với anh, tôi tiếc lắm nhưng xoay làm sao cho thoát khỏi cái nợ áo cơm đây?

Còn về những dự định tương lai? Viết lách tà tà bằng những mảnh thời

gian đầu thừa đuôi thẹo thì dự định được cái nỗi gì? Cứ viết tới đâu hay tới đó. Khi nào đủ truyện, có nhà xuất bản nào ngó ngàng tới thì in. Thế là vui rồi.

2) Các tạp chí văn học vẫn xuất bản đều đặn, bài vở vẫn đầy đủ. Thậm chí anh K.Trường còn thông báo trên Hợp Lưu là bài gửi về nhiều quá phải chịu khó xếp hàng chờ tới lượt.

Các nhà xuất bản vẫn lai rai in ấn đều đều. Riêng nhà xuất bản Văn Mới, mới thành lập, chỉ in thơ và truyện, cũng đã có cái thư mục dài tới chục cuốn rồi.

Tôi là người lạc quan, thấy được như vậy là mừng trong bụng.

Cái làm tôi băn khoăn là sự sút kém của số lượng độc giả. Hỏi mấy ông chủ nhà sách, ông nào cũng lắc đầu than thở. Nhưng thôi, đã 22 năm mà còn được như vậy cũng được lắm rồi.

3) Tôi vẫn nghĩ rằng cái gọi là văn học hải ngoại chỉ là một tình trạng nhất thời. Trước sau gì nó cũng phải nhập vào một dòng văn học duy nhất là văn học Việt Nam. Hiện nay sự hội nhập này đang bị những người cầm quyền torng nước ngăn sông cấm chợ. Nhưng sự ngăn cấm phi lý nào tồn tại được lâu với thời gian?

Những sáng tác của chúng ta, tuy chỉ rả rích thẩm lậu được về quê nhà, cũng đã được người đọc trong nước thích thú đón nhận. Đó chẳng phải là một tín hiệu vui sao?

ĐINH PHỤNG TIẾN

Các ngành sáng tác ở hải ngoại rất phong phú. Tôi xin nói ngay như vậy. Bởi vì, thưa anh, những người Việt Nam ra đi sau 75 có khoảng gần hai triệu người, chỉ sau một thời gian ngắn đã có một số lượng ấn phẩm rất đáng kể. Gần 200 tờ báo các loại và hàng chục chương trình truyền thanh, truyền hình ở khắp nơi là một ví dụ về sự phong phú ấy. Nếu tính trên tỉ lệ đầu người thì: Với 2 triệu người VN ở hải ngoại hiện đang có những sinh hoạt văn học hết sức đa dạng. Số lượng các tác phẩm về mọi lãnh vực xuất hiện rất đều và rộng. Tôi không có ý so sánh, nhưng anh cứ thử tính coi, số lượng những ấn phẩm xuất hiện ở trong nước, nơi có trên 70 triệu người nhưng cũng không đủ đều và rộng như vậy.

Về phía người thưởng ngoạn, tôi rất lạc quan. Hiện tại, mỗi tác phẩm được xuất bản, thường được in với số lượng chừng một, hai ngàn bản trong khi những tác phẩm xuất bản ở trong nước, theo chỗ tôi biết, cũng chỉ chừng

một, hai ngàn bản mà thôi. Lại nếu tính theo tỉ lệ đầu người thì đây là một con số đáng lạc quan lắm chứ.

Đối với những sinh hoạt nghệ thuật khác, hàng tuần, chỉ tính trong vùng quận Cam này thôi, chúng ta vẫn có những buổi trình diễn ca nhạc và hầu như hàng năm vẫn có được ít nhất là vài ba cuộc triển lãm hội họa. Những yếu tố tích cực này khiến cho tôi lạc quan.

Nhưng bên cạnh đó, những sinh hoạt kịch nghệ và cổ nhạc thì không lạc quan. Các sinh hoạt này rất ít oi. Sự thiếu vắng ấy, là do đời sống vội vã ở đây tạo nên chứ không phải vì không có người soạn hoặc trình diễn.

Nói về tương lai của văn học hải ngoại thì, có người cho rằng cây xanh đã bị nhổ rễ sẽ yếu đi rồi tàn lụi. Tôi không nghĩ vậy. Chúng ta vẫn còn quê hương. Đất màu sẽ nuôi dưỡng chúng ta và cả tương lai của chúng ta. Rồi sẽ có một ngày, mà ngày ấy nhất định sẽ có, khi mà những người làm văn học nghệ thuật ở trong nước và ở hải ngoại gặp gỡ nhau, trao đổi với nhau thường xuyên và họ trở nên một thành phần.

Bây giờ, càng ngày càng có thêm nhiều cây viết mới. Những người viết trẻ này sẽ làm cho văn học hải ngoại có khuôn mặt mới. Sau này, chính họ và những người làm văn học nghệ thuật trong nước sẽ có những tác động qua lại với nhau để làm phong phú lẫn cho nhau. Dù sao, những người viết ở trong nước vẫn giữ một vị trí chính yếu. Văn học hải ngoại là một phần chi thể của văn học VN. Những người viết ở trong nước bao giờ cũng giữ một vai trò chính yếu. Họ đã, đang và sẽ nhận chịu trực tiếp những buồn vui của quê hương.

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

1) Anh nói tới sáng tác làm tôi giật mình! Tôi viết lăng nhăng truyện ngắn, làm thơ, gần đây lại mon men thử tập viết kịch, nhưng vẫn không thấy mình đâu có "sáng tác" cái gì, mà toàn là "cóp lại" những cái có sẵn, đã tự muôn đời của nhân loại, nên buồn dễ sợ! (hỡi ơi, kể cả điều tôi muốn buồn vui khóc cười thù hận thì cũng đã cũ mèm...) Cho nên cái gọi là "tình trạng sáng tác" của tôi cũng cũ mèm muôn thuở như tôi, vậy thôi.

2) Tôi cho là sự xuất hiện của Tạp Chí Thơ, và những cuộc tranh và luận gần đây nhất (Thanh và Tục của tạp chí Hợp Lưu, Thơ Con Cóc của tạp chí Văn Học) là những hiện tượng thú vị nhất của Văn học Hải Ngoại trong năm nay.

Lần đầu tiên, từ hồi tôi biết đọc báo và viết báo tới nay mới có một tờ tạp chí chỉ "chơi" với thơ thôi và phần lớn đều là thơ hay! Tôi phục anh Khế

Iêm "đại đởm".

Các cuộc tranh luận thì cho thấy năm người mười ý, va chạm nẩy lửa trong và ngoải nước, lục địa này với lục địa khác, mỗi người một thể cách, một cá tính...Không phải tôi thích gây tranh cãi, nhưng theo tôi, đã trao thân vào chốn giang hồ rồi, ô chà, nhân vật võ lâm nào, bất kể mình là cao thủ hay thấp thủ...nghe ngóng được có Hoa Sơn Luận Kiếm mà lại không nôn nao muốn tới! Cho dù là bạn dùng đao hay kiếm, tà đạo hay chính đạo, chủ trương xài ám khí hay đánh công khai, tới Hoa Sơn một lần coi kiếm pháp đủ các môn phái, thì tự mình cũng luận được chánh tà!

Sách hay được đọc trong năm thì tôi say mê nhất là *Tạng Thư Sống Chết* của Sogyal Rinpoche, bản dịch của Trí Hải và *Đêm Giữa Ban Ngày* của Vũ Thư Hiên.

Cố gắng làm người lạc quan, nên tôi không thấy thêm có hiện tượng tiêu cực nào. Có thể là báo bán không được, độc giả dài hạn thêm bớt, là chuyện tiêu cực chăng, tôi đã có mấy ông Nguyễn Mộng Giác, Khánh Trường, Khế Iêm, Nguyễn Xuân Hoàng, Phạm Xuân Đài v.v...lo hộ, bổn phận tôi, lâu lâu lo viết bài gởi cho mấy ổng cho khỏi bị xì nẹc. Năm nay, không bị xì nẹc gì nhiều, tôi vui vẻ.

3) Tôi không thấy thoải mái lắm với "câu hỏi khó" này của anh. Tôithường tin tưởng "tài không đợi tuổi", và không tán thành kiểu cách "sống lâu ra lão làng" trong văn chương nghệ thuật, có thể chỉ áp dụng đúng cho mấy cụ lý làng ta thôi. Có lẽ nên dẹp bỏ mấy thuật ngữ "nhà văn trẻ, nhà văn già", già trẻ thì ăn thua gì tới hay hay dở, độc giả đâu cần biết tới mấy chuyện già trẻ?

Bản thân tôi, tự cho mình không đủ sức hay thẩm quyền phán đoán hay tiên liệu bất cứ điều gì về tương lai Văn Học Hải Ngoại hay Sự Kế Thừa gì đó mà anh nói tới , nên thành thực không có ý kiến gì về câu hỏi này, nói tóm lại là "bí"! Còn mấy nhà văn "lớp cầm bút trẻ lớn lên và trưởng thành ở xứ người"? Họ viết hay chết người, chẳng hạn như truyện ngắn mới đây đăng ở Văn Học số 138, truyện "Một Lần Đi" của Nguyễn Quý Đức là một điển hình cụ thể.

NGÔ TỊNH YÊN

1) Người ta thường nói "Cơm áo không đùa với khách thơ". Theo tôi nghĩ, với "khách văn" thì chính xác hơn. Viết văn mới đòi hỏi một sự cần cù nhẫn nại, chăm chỉ nên rất cần yếu tố thời gian. Còn với thơ, hình như càng thiếu thốn càng đau khổ người nghệ sĩ càng có cảm hứng hơn... Nếu được

hạnh phúc thì vẫn có thơ. Nói chung, thơ đến tùy cảm hứng, nó có thể bật ra trong một chiều mưa nằm bụng đói meo, có thể bật ra trong một phòng làm việc sang trọng. Với tôi, có nhiều bài thơ ra đời lúc tôi bụng đói ngồi trên vỉa hè nhà sách Khai Trí đường Lê Lợi nhìn người qua lại, lúc tôi đang lái xe trên những freeway vĩ đại của nước Mỹ, lúc đang bận làm việc v.v.

2) Điều đáng mừng là văn thơ vẫn còn một vị trí vô cùng quan trọng, và vẫn được đặt ở một chỗ sang trọng trong lòng người Việt xa xứ. Văn học VNHN (lẫn ở trong nước) vẫn còn quanh quẩn trên nhiều lối mòn, có một vài hiện tượng khai phá nhưng thường vấp phải những ngăn trở đố kỵ, tiểu nhân của quá nhiều kẻ bất tài mà háo danh.

3) Có rất nhiều tín hiệu đáng mừng nơi những người cầm bút trẻ trưởng thành ở hải ngoại. Điều hy vọng và đáng sống hơn cả là, vẫn còn cả những cây bút ở lớp trước lẫn lớp sau đều là những tia nắng mặt trời trong ly nước lạnh.

NGUYỄN HƯNG QUỐC

1) Cả năm nay, tôi chỉ viết được vài bài. Toàn những bài vớ vẩn. Dự định: stop những trò chơi dại.

2) Văn học hải ngoại năm 1997 này, ồn và nhảm hơn một chút, nhưng trên căn bản cũng giống như văn học hải ngoại năm 1996, năm 1995, năm 1994, năm 1993 và những năm trước đó.

3) Phúc cho những ai không... đọc mà tin.

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

1) Một tập thơ mà tôi đã lần lữa mãi rồi cuối cùng nghe bạn bè "xúi dại" đánh liều in ra. *"Trốn Vào Giấc Mơ Em"* do Thanh Văn xuất bản dù được coi là thi tập đầu tay của tôi, nhưng kỳ thực tôi đã "phiêu lưu" cùng thơ lâu rồi, anh ạ. Chỉ tội là tôi đã bỏ lỡ mất nhiều cơ hội để được sống trọn vẹn với cuộc phiêu lưu kỳ thú nhưng đầy nguy hiểm này. Thành ra có lẽ anh hoặc nhiều người thắc mắc: tại sao tôi đang viết truyện lại mần thơ.

Thơ ca vốn lẫn khuất, nẩy sinh ra từ những mơ hồ chiêm bao. Nó hoàn toàn khác với tiểu thuyết thường được rút ra từ những hiện thực trong đời sống. Có một lúc nào đó, tôi bỗng thấy mình bị đẩy ra ngoài những bí ẩn mênh mông của thơ. Ngôn ngữ thi ca nằm trong những những nỗ lực sáng

tạo thực thụ chứ không nhằm thỏa mãn thứ trò chơi "puzzle", lắp ráp cho xong những con chữ.

Thơ vốn cô đọng. Tôi lại đang ở trong một thế giới có lắm bi kịch lòng thòng nên sợ rằng ngôn ngữ thơ không gói gém, biểu lộ hết được. Thơ lại hướng về mình, trong khi tiểu thuyết hướng tới một khách thể tiếp nhận nào đó. Thơ và người thơ phải hòa nhập trong nhau, thì chúng ta mới "tan" ra được. Tôi đoạn tuyệt với thơ cũng vì những "khó khăn" này.

Không, hình như chẳng có một sự thay đổi nào trong tôi. Tôi vẫn yêu thơ và lúc nào cũng sẵn sàng bị ngây ngất trước những quyến rũ huyền bì của ngôn ngữ thơ.

Bài viết đăng báo đầu tiên của tôi là một sáng tác thơ. Tôi khởi sự làm thơ từ năm mười ba và bây giờ ở tuổi 40, tôi vẫn luôn luôn là kẻ muốn khởi sự... làm thơ, và tôi sẽ tiếp tục cuộc khởi sự này khi bước vào tuổi năm mươi v.v... hoặc cho đến khi nhắm mắt. Nó là một sự khởi sự không cùng, ở cõi này tiếp dẫn tới một cõi vô hạn nào khác.

Hình như lúc này tôi vẫn còn đang "nhạy cảm" quá lắm với những "khoảnh khắc thơ". Tuy nhiên anh có thể tin một điều là năm tới tôi sẽ không đến nổi liều mạng thêm một tập thơ nữa đâu. Phải để người đọc "tiêu hóa" tập thơ trước đã chứ. Một tập truyện có sẵn trong tay đã lâu coi bộ chí lý hơn, nhưng nhiều lúc tôi tự hỏi tại sao cứ phải in ra?

2) Hai mươi năm văn học Việt Nam hải ngoại dĩ nhiên có nhiều điều đáng nói, đáng bàn. Tôi chỉ xin đưa ra một vài nhận xét nhỏ bé, có tính cánh chủ quan.

Còn nhớ ngày nào dấu vết phong trào vượt biển, trại cải tạo, hoài niệm về quê hương xứ sở, những bước đầu hội nhập trên xứ người, những phân tán hỗn độn trong cuộc giải phóng Nam Bắc... đã để lại đậm nét hay gây ảnh hưởng không ít trên những biết chuyển văn học VN hải ngoại. Rồi cách đây vài ba năm người ta lại có dịp để ý đến dấu chân lưu vong của những cây viết HO. Dù sao hiện tượng này cũng không nở rộ tưng bừng cho bằng hiện tượng những cây bút nữ lưu vào giữa thập niên 90.

Cứ thế, và cứ thế, những người làm văn học đã bắt đầu bật đèn xanh, đèn đỏ khi thấy có nhiều dấu hiệu mất mùa, khô cằn hạn hán tới nơi. Sinh hoạt văn học chữ nghĩa một cách nào đó được nuôi sống bởi sự tiếp nhận, hỗ trợ bởi người đọc. Độc giả mỗi lúc mỗi thờ ơ với sách báo Việt ngữ, tình trạng xuất bản vì thế đâm ra ì ạch, ngưng đọng, đã làm nản lòng rất nhiều cây viết di tản với cuộc sống đã đi vào ổn định, cũng có nghĩa là chúng ta đang dần dà mọc lên một thế hệ mới. Đội ngũ của thế hệ hôm nay sử dụng nhuần

nhuyễn ngôn ngữ nước người hơn ngôn ngữ mẹ cha. Đi cùng với cách sống, việc hấp thụ tiếp cận với tinh hoa quốc tế hẳn sẽ mở ra cho họ những ngưỡng cửa mới.

Song song với sự phát triển của những tài năng mới này, hiện tượng "thay hình đổi dạng" của thơ cũng đang được chú ý đến.

3) Tôi vốn là người không mấy dè sẻn trong những mơ mộng và hy vọng. Vì thế, tôi lạc quan về tương lai của văn học VN hải ngoại. Chính sự kế thừa của lớp người trẻ lớn lên và trưởng thành ở xứ người sẽ nuôi dưỡng mọi sinh hoạt nghệ thuật. Hàng rào ngôn ngữ mẹ đẻ không nhất thiết phải là vấn đề, miễn đó là tiếng nói của tài năng.

Cuối cùng, tôi kỳ vọng những biến chuyển đổi mới chính trị tại quốc nội sẽ mạnh mẽ hơn nữa, hầu tạo điều kiện cho sự trao đổi cần thiết hai chiều giữa những người sáng tác bên trong lẫn bên ngoài. Đó là động lực giúp cho tương lai văn học Việt Nam hải ngoại nói riêng, trong nước nói chung sáng sủa hơn.

THÁI TÚ HẠP

1) Tôi đang làm báo (*Sài Gòn Times*). "Có thực mới vực được đạo", tờ báo phải sống trước đã, từ đó ta mới chuyên chở, chuyển đạt những gì ta ưu tư, muốn gửi gấm đến người khác. Dĩ nhiên tờ báo có tính cách thương mại đúng nghĩa, tuy nhiên chúng tôi cũng cố gắng cải thiện nội dung bằng những trang văn học nghệ thuật chọn lọc và giá trị. Chính nhờ ở phần ưu tư nhỏ bé đó đã tạo cho chúng tôi giữ được hơi thở để nuôi dưỡng cái thế giới riêng tư sáng tạo của mình liên tục. Bằng chứng như anh đã thấy, thỉnh thoảng tôi vẫn có thơ, có văn trên *Sài Gòn Times* và các tạp chí văn học khác. Và in thơ gửi đến bằng hữu.

Qua mục giới thiệu sách mới trên các tạp san *Hợp Lưu, Văn Học, Văn, Thế Kỷ 21*... xuất bản tại Cali trong thời gian gần đây, chúng ta đều ghi nhận số lượng sách càng ngày càng đáng kể. Tháng nào cũng có những cuộc họp mặt thân hữu ra mắt sách tại thủ đô tị nạn. Hình thức, in ấn đẹp, không thua gì sách ngoại quốc. Nội dung phải chờ thời gian thẩm định. Mới nhìn thoáng qua, chúng ta dễ có cảm tưởng lại quan, nhưng đi sâu vào vấn đề thì không phải không có những khó khăn. Cách đây vài năm thường mỗi đầu sách được in khoảng 1000 cuốn, nay, đợt đầu các nhà xuất bản chỉ in 500 cuốn, bán hết mới dám in tiếp. Tuy nhiên, đó không phải là hiện tượng bi quan lắm, nếu so sánh với trong nước hiện nay, hơn 70 triệu người, mà số ấn bản cho mỗi đầu sách cũng chỉ một, hai ngàn. Hoặc miền Nam trước kia, cũng vậy.

3) Tôi lạc quan mãnh liệt trên lãnh vực văn học nghệ thuật của con em chúng ta. Chẳng những đội ngũ trẻ không ngừng kế thừa mà còn phát huy văn học Việt Nam với một tinh thần đầy nhân bản và khai phóng (cho dù tác phẩm được viết bằng tiếng Việt hay các ngôn ngữ khác). Không bị vướng víu bởi quá khứ nặng nề cố chấp, hận thù chủ nghĩa hay thể chế chính trị sắc máu cục bộ, không một chút mặc cảm tự tôn hoặc tự ti (có thể khi sinh ra đời hay lúc tuổi còn thơ ấu, thế hệ thứ hai này không hề biết đến nguyên nhân sâu xa của cuộc chiến tranh tàn khốc xảy ra trên quê hương) lại được hội nhập vào biển lớn tư duy và kiến thức của nhân loại, họ có cho mình một hành trang rất tốt, không những chỉ trên lãnh vực văn học nghệt thuật, mà ở tất cả mọi lãnh vực khác.

*

Có thể còn nhiều bài trả lời của nhiều tác giả khác đang trên đường đến tòa soạn, hoặc sắp được viết và gửi đi. Nhưng ban chủ biên *Hợp Lưu* cho biết: đúng theo chu kỳ, bài vở phải hoàn tất trước ngày 10 của tháng lẽ, để mang đến nhà in hầu kịp phát hành vào đầu thắng chẵn, nên chúng tôi không thể chờ đợi.

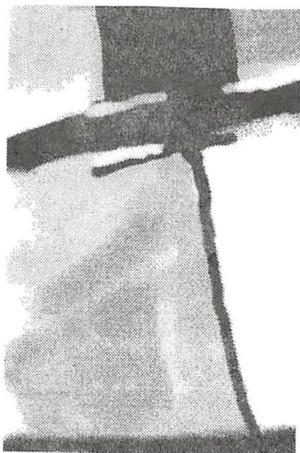
Cảm ơn sự cộng tác nhiệt tình của mọi văn hữu, đồng thời cũng mong được cảm thông từ các tác giả đã có trả lời nhưng không đi kịp trong bài phỏng vấn này.

NGUYỄN MẠNH TRINH thực hiện



ĐOÀN XUÂN KIÊN

LẠI BÀN VỀ CHUYỆN "ĐI TÌM VIỆT NAM TẠI HẢI NGOẠI"



1 Bài viết này được viết ra từ những gợi ý trong đoạn cuối bài viết của Gs. Nguyễn Văn Trung, khi ông đặt vấn đề xây dựng sinh hoạt văn hoá cho cộng đồng hải ngoại để khỏi sa vào những ảo tưởng hay ngụy tín về những hoạt động văn hoá-chính trị trước nay.

Ông đưa ra một thí dụ điển hình là lời hô hào của một nhà hoạt động khác khi vị này cho rằng những ai có lòng nghĩ đến đất nước thì nên góp phần mình vào công cuộc xây đắp cho phong trào dân chủ trong nước, chứ không nên phí thì giờ (như Sisyphe) làm việc với các tổ chức hải ngoại, vì đã hơn hai mươi năm rồi họ chỉ biết cãi vã nhau để quên một việc chính yếu là "chúng ta phải làm gì, và làm thế nào để có kết quả". Quan điểm của hai vị phản ảnh hai quan điểm khác biệt về cộng đồng người Việt chúng ta. Khi đọc đến những gợi ý trên, chúng tôi không khỏi liên tưởng đến bối cảnh sinh hoạt cộng đồng hiện nay, và tự hỏi: liệu rằng một thành phần khá đông trong cộng đồng có tán thành với cả hai lời đề nghị trên đây chăng? Thành phần này vẫn thường tự cho mình cái quyền chống cộng, và sẵn sàng phê điểm chống cộng bất cứ ai không làm như họ. Xem ra cả hai hướng gợi ý của

quý vị đều chệch ra khỏi quỹ đạo suy nghĩ và làm việc của họ.

Nhận định đầu tiên của chúng tôi là: sinh hoạt cộng đồng chúng ta không đơn giản, và nó phản ảnh một tình hình đa dạng của một tập thể đa dạng nằm trong một khung cảnh cộng đồng thế giới đang đổi thay lớn, trong đó bất cứ sự giản lược tầm nhìn nào cũng trở nên thô thiển, lạc điệu. Trong một khung cảnh thế giới phức tạp như thế, gợi ý về một sự suy nghĩ nền tảng đối với dự phóng hoạt động là một việc cần thiết. Gs. Trung có nói đến bệnh "duy ý chí"(1) trong cộng đồng người Việt trong và ngoài nước, và ông bày tỏ sự lo ngại về mức độ nghiêm trọng của bệnh duy ý chí ở cộng đồng hải ngoại, vì nó thể hiện ở khá đông những người có học. Đây là một lời nhận xét khá nghiêm khắc, nhưng xét ra không phải là quá xa thực tế.

Thực tế có vẻ như rối nát, chẳng mấy hi vọng. Nhìn về trong nước hay nhìn lại cộng đồng hải ngoại, những "hiện tượng" tiêu cực tràn ngập từ cấp lớn xuống cấp nhỏ, đến nỗi không còn nhìn thấy cái "bản chất" của cái gọi là Việt Nam đâu nữa. Mặc dầu vậy, chúng tôi vẫn cảm thấy không hẳn là mọi thứ đều "quân hồi vô phèng" cả. Nhìn ở bình diện văn hoá học, dường như trầm lắng dưới đáy những hiện tượng "mười phần chín chẳng như" vẫn còn dòng chảy văn hoá của dân tộc đang trườn mình về tương lai.

2 Nhưng như thế thì thực tiễn Việt Nam hôm nay là gì ? Việt Nam đang đứng ở đâu giữa thực tiễn lớn lao hơn, là cảnh quan thế giới hôm nay?

Việt Nam hiện nay là một cộng đồng quốc gia đa dạng, bao gồm rất nhiều những yếu tố đối lập nhau: quốc nội và hải ngoại, quốc gia và cộng sản, lương-giáo, trẻ-già... Trong mỗi thành phần này lại phân hoá thêm nhiều nữa. Cộng đồng hải ngoại chẳng hạn, gồm rất nhiều thành phần: bắc-nam, hoa-việt, cực đoan-ôn hoà, thủ cựu-cấp tiến, phật giáo-công giáo, trẻ-già, tị nạn cũ-mới... Tổ chức người Việt mọc ra như nấm, và phản ảnh tầm nhìn, quan điểm của mỗi nhóm, và rất nhiều khi chỉ muốn phủ định sự có mặt của những nhóm khác mình. Sự phồn tạp như thế tự nó cũng có nét đẹp của nó, là thể hiện tinh thần tự do của con người; chỉ khi nó lạm dụng quyền tự do để đi đến hành động muốn triệt tiêu kẻ khác, thì có "vấn đề" đấy. Trong cộng đồng đa tạp như cộng đồng chúng ta, ai có tư cách gì để đòi cấm đoán người này, tổ chức này làm việc mà họ lựa? Ai có tư cách gì để phán xét người này là chống cộng, người kia thì không? Ai có thể tự cho là mình "yêu nước"

(1) Duy ý chí là thái độ xa rời thực tiễn, chỉ hoạt động dựa trên những nhận định chủ quan của người hoạt động, do đó mà kết quả hoạt động có thể quá cao hoặc quá thấp so với nhu cầu của thực tiễn.

hơn kẻ khác? Hai mươi năm qua, người ta vẫn cư xử với nhau như thế; nhưng cũng có những người khác xem những kiểu tiếp xử như thế rất là một chiều, thiển cận. Tại sao như thế? Chỉ vì thái độ như thế không thể chấp nhận nổi trong khung cảnh một cộng đồng thế giới ngày nay. Từ mấy thập niên vừa qua, khung cảnh thế giới mà chúng ta đang sống là một khung cảnh có những biến động lớn, đưa đến những đổi thay lớn. Có ba yếu tố chi phối mạnh đến sự đổi thay cộng đồng thế giới ở nửa sau thế kỉ XX:

Trước hết là sự phát triển phi mã của *tin học* và vai trò của nó trong đời sống. Tin học phát triển đã thúc đẩy sự thông tin liên lạc, đã mở rộng cánh cửa để mỗi cá nhân hay cộng đồng có thể mở cửa ra thế giới rộng lớn. Tin học càng phát triển thì càng xoá bỏ tình trạng cô lập của các cộng đồng. Khả năng tiếp xúc gia tăng thì tầm hiểu biết về thế giới càng tăng. Sự phát triển tin học đã làm đảo lộn cách nhìn của con người đối với thế giới, thu hẹp dần ảnh hưởng của lề thói tư duy thiển cận, cố chấp. Đây là nhân tố làm thay đổi sinh hoạt văn hoá của cộng đồng thế giới. Lằn ranh giữa tiến bộ và lạc hậu, giữa cô lậu và hoà đồng trở nên rõ ràng hơn, dứt khoát hơn.

Yếu tố thứ nhì là *sự thay đổi của thế giới* tư bản và cộng sản trong nửa sau thế kỉ XX, đã vượt bỏ những cách nhìn thế giới và xã hội như là giai đoạn trước và sau thế chiến II. Hoạt động kinh tế-xã hội ở nửa sau thế kỉ XX đã phát triển khác hẳn trước kia: hình thái tư bản độc quyền không diễn tiến theo như tiên đoán của người cộng sản. Các công ti đa quốc gia càng ngày càng phát triển, cùng nhịp với sự phát triển các cộng đồng kinh tế khu vực trên thế giới. Sự đối đầu đã không còn chỗ đứng, mà thay thế bằng thái độ hợp tác để cộng tồn. Đó là xu thế chung của thế giới tư bản. Khối thế giới cộng sản cũng trải qua những khủng hoảng lớn, bắt đầu từ phong trào xét lại (thập niên 1960), tiếp đến là phong trào đổi mới (thập niên 1980), rồi tan rã. Cả một cảnh quan thế giới đã tàn lụi, để đưa đến một "trật tự thế giới mới". Đây là một chuyển biến rất mới của cục diện thế giới. Tìm hiểu về hiện tình thế giới mà không nhìn nhận sự thể là một trật tự thế giới mới đang hình thành, chỉ là thái độ "con đà điểu". Trong cục diện thế giới như thế, cộng sản hay tư bản, hoặc nói theo cảnh ngộ người Việt," quốc gia" và "cộng sản" chỉ còn là một hình ảnh của dĩ vãng, của những lực lượng xã hội đã hết vai trò lịch sử của chúng.

Yếu tố thứ ba là, về mặt sinh hoạt tinh thần cũng đang trải qua một sự thoát xác lớn lao chưa từng thấy trong suốt một thế kỉ sôi động của sinh hoạt văn hoá. Các tư trào đã thay chân nhau trong những thời hạn rất ngắn ngủi. Đến cuối thế kỉ thì trong khắp các địa hạt trí thức, người ta nói nhiều đến "*thời kì hậu-hiện đại*" như một thời thượng tri thức. Cốt lõi của "chủ nghiã

hậu hiện đại"(2) là sự nhận thức của văn hoá hiện đại rằng phải phá bỏ hết mọi huyền thoại về sự hiểu biết chân lí cuộc sống. Con người trong thế giới hiện đại đứng trước một viễn ảnh rất chông chênh: những gì mình hiểu biết về thế giới chỉ là một hạt cát sông Hằng, chẳng có tư thế gì mình có thể hãnh tiến để phê phán, kết án cái biết của người khác.

Xu thế chung của thế giới ở cuối thế kỉ XX là một sự đương đầu với thái độ độc quyền, và tiến đến một cộng đồng thế giới đa nguyên. Trước kia, sau thế chiến II, thế giới chia thành những khu vực đối đầu nhau, khiến cho tất cả các khối ảnh hưởng đã trở nên những khối phòng ngự. Nhưng khi bước vào thập niên 90, thế giới xoay đổi gia tốc. Không còn đối đầu, chẳng còn phòng ngự. Mà chỉ còn tiến công vào sự lạc hậu, phân hoá, thù hận. Trên sân khấu của cộng đồng thế giới đang diễn ra sự cộng tồn của những yếu tố đối kháng nhau, và ở một mức độ nào đó đang có sự đấu tranh giữa những yếu tố đó, như một tất yếu của sự vận động xã hội. Cục diện mới của thế giới đang là tiền đề cho một *kỉ nguyên đa nguyên* đang trên đà thành hình trên khắp các mặt của cuộc sống. Một cảnh quan văn hoá mới của thế giới chăng? Hãy còn quá sớm để kết luận như vậy. Chỉ có một điều đã hiển nhiên là hệ thống giá trị mới, tư tưởng đa nguyên, đang là sự vận hành mới của văn hóa thế giới.

3 Sự vận động của cộng đồng Việt Nam chúng ta không thể tách rời sự vận động chung của khung cảnh văn hoá chung của thế giới. Văn hoá Việt Nam đã trải qua những biến động lớn từ hơn năm trăm năm nay, kể từ khi văn hoá Đại Việt(3) đạt đến đỉnh cao của nó rồi, bắt đầu trải qua thời kì suy thoái của nó. Những bất ổn chính trị, sự sa sút về giá trị tinh thần phơi bày

---

(2) Chủ nghĩa "hậu hiện đại" (post-modernism) xuất hiện rải rác qua những thời điểm khác nhau, tuỳ theo từng ngành tri thức. Ở trong bài này, chúng tôi nhìn nó ở giai đoạn đã phổ biến, tức là vào thập niên 80.

(3) Chúng tôi nhìn lịch sử văn hoá dân tộc theo chiều lịch sử tiến hoá thì nhận ra ba kỉ nguyên văn hoá lớn:

a/ văn hoá Lạc Việt (Văn Lang) mà đỉnh cao là văn hoá Đông sơn (với trống đồng và văn minh luá nước);

b/ văn hoá Đại Việt là kết quả của cuộc giao lưu với văn hoá Hán tộc, mà đỉnh cao là văn hoá Lý-Trần;

c/ kỉ nguyên văn hoá Việt Nam đang trên đường hình thành suốt từ khi bắt đầu giao lưu với văn hoá thái tây, với đủ các trào lưu tư tưởng nối tiếp nhau, nhưng đều có một sắc thái chung là duy lí, nhị nguyên.

Hậu quả của nó là chiến tranh (máu và nước mắt) không ngừng. Đỉnh cao của văn hoa ở kỉ nguyên Việt Nam chưa thấy một dấu hiệu nào là đang định hình!

ra trên bề mặt sinh hoạt xã hội ở đầu thế kỉ XVI là những dấu hiệu mở đầu cuả một thời kì khủng hoảng văn hoá, những dấu hiệu chỉ báo về một thoái trào cuả văn hoá Đại Việt. Hệ giá trị tinh thần do sự tổng hợp tư tưởng và nhân sinh quan tam giáo (Phật giáo, Nho giáo, Lão giáo) đạt được ở thời kì mà Trần Quang Khải đã cảm khái rất tự hào: "Lí đại quan hà nhị bách niên" (giang san nhà Lí trải dài qua hai trăm năm) và Trúc Lâm Yên Tử (thế kỉ XIII), khi sang đến triều đại nhà Lê thì đã trở nên nghèo nàn, sa sút. Các vua nhà Lê đã theo xu hướng chung cuả học phong Đông Á mà đưa Tống Nho(4) lên điạ vị độc tôn. Kịp đến khi người phương tây đến giao thương với đất Đại Việt, kéo theo đó là sự truyền bá tín ngưỡng Ki-Tô-Giáo và sau nó là văn hoá phương tây, thì văn hoá Đại Việt chính thức bước vào giai đoạn khủng hoảng trầm trọng. Kỉ nguyên văn hoá mới cuả dân tộc đã manh nha từ đây.

Liên tiếp năm trăm năm nay là những xung đột xã hội mà gốc rễ cuả chúng là những xung đột văn hoá nghiêm trọng: giưã hệ ý thức phong kiến Tống Nho và hệ tư tưởng phi-Nho, giưã văn hoá phong kiến và văn hoá nông dân, giưã văn hoá truyền thống và văn hoá ngoại lai. Trong cảnh quan sinh hoạt văn hoá như thế, văn hoá vô sản - mà các nhà lí luận Marxiste vẫn tô vẽ cho đậm - chỉ là một tư trào, dù có nhiều sức mạnh áp đảo cũng chỉ là sức mạnh gieo hoạ máu và nước mắt nhiều hơn cả, vì nó là "đỉnh cao" cuả hệ giá trị cuả *tư tưởng nhị nguyên* đã lần lượt thay chân nhau thống trị tư tưởng học phong. Văn hoá vô sản đã tự chứng tỏ khả năng thích nghi kém cỏi cuả nó vào thời kì hậu hiện đại, nên đã mất sức lôi cuốn đối với một nưả thế giới. Sự sụp đổ cuả cơ chế xã hội cộng sản là kết quả cuả sự thất bại cuả một tư trào văn hoá cuả thời hiện đại.

Một nét lớn cuả văn hoá Việt Nam trong suốt thế kỉ XX là ở tính cách đấu tranh quyết liệt giưã các thành phần cuả văn hoá dân tộc. Đạt mức căng thẳng cao độ là những thập niên cuối này cuả thế kỉ, khi thế giới đã bước vào thời kì văn hoá "hậu hiện đại". Ở trên kia đã nói qua về những thành phần đối kháng nhau trong sinh hoạt văn hoá chúng ta trong mấy chục năm qua. Nếu chỉ liệt kê ra, dù có theo từng cặp đối lập, thì cũng không tránh khỏi vụn

---

(4) Chúng tôi dùng từ ghép *Tống Nho* để phân biệt với hệ thống tư tưởng triết học *Khổng Nho*. Khổng Nho là phần tinh tuý cuả Nho Giáo khi chưa bị chế độ phong kiến Trung Hoa và các nước Đông Á biến làm công cụ ý thức hệ bảo vệ quân quyền. Hán Cao Tổ là người đầu tiên đã có ý muốn thống thuộc nho sĩ. Đến các vua nhà Tống thì bọn nho sĩ đã hoàn bị việc đưa Nho học lên hàng công cụ tư tưởng để củng cố vương quyền. Chính hệ thống tư tưởng nho gia đời Hán và đời Tống đã là nguồn triết lí chính trị cho chế độ phong kiến tập trung. Nhìn trên bình diện văn hoá thì góp chung Khổng Nho và Hán-Tống Nho là một sự khiên cưỡng.

vật; chúng tôi nghĩ là có thể quy những thành phần đối kháng nhau đó vào hai thành phần chính, dựa trên tính cách của chúng trong mối quan hệ lẫn nhau: "văn hoá mới" và "văn hoá cũ".(5) Ở đây, chúng tôi hiểu văn hoá cũ là những hệ thống giá trị tinh thần đương đại, xem như những khuôn mẫu về giá trị của một cộng đồng, và là hệ quy chiếu giá trị cho mọi hình thái sinh hoạt văn hoá của cộng đồng đó. Một cộng đồng càng có chiều dày lịch sử thì sự tích luỹ những hệ giá trị càng phong phú. Ngược lại, văn hoá mới là những hệ giá trị đương hình thành, có thể là kết quả của sự kế thừa và phát triển từ những hệ giá trị cũ, mà cũng có thể là do sự phản động lại những hệ giá trị cũ. Cần nói ngay là ý niệm cũ mới ở đây chỉ là những cái mốc của quá trình tiến hoá, không phải là những phán đoán giá trị. Trong quá trình biện chứng sinh thành thì văn hoá mới hôm nay sẽ là cũ trong tương lai.

4

(1) *Thành phần văn hoá thủ cựu, lấy hệ giá trị của mình làm thước đo giá trị:*

Quy vào thành phần văn hoá này là những thành phần thuộc mọi khuynh hướng trước kia đã một thời chiếm lĩnh địa bàn sinh hoạt văn hoá. Đâu là những thành phần "văn hoá cũ" đó? Nhìn lại đấu trường văn hoá của xã hội Việt Nam, có thể nhận thấy thành phần này rất đông, phức tạp. Thành phần này trải rộng ra từ những tầng lớp xã hội chọn lựa hệ giá trị phong kiến Tống Nho, hệ giá trị vô sản,... Dù là những hệ giá trị khác nhau nhưng tất cả

---

(5) Trong các tác giả bàn về văn hoá Việt Nam hiện đại, có Nguyễn Kiến Giang rất đáng chú ý. Ông vận dụng quan điểm biện chứng duy vật để nhận diện thực trạng văn hoá dân tộc hiện nay. Tác giả giới thuyết văn hoá hiện đại là từ Cách Mạng Tháng Tám 1945. Chúng tôi lại nghĩ rằng văn hoá hiện đại phải đưa lùi khởi điểm về tận Đông Kinh Nghiã Thục, với đủ tầm vóc ảnh hưởng sâu và rộng của nó đối với xã hội ta suốt thế kỉ XX. Chúng tôi hiểu ĐKNT là biểu tượng của phong trào duy tân vang dội khắp ba miền đất nước. Những thủ lĩnh của phong trào đã trở thành biểu tượng của một thế hệ canh tân đất nước về mọi mặt, trong đó văn hoá là địa bàn chủ đạo.
Khi điểm lại các thành phần văn hoá của dân tộc Việt Nam trong giai đoạn mà ông cho là khủng hoảng hiện nay, ông nhận ra ba thành phần: truyền thống, canh tân và phục hưng, hãnh tiến. Thiết nghĩ rằng tác giả nhìn giai đoạn khủng hoảng quá ngắn hạn, và quy chiếu vào sự khủng hoảng của hệ văn hoá vô sản trong nước. Khủng hoảng sẽ trở nên sâu sắc hơn, nếu tác giả mở rộng ra để bao trùm các hệ tư tưởng nhị nguyên đang đấu tranh với nhau trên địa bàn đất nước. Nhưng tất cả những luận điểm về khủng hoảng chỉ là do vị trí đứng của tác giả mà thôi. Chúng tôi thì nghĩ là đó là một thời kì chuyển tiếp cần thiết để bước về phía cái mới. Xem: Nguyễn Kiến Giang, "Nhìn nhận thực trạng văn hoá Việt Nam hiện nay". *Hợp Lưu* số 11 (th. 6&7.1993), tr. 5-28.

đều có chung một tính cách, là thủ cựu. Điều đó chẳng có gì ngạc nhiên, nếu ta nhớ là phần lớn các thành phần văn hoá này đều xuất thân từ hệ tư tưởng nông dân, vốn rất bảo thủ, thậm chí cố chấp. Điều này cũng cắt nghiã tại sao hệ tư tưởng phương đông thường bị xem là trì trệ, có sức "ì" lớn.

Thành phần văn hoá cũ còn gồm cả những hệ giá trị của những người thường gọi chung là những người "chống cộng ", "quốc gia" trong cộng đồng dân tộc chúng hiện nay, dù là ở trong nước hay ở hải ngoại. Đã có một số công trình nghiên cứu về các phong trào "quốc gia" ở Việt Nam. Nhưng nhìn ở bình diện văn hoá thì rất khó xác định hệ thống giá trị tư tưởng của phong trào "quốc gia" này. Lí do là không có một hệ giá trị tự thân của thành phần xã hội này: những người tự nhận là "quốc gia" hiện nay là hậu duệ của nhiều thành phần xã hội: hoặc là hậu duệ của nho gia phong kiến, hoặc của thế hệ thư lại, trí thức thuộc điạ, hoặc nưã là xuất thân từ thành phần thị dân mới phát triển cuối chế độ phong kiến. Không có những bằng chứng rõ nét của hệ giá trị tư sản (theo lí luận duy vật lịch sử của người Marxiste) trong xã hội chúng ta. Vì như chúng tôi đã trình bày, hệ giá trị chủ đạo của xã hội Việt Nam cho đến nay vẫn chưa thoát ra hệ tư tưởng nông dân. Thành phần chỉ là phản diện của người cộng sản mà thôi. Thành phần văn hoá này cũng tỏ ra rất khó tiếp thu những nhân tố mới, khiến đã xảy ra những trận "huyết chiến" để tử thủ những giá trị tinh thần mà họ tôn sùng.

Tập hợp thành phần văn hoá cũ như thế thì khá rộng, bao gồm nhiều tập hợp nhỏ rất khác biệt nhau về nhiều mặt, nhưng lại đồng nhất với nhau ở một điểm duy nhất nhưng lại rất cơ bản. Đối với tất cả những người này thì "đằng sau dãy núi Pyrénées là sự sai lầm". Đối với thành phần văn hoá thủ cựu này thì lịch sử của loài người đến họ là ngừng lại. Hệ giá trị của họ là đỉnh cao của trí tuệ loài người. Vì thế kẻ nào không quy phục chủ nghiã cộng sản là không yêu nước, là kẻ "địch", phải dùng bạo lực của chuyên chính mà tiêu diệt chúng. Cũng theo một khuôn lí luận như thế, nhưng ở thể đảo, thì những kẻ nào chủ trương rằng người cộng sản cũng là người anh em của cộng đồng dân tộc, là những kẻ nối giáo cho "giặc", phải nhân danh lí tưởng "chống cộng" để bảo vệ lí tưởng "quốc gia"... Con người được hấp thụ trong bầu không khí văn hoá này thường rất hãnh tiến, thường tự khoác vào họ những "sứ mệnh lịch sử" là những chiến sĩ bảo vệ lí tưởng, chân lí, giá trị của cuộc sống.

Có những giai đoạn trong lịch sử, những chiến sĩ bảo vệ hệ giá trị nhị nguyên, thủ cựu kể trên có thể đã có những lúc nắm được vai trò chính trị để bảo vệ hệ giá trị mà họ sẵn sàng đổ máu vì nó. Nhưng cũng lại phải ghi nhận một sự thật của lịch sử là tất cả những thời kì đó đều không phải là những

thời kì vẻ vang cho lắm trong lịch sử nước nhà. Lịch sử thường cho rằng đời vua Hồng Đức (thế kỉ XV), Minh Mạng, Tự Đức (thế kĩ XIX) là những thời kì vẻ vang cuả văn hoá Đại Việt. Điều này có thể cần phải xét lại. Ở đây cần phân biệt là xã hội thanh bình và văn hoá phát triển. Xã hội không có chiến tranh có thể gọi là một xã hội thanh bình cũng được đi, nhưng chưa hẳn là xã hội có văn hoá, nếu sự thanh bình là kết quả cuả sự trấn áp.

Đọc kĩ lại lịch sử những thời kì gọi là thanh bình cuả nước ta, nhìn lại nó ở cơ tầng văn hoá thì sẽ nghe thấy tiếng kêu than cuả dân chúng, sự thao thức khắc khoải cuả một xã hội phong kiến, trong đó địa vị "thiên tử" và "thần dân" là một khoảng cách quá xa. Bộ Luật Hồng Đức hay bộ luật Gia Long có phải là hai thần hộ pháp cuả một chế độ phong kiến kéo dài, quá dài? Chúng ta đừng quên là Nguyễn Trãi chết oan khốc khi nhà Lê vưà bình định đất nước. Chúng ta cũng không quên là những thần tử như Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát... phải long đong thân thế vì cái hoạn lộ cuả triều đình nhà Nguyễn. Đọc sử mà nghe ra nhịp đập con tim cuả lịch sử thì có thể nhận ra rằng thời kì Hồng Đức không huy hoàng như sử quan triều đại xa xưa vẫn tán tụng, mà chỉ là bắt đầu một thoái trào cuả văn hoá Đại Việt; và thời kì vua Minh Mạng hay Tự Đức trị vì cũng chỉ là những giai đoạn bi thảm cuả văn hoá dân tộc: xã hội bất ổn thường xuyên, văn hoá bế tắc, những con người như Nguyễn Trường Tộ là những con người lạc lõng cuả một thời kì kêu gào đổi mới. Xã hội trong những giai đoạn vưà kể đều chứng kiến một yếu tố giống nhau: những giá trị cũ (cuả kỉ nguyên văn hoá Đại Việt) đã chỉ còn là những cái xác vô hồn, mà những giá trị văn hoá mới (cuả kỉ nguyên văn hoá Việt Nam) cũng chưa kịp hình thành.

Khi xã hội được mở cưả giao tiếp với văn hoa phương tây thì sinh hoạt các tầng lớp xã hội cũng đổi thay, hệ giá trị cuả một thành phần xã hội mới ra đời do kết quả cuả sự phát triển nếp sống thị dân, thương buôn, và quan lại mới. Thành phần xã hội này sẽ đóng vai trò rất tích cực trong việc thay đổi bộ mặt sinh hoạt văn hoá Việt Nam ở thế kỉ XIX và XX. Hệ giá trị cuả thành phần văn hoá này không đồng nhất với hệ giá trị nông dân, mà trong chừng mực nào đó, vẫn là đầu nguồn cho những bước phát triển văn hoá ở thế kỉ XX. Với nhịp độ đô thị hoá ở miền Nam Việt Nam, thành phần văn hoá thị dân này đã chiếm lĩnh vai trò lãnh đạo xã hội trong một thời gian, cho đến khi người cộng sản vào thay chân họ, đẩy lùi họ vào bóng tối cuả văn hoá cũ.

Như vậy là hoàn cảnh xã hội Việt Nam trong hơn năm trăm năm qua đã có thưà thời gian để tích luỹ lực lượng văn hoá thủ cựu, bao gồm thành phần văn hoá phong kiến, văn hoá thời thuộc địa và cuối cùng là văn hoá vô

sản. Trong khung cảnh thế giới hiện nay, những thành phần văn hoá cũ này đang bị đẩy lùi dần vào góc tối của lịch sử. Mau hay chậm là tuỳ ở nhịp độ phát triển (của kinh tế xã hội) và dân chủ (trình độ dân trí).

(2) *Thành phần văn hoá cấp tiến, lấy hệ giá trị đa nguyên làm thước đo giá trị:*

Những nét phác trên đây có thể gây ngộ nhận là văn hoá dân tộc chỉ là một mớ hỗn tạp những thành phần văn hoá cũ, bảo thủ. Thật ra, thời nào cũng thế, luôn luôn có những người hào kiệt để xoay chuyển xã hội đi lên. Phải nói ngay là trong quá trình lịch sử, thành phần văn hoá này là động lực của mọi phát triển, tiến bộ. Điều kiện tinh thần cơ bản của thành phần văn hoá cấp tiến là không bó hẹp trong khuôn khổ hệ giá trị đương thời, mà sẵn sàng nhìn nhận những giá trị mới xem như là những nhân tố của phát triển, tiến bộ. Thời nào cũng thế, trong khi thành phần văn hoá bảo thủ chỉ nhìn nhận những giá trị văn hoá là tĩnh tại, thì những con người cấp tiến nhìn những giá trị, bản sắc văn hoá cũng chỉ là một "cơ thể sống", đòi hỏi những sinh lực mới để tồn tại qua chiều dài của lịch sử.

Trong quá trình phát triển của lịch sử dân tộc, những chiến sĩ tiền phong của văn hoá dân tộc đã hình thành văn hoá Văn Lang từ những nhân tố của bao nhiêu thành phần văn hoá trước đó. Nhưng khi đạt đến những đỉnh cao của kỉ nguyên văn hoá Văn Lang, dân tộc chúng ta không ngừng lại. Đất nước rơi vào vòng Bắc thuộc là một bất hạnh của lịch sử, nhưng lại là cơ duyên cho một giao lưu văn hoá lớn lao suốt một ngàn năm. Văn hoá Đại Việt là kết quả của một sự thoát xác văn hoá lớn mà thành, hẳn nhiên phải do công đầu của những con người cấp tiến, tiền phong thuộc về kỉ nguyên đó. Sự vận động văn hoá đã liên tục trỗi dậy từ khi hai bà Trưng nổi dậy (thế kỉ I) cho đến khi nhà Lí lên ngôi vua, và đưa văn hoá Đại Việt lên đỉnh cao rực rỡ. Những bộ óc lớn của triều đại vua Lí đã đưa hệ giá trị văn hoá "dung tam tế" lên một đỉnh cao của thời kỳ lịch sử các vị. Khi lịch sử đã đủ dài để có một cái nhìn quán xuyến thì lịch sử cũng đã phải thừa nhận thời Lí-Trần là một đỉnh cao của cả kỉ nguyên văn hoá Đại Việt.

Trở lại thời đại của chúng ta. Văn hoá dân tộc thuộc kỉ nguyên Đại Việt đã lùi vào dĩ vãng. Một kỉ nguyên mới đang trên đường hình thành suốt năm trăm năm nay: kỉ nguyên văn hoá Việt Nam. Suốt năm trăm năm qua, chúng ta đã được biết được rất nhiều tên tuổi những cá nhân và tập thể những con người cấp tiến, tiến bộ đã tiếp nối nhau góp phần tô điểm cho việc định hình kỉ nguyên văn hoá Việt Nam cho dân tộc. Những con người như Ngô Thì Nhậm, Nguyễn Trường Tộ, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh,... là

những con người tiên phong ở thế hệ của họ. Vai trò lịch sử của họ bền vững hay ngắn ngủi là do khả năng thích nghi của họ đối với những hệ giá trị mới, thể hiện qua khả năng tự phủ định để tiếp nhận nhân tố văn hoá mới.

Bước vào thập niên cuối thế kỉ XX, lịch sử dân tộc chứng kiến một bước ngoặt lớn: trật tự thế giới mới đang hình thành, những hệ thống giá trị cũ đang chịu thử thách khốc liệt của lịch sử. Đảng cộng sản Việt Nam hay những người chống cộng, đều bị tắc nghẽn trong vũng lầy hệ tư tưởng nông dân và những phó sản của nó, và do đó đã tỏ ra thiếu khả năng thích ứng với thời đại đang đổi thay. Nhưng trong xã hội vẫn đã và đang có những con người nhìn ra một bình minh mới của lịch sử. Họ có thể là người tu sĩ Phật giáo, Thiên chuá giáo, có thể là người trí thức hay nông dân, họ cũng có thể là người chiến sĩ hay công nhân... Mọi thành phần xã hội Việt Nam đều xuất hiện những con người tiến bộ, cấp tiến, có khả năng vứt bỏ gánh nặng xiềng xích văn hoá cũ để lên đường tạo một thời mới.

Thời đại mới không còn là thời kì độc chiếm sân khấu sinh hoạt xã hội của những *chủ nghiã độc quyền*. Hiện nay, cuộc vận động cho phong trào dân chủ đa nguyên ở cuối thế kỉ XX đã bùng lên từ những *ánh lửa duy tân của một thời đại mới*, mà biểu tượng của thời đại là những chiến sĩ trong nhà tù vì lí tưởng đấu tranh chống lại thái độ độc quyền của người cộng sản, và giương cao ngọn cờ tự do và dân chủ đa nguyên. Họ cũng còn là những người đang vận động dân chủ ở khắp nơi tại hải ngoại trên mọi địa bàn hoạt động: văn nghệ, hoạt động xã hội, truyền thông, chính trị, giáo dục... Những người vận động cho dân chủ đa nguyên ở cuối thế kỉ XX này cũng đang nối tiếp những thế hệ tiền phong trước kia, không hề dị ứng với bất cứ những hệ giá trị của văn hoá cũ, trong đó có cả văn hoá của người vô sản. Nhưng, cũng như các thế hệ đi trước, họ không còn thấy bất cứ thành luỹ phòng ngự của những hệ giá trị đó là có thể chấp nhận được. Tất cả những hệ giá trị tinh thần nào không có khả năng thích nghi vào một thời đại mới thì sẽ không có đủ sinh lực đi vào tương tai.

Thành phần văn hoá cấp tiến, tiến bộ hiện nay nhìn nhận những giá trị truyền thống, nhưng cũng hiểu rằng những cái gọi là "giá trị truyền thống", "bản sắc Việt Nam" chỉ là những cái xác không hồn nếu chúng không giúp cho đất nước chúng ta vực dậy mà bước vào thế kỉ XXI. Cuộc vận động lâu dài của xã hội Việt Nam để đi tìm bản sắc văn hoá mới, đã diễn ra từ năm trăm năm có lẻ rồi, chứ chẳng phải là mới đây. Hãy trở ngược thời gian để nhìn lại những làn sóng duy tân đất nước từ thế hệ của những Nguyễn Trường Tộ qua các thế hệ Đông Kinh Nghiã Thục, rồi thế hệ Tự Lực Văn Đoàn, thế hệ Nhân Văn Giai Phẩm ngoài bắc và Sáng Tạo trong nam... Tất cả đã liên

tục khai phá những bước phát triển mới cho sinh hoạt văn hoá cuả từng giai đoạn. Văn hoá dân tộc ở mỗi thời kì tiến hoá như vậy đều làm những cuộc gạn đục khơi trong quá khứ để thoát xác thành những hệ giá trị mới. Lịch sử là những đợt thoát xác nối tiếp nhau. Ở mỗi giai đoạn như thế, có thể là có sự kiện mà nhiều nhà lí luận văn hoá vẫn xem như là những giai đoạn "khủng hoảng văn hoá". Khủng hoảng chỉ là một cách nhìn từ thế đứng cuả những hệ giá trị đã bị vượt qua mà thôi. Cho nên khủng hoảng đối với văn hoá cũ lại là một thời kì chuyển tiếp cuả văn hoá mới. Hành lí cuả lịch sử dân tộc bốn nghìn năm là một hành lí phong phú nhưng nặng nề. Đứng trước ngưỡng cưă cuả thế kỉ mới, cuộc kiểm thảo văn hoá là một sự tất yếu cho một cuộc lên đường lành mạnh.

Như thế thì lằn ranh giưã tiến bộ và thủ cựu được vạch ra một cách dứt khoát. Từ hơn mười năm nay, những người tiền phong cuả phong trào dân chủ đa nguyên đang là đối tượng chống phá cuả mọi thành phần văn hoá thủ cựu. Điều này đã chứng tỏ xu thế cuả lịch sử đang li khai với những hệ giá trị cũ, và nhân tố văn hoá mới đã và đang chiếm lĩnh vai trò lịch sử trong xã hội. Chưa bao giờ lại có sự liên minh "tuyệt hảo" giưã những tiếng nói đối nghịch nhau nhưng lại giống nhau về bản chất: cực đoan, cố chấp, thủ cựu. Nhưng cũng chưa bao giờ nhu cầu văn hoá lại trở nên khẩn trương hơn.

5 Hai thành phần cuả cuộc đấu tranh văn hoá vưà kể đang vận động như thế nào trong khung cảnh xã hội hiện tại? Trước hết, cần ghi nhận là thế hệ chúng ta hôm nay đang nối tiếp thế hệ cha anh trong cuộc vận động chuyển tiếp dài lâu, để góp phần xây dựng một kỉ nguyên văn hoá mới. Hoạt động xã hội, giáo dục, kinh tế, văn nghệ,... tất cả mọi sinh hoạt xã hội đều là những phần việc cuả một thời kì chuyển tiếp này.

Có nhiều hình thái giao lưu trong thời kì chuyển tiếp, giưã hai thành phần văn hoá, và cả giưã các yếu tố cuả mỗi thành phần văn hoá nói trên.

(1) Trước hết là *sự chung sống giưã các thành phần khác nhau cuả hệ giá trị "văn hoá cũ"*. Hiện nay, sự cộng tồn cuả những thành phần văn hoá thủ cựu đang diễn ra những xung đột gay gắt. Sự chung sống không có hoà bình, nhưng không có con đường nào khác. Có thế mới hiểu được là thỉnh thoảng trong cộng đồng "người Việt chống cộng" ở hải ngoại mới nổi lên lời hô hoán rằng có cộng sản trà trộn trong nội bộ cộng đồng họ, và phải "quét sạch chúng" đi. Và ngược lại, nhà cầm quyền Hà Nội không ngừng lên giọng cảnh giác về sự len lỏi cuả "kẻ địch" qua những chiến dịch "tấn công hoà bình", "chuyển lưả về quê nhà"...

Như đã trình bày, trong tình hình hiện nay, những con người chống đối nhau một mất một còn, lại cũng có thể là những kẻ rất giống nhau trong việc chống phá những người tiền phong cấp tiến. Hãy lấy trường hợp người cộng sản và người "quốc gia chống cộng" đồng thanh tấn công chủ trương "hoà giải-hoà hợp dân tộc". Người cộng sản không bỏ lỡ cơ hội để hô hào "hoà hợp hoà giải dân tộc", nhưng lại không hết lời thoá mạ những ai muốn "hoà giải hoà hợp dân tộc".(6) Vì lẽ rằng những người dân chủ trong và ngoài nước khi đưa ra phương châm "hoà giải hoà hợp dân tộc" là đã tấn công vào tim đen của một thái độ thù địch của thành phần văn hoá cũ, tấn công vào chính lẽ tồn tại của thái độ muốn độc quyền, một thái độ ứng xử thiếu văn hoá.

Cùng một thái độ ứng xử tương tự như trên, nhưng ở một tư thế đối lập hẳn, những người gọi là "chống cộng" trong cộng đồng sẵn sàng nhân danh lí tưởng chống cộng để có thể lên án những người chủ trương hoà giải hoà hợp dân tộc là tự trói mình quỳ lạy cộng sản để xin bắt tay cộng tác, là đầu hàng, là phản bội(!). Thái độ cực đoan đã dẫn đến những hành vi bạo động, chẳng hạn như hô hào tẩy chay sách báo, hoặc kéo lê những quyển sách in tại hải ngoại mà dám đặt vấn đề đối thoại với người cộng sản, dù là để nhằm mục đích gợi mở ý thức về sự phi lí của tham vọng độc quyền chân lí.(7) Thái độ như thế thật chẳng khác gì với hành vi của khối hồi giáo cực đoan khi họ đốt sách, tuyên án tử hình nhà văn Salman Rushdi - một hành vi khó giải thích nếu không nhìn từ bình diện văn hoá.

Những thành phần văn hoá đối lập nhau thường chỉ muốn triệt tiêu

---

(6) Hai cách nói ở đây không giống nhau, và do đó cũng khác nội dung. Cách nói "hoà hợp hoà giải dân tộc" ra đời vào những năm cuối của Việt Nam Cộng Hoà, để chỉ một lực lượng chính trị thứ ba. Lực lượng chính trị thứ ba này thật ra chưa phải là một phong trào quần chúng thực sự, mà chỉ là công cụ của cả hai lực lượng chính trị chính của miền Nam lúc đó. Ngược lại, cách nói "hoà giải hoà hợp dân tộc" là một cách nói có nội dung khác hẳn, ra đời trong một hoàn cảnh chính trị khác hẳn. Phong trào vận động dân chủ đa nguyên tại hải ngoại chủ trương rằng *hoà giải* là điều kiện tiên quyết để giải giới thái độ bạo động, trước khi tiến đến *hoà hợp* dân tộc, chấm dứt một thời kì bi kịch của dân tộc. Đây là một thị kiến có tính cách mạng, mà nguồn gốc sâu xa là tư tưởng từ bi của đạo Phật, hay tư tưởng bác ái của Ki-Tô.

(7) Chúng tôi không nhắc đến ở đây những thủ đoạn bất chính của những cá nhân hay tổ chức trong nước hay hải ngoại nhằm triệt hạ "đối thủ" bằng hình thức bạo động: từ gậy gộc, lựu đạn, đến những bài báo có dụng ý nhục mạ người khác ý kiến với mình. Đó chỉ là thái độ côn đồ không hơn không kém. Ứng xử với nhau bằng hành vi côn đồ là biểu hiện của nếp sống thiếu văn hoá, mà chỉ có giáo dục dân trí mới có thể giải quyết tận gốc.

lẫn nhau; nhưng lịch sử cũng phơi bày một nghịch lí vĩ đại là những kẻ tử thù như thế lại đang rất cần nhau để tồn tại, và để bảo vệ lẽ tồn tại của mình. Dù là người chống cộng hay là người cộng sản, sự phân biệt địch-ta rất là mạnh. Người cộng sản dựa vào lí thuyết đấu tranh giai cấp để mà tạo dựng một tấm bình phong chính trị rất hiệu nghiệm là chuyên chính vô sản. Ngày nay, người cộng sản Việt Nam vẫn còn lưu luyến với hai vũ khí cốt tử của họ để bám víu quyền lực. Người "quốc gia" phải dùng oán để báo oán, và xem là thứ vũ khí cốt tử của họ để đền bù lại những mất mát, những đau nhục của chiến bại và bị hành hạ.

Tại sao lại có những hiện tượng đau lòng như thế? Chúng tôi trộm nghĩ rằng những mâu thuẫn kịch liệt trong nội bộ thành phần "văn hoá cũ" một phần rất lớn là hệ quả của lối ứng xử của tư tưởng nông dân, mà đặc tính của nó là sự bảo thủ, trì trệ. Tư tưởng nông dân rất khó tiếp thu những yếu tố văn hoá mới. Một lĩnh tụ cộng sản đã phải thốt lời nhận xét về ý thức nông dân như thế này: "Đối với người nông dân thì chỉ sự thuyết phục cao nhất là chính luống cày của họ." Luống cày vừa cho họ cái *lợi*, lại vừa là một đối tượng *cụ thể*. Hai thuộc tính của lối suy nghĩ kiểu nông dân như thế là hai biểu hiện của óc thiển cận, và từ đó đến óc cố chấp thì khoảng cách không xa bao lăm. Hễ đã tin tưởng một điều gì là chân lí thì người nông dân không dễ thay đổi, và sẵn sàng sống chết cho niềm tin đó. Tâm lí nông dân chính là một lối biểB của quan điểm nhận thức nhị nguyên: hễ tôi đúng thì anh phải sai. Con người ta sống ở thành thị, trong một quốc gia tân tiến hàng đầu của thế giới, nhưng sự nhận thức của họ không theo kịp với trình độ nhận thức của xã hội chung quanh. Nhận thức của họ vẫn gắn liền với nhận thức của một xứ nông nghiệp-thuộc địa. Sự thật có vẻ phũ phàng, nhưng đúng là như thế.

(2) Ngoài ra, còn có *sự chung sống giữa hai thành phần "văn hoá cũ" và "văn hoá mới"*. Trong lòng xã hội Việt Nam đã không ngừng dấy lên những tiếng nói ngược chiều. Đó chính là những dấu hiệu của sự xung đột giữa hai hệ giá trị cũ và mới trong xã hội. Một thí dụ: vào thập niên 70, hệ giá trị văn hoá vô sản còn đang thống trị tuyệt đối trong nước, một nhà lí luận văn học tại Hà Nội viết một bài báo ngắn tổng kết thành quả của ba mươi năm văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam. Tác giả cho rằng đó chưa thật sự là văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa đúng nghĩa, mà chỉ là một nền "văn học hiện thực phải đạo". Lối dùng uyển từ phải đạo chỉ là một cách nói khéo về sự so sánh kín đáo giữa nền văn học này với thứ văn học "văn dĩ tải đạo" thời phong kiến. Thật vậy, văn học gì mà chỉ có những nhân vật "phải là" (những hình mẫu chỉ có trong trí tưởng) chứ không phải là những nhân vật

"đang là" (những con người bình thường hằng ngày cũng có hạnh phúc và đau khổ, và khi đau khổ thì cũng biết khóc). Đây là một tiếng nói lẻ loi đơn độc ném ra.

Nhưng rồi, "khi quần chúng tự thức tỉnh, và nhận ra rằng không thể chấp nhận một cuộc sống như cũ nưã", thì xuất hiện những Đức Nhuận, Quảng Độ, Nguyễn Đan Quế và Đoàn Viết Hoạt cùng những người như Tuệ Sĩ và Lê Mạnh Thát, rồi sau đó những Nguyễn Kiến Giang, Hà Sĩ Phu, Tiêu Dao Bảo Cự... Tất cả đã lên tiếng cách khác nhau nhưng cùng đặt lại giá trị nền tảng cuả hệ giá trị hiện tồn trên đất nước. Hệ giá trị văn hoá đương đại bỗng nhiên hết còn là những giá trị bất hoại. Phong trào vận động dân chủ đa nguyên hiện nay đã thu hút những nhân vật trong đảng và ngoài đảng cộng sản, và đang là một nhân tố quan trọng để thúc đẩy sự thành hình một mũi tiến công trên toàn bộ cuộc sống văn hoá dân tộc. Văn hoá cộng sản chỉ còn là thứ "vật chất" cũ kĩ, đang chờ đợi sự đào thải cuả lịch sử. Sự đấu tranh giưã cái cũ và cái mới như thế là một sự đấu tranh đối kháng cuả thời đại hôm nay.

Tại hải ngoại, sự chung sống cuả hai hệ văn hoá cũ và mới cũng đang diễn ra dưới một hình thái tương tự. Giưã một tình hình trì trệ cuả một cộng đồng lưu vong vưà cay đắng cho sự thất bại nhục nhã, vưà bùng cháy một niềm thù hận, cộng đồng người Việt hải ngoại vùng vẫy trong giấc mơ phục quốc, buổi đầu chỉ với một vũ khí quen thuộc: bạo lực. Cộng đồng nhận ra rất nhanh là thế giới đã thay đổi, bạo lực chỉ là một phương tiện không tưởng. Trong lúc ấy thì phong trào đổi mới ở trong nước bùng lên, phản ánh chút ý thức mong manh về nhân tố văn hoá mới cuả thời đại. Nhưng rồi sự cởi trói văn hoá đã sớm xiết chặt lại, phơi rõ bàn tay cuả giới lãnh đạo chính trị trong việc nhào nắn tầm nhìn và ý thức cuả trí thức, nghệ sĩ trong nước. Sự thất bại cuả phong trào đổi mới tư tưởng-văn hoá dù sao cũng phản ánh một nhu cầu chính đáng cuả văn hoá mới. Ngoài ra, nó cũng là một đợt thao diễn cơ bản cuả sĩ khí người trong nước vậy.

Đối với một thành phần cộng đồng hải ngoại, sự hình thành mặt trận dân chủ là một hướng hành động mới, phù hợp với một ý thức mới về cuộc vận động chính trị-văn hoá mới: dân chủ đa nguyên. Sự có mặt cuả những tập thể như nhóm *Thông Luận, Hợp Lưu, Trăm Con, Đối Thoại*... chẳng hạn, là những tiếng nói mới nổi lên từ một cộng đồng đang chìm ngập trong hệ giá trị cuả văn hoá cũ. Hành trình văn hoá mới tại hải ngoại cũng chẳng êm ả gì, vì lẽ tất nhiên là lực lượng văn hoá cũ phải chống phá để bảo vệ lẽ tồn tại cuả mình. Những hành vi phá hoại và bạo động đối với những cá nhân và tập thể cấp tiến nói trên là phản ứng tất nhiên cuả văn hoá cũ trong cuộc "đọ

sức lịch sử" này.

Tính cách nổi bật cuả cuộc đối đầu giưã cái cũ và cái mới ở đây là sự đối đầu cuả hai ý thức: giưã bảo thủ cố chấp và cấp tiến, giưã sự đoái tưởng dĩ vãng và nhìn về tương lai. Chứng cứ? Hãy lấy một thí dụ rất dễ thấy: văn học nghệ thuật. Văn học hải ngoại giai đoạn từ 1975 đến nay phản ảnh khá rõ hình thái sinh hoạt văn hoá cuả cộng đồng hải ngoại: hai thành phần văn hoá cũ và mới cùng đan xen với nhau trong cuộc tranh giành ảnh hưởng trong quần chúng. Và cũng là sự phản ảnh trung thực cán cân lực lượng, rất nhiều phần sinh hoạt chữ nghiã chỉ là một khoảnh nối dài cuả văn nghệ Việt Nam Cộng Hoà cũ. Nội dung cuả sinh hoạt văn học nghệ thuật cũng rất nhiều phần là sự đoái tưởng dĩ vãng. Điều đó cắt nghiã hiện tượng "chựng lại" và "chất vấn lương tâm" cuả văn nghệ hải ngoại, khi những sáng tác cuả một vài tác giả cấp tiến nước (Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Nguyễn Duy...chẳng hạn) lọt ra đến ngoài. Ý thức làm mới văn học nghệ thuật chưa phải là một ý thức chủ đạo cuả giới văn nghệ hải ngoại. Chỉ có một số không nhiều các tập san và nhà xuất bản thực sự nhìn nhận một thôi thúc mới, đi tìm những giá trị mới cho sinh hoạt văn hoá.

(3) Bên cạnh hai hình thái chung sống không hoà bình giưã văn hoá cũ và văn hoá mới, cũng cần ghi nhận thêm một hiện tượng thứ ba: sự *lẩn tránh*. Đây là dấu hiệu cuả cự phân hoá thành phần văn hoá cũ mà thôi. Không muốn đối đầu giưã cũ và mới, một thành phần cuả hệ giá trị cũ tìm được một tuyến phòng ngự khá an toàn: làm văn hoá thuần tuý, có người gọi là "tô bồi quốc học".

Phải nói ngay rằng trao truyền văn hoá cho thế hệ trẻ là một nhu cầu thường xuyên, dù là văn hoá cũ hay văn hoá mới, dù là ở trong nước hay ở ngoài nước. Trao truyền văn hoá dân tộc cho thế hệ trẻ là trao lại tấm căn cước văn hoá cuả một cộng đồng dân tộc. Chuyện đáng nói ở đây là thái độ chọn lựa cuả một thành phần cuả cộng đồng: thái độ lẩn tránh việc nhận diện bản chất chính trị cuả cuộc đấu tranh giưã hai hệ giá trị văn hoá cũ và mới. Văn hoá dân tộc đang phải đương đầu một thử thách lịch sử, đang cần phải lột xác để đi vào kỉ nguyên văn hoá mới. Vậy thì thái độ nào là thái độ chính đáng cuả người làm văn hoá? Xây dựng và tô bồi quốc học, nhưng là thứ quốc học cuả bọn trí thức hương nguyện hay là thứ quốc học do những nhà yêu tiến bộ trong suốt dọc dài lịch sử bốn nghìn năm góp phần tô bồi?

Một ý thức tô bồi quốc học không thể không gắn liền với ý thức về những hệ giá trị cuả mỗi thời kì tiến hoá cuả văn hoá dân tộc. Thế hệ trẻ cần được giảng cho thấy là tiền nhân chúng ta chưa bao giờ toạ hưởng văn hoá

dân tộc như một mâm cỗ thần kì. Quốc học đã phải là những vận hành, những đấu tranh giữa những hệ giá trị cũ và mới, cấp tiến và thủ cựu ở mỗi thời kì lịch sử. Một ví dụ rất nhỏ: nếu hôm nay, thế hệ trẻ Việt Nam được tìm hiểu về hệ thống tư tưởng Nho Gia thì tất nhiên không thể tránh việc phải tìm hiểu về những nhà nho kiệt xuất ở những chặng lịch sử khác nhau: Chu An, Nguyễn Trãi, Ngô Thì Nhậm, Phan Bội Châu... Tất cả những nhà nho ở trên dọc dài lịch sử đều học một sách, sống và nghĩ theo cùng một hệ tư tưởng. Vậy mà sao có nhà nho hương nguyện, và nhà nho cấp tiến? Sự khác biệt chỉ là do tinh thần "tư duy độc lập" của những sĩ phu mỗi thời. Người trí thức đúng nghiã là những người có tinh thần phê phán, chứ không phải là những kẻ "tận tín thư" (tin cả vào sách vở). Ngô Thì Nhậm chính là người như thế. Ông là một khuôn mặt nhà nho lớn ở thời suy vi cuả văn hoá Đại Việt. Con người ông là hiện thân cuả những suy nghĩ lớn vượt thời đại, mà bọn nho sĩ sử quan thiển cận không thể hiểu được, nên đã buông lời xằng bậy. Dựa vào những trang sách nhảm nhí như thế để cũng lên lời chấm công phê tội một người như ông thì sao gọi là tô bồi quốc học được?

Đặt câu hỏi trên đây là để nhận rõ một thực trạng xã hội hiện nay: không thể làm văn hoá thuần tuý cách lià thái độ nhận thức nhu cầu tất yếu cuả lịch sử dân tộc là vận hành về tương lai. Cho nên, nếu trống đồng Đông Sơn có linh thiêng thì hãy dóng lên tiếng trống thúc giục dân tộc sớm hình thành kỉ nguyên văn hoá Việt Nam, vì đã năm trăm năm máu và nước mắt rồi. Nếu trống đồng có khôn thiêng thì cũng cần phải hiểu cho rằng không bao giờ lịch sử dân tộc lại quay trở lại kỉ nguyên Văn Lang đâu, dẫu cho kỉ nguyên ấy có là thời hoàng kim cuả dân tộc từ hai ba nghìn năm trước. Cũng thế, thời hoàng kim cuả văn hoá Đại Việt là thời kì huy hoàng kéo dài hai trăm năm. Nhưng thế kỉ XXI sắp tới đây lại không phải là thế kỉ XI-XIII, mà lịch sử cũng không quay trở lại ngược chiều kim đồng hồ bao giờ! Cái còn lại cuả văn hoá Văn Lang và Đại Việt thật ra thì vẫn còn đó: tô bồi quốc học đúng nghiã là phải vận dụng gia sản cũ vào những hoàn cảnh đất nước mới, để góp phần hình thành những giá trị văn hoá mới. Nhìn nhận gia sản văn hoá tổ tiên như vậy thì mới thấy thái độ lẩn tránh sự đối đầu giưã hệ giá trị cũ và mới là một thái độ ảo tưởng. Vì thời thế đã dẫn chúng ta đến cảnh ngộ đối đầu như thế, con người không thể giả vờ không biết đến tình thế "khẩn trương" đó.

6 Cộng đồng Việt Nam sẽ đi về đâu? Trong tình hình rối nát như hiện nay, liệu cộng đồng này có sắm được vai trò gì trong cuộc vận động văn hoá mới? Cho đến nay, có ít nhất là ba quan điểm rất trái ngược nhau.

(1) Quan điểm thứ nhất cho rằng cộng đồng người Việt hải ngoại trước kia là một tập thể ô hợp, không định hướng, và nhất là thiếu lãnh đạo. Đến gần đây, khi những làn sóng Việt kiều về thăm nước đã quét luôn cả những phần tử chống cộng "đến tận răng" cũng dần dà lẩn lút hay công khai về thăm cố hương, thì cộng đồng hải ngoại hầu như đã tan rã dần. Cộng đồng như thế chỉ còn là một đám đông vô danh, và sự gắn bó giữa các cá nhân và tập thể với nhau chủ yếu là trên cơ sở kinh tế, tiêu dùng. Hoạt động văn hoá, giáo dục? Ý thức yêu nước yêu dân tộc? Khó có thể hình dung là có những loại hoạt động như thế ở hải ngoại! Một rừng sách báo, phim ảnh, điã hát ở hải ngoại chỉ thu gọn lại là những món hàng tiêu thụ, để người ta giải trí như người ta thưởng thức một bát phở ngon!

Nói cách khác, cộng đồng người Việt hải ngoại dường như đang như một bóng mờ sắp tan loãng. Cho nên những ai còn có lòng với đất nước không nên phí công vận động hô hào đoàn kết với những bóng ma. Những người hoạt động dân chủ trong nước đang cần chúng ta hỗ trợ hơn.

(2) Quan điểm thứ nhì lại cho rằng cộng đồng hải ngoại là một tập hợp những người con dân của đất nước vẫn không phụ rẫy đất mẹ. Và cộng đồng hải ngoại từ hai mươi năm nay vẫn đóng góp phần của nó vào việc phục hưng đất nước: số ngoại tệ khổng lồ hằng năm về tiếp cứu cho thân nhân nhưng cũng là gián tiếp giúp đất nước tỉnh lại sau những cơn thoi thóp vì sự quản lí tồi tệ ở trong nước. Đến nay, sau hai mươi năm tích luỹ tài nguyên quý giá là nhân tài và vật lực, cộng đồng hải ngoại có thể sẽ còn có nhiều đóng góp phần mình vào việc xây dựng đất nước trong tương lai.

Chính vì vai trò rất tích cực như thế, cộng đồng hải ngoại xứng đáng có một chỗ đứng trong cộng đồng dân tộc. Cộng đồng hải ngoại phải nhận ra sức mạnh tiềm tàng của mình để nghiêm chỉnh nhận thức khả năng đóng góp cho việc thúc đẩy cho đất nước tiến nhanh trên con đường dân chủ và phát triển.(8)

(3) Còn một quan điểm khác hẳn trên, về vấn đề cộng đồng: hãy tạm không nên nghĩ nhiều quá về mối quan hệ giữa cộng đồng hải ngoại và đất nước. Mối quan hệ như thế phải là mối quan hệ hai chiều. Nhưng hiện nay, dường như chưa ai thực sự biết rõ đất nước - hay cụ thể hơn, những người trong nước- nghĩ gì về người ở nước ngoài. Những kẻ ra đi khỏi nước có hơn

---

(8) Xem Nguyễn Gia Kiểng, " Vài suy nghĩ về cộng đồng người Việt hải ngoại".. *Thông Luận* 104 (th. 5.97), tr. 10-12.

gì một thứ ngón tay thứ sáu, thậm chí những bèo bọt rác rưởi cuả dân tộc... Thôi, hãy trở về thực tại, hãy làm cái gì để xây dựng một cộng đồng đúng nghiã là một tập thể có nghiã lí, có bản sắc văn hoá, có đủ trình độ và tư cách để tự giới thiệu chính mình với cộng đồng thế giới. Cộng đồng hải ngoại cho đến nay chưa hề có một tư thế nào trước mặt thế giới cả. Mà có phải là cộng đồng này chỉ là tập hợp những kẻ cùng đinh khố chuối cả đâu! Có cả những nhà trí thức khoa bảng, là những sứ giả văn hoá cuả dân tộc ở cấp thế giới. Vậy mà hình như hai mươi ba năm nay, tất cả chúng ta đều là những kẻ vắng mặt trước cộng đồng thế giới.(9)

Ba cách nhìn về cộng đồng tuy là khác nhau, nhưng đã nói lên ba khiá cạnh khác nhau cuả cộng đồng. Chúng tôi tưởng không còn cái nhìn nào triệt để hơn là tổng hợp cả ba cách nhìn. Cộng đồng có những biểu hiện tiêu cực (phản ảnh qua quan điểm 1) là từ những nguyên nhân rất cụ thể. Khi khắc phục được những yếu tố đó thì mới mong nghĩ đến xây dựng cộng đồng (quan điểm 3) tiến lên cùng nhịp cuả cộng đồng dân tộc và cộng đồng quốc tế. Có lẽ lúc đó mới dám mong nghĩ đến những đóng góp cuả nó đối với đất nước (quan điểm 2). Vậy thì đâu là nguyên nhân cuả tình trạng phân tán bát nháo cuả cộng đồng hải ngoại? Cho đến đây, chúng ta chỉ nhìn những nguyên nhân từ những xung đột văn hoá cũ và mới. Nhưng đến đây có lẽ phải thêm một nguyên nhân rất quan trọng nhưng hình như lại chưa được nhận diện đầy đủ và nghiêm chỉnh. Đó là bóng ma cuả "hội chứng tị nạn" (refugee syndrome).

Hội chứng tị nạn là tập hợp những triệu chứng tâm lí thần kinh bệnh, thường gọi là tình trạng căng thẳng thần kinh kéo dài. Đó là kết quả cuả một chuỗi dài những thống khổ lớn, gây nên những chấn động tâm lí cùng tột. Cơn chấn động tâm lí này hầu như tuyệt đại bộ phận dân Việt, ai cũng trải qua: có thể là những hoang mang tột độ cuả người cán binh trong rừng mưa bom, cuả người chính quyền miền nam trước và sau biến cố sấm sét 30.4.75; có thể là những nhục nhằn và uất ức đau khổ vì chế độ đối xử trong các trại tù cải tạo; có thể là tâm trạng tủi nhục, hắt hủi cuả đời sống những kẻ bên lề xã hội... Mất mát! Đó là nét nổi bật cuả tâm sự cuả những người bị đẩy xuống "đáy điạ ngục". Cho đến ngày phải chia xa cùng đất nước, nơi có bao người thân, bao nhiêu kỉ niệm vàng son... Khi đặt chân lên vùng đất lưu vong, người tị nạn càng ý thức rõ hơn nưã những mất mát vô cùng lớn cuả mình, những mất mát không thể đền bù.

---

(9) Xem Nguyễn Văn Trung, " Về dùng tiếng Việt và có quan điểm Việt Nam trong việc nghiên cứu Việt Nam" trong *Hợp Lưu* số 36 (th. 8&9.97), tr. 5-13.

Cho dù những thống khổ phải chịu đựng ở quê nhà, rồi trên đường vượt biển có thể qua đi, những chấn động tâm lí vẫn để vương lại những hội chứng tâm lí nặng nề ở những cấp độ khác nhau. Tất cả những cảnh huống thương tâm kia sẽ công phá bản ngã từng người, có thể sẽ trở thành những vết thương không bao giờ lành được. Sự mất mặt, mất quyền lợi, sự bị làm nhục, làm mất phẩm cách... đã gặm nhấm tự tin của con người, để rồi sẽ bùng ra không kiềm chế được khi phải bỏ đất nước ra đi.

Hội chứng tị nạn sẽ phai dần theo thời gian, nhất là khi con người đã tạo được một chỗ đứng chân trong xã hội lưu vong. Tự tin là yếu tố chế giải được hội chứng tị nạn. Cũng có thể là do sự hỗ trợ tinh thần của gia đình bè bạn, hoặc những phương thức điều trị tâm lí (tôn giáo, nhà thương, nghệ thuật). Nhưng có một số người phải chịu đựng rất lâu, thậm chí không thể giải gỡ nổi hội chứng tị nạn. Những biểu hiện của tâm lí nuối tiếc dĩ vãng, luôn luôn lôi dĩ vãng ra đánh bóng lại để chạy trốn cái hiện tại u buồn, kém tự hào. Trong lòng nhiều người đã nhen nhúm ý muốn trả thù, để đòi bồi thường lại những mất mát, đoạ đầy mình phải chịu vì một cuộc đổi đời.

Hội chứng tị nạn đã là nguyên nhân ẩn giấu của những hành vi bạo động của những con người đang tìm cách đòi bồi thường cái thế giá đã bị tước đoạt, hoặc nói chung là tất cả những mất mát to lớn trong đời. Nhưng khốn nỗi, kẻ thủ phạm đã đày đoạ mình, đã làm nhục mình, thì lại không có mặt quanh mình. Những người thân mến chung quanh đã trở thành những những bao cát để cho mình đấm, cho mình dày xéo. bạn bè mình hôm qua cũng có thể bị lôi ra tố khổ. Thay thế cho một kẻ thù vắng mặt.

Trong rất nhiều trường hợp, người bạn đường giấu mặt này đã trở thành một đồng minh đắc lực của hệ giá trị văn hoá cũ, trong thành tích đập phá huỷ hoại cộng đồng.

7 Hai mươi năm qua, cộng đồng hải ngoại không ngừng loay hoay tìm một hướng đi tới, lại thiếu những con người giàu khả năng lãnh đạo để làm một cuộc phục hưng thế giá của cộng đồng hải ngoại. Mà khi đã thiếu lãnh đạo ở ngoài thì cộng đồng này có là cái gì đâu trước thế giới! Khi chúng ta chỉ là một con số không vĩ đại thì đất nước có xem chúng ta là cái gì! Trong muôn nghìn tập thể người Việt các nơi, đang có những cá nhân và tổ chức âm thầm học hỏi, rèn luyện mình để chuẩn bị đóng góp phần mình cho tập thể. Người lãnh đạo thật sự dù là cá nhân hay tập thể- phải là người trưởng thành từ trong thực tiễn hoạt động ở đây và lúc này. Tập thể trí thức chuyên viên của cái Việt Nam Cộng Hoà trước kia rất thiếu một tầm nhìn và khả năng của một người ở cương vị lãnh đạo, nay lại già nua thì trông mong nổi gì! Những

cá nhân bạt chúng trong các ngành chuyên môn thì có thể vẫn đóng góp phần khiêm tốn của mình trong các địa hạt ấy. Nói cách khác, bầy ong vẫn cần mẫn làm việc.

Hiện nay, có một thứ vốn rất quý mà cộng đồng hải ngoại đã may mắn tiếp nhận được trên đường lưu vong, là được học *sống dân chủ* trong một xứ sở *tôn trọng quyền tự do của con người*. Đó là điều kiện căn bản để học tiếp nhận những giá trị mới trong cuộc đời. Văn hoá dân tộc chúng ta đang trải qua những biến động mà có nhiều người đã xem như là những cơn khủng hoảng bản sắc dân tộc. Chúng ta còn tự do để trao truyền lửa văn hoá cho con em, chúng ta còn những đóng góp nhỏ nhoi vào hoạt động khoa học đủ mọi ngành. Và trên hết, nếu chúng ta còn trao truyền được ý thức văn hoá dân tộc cho thế hệ trẻ, chúng ta sẽ còn nhiều cơ may góp phần tạo lực đẩy cho văn hoá dân tộc sớm định hình kỉ nguyên "văn hoá Việt Nam" sau hơn năm trăm năm máu và nước mắt rồi.

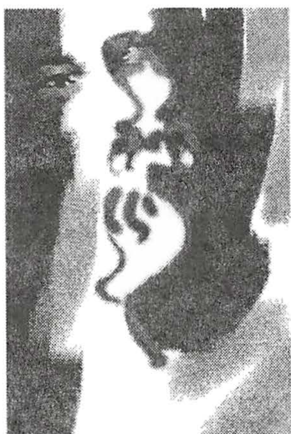
Tuỳ vào đảm lược của mình, thế hệ người Việt đang chuẩn bị đón chào thế kỉ XXI có thể sẽ được vinh hạnh góp phần mình vào việc phục hưng văn hoá mới cho dân tộc ở kỉ nguyên "văn hoá Việt Nam" theo cùng một nhịp với việc xây dựng cơ sở văn hoá mới, văn hoá của kỉ nguyên đa nguyên của cộng đồng thế giới - một thế kỉ Ánh Sáng mới chăng? Cộng đồng người Việt ở hải ngoại cũng thế thôi. Tuỳ đảm lược của mình mà cộng đồng này sẽ chỉ là một ốc đảo lạc lõng, một ngón tay thứ sáu của cộng đồng dân tộc, hay sẽ là một thánh Gióng trên hành trình xây dựng hệ giá trị văn hoá mới cho dân tộc. Để khỏi hổ thẹn với bốn nghìn năm văn hiến.

ĐOÀN XUÂN KIÊN



HÒA ĐA

HỘI CHỨNG ÔNG ĐỒ



Mỗi năm hoa Đào nở
Lại thấy ông đồ già
Vũ Đình Liên

Cứ mỗi độ xuân về, lòng người lại mở ra đón chào năm mới với bao ước mơ, hòa nhịp với đất trời vào xuân. Trong những buổi chợ Tết, người ta mua sắm các thứ cần thiết cho ngày lễ lớn của dân tộc. Với thếp giấy, bút lông, nghiên mực, một cụ Đồ với áo dài the đen ngồi nắn nót những đại tự, liễn, đối. Hình ảnh Ông Đồ già của Vũ đình Liên ngày nào chỉ còn lại trong ký ức của những người trên dưới 60, những người đã từng nhìn thấy ông Đồ trong những phiên chợ Tết, mang hết tài năng của mình để cống hiến cho người dân thường những lời chúc Phúc Thọ Tài Lộc qua

Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay

Hình ảnh nên thơ đó của ngày nào cũng phôi pha dần theo năm tháng. Mong ước của con người muôn thuở há chẳng là Hạnh Phúc, Sức Khỏe, Tiền Tài, Quyền Lộc đó sao, nhưng sự tiến hóa của xã hội là một chuyển động đi

tới; mà hình ảnh của ông Đồ lại là một biểu tượng cho quá khứ. Ngay cả thời đó, tiền bán thế kỷ 20 mà

Nhưng mỗi năm một vắng
Người thuê viết nay đâu?

Toàn bài thơ là một lời than tiếc thê lương cho một thời huy hoàng hay lời cám cảnh não nề cho một thành phần của xã hội bị đời bỏ quên? Chỉ có tác giả mới có thể cho chúng ta biết ông định nhắn nhủ gì. Duy chỉ một điều, có lẽ chỉ là một trùng hợp lý thú, là chúng ta đã tìm thấy rất nhiều hình ảnh thê lương của ông Đồ trong buổi giao thời xa xưa ấy trong chúng ta, những con người đang hăm hở sửa soạn đón tiếp thiên niên kỷ mới.

Có một thời, ông Đồ là lớp người được kính trọng nhất trong thang giá trị của xã hội Việt Nam. Ông là người mang kiến thức, chữ nghĩa đến cho trẻ trong làng. Làng nào khá giả, hay có người khá giả, mới có khả năng rước một ông Đồ về, mong cho đám trẻ trong làng ăn mày chút chữ nghĩa Thánh Hiền. Trẻ con có điều kiện ở các làng bên cũng gắng mà đến học. Cũng có những bậc túc nho, lận đận với công danh, mở trường dạy học. Ở vào thời mà hệ thống giáo dục coi như không có gì đó thì vai trò của ông Đồ quả là đáng kính trọng, không một ai trong vùng dám coi thường ông Đồ. Họ còn dạy cho con phải kính trọng ông vì ông là biểu tượng cho sự hiểu biết. Chỗ ngồi của ông trong làng là chỗ ngồi cao nhất vì ông đứng thứ nhì trong thứ tự *Quân, Sư, Phụ*. Trong làng, khi gặp việc quan hôn tang tế, người ta thành khẩn đến xin ý kiến. Ông đọc sách, biết nhiều điển tích, ông hành xử như một người hướng đạo cho lớp dân thường dốt nát. Ông là biểu tượng cho đạo đức, cho người theo đạo Thánh Hiền. dạy cho người dân những ý niệm về Tam Cương, Ngũ Thường. những ý niệm giúp duy trì xã hội phong kiến tồn tại cho đến cuối thế kỷ 19 . Sự đóng góp của thành phần này cho xã hội dưới thời phong kiến không thể không kể đến. Lúc hàn vi, dù sống thanh bạch, đạm bạc ông đã cống hiến cho đời những gì tốt đẹp nhất, vừa giúp chuyển tải kiến thức đến lớp người sau vừa tự đào luyện mình, mai này thành đạt, bảng hổ đề danh, đem sở học của mình, phục vụ cho Vua, cho dân, cho nước. Kể từ lúc chịu ảnh hưởng văn hóa phương Bắc, giai cấp nho sĩ phần nào đã là một gạch nối giữa chính quyền trung ương với lớp dân đen cùng khổ. Lớp quan lại ngày trước đều xuất thân từ giai cấp nho sĩ này. Giai cấp nho sĩ đứng đầu trong thang xã hội thời đó : Sĩ, Nông, Công, Thương nên rất được xã hội nể trọng:

Muốn sang thì bắc cầu kiều.

Muốn con hay chữ phải yêu lấy Thầy

Hay

Chẳng tham ruộng cả ao liền
Tham vì cái bút cái nghiên anh Đồ

Vị trí đó của giai cấp nho sĩ có lẽ sẽ tồn tại vĩnh viễn nếu như không có làn sóng tìm, chiếm thuộc địa của những nước phát triển Âu châu. Từng đoàn thương thuyền của Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh, Pháp, Hòa Lan... từ châu Âu tỏa ra khắp thế giới từ thế kỷ 19 đã làm xáo trộn mạnh xã hội những nước nhược tiểu. Nho sĩ nước ta nói chung đã không chuyển biến kịp với thời đại và xơ cứng trong lớp vỏ cố hữu của mình, đã không cứu được thể chế phong kiến và đã để lộ nhược điểm của những người chỉ sống trong sách vở. Một số rất ít cũng đã ý thức được sự yếu kém của một nền giáo dục lỗi thời, kinh sách chất đầy bụng mà thực chất không có gì đã cố tìm một lối thoát khác. Tuy lực bất tùng tâm nhưng họ cũng gây được ít nhiều ảnh hưởng trong các thế hệ sau. Phần đông còn lại chỉ ngậm ngùi tiếc nuối cho một thời dĩ vãng vàng son. Họ đã đứng lại bên lề của xã hội để nhìn bánh xe tiến hóa quay, tuy rất chậm, nhưng không cưỡng lại được. Và khi càng không thể hòa nhập được với xã hội mới, họ càng cảm thấy thời cũ ngày xưa là huy hoàng rực rỡ, và họ lại càng cảm thấy bị xã hội bỏ rơi nhiều hơn. Còn chăng đây đó dăm ba vị cùng hoàn cảnh, thỉnh thoảng cùng ngồi lại với nhau, ngâm hoa, vịnh nguyệt hay ngậm ngùi cho một thời đã qua. Đọc **Vang Bóng Một Thời** của Nguyễn Tuân, chúng ta tìm thấy rất nhiều hình ảnh bi thương ấy trong những bài *Chữ Người Tử Tù, Cái Ấm Đất, Hương Cuội*... Và Vũ Đình Liên cũng đã tinh tế khi viết:

Ông Đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay

Lẽ nào trong một phiên chợ Tết tưng bừng, đông đúc người mua sắm hay *Bên phố đông người qua* là thế mà một hình ảnh đầy thi vị, văn hóa và vô cùng lạ mắt như hình ảnh một ông đồ ngồi viết những đại tự, liễn, đối lại không ai hay, không ai biết? Tác giả đã cám cảnh cho một hình ảnh thê lương của một nền Nho học trong buổi tàn thời, hay tác giả đang trách cứ nhẹ nhàng thế thái nhân tình?

- Có phải tính quay lưng lại dĩ vãng là một thuộc tính của dân tộc ta?

Có phải trong thâm tâm người Việt chúng ta có sự chối bỏ dễ dàng hay quay mặt lạnh lùng đối với những người yếu thế, lỡ vận?

- Tất cả là không, có phần ngược lại nữa là khác.

Nhưng một tính chất vô cùng nổi bật của người Việt là sự tiếp nhận, có phần hơi dễ dãi, những gì mới; thu nhận và hóa giải để bổ sung vào cái chúng ta đang có. Chúng tôi đã phân tích tính chất này của người Việt chúng ta (xin xem bài *Năm phần trăm và Chín mươi lăm phần trăm* - Hợp Lưu số 28 và *Truyền Thống* - Hợp Lưu số 31) do vậy mà những người vì một lý nào đó chấp nhận đứng lại bên lề bánh xe tiến hóa của dân tộc đều bị rớt lại phía sau. Người Việt chưa chấp nhận dễ dàng những cải cách quá nhanh. Những gì manh tính chất cách mạng đều khó thành công, nếu không muốn nói là không thành công. Nhưng người Việt chúng ta cũng không thích ngồi ôm cái quá khứ để sầu hận, tiếc thương, cho nên chúng ta thấy một thiểu số vì một lý do nào đó cứ mang mãi trong lòng sự nuối tiếc một quá khứ đầy ưu đãi đều có chung một thứ mặc cảm, ám ảnh mà chúng tôi tạm mượn chữ của y học để diễn tả: *Hội Chứng* (*Syndrome*) ; và cũng vì *Ông Đồ* mà Vũ Đình Liên đã mô tả qua bài thơ cũng có cùng thứ mặc cảm và ám ảnh đó nên chúng ta gọi đó là *Hội Chứng Ông Đồ*.

Thật vậy, cái vinh hay cái nhục - tùy theo cách nhìn của bên kia hay bên này - của tháng Tư 75 đã trôi qua hơn 20 năm rồi mà vẫn còn một số người cứ nghĩ đến thời huy hoàng cũ của mình mà quên đi thời thế của mình đã trôi qua lâu rồi.

Người Cộng sản có sẵn mặc cảm tự tôn là người thắng trận, luôn đưa ra thành tích thắng Pháp 1954, thắng Mỹ 1975, ngăn Tàu Cộng 1979 mà không thể nhìn thấy sự mất mát vô cùng to lớn trong tình tự dân tộc, sự rách nát của một xã hội nghèo đói, lạc hậu, sự thụt lùi hàng thế kỷ so với nhân loại của dân tộc chúng ta thì những thành tích trên chứng minh được gì? - Những tư tưởng già nua ở Trung Ương Đảng mang nặng mặc cảm đổi mới, cho rằng làm thế là đầu hàng tư bản, chỉ canh cánh mối u hoài đối với cái gọi là *tư tưởng Mác-Lênin* đã không còn chỗ đứng trên thế giới. Hàng năm, hay cứ hàng năm năm lại bày những thứ *mực tàu giấy đỏ* mượn từ đâu đó xa lắc bên Anh, bên Nga, từ thế kỷ trước hay từ hồi đầu thế kỷ bên phố đông người qua, trút lên đầu quần chúng những *phương án, kế hoạch, biện pháp, triển khai* và không nhìn thấy đám đông thầm lặng chẳng còn thích thú gì với những khẩu hiệu *Chủ Nghĩa Mác-Lênin bách chiến bách thắng; Tiến nhanh tiến mạnh tiến vững chắc lên Xã hội Chủ Nghĩa; Đỉnh cao trí tuệ Nhân loại; Đảng lãnh đạo, Nhân Dân làm chủ*... và mặc kệ những gì Đảng và Nhà Nước đưa ra để hù dọa, đàn áp.

Cũng vậy, có một số người Quốc Gia lưu vong vẫn còn nghĩ rằng mình là Sĩ quan hay viên chức cao cấp cũ, lúc nào cũng nhớ về cái ngày xưa vàng son ấy mà vô tình hay cố ý quên đi thực chất của những người vì lý do này hay lý do khác đã là những kẻ chiến bại, phải bỏ cả quê hương, mồ mả Ông Cha để làm người tỵ nạn trong vòng tay bao dung của kẻ khác. Họ quên một điều là ngày trước với quyền lực, đất đai, vũ khí... họ đã không ngăn được kẻ thù, đã bỏ của chạy lấy người, để lại nổi thống khổ nhục nhằn cho những đồng đội còn kẹt lại; để lại sự điêu linh cho quần chúng vô tội. Cái uy quyền mà họ đã từng có ngày nào (như nét tài hoa mà ông Đồ đã từng có) nay đã không còn dùng vào chỗ nào nữa ngoài việc thỉnh thoảng lại bày ra *bên phố đông người qua* mong gợi lại sự chú ý của đám đông về sự hiện diện của mình. Họ cũng cố thảo những nét rồng bay phượng múa, mong được sự ngợi khen. Than ôi rồi chỉ còn *giấy đỏ buồn không thắm, mực đọng trong nghiên sầu* , vì có một điều rất rõ (mà họ không chịu nhìn ra) là... *mỗi năm một vắng, người thuê viết nay đâu.* Có còn chăng là nỗi cám cảnh thương hại cho một lớp người có thời đã từng ăn trên ngồi trước trong thang giá trị của xã hội miền Nam.

Ông Đồ với những đại tự Phước, Lộc, Thọ; những liễn, đối sơn son thếp vàng; người Cộng Sản với những khẩu hiệu, những chỉ tiêu, báo cáo lừa trên gạt dưới; người Quốc Gia với những tuyên ngôn dao to búa lớn, những tuyên bố rỗng tuếch, những đấu đá thiếu đạo đức... Họ có những cái giống nhau: trước được mọi người kính nể, trọng vọng; nay hầu như bị đời bỏ quên. Và họ có chung một chứng bệnh: không nhận thấy quanh mình đã có những biến đổi sâu sắc, họ đã không thể hòa nhập được với cái biến đổi ấy, họ không có gì mới để cung cấp cho quần chúng, họ chỉ sống trong cách cũ của họ, chỉ mang đến cho quần chúng những trang trí không hợp thời, những thứ một thời đã tạo cho uy thế cho họ đối với xã hội. Đã có những Ông Đồ bị chìm trong quên lãng, rồi sẽ có những người mang *Hội Chứng Ông Đồ* cũng mất đi trong uất ức hay nhận lấy sự lãnh đạm của đám đông.

Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài đường mưa bụi bay

Duy chỉ một điều, trong buổi tàn thời ấy, quần chúng còn cảm nhận ít nhiều xót xa cho thân phận ông Đồ , mang chút tài hoa của mình cho đời, còn những người như chúng ta đang mang *Hội Chứng Ông Đồ* ngày nay có

còn tạo được ít nhiều thương cảm nơi quần chúng? Điều bi thảm là khi quần chúng không còn thấy thích thú vì chỉ nhận được sự lặp lại đến nhàm chán thì họ bắt đầu quên lãng. Bây giờ hình ảnh Ông Đồ chỉ còn lại trong văn học, chỉ những người chuyên khảo cứu về văn học Việt Nam may ra còn có chút duyên nợ với Ông Đồ. Thì cũng thế, năm mươi năm nữa, chỉ những nhà sử học chuyên về Việt Nam mới có dịp nhắc đến những người mang *Hội Chứng Ông Đồ*.

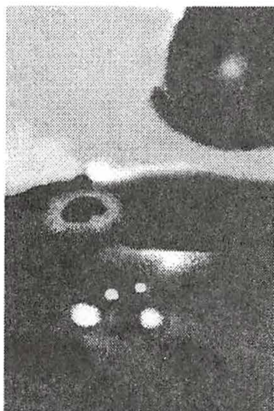
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ.

HÒA ĐA
Houston - Tháng 12-1996



NGUYỄN HƯNG QUỐC

VĂN HỌC TRONG MỘT NƯỚC MÙ CHỮ



Đầu năm ngoái, không hiểu tại sao, trong loạt sách bán giá hạ ở các hiệu sách tại Úc, có thật nhiều tiểu sử của các nhà văn. Tôi mua một đống, định về đọc nhẩn nha chơi. Không ngờ lại mê, đọc ngốn ngấu một lèo hết sạch. Tiểu sử của Jean Paul Sartre, của Simone de Beauvoir, của Leo Tolstoy, của Fyodor Dostoyevsky, của Henry Miller, v.vẦ Cuốn nào cũng bốn, năm trăm trang. Dày cộm. Ngồn ngộn tư liệu. Đầy ắp các chi tiết, kể cả các chi tiết thật riêng tư, tưởng chỉ có một mình người ấy biết. Đọc, rất thú. Nhưng đọc xong, tôi cứ bần thần thật lâu. Thật lâu. Cho đến bây giờ, gần hai năm sau, cảm giác bần thần ấy dường như vẫn chưa tan hết.

Tôi cảm thấy ganh tị với giới nghiên cứu văn học Tây phương. Hầu như ở mọi phương diện, họ đều may mắn hơn chúng ta. May mắn nhất là ở nguồn tư liệu. Ở nơi họ có cả ngọn núi, chúng ta chỉ có một hòn non bộ tí tẻo. Chung quanh mỗi nhà văn Việt Nam, trong quá khứ hay trong hiện tại, lớn thật lớn hay chỉ lớn vừa vừa, thường chỉ loe hoe một bụm tài liệu, may lắm, đủ để viết được vài trang. Số lượng những người mà tiểu sử có thể kéo dài trên 10 trang thật hoạ hoằn. Hơn 10 trang ấy cũng chỉ dừng lại ở những nét lớn, đại cương và đại khái. Và chưa chắc đã chính xác. Khác hẳn với các nhà

văn, nhà thơ Tây phương. Tại sao?

Tôi ngờ nguyên nhân chính là do chúng ta lười viết, trước hết là lười viết hồi ký, nhật ký và thư từ. Hơn nữa, chúng ta lại không có thói quen bảo quản tư liệu tốt: cái có được vốn đã ít, lại càng ít ỏi hơn nữa vì bị mất mát, bị rơi rụng dần dần trong sự vô tâm hay cẩu thả của mọi người.

Việc người Việt Nam, đặc biệt giới cầm bút, ít viết hồi ký thì đã rõ, chẳng cần bàn thêm. Điều lạ, ít ai để ý, là, so với người Tây phương, mình cũng rất ít viết nhật ký và thư từ. Liên quan đến điểm này, tôi nhớ trước hết đến bà de Sévigné, người được xem là một trong vài nhà văn lớn ở thế kỷ 17 của Pháp chỉ nhờ vào số thư từ khổng lồ mà bà đã viết gửi cho người này người nọ, chủ yếu là cho con gái của bà. Số thư của de Sévigné còn giữ lại được đến ngày nay là 1.154 bức. Con số 1.154 bức thư ấy chắc chắn không phải là nhiều. Theo lời quảng cáo in ở bìa sau cuốn 'Thư gửi một nhà thơ trẻ" của Rainer Maria Rilke do Phạm Thị Hoài dịch, xuất bản tại Hà Nội năm 1996, Rilke viết thư còn nhiều hơn cả de Sévigné: số thư ông viết mà người ta sưu tập được lên đến khoảng 10.000 bức. Rilke sinh năm 1875 và mất năm 1926, thọ 51 tuổi. Nếu khoảng 10.000 bức thư còn lại ấy được Rilke viết từ năm 20 tuổi trở đi thì trung bình mỗi ngày ông viết một bức thư.

Tôi không rõ tổng số thư từ Henry Miller đã viết và gửi đi trong suốt cuộc đời của ông là bao nhiêu. Có điều, theo Mary V. Dearborn, trong cuốn 'The Happiest Man Alive' (1), ngày nào Henry Miller cũng bỏ ra hai, ba tiếng đồng hồ để viết thư; không phải một mà là năm bảy bức, có bức dài cả 20, 30 trang. Ngoài 70 tuổi, Henry Miller yêu một cô gái Trung Hoa tên Lisa Lu, lúc ấy mới khoảng 30 tuổi: trong vòng 9 tháng, Miller viết riêng cho Lu 224 bức thư, tức, bình quân mỗi ngày gần một bức.

David Marr, người chuyên viết tiểu sử Patrick White, nhà văn Úc duy nhất được giải Nobel văn chương, cho biết là Patrick White rất sợ thư từ. Có lần Patrick White nói "Thư từ là những con quỷ, tôi luôn luôn hy vọng là tất cả những lá thư tôi viết đều bị xé bỏ". Ông từng năn nỉ bạn bè và thân nhân của ông hãy thiêu huỷ toàn bộ những lá thư ông gửi. Năm 1977, White đã đốt 400 bức thư ông viết gửi cho Betty Withycombe, sau khi ông năn nỉ bà trả lại cho ông để ông viết cuốn 'The Twyborn Affair'. Ông cũng đã từng đốt hết số thư từ gửi cho mẹ của ông cũng như cho người bạn đời ông sống chung cả nửa thế kỷ là Manoly Lascaris. Ấy vậy mà, cuối cùng, David Marr cũng đã sưu tầm được cả thảy hơn 3.000 bức thư của ông để từ đó chọn được 600

---

(1) Do nhà Simon & Schuster xuất bản tại New York năm 1991.

bức đem in trong cuốn 'Patrick White, Letters' (2). Nếu White không thiêu huỷ một số lớn, toàn bộ thư từ của ông sẽ là bao nhiêu? Ông sợ thư từ lắm, mà cũng viết nhiều đến thế, nếu không sợ thì sao?

Đó là thư, còn nhật ký, các nhà văn Tây phương cũng rất siêng viết. Nhân đọc tiểu sử Henry Miller, tôi biết được nhà văn Anais Nin, một thời là người tình của Miller, để lại khoảng 35.000 trang nhật ký, trong đó, riêng năm 1932, năm bà quen với Miller tại Paris, bà viết đến 6 tập. Từ năm 1966, bà lần lượt cho xuất bản nhật ký của mình, gom lại thành 11 tập dày. Tò mò, tôi tìm đọc một tập, tập 'Henry & June' (3) viết trong hai năm 1931 và 1932, kể chuyện tình giữa bà và Miller: tôi chấn động trước sự can đảm và thành thực của bà. Bà kể chuyện bà cùng lúc có quan hệ tình dục với ba người đàn ông: chồng bà, người tình cũ là Eduardo, và người tình mới là Henry Miller. Hơn nữa, bà còn có mối tình đồng tính với June, vợ của Miller. Rồi chuyện bà thủ dâm. Cái gì bà cũng kể lể tô hô với thật nhiều chi tiết cụ thể. Đã đành đây chỉ là nhật ký. Nhưng đâu phải ai cũng đủ can đảm và thành thực viết tất cả những điều đó ngay trong nhật ký của mình? Nên chú ý là tập này Nin viết vào đầu thập niên 3 0.

Còn các nhà văn Việt Nam? Không dám làm phiền hà người khác, tôi cứ lấy tôi làm ví dụ. Cho đến bây giờ, tôi vẫn chưa tập được thói quen dùng nhật ký, dù là nhật ký công việc. Năm nào cũng thế, tôi sắm hai tập nhật ký theo hai khổ khác nhau: cái nhỏ dùng để bỏ túi, ghi chép những cái hẹn, những việc cần phải làm; cái lớn, khổ A4 định để viết lách chi tiết kỹ càng hơn về những gì mình làm, mình nghĩ, mình cảm trong ngày. Năm nào cũng thế. Và năm nào cũng thế, các cuốn nhật ký ấy cứ mãi mãi còn trinh. Không có một dòng, một chữ nào cả. Đó là tôi đã có ý thức lắm trong việc tập luyện thói quen dùng nhật ký, ít nhất để khỏi phải ghi nhớ những việc lẩm cẩm như có hẹn với người này vào ngày này, ngày nọ, v.v... Vậy mà, đến nay, vẫn chưa tập được. Hơn 10 năm rồi. Còn thư từ thì cũng thế. Lâu lâu, cả năm trời, mới viết cho bạn bè một bức thư. Mà có lẽ không phải chỉ một mình tôi. Nhìn quanh bạn bè trong giới cầm bút, hình như ai cũng thế, cũng lâu lâu, hoạ hoằn lắm mới viết cho nhau vài dòng. Gần đây, với sự xuất hiện của hệ thống điện thư (e-mail), mức độ thư từ cho nhau chắc chắn là tăng lên rất nhiều. Nhưng thật ra chúng không phải là thư. Chúng chỉ là những lời nhắn tin, vội

---

(2) Marr, David (biên tập)(1994), 'Patrick White, Letters', Random House, New South Wale, Australia.

(3) Do nhà Harcourt Brace Jovanovich Publishers xuất bản tại San Diego, 1986

vàng, qua quýt.

Điều đáng chú ý là không phải người Á châu nào cũng lười viết nhật ký và thư từ như Việt Nam. Trong bài 'Về lối văn nhật ký' đăng trên báo Phụ Nữ tân văn số 150 ra ngày 23.6.1932 (4), Phan Khôi cho biết là ở Trung Hoa, từ mấy trăm năm nay, việc viết nhật ký đã khá phổ biến; riêng ở Nhật, nhật ký xuất hiện sớm hơn nữa: "Vào thời trung cổ của họ, từ một ngàn năm nay, mà cũng đã có nhiều bổn nhật ký truyền đạt đến bây giờ". Phan Khôi ước mong là người Việt Nam hãy tập thói quen ghi chép nhật ký. Ông còn khẳng định: "Nhật ký, không nói quá có lẽ nó là cái thước để đo trình độ văn minh của một dân tộc. Trong khi cả nước Việt Nam xưa nay chưa có một cuốn nhật ký nào hết mà bảo rằng một nước văn hiến, một nước có văn hoá cao, thì tôi chẳng hề tin" (5).

Mặc cho Phan Khôi trách móc và kêu gọi, đến nay, hơn nửa thế kỷ sau, cũng chẳng có mấy người Việt Nam tập được thói quen viết nhật ký hoặc cảm thấy việc viết thư từ cho nhau là một sự say mê. Tôi tưởng chúng ta có thể gọi cái tật lười viết này là một truyền thống của dân tộc Việt Nam. Vấn đề là: tại sao chúng ta lười, lười truyền kiếp như thế?

Tôi ngờ lý do chính là tình trạng mù chữ cả hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam. Theo tôi, tình trạng mù chữ phổ biến và kéo dài này chính là yếu tố quan trọng hàng đầu trong việc định hình diện mạo của nền văn học Việt Nam từ xưa đến nay. Chứ không phải là truyền thống chống ngoại xâm, chống thiên tai, nạn phong kiến kéo dài hay truyền thống hoà đồng các luồng tư tưởng lớn của Đông Phương (Nho, Phật và Lão) như điều mà giới nghiên cứu văn học Việt Nam lâu nay thường khẳng định. Cho sự mù chữ ấy là một truyền thống của Việt Nam có thể làm cho nhiều người cảm thấy như bị thương tổn. Tuy nhiên không thể vì tự ái mà né tránh sự thật. Chắc chắn hiện tượng mù chữ kéo dài ấy đã để lại rất nhiều dấu ấn trong nền văn học dân tộc. Tìm hiểu và ghi nhận những dấu ấn ấy may ra cũng là một cách để thoát dần ra khỏi nhà tù của quá khứ vốn, theo tôi, là một trong những nguyên nhân chính khiến nền văn học Việt Nam lâu nay cứ trì trệ mãi.

Điều dễ được chấp nhận là suốt cả ngàn năm Bắc thuộc, Việt Nam là một dân tộc mù chữ. Từ khi dành được độc lập năm 939, dần dần hình thành một lực lượng trí thức ngày càng đông đảo. Ít nhất cho đến cuối thế kỷ 14,

---

(4) Sau in lại trong cuốn '13 năm tranh luận văn học', tập 3, do Thanh Lãng sưu tập, nxb Văn Học, Hà Nội, 1995, tr. 121-9.

(5) Nhận định như vậy kể cũng hơi vội.

thứ văn tự mà họ học, họ sử dụng là chữ Hán. Chỉ là chữ Hán. Chúng ta vẫn có thói quen xem biết chữ Hán là biết chữ, đồng nhất khái niệm 'chữ Hán' và khái niệm 'chữ' nói chung. Tuy nhiên, theo tôi, sự đồng nhất ấy thật đáng ngờ. Chữ Hán, với người Việt Nam, chỉ là một tử ngữ. Đó là thứ ngôn ngữ học thuật chứ không phải thứ ngôn ngữ giao tiếp. Về phương diện văn hoá, những trí thức chỉ biết chữ Hán là những người biết chữ, hơn nữa, có thể là một bậc thông thái, bởi vì thứ tử ngữ mà họ thông thạo ấy có thể giúp họ thu lượm được khá nhiều kiến thức kim cổ. Nhưng về phương diện văn học, theo tôi, họ lại là những kẻ mù chữ: họ không viết ra được cái thứ tiếng mà họ thường dùng để tâm tình với người thân hay thường nói thầm trong đầu, cái thứ tiếng đã tan hoà vào trong máu thịt, trong từng nhịp thở và từng giấc mơ của họ. Khối óc của họ thì ăm ắp chữ nghĩa mà trái tim của họ thì lại mù chữ. Khi muốn tự thể hiện họ, họ phải giả vờ làm một người khác, sử dụng một thứ ngôn ngữ khác.

Biết chữ, với người Việt Nam, chỉ có nghĩa là biết chữ Nôm hay chữ quốc ngữ. Chữ quốc ngữ thì không nói làm gì: mặc dù được hình thành từ thế kỷ 16, nhưng chỉ thực sự phổ dụng từ cuối thế kỷ 19, lúc Việt Nam đã thành thuộc địa của Pháp, do đó, nó không có ảnh hưởng gì đáng kể trong di sản văn hoá và văn học dân tộc. Còn chữ Nôm, tuy xuất hiện từ khá sớm, có thể ngay từ thế kỷ thứ 10, thứ 11, nhưng mãi đến thế kỷ 14, nó mới tương đối hoàn chỉnh để có thể được sử dụng như một phương tiện văn học. So với nhiều quốc gia khác trên thế giới, thời điểm xuất hiện như thế không phải là quá muộn. Nhưng vấn đề là: từ khi nó tương đối hoàn chỉnh cho đến hết thế kỷ 19, chỉ trừ hai thời kỳ ngắn ngủi dưới thời nhà Hồ và nhà Tây Sơn, thứ chữ ấy vẫn chỉ được xem là thứ chữ ngoại hôn, không được cả dân chúng lẫn chính quyền thừa nhận như một thứ văn tự chính thống, và do đó, chưa bao giờ được phổ cập sâu rộng. Số lượng người đọc và viết chữ Hán đã ít; số lượng người đọc và viết được chữ Nôm lại càng í t hơn nữa.

Ít là bao nhiêu? Theo David Marr, tác giả cuốn 'Vietnamese Tradition on Trial 1920-45', vào cuối thập niên 30 của thế kỷ này, khoảng 10 phần trăm dân số Việt Nam biết chữ; trước đó hơn 10 năm, vào giữa thập niên 20, con số này chỉ hơn 5 phần trăm mà thôi. Trước thế kỷ 20, trong thời Hán học thì sao? David Marr đoán là có thể đến khoảng 25 phần trăm những người trên 15 tuổi có thể biết khoảng vài trăm từ Nôm và Hán Việt đủ để đọc được gia phả và các loại văn bằng hay khế ước thông thường (6). Không ai biết chính

---

(6) Marr, David (1981), 'Vietnamese Tradition on Trial 1920-45', University of California, Berkeley, tr. 34. (Trùng tên với tác giả cuốn 'Patrick White, Letters' dẫn trên).

xác con số những người biết chữ Hán và chữ Nôm đến trình độ có thể sáng tác hay thưởng thức các tác phẩm văn học. Nhưng khó tin được là nó vượt quá 5 phần trăm dân số.

Số người biết chữ (tức là biết chữ Nôm) vốn cực kỳ hiếm hoi. Điều kiện xuất bản lại lạc hậu và khó khăn đến ngặt nghèo. Bởi vậy, có thể nói từ cuối thế kỷ 19 trở về trước, văn học Việt Nam chủ yếu là văn học truyền miệng. Sự phân chia văn học ra làm hai dòng, dòng văn học thành văn (hay bác học) và dòng văn học truyền khẩu (hay dân gian) như thói quen phổ biến từ trước đến nay thực chất chỉ là một sự phân chia giả tạo bởi vì tuyệt đại đa số những tác phẩm được gọi là 'thành văn' hay 'bác học' ấy chủ yếu được xuất bản miệng rất lâu trước khi được người đời sau sưu tập và in lại dưới hình thức văn bản cố định. Tôi muốn xem khuynh hướng truyền miệng như là một đặc điểm nổi bật đầu tiên của văn học Việt Nam.

Khuynh hướng truyền miệng có nhiều hệ quả quan trọng. Thứ nhất là sự mất mát cũng như nạn tam sao thất bổn trong các tác phẩm văn học. Thứ hai là tâm lý coi trọng lời nói hơn chữ viết của cái lời nói ấy (chữ Nôm) ở cả tác giả lẫn độc giả. Câu tục ngữ "Trăm năm bia đá thì mòn / Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ" là minh chứng rõ rệt nhất cho cái tâm lý ấy. Câu thành ngữ "nôm na mách qué'" hay những câu thơ kết thúc 'Truyện Kiều' (Lời quê chấp nhặt dông dài), 'Nhị độ mai' (Biết bao lời kệch tiếng quê), hay 'Phù dung tân truyện' (Lời quê chắp chảnh nên câu), v.vÀ là những minh chứng khác nữa. Thứ ba, nó cũng là nguyên nhân chính làm cho văn vần có vị thế áp đảo trong nền văn học Việt Nam: có thể nói nền văn học bằng tiếng Việt trước thế kỷ 20 chủ yếu là một nền văn học bằng văn vần. Thơ bằng văn vần, đã đành. Người ta cũng viết cả lịch sử, tuỳ bút, chính luận và tiểu thuyết bằng văn vần. Tại sao? Có lẽ có nhiều lý do nhưng chắc chắn lý do chính không phải là vì người Việt Nam yêu thơ n hư chúng ta thường nhầm tưởng mà là vì một sự chọn lựa đầy tính chất thực dụng: văn vần dễ nhớ và dễ lưu truyền trong một xã hội hoặc chưa có chữ viết hoặc đã có nhưng rất hiếm người biết cái thứ chữ viết ấy.

Những hệ quả trên tương đối dễ thấy. Theo tôi, khuynh hướng truyền miệng còn có tác động lên cả ngôn ngữ chúng ta sử dụng. Trước hết, trong hoạt động xuất bản miệng, chúng ta chỉ làm quen với khía cạnh âm thanh của ngôn ngữ, do đó, dù muốn hay không, khía cạnh âm thanh của ngôn ngữ cũng dần dần nổi bật: không chừng đây là một trong những nguyên nhân làm cho tiếng Việt giàu nhạc tính, từ một ngôn ngữ đơn thanh (ở đầu công nguyên) phát triển thành ba thanh (vào thế kỷ thứ 6) và cuối cùng, bắt đầu

từ thế kỷ thứ 12, có đủ sáu thanh như hiện nay(7).

Khuynh hướng truyền miệng một mặt làm phát triển tính chất cụ tượng trong tiếng Việt (8), nhưng mặt khác, lại làm giảm bớt tính chất duy lý và trừu tượng của nó. Khi sự truyền thông chủ yếu dựa trên lời nói, sự giản dị và cụ thể là những nguyên tắc chủ đạo. Chỉ khi chữ viết phát triển, người ta mới nâng cao được khả năng tư duy trừu tượng mơ hồ và phức tạp: người viết có nhiều thì giờ để nghĩ ngợi, nối kết ý này với ý kia, xây dựng các câu văn có lối kiến trúc nhiều tầng nhiều lớp, và người đọc cũng có thể đọc đi đọc lại, nghiền ngẫm, trăn trở, nhìn lui nhìn tới để nắm bắt mạch luận lý của tác giả. Điều này khiến cho chúng ta không những không có một nền triết học hoàn chỉnh mà cũng không có, hoặc có rất ít, những thể loại văn học thiên về tư duy trừu tượng như văn chính luận, biên khảo, lý luận và phê bình văn học.

Cuối cùng khuynh hướng truyền miệng dẫn đến thói quen ham kể chuyện, chỉ biết kể chuyện của người cầm bút và thói quen nghe kể chuyện, chỉ thích tò mò nghe kể chuyện của người đọc. Các yếu tố kỹ thuật và ngôn ngữ bị xem là thứ yếu. Cả đến văn bản cũng trở thành thứ yếu. Người Việt Nam nào mở miệng ra cũng khen ngợi 'Truyện Kiều' là kiệt tác và dường như sẵn sàng bóp cổ bất cứ ai tuyên bố điều gì ngược lại. Nhưng có bao nhiêu người Việt Nam thực sự đọc 'Truyện Kiều'? Đọc cả 'Truyện Kiều' chứ không phải đọc lõm bõm vài ba đoạn trích ngắn trong chương trình giáo dục cấp phổ thông. Bao nhiêu người?

Bên cạnh khuynh hướng truyền miệng là khuynh hướng thực dụng.

Suốt cả hàng ngàn năm, người Việt Nam sống trong một tình thế oái oăm: chúng ta nói một thứ tiếng (tiếng Việt) không có chữ viết (hoặc có nhưng không được chính thức thừa nhận, và do đó, không được coi trọng) và chúng ta viết một thứ chữ (chữ Hán) mà chúng ta rất tự hào nhưng chúng ta lại không nói được. Có một sự ly cách rõ rệt và sâu sắc giữa lời nói và chữ viết. Chữ viết được xem như một cái gì xa xôi và vì xa xôi nên dần dần trở thành huyền bí, cuối cùng, giống như mọi thứ ngôn ngữ trong tôn giáo và bùa chú, nó trở thành một vật thiêng. Ngày xưa nhiều người thành kính chữ

---

(7) Xem bài 'Về nguồn gốc các thanh của tiếng Việt' của A.G. Haudricourt do Hoàng Tuệ dịch đăng trên tạp chí Ngôn Ngữ (Hà Nội) số 1.1991, tr. 23-31. Những chi tiết này cũng đã xuất hiện rải rác trong khá nhiều tài liệu ngôn ngữ học Việt Nam.

(8) Về tính cụ tượng của tiếng Việt, xin xem phần 'Chúng ta qua tiếng nói' in trong cuốn 'Tiểu luận' của Võ Phiến, nxb Văn Nghệ, California, 1988, tr. 315-363. 8

nghĩa đến độ thường xông hương trong phòng trước khi cầm đến ngòi bút và hầu hết đều không dám vất hay dẫm lên những tờ giấy có chữ viết: họ sợ phạm tội với thánh hiền. Khi không dám vất hay dẫm lên chữ viết, người ta cũng không dám đùa giỡn suồng sã với chữ viết ấy. Viết, do đó, là một hành động nghiêm chỉnh, nghiêm túc. Người ta chỉ viết khi nào thật cần thiết. Viết là một việc chẳng đặng đừng. Người ta có thể viết một lá đơn, một tờ trình nhưng không ai nghĩ đến chuyện viết chỉ để ghi lại một tâm tình của mình cho chính mình đọc. Tính mục đích được đề cao. Mỗi lần cầm bút là một lần tự hỏi: viết để làm gì? Cả người đọc cũng bị ảnh hưởng lây: mỗi lần cầm sách đọc là một lần tự hỏi: tác giả nhắm đến cái gì, với những ý đồ gì? Tinh thần thực dụng lên ngôi, trở thành một yếu tố thống trị trong ý thức thẩm mỹ của người Việt Nam xưa nay. Hậu quả đầu tiên và lâu dài là chúng ta thường không viết những gì quá riêng tư và không có lợi: nhật ký và thư từ là những thứ như thế. Hậu quả thứ hai, quan trọng hơn, là sống trong khung cảnh văn hoá ấy, người Việt Nam dần dần xem việc viết lách như một công tác chứ không phải là một sự giải trí. Chúng ta viết là vì một nhu cầu nào đó chứ không xem công việc viết lách, tự nó, là một thú vui. Một thái độ như thế, tự bản chất, rất xa lạ với văn học nghệ thuật vốn, trước hết, là một trò chơi với chữ nghĩa. Văn học nghệ thuật Việt Nam luôn luôn lăng xăng 'vị' m ột cái gì đó. Vị lý tưởng. Vị chính nghĩa. Vị nhân sinh. Nó rất 'được việc', trừ cái việc đáng lẽ phải được xem là cần thiết và quan trọng nhất: hay.

Khuynh hướng truyền miệng biến tiếng Việt thành một thứ ngôn ngữ thơ vừa giàu hình tượng vừa giàu nhạc điệu, biến văn học Việt Nam thành một nền văn học xây dựng trên căn bản của thơ. Khuynh hướng thực dụng biến cái chất thơ trong ngôn ngữ và trong văn học ấy thành một thứ công cụ. Hậu quả là mỗi người Việt Nam thành một nhà thơ thực dụng, với một nửa mơ mộng và một nửa thực tế. Điều đó, một mặt, làm chúng ta thất bại cả trong thực tế lẫn trong thơ ca; mặt khác, làm cho phần lớn các nhà văn nhà thơ Việt Nam trông giống những viên công chức già: vừa đạo mạo lại vừa lười biếng. Chúng ta thường viết văn làm thơ một cách nghiêm túc và uể oải như làm một biên bản. Có lẽ cái chúng ta thiếu là hình ảnh những người cầm bút như những lực sĩ: chuyện thể thao là chuyện chơi đùa, nhưng các lực sĩ lại dồn vào đó biết bao nhiêu là công sức, họ tập luyện đến đổ mồ hôi hột hoặc gần đứt hơi cho một trò chơi hoàn toàn vô vị lợi. Chúng ta sẵn sàng đổ máu cho những chuyện có khi vớ vẩn bên lề văn chương nhưng lại ít chịu đổ mồ hôi cho chính trò chơi văn chương.

Cả khuynh hướng truyền miệng lẫn khuynh hướng thực dụng ấy đều tồn tại dai dẳng đến tận ngày nay. Chúng thấm vào máu của từng người Việt

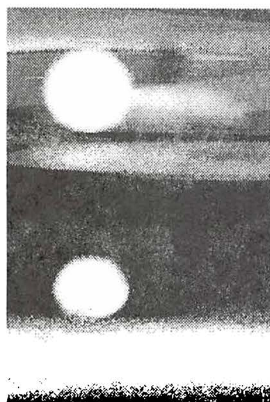
Nam, làm thành bản chất của ngôn ngữ Việt Nam, văn hoá Việt Nam. Chúng là những sức ỳ, giống như sức hút của quả đất. Sức hút ấy nặng nề đến nỗi, theo tôi, nếu muốn bay được, nhiệm vụ chính yếu của mỗi người cầm bút Việt Nam là phải thoát ra khỏi truyền thống. Người nào thoát khỏi hấp lực của truyền thống bao nhiêu càng có triển vọng bay xa và bay cao bấy nhiêu. Đây là một trong những bi kịch lớn nhất đồng thời cũng là một trong những thử thách gay gắt nhất của giới văn nghệ sĩ Việt Nam. Nói cách khác, để khẳng định bản sắc và để vươn lên những tầm cao nhất định, các nhà văn nước ngoài chỉ cần 'chiến đấu' để vượt qua các đồng nghiệp; các nhà văn Việt Nam không những chỉ 'chiến đấu' với các đồng nghiệp mà còn phải 'chiến đấu' với những bóng ma trong quá khứ, với cả một lịch sử dài dằng dặc sau lưng mình. Nhà văn các nước khác bận tâm trước hết với nh ững cái cần thêm vào để được giàu có. Nhà văn Việt Nam bận tâm trước hết với những cái cần phải tước bỏ để mình có thể đứng vững trước khi nghĩ đến chuyện nhảy tới. Là người Việt Nam, không thể làm một nhà văn đúng nghĩa nếu trước hết không phải là một kẻ phản bội có ý thức: phản bội quá khứ, phản bội truyền thống, phản bội tất cả những di sản tinh thần đã góp phần hình thành nhân cách và văn cách của mình.

NGUYỄN HƯNG QUỐC



TRẦN HỮU THỤC

TẢN MẠN VỀ VIẾT TRONG SÁNG TÁC VĂN CHƯƠNG



Thời gian rồi, trên tạp chí Văn Học cũng như Hợp Lưu, xuyên qua phần phỏng vấn về việc viết lách, nhiều nhà văn, nhà thơ, cũng như nhà biên khảo bày tỏ quan điểm của mình về việc viết: viết cái gì, viết cho ai, viết thế nào, tại sao viết?... Tôi lưu ý đến ý kiến của một số tác giả về câu hỏi "tại sao viết", tức là bản chất và động lực của việc viết, đứng về phương diện cá nhân. Sau đây là một số nét chính:

● Viết do một sự thúc đẩy nội tâm:

- tất cả những gì chui qua tai, qua mắt và bắt cái đầu nghĩ ngợi, không viết ra được nó cứ bám cứng trong đầu không chịu nổi. (Song Thao, VH 125)
- viết do một thúc đẩy nội tâm. (Thế Uyên, VH 122)
- viết là một thôi thúc của nhu cầu sáng tạo, thể hiện bản thân, trở thành chính mình.(Nguyên Sa, VH 111)
- viết là tuân theo một nội lực thôi thúc, khó cưỡng lại.(Trần Hồng Châu, VH 124)
- cũng là thôi thúc nội tâm, nhưng Nguyễn hưng Quốc dùng một từ khác nôm na hơn, nhưng gợi hình hơn là ngứa. Viết vì ngứa, ngứa trong tâm hồn (NHQ, VH 126)

● Viết để giải tỏa ám ảnh, ẩn ức.

- giải tỏa ám ảnh (Ngự Thuyết, VH 125)
- giải tỏa nỗi niềm.(Hoàng Xuân Sơn, VH111)
- có những giấc mơ không thể thực hiện , nhiều ẩn ức không được giải tỏa, văn chương giúp thỏa mãn một phần những giấc mơ, ẩn ức đó.(Hồ Trường An, VH 126)

● Viết để khám phá chính mình.

- viết về nỗi cô đơn trong kiếp người, viết để khám phá những xúc cảm và ý tưởng của riêng mình. (Nguyễn Hữu Trí, VH 113)
- viết là một nỗ lực tìm hiểu và khám phá chính mình và đời sống con người(Lê Thị Thấm Vân, VH 124)
- tôi viết cái tôi đang nghĩ (Khánh trường, VH 125)

● Viết vì thói quen.(Hà Thúc Sinh, VH 122 - Hoàng Xuân Sơn, VH 111)

● Viết như một phản ứng trước sự vật,cuộc sống.

- viết văn làm thơ là một cách tỏ tình với cuộc sống (Hoàng Chính, VH 113)
- Văn chương, thi ca để bày tỏ lập trường trước cuộc sống. (Tạ Ty, HL 32)
- nhìn cảnh vật, sự đời, lòng bỗng dưng rung động, văn chương từ đó bật ra (Lê Quý Đôn, theo Nguyễn Hưng Quốc, VH 126)
- tâm hồn như một cây trúc, gió đến thì trúc kêu, gió im thì trúc lặng. (Ngô Thế Lân)
- những cảm xúc, suy nghĩ về cuộc đời thông qua số phận từng con người sống trên đất nước lần lượt hiện ra trên những trang viết (Trịnh Khắc Hồng, HL 36)

● Viết để nổi danh

- mê thơ, khoái thơ, còn muốn nổi danh (Luân Hoán, HL 32)

Cũng còn nhiều ý kiến khác, nhưng tựu trung, không đi ra ngoài các ý chính nêu trên. Theo tôi, những ý kiến nêu ra không có gì mâu thuẫn nhau, mà bổ túc cho nhau. Mỗi tác giả, từ hoàn cảnh riêng của mình, phát biểu một khía cạnh của vấn đề. Động cơ (nhất là động cơ đầu tiên) của việc viết thường khác nhau. Có người vì bức xúc một chuyện gì đó, như Ngự Thuyết, Hồ Trường An, viết để giải tỏa ám ảnh, ẩn ức. Có người vì ao ước trở thành

một nhà văn. Có người viết chỉ để cho mình đọc (như viết nhật ký). Có người, như nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Lan, cho biết: "viết, thời gian đầu như một thú tiêu khiển. Tôi đi học đánh máy, và, thay vì lấy sách của nhà trường ra tập đánh, thì tôi phải "chế" ra chữ mà đánh mới vui. Từ đó, có sáng tác đầu tiên, rồi thứ hai, thứ ba..."(HL 36). Hoàng Xuân Sơn có lẽ có hơi tếu khi bảo , đôi lúc anh viết để "đỡ buồn". Hoàng Chính, ướt át hơn, cho biết anh viết "để tỏ tình với cuộc sống". Tạ Ty thì dứt khóat "văn chương, thi ca để bày tỏ lập trường trước cuộc sống" trong lúc Nguyễn Hữu Trí, Lê Thị Thấm Vân lại khiêm nhường "viết để khám phá chính mình". Và Khánh Trường, đơn giản hơn, viết cái anh "đang nghĩ".

Đấy, mỗi người phát biểu một cách , từ góc độ rất riêng của mình khi bước vào nghiệp văn chương. Vâng, người ta có thể chọn một mục đích để viết: chuyển tải nhân sinh quan của mình (văn dĩ tải đạo), hoặc được nổi danh chẳng hạn. Nhưng cho dù mục đích như thế nào đi nữa, hành vi viết hình như có cùng một xuất phát điểm : đó là một thôi thúc không cưỡng lại được, hoặc từ nội tâm, hoặc từ cuộc sống. Song Thao, Nguyên Sa, Trần Hồng Châu, Thế Uyên và nhiều nhà văn khác đã thú nhận như thế. Trong "Lời cuối cho một bộ trường thiên", lời bạt để kết thúc tiểu thuyết "Mùa Biển Động", Nguyễn Mộng Giác cho biết : "Sau bảy năm tù túng gò bó không thể viết lên giấy những điều mình nghĩ, tôi say sưa ghi lại những đau thương dồn nén lâu ngày thành truyện. Lúc đó tôi không hay biết gì về sinh hoạt chữ nghĩa ở hải ngoại"... "Tôi không hề hy vọng những truyện tôi viết sẽ được in ra, phổ biến tới bạn đọc. Tôi viết cho tôi, viết để giải tỏa những uẩn ức như muốn giải quyết cho xong một mối để chuẩn bị gánh những món nợ mới." (Nguyễn Mộng Giác, Tha Hương, trang 1852). Có thể đến một lúc nào đó, viết trở thành chuyên nghiệp, viết trở thành một nghề, một quán tính, nhưng bản chất của hành vi viết không thay đổi. Người viết luôn luôn cảm thấy có những điều gì đó cần phải được viết ra. Nói như Nguyễn Hưng Quốc, vì ngứa mà viết. Phải chăng, viết là một cách gãi, gãi cho đã ngứa tâm hồn? Cuộc đời thì vốn cũ, trạng thái tâm hồn cũng không thoát ra ngoài thất tình lục dục, nhưng sự giao thoa, sự chồng chéo lẫn nhau giữa chúng, khiến chúng trở nên vô cùng đa dạng, đến nỗi, viết hoài, viết mãi, đọc hoài, đọc mãi, cũng còn thấy biết bao điều chưa nói hết, nói đủ về cuộc tồn sinh. Từ khi nhân loại có chữ viết, bao nhiêu triệu, hoặc bao nhiêu triệu triệu tác phẩm ra đời, nhưng nhu cầu viết và đọc vẫn không hề suy giảm, mà trái lại, còn tăng lên.

Có người gọi viết là một cái nghiệp. Viết là một cách trả nghiệp tiền kiếp, một cách trả nợ. Có quá đáng không? Có lẽ là không. Ai có rơi vào cái

việc viết lách rồi mới cảm nhận được nhu cầu, sự thúc đẩy khó cưỡng của việc viết. Những chi tiết cuộc sống vây bủa chung quanh, hàng ngày hàng giờ, cứ như luồn lách vào mọi ngõ ngách của tâm hồn rồi cùng cọng hưởng với tâm hồn để tạo nên một sức bật đẩy đến chỗ phải viết ra. Không viết ra được , chưa viết ra được, chưa thấy chúng nằm trên giấy thì y như mang một căn bệnh: đầu óc ngật ngà ngật ngưỡng, nửa tỉnh nửa say, dật dờ như bị ma ám, như bị "mọi thư", như cục xương mắc nghẹn nơi cổ. Lôi ra tờ giấy trắng, cầm bút lên và biến những gì có trong đầu ra giấy, đọc, sửa chữa, đọc lại và tự thưởng thức âm vang của câu, của chữ và những ý tưởng hay hình ảnh gói ghém trong đó. Đôi khi viết vội, viết vàng, viết y như thể sợ những gì trong đầu mình biến mất.

Đó là hành vi viết trực tiếp. Viết gián tiếp là khi lái xe, khi ngồi chờ vợ con đi chợ ra, khi đi dự một buổi họp thường lệ hay phải ngồi nghe một diễn giả tán hươu tán vượn trong một bài thuyết trình, khi thao thức chờ giấc ngủ đến. Viết trong đầu. Lắm khi cốt truyện hay bài thơ hình thành khi đợi ở đèn xanh đèn đỏ... Cũng có thể chi tiết truyện hình thành khi đọc thơ hay truyện của người khác.

Viết ra được rồi, nghĩa là khi trang giấy hay màn computer đầy ắp chữ, người nó nhẹ nhõm y như vừa trút một gánh nặng. Chao ôi, sung sướng biết bao khi cầm những tờ giấy trên tay chi chít chữ, sắp từng tờ theo thứ tự và nhìn ngắm chúng như nhìn ngắm đứa con mong đợi bao lâu vừa lọt lòng mẹ. Độc giả đầu tiên của tác phẩm chính là tác giả. Cũng như một sinh vật gọi là đứa con ra đời, chân tay ngọ ngọe, khóc oe oe, ở đây, những con chữ kết nối với nhau từng câu, từng cụm, từng trang bắt đầu lên tiếng ngọ ngọe, khóc cười, quằn quại, xót xa... Mỗi một chữ như có một linh hồn dấu ẩn. Chúng cuốn hút, mời gọi người độc giả đầu tiên. Có nhà văn đã đề cập đến sức mê hoặc đặc biệt của những con chữ, nhất là đối với chính người đã thai nghén và sản sinh ra chúng. Thực là một thú vị, một thứ hạnh phúc không tên khi thưởng thức những ý tưởng, hình ảnh trong đầu óc mình hóa thân thành những dòng, những câu, những chữ. Có lúc ta sửng sốt không ngờ những ý tưởng mông lung của ta, lại có thể hiện hình ra thành những dòng chữ gọn gàng dường ấy. Bản thân tôi, người viết, đọc lại bản thảo viết tay của mình, nhất là trong lần đầu tiên, mê luôn cả những chữ gạch bỏ của mình, những dấu móc thêm ý, cái chấm cái phết, những ghi chú ngoài lề vì thiếu khoảng trống... Mê màu trắng của giấy và màu đen của mực. Đấy, chỉ có giấy và mực. Toàn giấy và mực. Bạn không phải là nhà văn, nhưng có lẽ bạn đã từng viết thư tình. Bạn viết xong một lá thư tình, đọc lại và thấy nỗi lòng của bạn được trang trải hết trên giấy, bạn hạnh phúc như thế nào, thì nhà văn cũng chừng

ấy cảm giác khi nhìn thấy tờ giấy trắng lấp đầy bằng chữ. Chữ, chữ, và chữ. Chữ, nhưng không phải chữ. Chúng là nỗi lòng, ưu tư, khắc khoải, là yêu thương, giận hờn, đau đớn...

Thế thì tại sao ta không thưởng thức được tư tưởng và trạng thái tình cảm của mình khi chúng còn nằm trong đầu óc, mà lại thích được nhìn chúng dưới dạng chữ trên giấy? Có lẽ, cái gì còn nằm trong đầu óc thì chưa phải là sản phẩm, chưa hiện hữu, chưa hàm chứa tính cách của một nỗ lực, một công trình, một năng lực. Vì như ta biết, viết đâu chỉ đơn thuần là ghi lại những gì mình có trong đầu. Nó phải được ghi như thế nào đó để toàn bộ những gì ghi ra, mang tính cách của một cấu trúc, một chỉnh thể. Sáng tác được một câu thơ, dù hay, dù tuyệt đến đâu, mà chưa đặt được nó trong một bài thơ, thì câu thơ đó vẫn còn chênh vênh, lấp lửng. Viết một đoạn văn hay, súc tích, nhưng không triển khai ra hay không ghép được vào trong một bài văn, một truyện ngắn, một tiểu thuyết, thì vẫn không thể gọi đó là một tác phẩm. Mà chưa là một tác phẩm, thì tính văn chương khó tồn tại, mặc dù phải thừa nhận rằng, trong nhiều tác phẩm đồ sộ, trong nhiều bài thơ, ta tìm thấy chỉ một đoạn văn hay chỉ một câu thơ nào đó là hay.

Trong vấn đề thưởng thức chính tác phẩm của mình, ta ghi nhận:

- đọc tác phẩm viết tay (bản thảo) không "đã" bằng đọc bản thảo được đánh máy (hay đánh trên computer)

- đọc chữ đánh máy không "đã" bằng đọc chữ in.

- đọc tác phẩm mình in và phổ biến ra thành nhiều bản thú vị hơn một bản hay một số ít bản.

Cũng là bản văn của mình mà đọc nó trên một tờ báo, tạp chí có uy tín, nghĩa là có số ấn bản cao, ta thấy thú vị hơn nhiều. Ta không lạ gì, người viết nào (ngay cả, dù đã nổi tiếng) bao giờ cũng nôn nóng được đọc lại bài viết của mình trên báo, mặc dù có thể người viết đã đọc đi đọc lại cũng bài viết đó dưới dạng bản thảo bao nhiêu lần rồi. Có phải chữ in trông hấp dẫn hơn chữ viết tay? Có, nhưng không phải là cái chính. Cái chính ở đây là vấn đề truyền đạt. Tác phẩm in trên báo có tính chất lưỡng tính: vừa là của mình vừa không phải là của mình. Cái của mình được đặt giữa công chúng. Cảm giác này cũng như cảm giác của một diễn viên trên sân khấu: hiện diện giữa đám đông. Tài năng của anh ta hoặc chị ta được chia xẻ, được tán thưởng bởi nhiều người. Số người hiện diện càng đông, sự lý thú càng tăng. Bạn có tưởng tượng được nỗi buồn của một diễn viên trước một hội trường vắng vẻ, thưa thớt người xem? Cũng thế, đối với nhà văn, buồn biết mấy khi tác phẩm của

mình không được hiện diện giữa công chúng, nghĩa là không được in trên báo. Người viết sáng tạo ra tác phẩm đâu để cho mình thưởng thức một mình, mà muốn mọi người chia xẻ những tình cảm, những ý tưởng, những xúc động của mình và từ đó, thừa nhận tên tuổi của mình. Bạn thử tưởng tưởng tác phẩm của bạn công bố, dù rất hay, mà lại không có tên bạn trên đó! Về điểm này, Luân Hoán nói thẳng: viết để nổi danh. Tất nhiên, không khó, mà rõ ràng là không dễ!

Các cụ xưa bảo: "văn mình, vợ người". Về chuyện "vợ người", thì theo các cụ:

Thê không bằng thiếp
Thiếp không bằng tì
Tì lại không bằng... vợ người khác.

Vợ người khác là số một. Chẳng lạ gì, vì "vợ người" là "của lạ". Ở đây, tâm lý chung là vấn đề sở hữu. Cái gì nằm trong tay mình thì chẳng còn hấp dẫn nữa. Tâm lý chiếm hữu khiến người đàn ông khao khát, thèm muốn những gì chưa nằm trọn trong tầm tay. Lại còn thèm muốn khao khát hơn khi đối tượng nằm quá xa, nằm ngoài tầm tay với, trong đó có vợ người (vợ bạn, vợ hàng xóm...) Ở quê tôi, người ta bảo: "con cá sẩy là con cá to". Cá sẩy, tức là không bắt được, thường được hình dung lớn hơn thật vì kèm theo đó là sự nuối tiếc, sự mất quyền sở hữu. Sự không, hay chưa sở hữu được một vật khiến vật trở nên có giá trị hơn thực tế.

Ngược lại, ở trong văn, cái mình viết ra là của mình, do mình sở hữu, biểu lộ giá trị của bản thân mình. Bởi thế, ở đây, cái "số một" lại xuất phát từ chỗ sở hữu mà ra. Đây có lẽ là một trong những "tật xấu" rất bình thường của những người theo đuổi nghiệp viết. Đó là dạng thức của tâm lý "ái ngã", "chấp ngã" đặc biệt. Tất nhiên, điều này không có tính quy luật, và là một trạng thái tâm lý nhất thời. Ông Đỗ Quý Toàn có nhận xét như sau về loại tâm lý "văn mình" (mà ông gọi là "thơ mình") như sau: " Mới nghe, ta có thể hiểu thành ngữ trên như muốn nói: thơ mình hay hơn thơ người khác. Không nhất thiết như vậy. Thi sĩ nào cũng biết có nhiều bài thơ của mình không thể bằng một số bài thơ của thi sĩ khác. Vì vậy tôi hiểu vế "thơ mình" nghĩa là mình đọc thơ mình bao giờ cũng thấy hay hơn người khác thấy. Sự so sánh không phải là giữa thơ người này với thơ người khác, nhưng là giữa cảm giác của người đọc thơ mình và người khác cũng đọc thơ mình". (Tìm Thơ Trong Tiếng Nói, 56)... "Khi đọc lại chính bài thơ của mình viết ra, thi sĩ có thể sống lại gần đầy đủ kinh nghiệm khi sáng tạo bài thơ... Đó là lý do khiến cho khi chúng ta đọc thơ chính mình viết ra, chúng ta dễ cảm thấy "hay" hơn là khi người khác đọc cũng bài thơ đó". (TTTTN, tr. 59).

Nhận xét của ông Đỗ Quý Toàn rất chí lý. Nhưng, đối chiếu với tâm lý "vợ người" ở trên thì rõ là, tâm lý "văn mình" phải nghiêng về cách hiểu: đọc bài thơ hay bài văn của mình, mình "cảm thấy hay" hơn hoặc cũng không thua bài thơ hay bài văn của người khác (một số người nào đó, chứ không phải là tất cả), nhất là khi cùng một đề tài. Nguyên do, đại loại cũng như Đỗ Quý Toàn nói, trong khi đọc văn, thơ mình viết ra, mình có thể sống lại kinh nghiệm sống của mình, còn đọc thơ văn người khác, mình không sống được kinh nghiệm của họ, và do đó, không hiểu hết ý của họ, nên tất nhiên văn, thơ họ không thể "hay" bằng văn, thơ mình. Rõ ràng đây là một cái hay chủ quan, cũng như cái "số một" của vợ người là một cách đánh giá chủ quan liên hệ đến vấn đề thèm muốn và sở hữu. Nhưng chính cái tâm lý đặc biệt đó lại là một động lực đáng kể thúc đẩy nhà văn viết. Bởi vì, khi viết ra rồi, tệ lắm người viết cũng có một độc giả: đó là chính mình. Đây là độc giả trung thành nhất, chung thủy nhất và chịu khó chia ngọt xẻ bùi với những trang chữ mà mình để tâm sáng tạo ra, dù có dở đến đâu chăng nữa. Vậy thì, sao lại không viết. Vả lại, chữ nghĩa đâu có tội gì. Cứ viết ra đi. Báo nó chê thì ta để đó. Họ có mắt mà như mù, làm sao thấy hết được cái hay của tác phẩm mình vừa viết xong. Đại loại, người viết nhủ thầm như thế, và tiếp tục viết. Bản thân người viết bài này, cũng đã bao phen bị trả bài về, bị làm lơ không đăng, nhất là hồi mới tập tễnh viết lách. Thất vọng, buồn, ấm ức. Nghiệm lại, nếu không nhờ thứ tâm lý "văn mình, vợ người" chắc tôi cũng bỏ bút lâu rồi.

Có thể xem: viết như là một tiếng kêu, hay một hình thức của tiếng kêu. Một tiếng kêu vô âm. Tôi tâm đắc với ý tưởng này của người Trung Hoa : Phàm vật bất đắc kỳ bình, tắc minh (thường vạn vật, có điều gì không thường thì kêu lên). Nhận xét này là một nhận xét tổng quát về một trong nhiều đặc điểm của sự vật nói chung: tiếng kêu phát ra gắn liền với một sự không bình thường ở chính bên trong sự vật đó. Ngô Thế Lân cũng đề cập đến tiếng kêu trong sáng tạo văn chương: tâm hồn như một cây trúc, gió đến thì trúc kêu, gió im thì trúc lặng. Tiếng kêu ở đây là sự giao thoa giữa sự vật bên ngoài và tâm hồn. Cũng đúng thôi. Sự không bình thường bên trong, đa phần, là một phản ứng có điều kiện đối với những tình huống bên ngoài (sự vật, cuộc đời).

Ở con người, tiếng kêu là một dạng của tiếng nói, nhưng biểu lộ một trạng thái bên trong cấp thiết hơn, có "vấn đề" hơn. Cười, khóc, la, hét, gầm, rên rỉ... xuất phát từ những xung động nội tâm, những đối lực không thể hòa giải được bên trong cơ thể hay tâm thức con người. Tiếng kêu được bật ra có thể làm giảm bớt xung động. Rên khiến đỡ đau, khóc làm vơi bớt nỗi sầu, la

lớn làm hả cơn giận. Mặt khác, sự phát ra âm thanh còn có mục đích chuyển gửi tín hiệu đến người khác. Nếu không gửi tới ai được thì gửi đến thiên nhiên, đến ông trời. Đau quá, kêu "mẹ ơi!", Đau hơn nữa, kêu "trời ơi!". Tạ Tốn giận đời quá, không biết nguyền rủa ai, bèn nguyền rủa ông trời là "Lão Tặc Thiên".

Như thế, tiếng kêu vừa biểu lộ một thôi thúc từ bên trong nội tâm, vừa nhắm đến sự truyền đạt ra bên ngoài. Bản chất của truyền đạt là gửi đến càng nhiều người càng tốt, càng xa càng tốt, vì càng xa lại càng có nhiều người tiếp nhận. Thời tiền sử, người ta truyền đạt bằng dấu hiệu hoặc bằng âm thanh. Dấu hiệu, ký hiệu (tiếp nhận qua thị giác) không truyền xa được. Âm thanh (tiếp nhận qua thính giác) truyền đạt xa hơn. Nhưng nói chung, sự truyền đạt bằng âm thanh vẫn bị giới hạn trong không gian và hoàn toàn bất lực về mặt thời gian. Sự bất lực đó có lẽ đã thúc đẩy con người đi đến chỗ sáng tạo ra các ký hiệu truyền thông, tiền thân của chữ viết về sau.

Hành vi viết, động tác viết nói chung đã trợ lực cho âm thanh, hoặc thay thế âm thanh trong nhu cầu biểu lộ trạng thái nội tâm và chuyển tải đến tha nhân, đến thế giới, đến tương lai. Viết là một cách kêu, dù không gầm rú, không thét, không la. Hành vi viết - một thứ động tác thầm lặng, đơn độc, dài hơi - rốt cuộc, chỉ là một cách quãng diễn tiếng kêu hay thu tóm lại thành một tiếng kêu. Có thể nói một câu thơ, hay ngay cả một bài thơ là một tiếng rên, tiếng la. Một tác phẩm đồ sộ, đôi lúc, gói trọn trong một tiếng thở dài, kiểu để "mua vui cũng được một vài trống canh" (Nguyễn Du). Cái khác là, tiếng thở dài đó không tan biến mất trong không gian, mà đọng lại đó, nằm đó chờ đợi kẻ tri âm, người đồng điệu. Sau này, do cuộc cách mạng kỹ thuật, âm thanh đã có thể được ghi lại, để dành, chuyển qua không gian và thời gian. Nhưng người ta chưa ai sáng tác bằng cách đọc, thay vì viết. Người ta có thể đọc, rồi ghi lại bằng máy ghi âm chỉ để làm tài liệu (để đợi viết). Độc giả có thể nghe thay vì đọc một cuốn tiểu thuyết, nhưng mà điều tiên quyết vẫn phải là có tác phẩm viết trước đã. Nếu ta không muốn thưởng thức âm nhạc bằng cách nhìn, thì ta cũng chẳng muốn thưởng thức một tác phẩm văn chương chỉ toàn bằng cách nghe. Còn công việc sáng tác thì chưa có cách gì thay thế được việc viết. Cho dù viết, nhìn dưới góc độ trên, là một cách biểu lộ tiếng kêu.

Nhiều nhà văn, qua lời thú nhận của họ, đã trở thành nhà văn, chỉ vì muốn la lên, muốn hét lên, muốn kêu lên một hay những điều gì đó, sau khi trải qua những nhục nhằn, bi phẩn, sau khi đã chứng kiến những tang thương, đổ nát, khốn khổ của kiếp người. Có lẽ cũng không quá đáng lắm khi nói một bộ phận lớn của nền văn học hải ngoại, cho đến nay, dưới dạng này

hay dạng khác, vẫn chứa đựng những tiếng kêu với âm vang dằng dặc của một cuộc thất bại, tháo chạy, một cuộc đổi đời toàn diện, khủng khiếp, sau biến cố tháng tư năm 1975.

Ở một khía cạnh khác, viết hàm chứa trong nó tính sáng tạo. Nguyên Sa cho rằng viết là một "thôi thúc của nhu cầu sáng tạo". Từ cuộc đời là chất liệu vốn bao gồm những thứ đã cũ (cũ rích nữa, đôi khi), hành vi viết tạo dựng lên một công trình mới. Tất nhiên, loanh quanh luẩn quẩn cũng mô tả chừng ấy điều: cỏ cây, người ngợm, đau khổ, hạnh phúc, khóc cười... Nhưng sự ráp nối chúng cho phù hợp với những dự phóng riêng, những cảm thức riêng, khiến hành vi viết đặt người viết phiêu du vào trong một thế giới rất quen mà rất lạ. Quen, vì tất cả chi tiết đều đến từ cái thế giới quen thuộc này. Lạ, vì có quyền tổng hợp chúng lại dưới những cách thế mới, những dạng mới, những tình huống và số phận mới. Dù ít nhiều bị ràng buộc bởi dự phóng viết, hành vi viết vẫn bao hàm sự tự do, hiểu theo nghĩa người viết có quyền thêm bớt, uốn nắn, sửa đổi, loại bỏ những gì không muốn. Hiểu xa hơn, hành vi viết giúp người viết vượt lên trên thân phận hạn hẹp, chật chội của riêng mình, để tiếp cận với cái mênh mông vô cùng của thế giới và cuộc đời. Trong cuộc đời thường, người viết bị đụng bởi giới hạn của không gian, thời gian, những vây bủa khắc nghiệt của chủng tộc, gia đình, quá khứ, đụng phải bức tường thành kín mít của số phận (nếu ta có thể nói như thế). Khi viết, người viết bay bổng khỏi mình, bước ra khỏi bản ngã, với đôi cánh ngược xuôi có thể luồn sâu về quá khứ, và phóng vút về tương lai, len lỏi vào đủ ngóc ngách của cuộc tồn sinh để... sáng tạo. Kinh nghiệm viết cho thấy, nhân vật và tình huống do mình tạo ra, lắm khi lại dẫn dụ chính người viết, lôi ngòi bút đi xa, xa hẳn và có thể xóa luôn cả dự phóng ban đầu. Chấm hết xong, nhìn lại, nhìn lại, thấy hình như vừa tạo xong một số phận mới, một thế giới mới! Quả là một cuộc phiêu du, một cuộc hải hành gian nan kiểu Columbus đi về Ấn Độ, nhưng rồi lại được đặt chân đến một vùng đất lạ ngoài dự tính là Tân Thế Giới.

Đó là điều cuối cùng tôi hiểu về hành vi viết: tự do. Cuộc tồn sinh không chật, nhưng tâm hồn có thể chật. Ngòi bút không có biên giới, nhưng thành kiến, giáo điều lại có biên giới. Thế nên, sự chọn lựa nằm ở người viết: tự do hay không, khi viết.

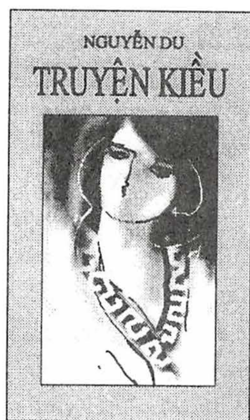
TRẦN HỮU THỤC

(12/8/97)



ĐÀO THÁI TÔN

NHÂN BÀI "NHẬN XÉT" CỦA ÔNG NGUYỄN QUẢNG TUÂN VỀ VIỆC NGHIÊN CỨU TRUYỆN KIỀU CỦA CỐ HỌC GIẢ HOÀNG XUÂN HÃN



Tôi vừa đọc xong bài "*Vài nhận xét về việc NGHIÊN CỨU TRUYỆN KIỀU của cố học giả Hoàng Xuân Hãn*" do ông Nguyễn Quảng Tuân "nhận xét" mà ngay phần mở đầu, ông viết: "Nhận thấy CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU của học giả Hoàng Xuân Hãn *thật đáng trân trọng* chúng tôi xin cho một vài nhận xét như sau." "Một vài nhận xét" của ông tức là in kín 12 trang Tạp chí *Văn Học* số 6/1997 mà ông cho biết xa xa rằng ông viết nó từ phương trời xa xôi "Toronto" vào "mùa tuyết 1996."

Đọc xong bài viết của Nguyễn Quảng Tuân, tôi cứ thấy bâng khuâng trong dạ, những muốn viết đôi điều; nhưng cứ phải cầm lòng tính toán viết sao cho gọn, nói năng cho được dịu dàng, lễ độ trước bạn đọc.

*

Cái bâng khuâng của tôi là: liệu cái *tên bài báo* của Nguyễn Quảng Tuân có TO QUÁ không? Bởi vì, "việc nghiên cứu *Truyện Kiều* của cố học giả Hoàng Xuân Hãn," theo học giả cho biết, đã diễn ra tới hơn nửa thế kỷ nay, từ khi tôi chưa lọt lòng mẹ. Không phải cụ nói để mà nói đâu. Bằng cớ

là: ít ra từ 32 năm trước, khi biết trong lúc bom rơi đạn xé ở trên mình Tổ quốc ta mà nhân dân ta vẫn tích cực chuẩn bị kỷ niệm 200 năm sinh Nguyễn Du, từ Paris, Cụ đau đáu theo dõi và gửi về cho Viện Văn Học một số tài liệu quý của riêng cụ, những mong góp chút gì với Đất nước để kỷ niệm THI HÀO. Là một người say mê nghiên cứu văn hóa, và lưu tâm tới việc đào tạo anh em trẻ nghiên cứu văn học, sử học... cách đây trên dưới chục năm, tôi được biết, khi Giáo sư Viện sĩ Hoàng Trinh sang công tác tại Paris, câu đầu tiên mà học giả Hoàng Xuân Hãn bắt tay Giáo sư trước tiền sảnh là: Được biết ở bên nhà mở lớp Đại học Hán học, tôi mừng quá!

Tôi chưa được hầu chuyện học giả Hoàng Xuân Hãn. Nhưng những gì tôi đọc được của Cụ, với riêng tôi, là những bài học rất sâu sắc về phương pháp nghiên cứu. Chẳng hạn, với công trình *Hồ Xuân Hương với Vịnh Hạ Long* in trên tạp chí *Khoa Học Xã Hội* ở Paris năm 1983, tôi đã được giác ngộ biết bao điều mà suốt từ năm 1969 đến lúc đó, không gỡ ra được. Và lại phải nghiền ngẫm suốt 10 năm sau, tôi mới thấy hình như mình đã làm được một chút gì đó về Hồ Xuân Hương mà công trình của Cụ cũng như các nhà nghiên cứu trước đó như Văn Tân, Trần Thanh Mại, Hồ Tuấn Niêm đã tạo cho tôi một cái nền vững chắc để có chỗ đứng chân mà tò mò tìm hiểu tiếp. Tôi phải nói ngay rằng: không ai trong các nhà nghiên cứu kể trên đã phiên âm và giảng nổi hai chữ SƯƠNG SIU trong một câu thơ Hồ Xuân Hương gửi tặng Nguyễn Du. Hai chữ tưởng như rất đơn giản mà đòi hỏi biết bao kiến thức về các môn loại mới mong phiên âm để giảng cho đúng được. Học giả Hoàng Xuân Hãn có công lớn trong việc phiên âm hai chữ này. Nhờ Cụ, nhờ hai chữ này, tôi suy ra được bao điều lý thú. Năm 1996 vừa qua, khi Cụ còn tại thế, tôi lại lần mò học được ở Cụ hai chữ NƯƠNG LONG - hai chữ Nôm cổ mà nhờ đó tôi đã gần như là tìm được cái trường ngữ nghĩa biến hóa của nó từ thế kỷ XVII đến suốt bây giờ.

Tôi đang nóng lòng chờ di cảo nghiên cứu về *Truyện Kiều* của học giả Hoàng Xuân Hãn. Nhiều vị lãnh đạo Trung tâm KHXH và NVQG cũng như các vị ở Viện Hán Nôm từ dăm năm qua, mỗi khi đi công tác tại Paris, tới thăm Cụ, đều được cụ say sưa nói về cuốn *Truyện Kiều* mà Cụ đang làm, đang gấp rút hoàn thành.

Với người nghiên cứu, để chỉ tìm được một vài chữ thôi, nhất là cái thứ chữ Nôm cổ, chữ Nôm phương ngữ, nhiều khi đòi hỏi không chỉ vài chục năm trời. Tôi tin Cụ. Ngưỡng mộ Cụ. Bây giờ thì bản thảo Cụ đang nằm đó. Nào ai đã biết mặt mũi ra sao. Giả dụ, mai đây, bản thảo này ra đời, ta đọc, thì tôi chắc phải là người nghiên cứu mới thấm thía hết được - dù chỉ là vài ba chữ Cụ tìm, hoặc mới có thể thấy được cái gợi ý mà từ lâu ta muốn nghĩ

mà không có vốn để nghĩ ra được. Huống chi lại hỏi "nhận xét" "VỀ VIỆC NGHIÊN CỨU *Truyện Kiều*" của Cụ thì phỏng đó là đại ngôn quá chăng? Bởi vì VIỆC NGHIÊN CỨU thì có nhiều chuyện bếp núc lắm. Nhận xét cho tinh tường cái được cái chưa được của một cuốn sách Cụ viết, tôi tưởng cũng phải có ít nhiều lưng vốn. Còn như, cuốn sách Cụ chưa ra đời mà đã "Nhận xét" về "việc NGHIÊN CỨU" của Cụ, liệu có tin được không?

Tôi thấy tên bài báo của Nguyễn Quảng Tuân "hơi bị TO" là vì vậy!

Tôi sẽ không bàn nhiều, bàn hết với Nguyễn Quảng Tuân về bài báo của ông. Điều đầu tiên, tôi muốn nói là: câu văn dùng để đặt tên cho bài báo của Nguyễn Quảng Tân là không chính xác: Bài in trên TCVH số 3/1997 không phải là CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU của Hoàng Xuân Hãn và *Truyện Kiều*. Đã ai biết "công trình" của Cụ là thế nào đâu? Đây vốn chỉ là bài NÓI CHUYỆN của Cụ về *Truyện Kiều*. Theo chỗ tôi được biết, thì bài nói này được nói vào năm 1996 với đồng bào Việt kiều tại Paris. Đồng bào ta xa tổ quốc, nhớ nhà, nhớ về cội nguồn, thèm khát thông tin về Văn hóa dân tộc; nên khi biết Cụ nghiên cứu nhiều về văn hóa nước nhà - nhất là sau *Hồ Xuân Hương* (1983), bây giờ Cụ lại tập trung vào *Kiều*, bà con ta bên ấy mới mời cụ đến nói chuyện, hỏi về việc nghiên cứu Kiều của Cụ. Cách đây bốn năm, tại Paris, Cụ cũng nói chuyện có tới vài ba buổi về Hồ Xuân Hương. Thế nghĩa là Cụ nói chay, nói bộ, nói với một *đối tượng không phải làm nghề nghiên cứu văn học*, như là nói chuyện về công việc của người nghiên cứu cho người *ngoại đạo* nghe, cốt sao cho lý thú. Sau khi Cụ khuất núi, học trò và thân nhân nhớ Cụ, thương Cụ, mang cái băng ghi âm buổi nói chuyện ấy ra chép lại, soạn lại, gửi về cho ĐẤT NƯỚC mà địa chỉ tin cậy là *Tạp chí Văn Học* - nơi mấy chục năm nay Cụ đã mến yêu và cộng tác, như là đốt thêm một nén nhang để tưởng nhớ tới một người THẦY. *Tạp chí Văn Học* cho in bài nói này, hẳn cũng là một cử chỉ tỏ lòng thương nhờ cụ - Một nhà trí thức yêu nước, uyên bác.

Đã gọi là *bài nói*, mà lại là *nói chuyện*, thì thế tất nó rất dung dị, phổ thông. Còn người "bóc băng" có nắm được đúng ý Cụ nói không, lại là chuyện khác. Tôi đã từng phải "bóc băng" những buổi nói chuyện, tôi biết: Nếu không nắm được một chuyên môn nào đó, cứ ghi từng câu trong băng, rồi soạn lại, đến khi đưa cho *người nói đọc*, mới vỡ lẽ ra rằng: cái mình tưởng là chính, hóa ra là phụ, là việc nói mở rộng của diễn giả mà thôi. Đó là ngày tôi làm báo, phải "bóc băng" bài nói rất dài về Tổng kết lịch sử, chiến tranh của một vị lãnh đạo Đảng. Khi mang đến, mới thấy mình quá dốt nát *về quân sự* - nên có chỗ không hiểu: Câu đáng ghi thì bỏ, đoạn không cần thì ghi rất... "trung thành"!

Tôi nghĩ rằng chắc cũng để gọi là thắp thêm một nén nhang tưởng nhớ hương hồn học giả Hoàng Xuân Hãn mà *Tạp chí Văn Học* đăng *bài nói* của Cụ đó thôi. Ngay cả cái *tên bài báo* do Tòa soạn đặt đã nói lên sự cẩn trọng đó. Đã là người nghiên cứu thì tôi chắc không ai nên và cũng chẳng ai NỠ coi đó là CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU của học giả họ Hoàng như những công trình Cụ cặm cụi hơn nửa thế kỷ, cân nhắc từng chữ dùng, từng luận cứ khoa học, để lại cho ĐỜI.

*

Dù có vài chỗ hơi ngờ. Nhưng biết đó là *bài nói* được bóc băng bởi học trò của Cụ, tôi lướt qua những chỗ ngờ đó. Nhưng đọc đi đọc lại bài nói của học giả Hoàng Xuân Hãn, tôi vẫn rất lý thú như bắt gặp ở đây những đoạn hồi ký, những chi tiết quanh văn bản *Truyện Kiều* mà chỉ có Cụ mới cung cấp được một cách sinh động thuyết phục nhường ấy. Điều quan tâm của tôi nhân bài nói của Cụ là: vấn đề Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* lại được Cụ đặt ra. Tôi nói "lại được đặt ra" vì trước đây học giả Đào Duy Anh đã từng có tư tưởng này. Linh cảm khiến tôi tin Cụ Đào, Cụ Hoàng. Dĩ nhiên, trong nghiên cứu, từ linh cảm đến việc chứng minh cái linh cảm đó là một chặng đường nhiều khi không hề ngắn. Cũng nhân đọc bài nói của học giả Hoàng Xuân Hãn lần này, có ý nghĩ về thực chất của khái niệm "bản kinh" "bản phường" của *Truyện Kiều* lần này lại có dịp trở lại rõ ràng hơn trong tôi nên tôi cũng ngờ rằng cái điều mà ông Nguyễn Thạch Giang từ 1972 đến nay muốn chứng minh có một bản phường do *Phạm Quí Thích đưa in* lúc sinh thời, cũng như có một bản Kinh do Tự Đức đưa in vào năm 1871 là điều còn chưa được thuyết phục. Ta rất cần phải chú ý tới những điều viết thận trọng của Nhóm nghiên cứu văn bản *Truyện Kiều* do ông Nguyễn Văn Hoàn chịu trách nhiệm viết vào năm 1966, nhân kỷ niệm 200 năm sinh Nguyễn Du. Nếu tôi không lầm thì đây là vấn đề tế nhị nhưng rất cơ bản trong việc nghiên cứu văn bản *Truyện Kiều*, là vấn đề còn nhiều băn khoăn trong giới nghiên cứu chứ không phải đơn giản. Vậy thì, căn cứ vào đâu mà ông Nguyễn Quảng Tuân có thể viết những câu văn rất tự tin, đại loại: "Bản Kiều Oánh Mậu *không phải là gần với bản Kinh nhất*. Chữ "bóng hồng" trong bản của gia đình Nguyễn Doãn Cử *không phải của bản Kinh.*" (*Văn Nghệ* số 18 năm 1995) trong khi "cả làng" nghiên cứu *Truyện Kiều* không ai có "bản Kinh" mà ông Nguyễn Quảng Tuân chắc chắn là cũng không có. Ông dựa vào quan điểm của Nguyễn Văn Hoàn, Thạch Giang, Đào Duy Anh hay dựa vào *kết quả nghiên cứu* của ai mà ba năm nay ông đưa ra những điều chắc nịch sau đây: "Quyển *Truyện Kiều* của Nguyễn Du đã được *Phạm Quí Thích cho khắc in* ở phường

Hàng Gai Hà Nội nhưng đến nay bản phường ấy đã không còn tìm thấy nữa." Rồi: "Đời Tự Đức (1858-1883) (1) *nhà vua và một số đình thần* có sửa chữa lại quyển *Truyện Kiều* và *cho khắc in* ở kinh đô (Huế) nên bản ấy được gọi là *bản Kinh*" (!?).

Nhìn chung, toàn bộ bài viết của Nguyễn Quảng Tuân còn nhiều nhận định quá vội vàng, áp đặt và hơn thế, tôi thấy như có một sự cố tình viết sai lệch vì một động cơ nào đó mà tôi chưa hiểu được. Chẳng hạn, trong 13 trang báo này, ông viết:

"Học giả Hoàng Xuân Hãn có nói về Đào Nguyên Phổ người đã đem bản *Đoạn Trường Tân Thanh* từ Kinh đô về Bắc tặng cho Kiều Oánh Mậu - và có thắc mắc là "không biết ông Kiều Oánh Mậu có thêm thắt gì không "trước khi cho in. Nếu thắc mắc như vậy thì ĐÚNG LÀ học giả Hoàng Xuân Hãn đã KHÔNG BIẾT bài *Lệ ngôn thập tắc* (mười điều lệ ngôn) mà Kiều Oánh Mậu đã trình bày ở đầu quyển *Đoạn Trường Tân Thanh.*"

Tôi xin được nói ngay: Đây là một câu văn phủ! Không ai có thể chấp nhận được và cũng không ai có thể tin được khi ông viết câu văn "ĐÚNG LÀ học giả Hoàng Xuân Hãn KHÔNG BIẾT bài *Lệ ngôn*"... như thế. Vì đó là tài liệu mà ai nghiên cứu *"Truyện Kiều"* cũng *phải* biết, cũng *phải* đọc: là tài liệu có thể nói *theo một góc độ nào đó*, là phổ biến, thậm chí ai mù chữ Hán chữ Nôm cũng vẫn tìm đọc dễ dàng qua bản dịch của Cụ Lê Thước mà Nguyễn Thạch Giang đã cho in nhiều lần từ năm 1972 đến nay, phục vụ cho hàng ngàn hàng vạn lượt người đọc, cho thày giáo học trò!!

Ấy thế mà ông lại còn cẩn thận chú thích: "Bản Nôm *Đoạn Trường Tân Thanh* này chúng tôi đã cho in lại trong *Tổng Tập Văn Học Việt Nam,* Tập 12, Nxb KHXH, Hà Nội, 1996." Thì ra ông muốn giới thiệu cuốn *Tổng Tập* và bài *Lệ ngôn* "do ông dịch" trong đó! Vậy thì cái chú thích của ông đây, tôi xin được phép mở ngoặc để nói ngay là: Cuốn *Tổng Tập* do Nguyễn Quảng Tuân chịu trách nhiệm chính này, đã được biên soạn sai qui cách thậm tệ và tham lam quá đáng: Không ai cho phép ông đưa toàn bộ việc khảo cứ *Truyện Kiều* và "tái bản" phần lớn trang chữ trong cuốn *"Chữ Nghĩa Truyện Kiều"* của ông vào trong *Tổng Tập.* Càng không ai cho phép ông tự đặt ra chương mục lớn "Những bài viết về *Truyện Kiều*" để cốt chỉ *đưa hầu như tất cả những bài báo* của ông vào *Tổng Tập Văn Học Việt Nam.* Càng không ai cho phép ông đưa những *tác phẩm còn hoài nghi*, thậm chí là *giai*

---

(1) Cả trong Nguyễn Du toàn tập và Tổng tập văn học Việt Nam (Nxb Văn Học và KHXH, H, 1995), Nguyễn Quảng Tuân đều lầm: Tự Đức (1848-1883) chứ không phải (1858-1863)!

thoại văn học và Tổng tập này. Đó là tôi chưa nói ông đã cố tình xuyên tạc câu văn của Nguyễn Văn Hoàn, Nguyễn Thạch Giang, Đào Duy Anh để làm "nổi" cá nhân mình và có lời bất nhã, thiếu tế nhị với người đã khuất (2). Tôi tha thiết đề nghị với các vị trong Hội đồng biên tập *"Tổng Tập Văn Học Việt Nam"* ban hành từ năm 1974-75 mà hai chục năm qua các soạn giả *Tổng Tập* vẫn chấp hành nghiêm chỉnh thì, đây là cuốn *Tổng Tập* ẩu nhất, tùy tiện nhất và bộc lộ dụng ý tự đề cao cá nhân mình một cách quá "hồn nhiên"! Nên nhớ rằng *Tổng Tập Văn Học Việt Nam* - tập 12 là cốt để giới thiệu tác giả Nguyễn Du chứ không phải *nơi để Nguyễn Quảng Tuân tự định vị mình* trong Lịch sử văn học bằng cách tái bản *Truyện Kiều* đã in năm 1995, 1996 và nhiều trang viết, bài báo chưa định hình của ông, thậm chí cả những sưu tập tranh ảnh, các thứ chữ Hán chữ Việt mà ông cho là đẹp lắm, như mẫu mực của "thư pháp." Thật đáng xấu hổ nếu như người nước ngoài nhìn vào đây, tưởng đó là "thư pháp" của Việt Nam ta!

Theo tôi, băn khoăn của học giả Hoàng Xuân Hãn về bản *Đoạn Trường Tân Thanh* là băn khoăn chung của cả giới nghiên cứu từ mấy chục năm qua. Mời ông Nguyễn Quảng Tuân đọc kỹ lại Nguyễn Văn Hoàn, Đào Duy Anh và Thạch Giang, là rõ. Tôi cũng rất ngạc nhiên khi Nguyễn Quảng Tuân dùng lại bản dịch bài Lệ ngôn mà ông xóa bỏ tên người dịch cũ là Cụ Giải nguyên Lê Thước. Cho đến bài Tựa của Đào Nguyên Phổ, ông cũng bỏ tên người dịch cũ là Cụ Trần Lê Nhân, rồi chú thích (có lẽ chú thích chung cho cả hai bài), rằng: *"Do chúng tôi phiên âm và dịch.* Khi dịch, chúng tôi có đối chiếu với các bản dịch của Lê Thước, Nguyễn Văn Tố, Giản Chi." Theo tôi thì không nên làm như thế. Nếu ông "phiên âm và dịch" thì tại làm sao bài *Lệ ngôn* do ông phiên âm sai nhiều thế, chấm câu đến nỗi vừa sai vừa sót đến như thế (3)? Cái khổ của văn bản chữ Hán cổ là không có dấu chấm câu. Người đọc phải tự ngắt câu cho đúng mới mong hiểu được. Ai ngắt câu đúng, được các cụ cho là người đã "thông mạch sách." Nếu ngắt câu sai, phiên âm lại loạc choạc thì không làm sao được, dịch làm sao được? Tôi còn lạ một

---

(2) Trang 862 *Tổng Tập*, nhằm bác lại luận điểm của Hoàng Xuân Hãn cho rằng: "chữ *"Khái"* là chữ cổ, nghĩa là hổ, cọp mà *đến nay thì Nghệ An đến phía Bắc Quảng Bình vẫn nói và dùng một cách chuyên nhất,"* Ngyyễn Quảng Tuân đã "hạ" một câu văn quá lạ lùng, "bất tận nhân tình" xuống phần chú thích: "Làm sao ông có thể xác định được *khi không về ở Việt Nam mà chỉ sống ở bên Pháp* cho đến khi qua đời? (!!!).

(3) Cụ thể là phiên âm: *khoái trá* thành *quái trích*; *hoằng* thành *hoành; tiếm* thành *thiết; suy* thành *thôi*; *Tuy* thành *duy; khổ tâm* thành *nhược tầm*; *nghị* thành *nghĩa; dĩ* thành *dũ* (!).

điều nữa là: đã có bản dịch cũ hàng mấy chục năm của các cụ túc nho, thì có khác gì các cụ cầm tay cho mà ngắt câu, mà phiên âm hộ cho. Thế mà còn sai! Phiên âm thì sai, chấm câu cũng sai mà dịch lại vẫn như bản dịch cũ. Thế là thế nào?!

Bài đã dài. Tôi chỉ nói một điều này nữa thôi: Học giả Hoàng Xuân Hãn nói: "Có thể nói rằng, về những bản in khắc ván mà có nói đến *Truyện Kiều, Kim Vân Kiều An* là bản đầu tiên. Ông ấy dùng nhiều câu trong *Kiều* và nhất là trong ấy, ông ấy gọi Cụ Nguyễn Du là Hầu Đông các chứ không gọi là HẦU CẦN CHÁNH, cái titre (Titre: Chức - chú thích của *Tạp chí Văn Học*) CẦN CHÁNH là *vua Gia Long cho Cần chánh học sĩ để mà đi sứ. Lúc đi sứ* người ta thường cho *một cái titre cao hơn titre thường* nhưng ra ngoài, người ta chỉ biết đến HẦU ĐÔNG CÁC," Nguyễn Quảng Tuân liền hấp tấp "nhận xét":

"Học giả Hoàng Xuân Hãn có sự nhận định SAI về điều này vì khi Nguyễn Du được thăng Đông các học sĩ hoặc Cần chánh điện học sĩ ông VẪN CHƯA ĐƯỢC PHONG TƯỚC HẦU." Để chứng minh cái SAI của Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Quảng Tuân đưa ra cái "đúng" của ông là TỜ CHIẾU của vua Gia Long. Khi phiên âm tờ CHIẾU này ông dùng dấu "chấm chấm" bỏ hoang đấy mấy chữ ghi NĂM, THÁNG viết tờ chiếu. Đã bỏ hoang bằng dấu "chấm chấm" (...) ở nguyên bản như thế, thì biết tờ chiếu này được viết vào NĂM, THÁNG nào trong đời Gia Long. Chỉ biết là ngày 19 thôi. Thế mà không hiểu ông "dịch" thế nào mà dám cả gan viết: "Theo tờ CHIẾU của vua Gia Long thì mãi đến năm 1815 SAU KHI ĐI SỨ NHÀ THANH về, Nguyễn Du mới được thăng chức Hữu tham tri bộ Lễ và mới được phong tước Du Đức Hầu" (!?). Tôi không thể giải thích được vì sao ông không gửi tờ chiếu đó để in vào bài viết này trên *Tạp chí Văn Học;* mà tuy không dính dáng gì đến bài vở, tờ chiếu này lại được *Tạp chí Hán Nôm* gửi về cho, để Tạp chí trân trọng cho đăng khống cái ảnh chụp trên bìa 4, số 2/97 như một sự trang trí, quảng cáo với chú thích ảnh cũng mập mờ: *"Tờ chiếu của vua Gia Long phong cho Nguyễn Du tước Du Đức hầu do Nguyễn Quảng Tuân sưu tầm."* Tôi đã dùng mọi loại kính lúp để soi, mà không thể nào đọc được năm tháng viết tờ chiếu ấy. Mà đọc làm sao được khi mà ông Nguyễn Quảng Tuân là người "sưu tầm" (bản chính hay bản chụp?) mà còn phải "chấm chấm" cơ mà! Nhưng qua soi kính, thì tôi mới thấy tờ chiếu này *đâu CHỈ là tờ chiếu phong tước Du Đức hầu* như chú thích ảnh?

Tôi nói quá hồ đồ vì chắc chắn là Nguyễn Quảng Tuân đã SAI, học giả Hoàng Xuân hãn hoàn toàn ĐÚNG. Bởi vì trong tay tôi hôm nay đã có văn bản chứng minh rằng: vào năm 1813. Về mặt giấy tờ, danh nghĩa, Nguyễn

Du chẳng những được thăng chức CẦN CHÁNH mà còn được phong cả tước HẦU nữa:

Số là, năm 1993, khi về Bắc Ninh, đến quê cụ Lê Duy Đản (cụ cũng ra làm quan với Gia Long, đồng triều Nguyễn Du, mất vào cuối năm 1813, sau khi tiễn Nguyễn Du đi sứ năm ấy), thì tôi có xin được nguyên bản tập thơ của Cụ và dăm bảy cái sắc phong - trong đó có tờ công văn của Tổng trấn Bắc thành gửi cho Lê Duy Đản (đang làm Đốc trấn Lạng Sơn). Công văn đó viết ngày 4 tháng 3 năm Gia Long thứ 12 (1813), báo cho Lê Duy Đản hay rằng: Đoàn đi sang tuế cống nhà Thanh do "CẦN CHÁNH điện học sĩ Du Đức HẦU làm chánh sứ và hai ông Giáp Ất phó sứ là Lại sứ bộ kiêm sự Đàm Trạch hầu và Phong Đăng hầu đã nhận mệnh vua khởi hành từ Kinh đô ngày 21 tháng 2" và có thể sẽ đến cửa ải Lạng Sơn vào ngày 6 tháng 4. Vậy báo cho ông Đốc trấn Lạng Sơn biết để mà chuẩn bị theo sự lệ bang giao mà đón tiếp đoàn đi sứ này cho trọng quốc thể..."

Tờ công văn này hoàn toàn phù hợp với chính sử nhà Nguyễn là cuốn *Đại Nam Thực Lục* (4). Từ khi sưu tầm được tờ công văn này, tôi vẫn thỉnh thoảng mang ra ngắm nghía. Nhưng hôm nay nhờ học giả Hoàng Xuân Hãn chỉ cho, tôi mới ý thức sâu sắc được: nó chỉ là hậu quả của cái chức danh phong "tớn" lên cho một người nào đó để mà đi ăn đi nói với bên ngoài thôi! Đọc xong bài Cụ Hoàng, tôi lần mò tìm đọc các chuyên gia sử học, thì thấy họ đã viết đúng như Cụ nói:

"Cần chánh điện học sĩ" là hàm phong cho các chánh sứ đi Trung Quốc thời Gia Long. Trong thực tế KHÔNG có phẩm hàm này. Thời Minh Mệnh mới có *Cần chánh điện đại học sĩ,* là QUAN ĐẦU TRIỀU - chánh nhất phẩm. Nguyễn Du làm Cai bạ Quảng Bình chỉ chánh tam phẩm, Hồ Công Thuận, Nguyễn Xuân Tình làm *Ký lục* cũng chánh tam phẩm, khi phong làm chánh sứ mới ban HƯ HÀM *Cần chánh điện học sĩ"* (5).

Thì ra cái đồng lương của Cụ Nguyễn Du cũng chỉ ngang ông *Ký lục!* Nhưng vì các ông ấy giỏi, mỗi khi cần đến ăn nói với nước ngoài, bọn triều đình phong kiến Gia Long mới ban cho cái HƯ HÀM để thay họ mà làm cái việc bang giao! Đọc đến đây mới càng thấy *"Bâng khuâng nhớ Cụ thương thân nàng Kiều"* mới càng thấy thương cho cái thân phận "hàng thần lơ láo" của Cụ Nguyễn Du.

Vậy mà ông Nguyễn Quảng Tuân nói là "học giả Hoàng Xuân Hãn có

---

(4) *Đại Nam Thực Lục Chính Biên.* Tập IV. Nxb *Sử Học*, H, 1963, tr.183.

(5) Đỗ Bang, Nguyễn Minh Tường: *Chân Dung Các Vua Nguyễn* Tập I, Nxb *Thuận Hóa,* Huế, 1966, tr.106.

nhận định SAI" về việc này, thì tôi ghê quá!

Bây giờ, lại lật từng câu văn ra mà so thì tôi mới càng lấy làm sửng sốt: Tôi không thể tài nào mà hiểu nổi vì động cơ gì mà ông Nguyễn Quảng Tuân - nếu không phải là *cố tình xuyên tạc* học giả Hoàng Xuân Hãn thì cũng đã thể hiện cái tư duy lộn xộn đến nhường này: Cụ Hoàng Xuân Hãn đang bàn đến cái chức CẦN CHÁNH, và cái tước HẦU được *ban năm nào,* thực ban hay HƯ HÀM chứ ai bàn đến chức HỮU THAM TRI BỘ LỄ đâu!! Mà cái chức Hữu tham tri bộ Lễ này thì *Thực Lục* cũng đã chép rồi, Viện Sử học đã in từ năm 1963 rồi, sao ông không dẫn (6) mà lại phải mang tờ chiếu nhòe nhoẹt ấy ra cho người đọc mất công soi tìm, mà lại sinh ngờ?

*

Cái lốp đốp của ông Nguyễn Quảng Tuân trong bài viết này, nhiều khi rất lạ: Cụ Nguyễn Khuyến (1835-1909) mất năm 1809, thế mà để "cãi," để được "nhận xét" rằng: học giả *Hoàng Xuân Hãn SAI HOÀN TOÀN* về việc kể lại chuyện cuộc thi thơ Vịnh Kiều cho Lê Hoan tổ chức vào khoảng năm 1906-1907, ông Nguyễn Quảng Tuân nhất định bắt cụ Nguyễn Khuyến phải sống đến tận năm 1914-1915 để đưa cụ vào "ban giám khảo" (!). Thế này thì Cụ Nguyễn Khuyến phải "chết sai" hoàn toàn, giới nghiên cứu văn học phải nghĩ sai hoàn toàn và Cụ Hoàng Xuân Hãn cũng phải *nói sai hoàn toàn,* thì ông Nguyễn Quảng Tuân mới có thể một mình nhận phần ĐÚNG được!

Lại cái lốp đốp nữa của Nguyễn Quảng Tuân là: Cụ Hoàng Xuân Hãn nói: "Trong các bản, *có một bản* ở trang Nam thấy đương còn những dấu vết hoàn toàn đời Gia Long. Không có đời Minh Mạng. Thì mình chắc chắn *bản ấy* người ta *sao lại* một bản từ đời Gia Long." Lời cụ Nguyễn Mai nói về đoạn ấy phù hợp với bản *tôi cho là xưa nhất."* Tôi phải in nghiêng mấy chữ trong câu nói của Cụ Hoàng Xuân Hãn để thấy rằng Cụ dùng những chữ "CÓ MỘT BẢN," "BẢN ẤY," "SAO LẠI" nghĩa là ta chưa biết bản Cụ đang nói đây là *bản in* hay *chép tay, in năm nào*, một bản ẤY là bản nào v.v... ấy thế mà Nguyễn Quảng Tuân đã vội vàng nói vơ vào: "Chúng tôi *nhận thấy"* học giả Hoang Xuân Hãn MUỐN nói đến bản Nôm cổ nhất của mình đã lưu giữ được. Những *bản ấy* chúng tôi CŨNG CÓ và NÓ CHÍNH là bản *Kim Vân Kiều tân truyện* của Bảo Hoa các tàng bản, khắc in ở Việt Đông - phật Trấn năm Kỷ Mão (1879)"...

Ơ hay! Dựa vào cơ sở nào mà Nguyễn Quảng Tuân "nhận thấy" học giả Hoàng Xuân Hãn đang "MUỐN NÓI ĐẾN" cái bản "CHÍNH LÀ" cái

(6) Đoạn Nam thực lục chính biên sđd. tr.251

bản mà Nguyễn Quảng Tuân "CŨNG CÓ," để ông phải lập tức cho chụp ảnh đưa lên *Tạp chí Văn Học* một cách vất vã vội vả thế nhỉ?!

*

Tôi không dám dài lời làm mất thì giờ bạn đọc để bàn về *tất cả mọi cái lốp đốp hồ đồ* của Nguyễn Quảng Tuân trong bài viết trên *Tạp chí Văn Học* số 6/1997. Chẳng qua là thấy cái tên bài báo của ông to quá, trong khi sách của học giả Hoàng Xuân Hãn chưa ra đời mà cái mục "một La mã" của bài báo *"Về việc nghiên cứu Truyện Kiều của Hoàng Xuân Hãn trong 50 năm qua"* càng ghê gớm quá, thì tôi viết vài lời đó thôi.

Thú thực rằng sở dĩ viết được bài này là do tôi đọc rất kỹ Nguyễn Quảng Tuân. Sở dĩ tôi đọc được rất kỹ là vì Nguyễn Quảng Tuân mới nghiên cứu *Truyện Kiều* được dăm bảy năm qua nên hễ ông in cái gì, tôi đọc cả. Ai chưa đọc ông lai rai dăm bảy năm qua thì hôm nay bao nhiêu tinh lực nghiên cứu *Truyện Kiều* đã đổ dồn vào gần 900 trang cuốn *Tổng Tập Văn Học Việt Nam* tập 12 cả rồi đấy. Trong *Tổng Tập* này, Văn bản *Kiều* của Nguyễn Du, có được là bao số trang trong gần 900 trang sách ấy đâu! Thế cũng tiện cho những ai cần tài liệu để *nghiên cứu sự nghiệp nghiên cứu Truyện Kiều của nhà nghiên cứu Nguyễn Quảng Tuân* rồi!

Khi ta kỷ niệm Nguyễn Du chả ích gì cho Nguyễn
Chẳng qua để kẻ yêu thơ khỏi tủi trong lòng.

Đó là câu thơ trong *Di cảo* của Chế Lan Viên từ ba mươi hai năm trước đây.

Tôi viết bài này có lẽ cũng là mong để cho những kẻ làm nghề nghiên cứu từ mấy chục năm qua - kẻ còn người mất đỡ tủi lòng, mà cái tủi nhất là *có những nhà nghiên cứu bậc Thày của chúng tôi khi khuất núi chưa có dịp in được sách;* có những kẻ còn sống viết cuốn sách, bài văn không phải chỉ bằng mồ hôi nước mắt mà thôi nhưng cũng rất khó được in chóng vánh trong thời buổi kinh tế thị trường. Nhưng tôi vẫn yên tâm khi thấy những nhà nghiên cứu có lương tri không bao giờ nóng ruột vì một bài báo "in sống" hay một "đầu sách" ra quá vội vàng.

Cái nghề này, không thể nào "cá kể đầu rau kể mớ" mà được.

ĐÀO THÁI TÔN

Viết lại trong ngày bầu cử Quốc Hội 20.7.1997



DIỄM CHÂU

cho một nhà thơ

Hãy để người yên nghỉ trong cơn hôn mê này
đừng nhắc nhở
những gì người đã nói với những kẻ gần gụi
- về một cơn mê trong đời
về một bọn người vắng mặt.

Hãy cất đi những viên đạn đồng chữ nổi hay chìm
những sài gòn thủ đô văn hóa,
hà nội ở đâu đó..
Hãy để người yên nghỉ
đừng xô lệch những miếu đền.

Hãy mở rộng những lối mòn người khai phá
và cầu chúc người đạt tới vĩnh hằng
trong con tim của những kẻ
đã tìm thấy lại những trái tim thất lạc.

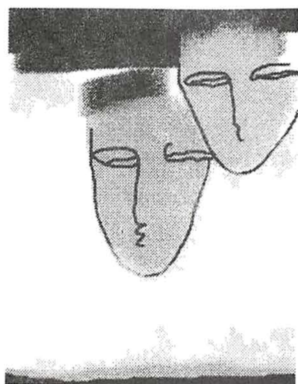
Hãy nắm lấy tay người thật lâu
để người nhận biết hơi ấm
và chúc lành cho chúng ta
- những kẻ còn mê mệt đuổi theo mộng mị,
giữa hà nội   huế   sài gòn
(hay bất cứ nơi nào khác..)
vẫn có thể trở thành những thủ phủ của trái tim.

DIỄM CHÂU
(Lộ Trấn, 9.97)



THẢO TRƯỜNG

NHỮNG NGÀY NGHỈ HÈ Ở SA MẠC.



"Phải luôn luôn nhớ rằng
hãy quên đi tất cả."

Ông lão đứng trong phòng nhìn qua cửa kính theo dõi hai bà cháu chạy jetski. Nước sông trong vắt chảy hiền hòa, ông lão có thể nhìn thấy những con cá bơi ngược dòng vờn vờn cụm rong và viên đá dưới đáy.

Căn nhà trên bờ sông, có hiên rộng nhìn xuống dòng nước, xa xa phía bên kia bờ là lãnh thổ của tiểu bang khác. Ngược dòng về phía trái có một chiếc cầu ngang sông, con đường có chiếc cầu này cũng là biên giới của một tiểu bang khác nữa. Chiếc cầu là vị trí chính giữa ba tiểu bang. Căn nhà trên bờ sông ở vào phần đất cuối cùng của một tiểu bang, từ nơi đó có thể nhìn sang hai tiểu bang bên cạnh và có thể thấy rõ chiếc cầu ba biên giới.

Bà mang áo phao mầu xanh cầm lái, cô cháu nội mới mười tuổi mặc áo phao màu đỏ ngồi sau ôm ngang lưng bà nội, cho nên chiếc jetski có chạy xa thật xa, vượt qua biên giới, mãi tận bờ bên kia, ông lão cũng vẫn nhìn thấy và nhận ra cái màu sắc của bà của cháu. Cái đốm màu xanh đỏ ấy di chuyển với tốc đoộ rất nhanh, rẽ nước lướt mau, quẹo qua lượn lại, ngược dòng xuyên qua gầm cầu mất hút về phía thượng lưu, rồi bất chợt lại thấy chui qua một nhịp cầu khác xuôi dòng trở lại.

Chiếc jetski lượn xẹt qua làm thành những đợt sóng vỗ mạnh vào mạn

cầu tầu dưới hiên căn nhà, ông lão nhìn thấy bọt nước tung lên nhưng không nghe được tiếng sóng vỗ vì lớp kính ngăn cách trong nhà với ngaòi trời. Ông cũng không nghe thấy tiếng của hai bà cháu gửi cho ông khi họ xẹt ngang nhà. Ông nhìn thấy hai bà cháu cười với ông, thấy cái vẫy tay của đứa cháu và ông cũng vẫy tay cũng cười với họ. Tất cả chỉ xẹt qua nhấp nháy, chiếc jetski mang hai bà cháu đã chạy tuốt xuống phía dòng xa.

Những ngày nghỉ hè ở đây, ông lão thì cứ ru rú trong nhà, trong khi hai bà cháu rất say mê môn thể thao lái jetski với tốc độ cao trên dòng nước. Chỉ vài ngày sau làn da trắng phau của bà cháu đã hóa thành mầu nâu và bà có vẻ thích thú với nước da mầu này lắm. Hai bà cháu thoa kem dưỡng da cho nhau, ngắm nghía nhau cười khúc khích, trong lúc ông đứng nhìn. Bà lão cũng nhiều lần rủ ông, thậm chí còn níu kéo thúc đẩy ông tham dự vào cuộc chơi thể thao mà theo bà thì "chẳng mấy khi có dịp được hưởng".

Chủ căn nhà này là bạn con trai ông bà, anh ta thừa kế cơ nghiệp của cha để lại gồm căn nhà trên bờ sông và cánh đồng cỏ mênh mông. Anh ta cũng tiếp tục làm nghề trồng cỏ của bố. Ông cụ là cựu chiến binh, và đã từng tham dự cuộc chiến Việt nam với chức vụ chuẩn uý quản lý xưởng mộc tại Public work Saigon. Cho đến ngày về Mỹ ông cựu chiến binh cũng chưa phải tham dự trận đánh nào như những trận đánh mà ông thấy trên TV. Rồi tới tuổi giải ngũ về làm ruộng ở đây ông vẫn thấy cuộc chiến trên TV không giống với cuộc chiến mà ông đã được cấp huy chương chứng nhận tham dự.Ông tiếp tục nghề trồng cỏ trên cánh đồng thừa hưởng của tổ tiên, chăm chỉ và cần mẫn y như ông đã chăm chỉ và cần mẫn làm quản lý xưởng mộc trong cuộc viễn chinh. Ông qua đời, người con lại thừa hưởng cơ nghiệp. Công việc là công việc nhà nông, cũng máy cầy máy kéo máy cắt máy ép... cũng phân bón, cũng hạt giống, cũng nước tưới, cũng thời vụ, và cũng thị trường tiêu thụ. Những ụ cỏ được ép lại thành những khối vuông vức để chở đi các trại chăn nuôi hoặc các nhà máy chế biến. Có khi những sản phẩm của gia đình anh ta còn thấy bầy làm ụ chắn trong các sân đua xe hay những nơi chạy nhảy vui chơi trong các hội chợ. Hôm mới lên ở căn nhà này và được biết cái công việc của nghề trồng cỏ ở đây, ông lão chợt nhớ lại công việc "chăn trâu cắt cỏ" ở quê nhà. Ông ngâm nga:

"Thằng cuội ngồi gốc cây đa,
để trâu ăn lúa gọi cha ời ời,
cha còn cắt cỏ trên trời..."

Bà lão hỏi:

-Bố lẩm nhẩm cái gì thế ?

Ông chối:

-À không, kỳ lạ quá, sao mình lại ở đây nhỉ ?

-Bố đi tìm thi sĩ Nguyễn Nam An mà hỏi.

Nhà ở dưới thành phố biển, nhìn biển miết cũng chán, ông hay nhắc tới những nơi chốn xa xôi đã trải qua của thời qúa khứ. Có lần ông nhắc tới quãng thời gian ông làm đồn trưởng "đồn ba biên giới" rồi ông cứ suýt xoa kể lại cái thời trai trẻ ấy. Sĩ quan mới ra trường, dẫn một trung đội mấy chục người lính, trấn đóng một đồn binh nhỏ trên một ngọn đồi cạnh một dòng suối giữa một vùng rừng núi bao la. Nhiệm vụ chỉ là cắm một ngọn cờ ở đó làm mốc cho cái lằn ranh gọi là biên giới quốc gia. Mà lại là một nơi biên giới của ba quốc gia. Khi ấy là thời bình, chẳng có ma nào là địch để mà đánh giặc, hóa cho nên ông và lính tráng rất là rảnh rang, tối ngày chỉ lo ăn với ngủ, bắn chim bẫy thú trong rừng hoặc là giăng câu đặt lờ dưới suối, mưu sinh. Đúng ra là ông bị đi đầy, mới ra trường còn ngơ ngơ ngáo ngáo, sĩ quan độc thân lãnh nhiệm vụ tiên phong cao cả trấn đóng tiền đồn biên giới, cách hậu cứ đơn vị cả trăm cây số đường rừng, mấy tháng mới có một chuyến liên lạc hoặc thả dù tiếp tế quân nhu. Thế nhưng rồi cái số của ông có "binh hình tướng ấn", chỉ mấy tuần đóng đồn đã có những tộc trưởng sắc tộc trong các "buôn" gần đó nghe danh quan một mà tìm đến chào xin thần phục. Ông cũng chẳng biết rõ những "buôn" người này thuộc lãnh thổ nước nào trong ba nước lân bang. Ngôn ngữ ngoại giao dùng tay ra dấu là chính, mãi sau mới có một người tộc trưởng bập bẹ những câu tiếng Pháp thì hai bên mới lập được quan hệ bình thường. Ông đồn trưởng trở thành ông vua trong vùng, thường xuyên được các tộc trưởng tiến cống những phẩm vật núi rừng như chim chóc, muông thú, củ quả, kỳ hoa dị thảo...Mỗi tháng vào mùa trăng, họ còn đem voi đến đưa quan đi săn thú vào tận những thâm sơn cùng cốc liền mấy ngày mới về. Cũng những ngày đó, qua chiếc máy thu thanh, quan một nghe nói Tổng thống và ông cố vấn với đoàn tùy tùng, cũng cưỡi voi đi săn ở núi rừng Buôn Mê Thuột. Ông nhớ lại lúc ngồi ở ngai trên lưng voi, cùng với một người tộc trưởng già hướng dẫn, truyện trò, voi ông cưỡi đi đầu, theo sau là hai thớt voi tuỳ tùng. Người tộc trưởng mang đến một chiếc áo nhiều màu sắc, may dệt theo kiểu sắc tộc núi rừng, mặc choàng bên ngòai áo treillis nhà binh cho ông quan để tỏ vẻ tôn vinh lãnh chúa. Lãnh chúa ngồi trên ngai ở lưng voi, có rượu cần, có thịt nướng, có trái cây và thuốc vấn với quân hầu, cận vệ đàng hoàng. Nếu ở đơn vị, cấp chuẩn úy là quan thấp nhất chỉ có mà luân phiên làm trực nhật đơn vị, trực kiểm phẩm nhà bếp, trực dẫn lính corvet, trực đi gác xác các đám tang, trực ứng chiến...chào kính các cấp

trên phát cứng đơ người. Bị đẩy đi tiền đồn heo hút hóa ra ông lại làm chức sắc cao nhất, có quân lính súng đạn, có lãnh thổ bộ lạc, không phải chào ai và chỉ có người khác chào kính mình !

Trung đội phó cũng là đồn phó, là một ông trung sĩ I nhiều tuổi, từng trải qua bao nhiêu chiến trận và bao nhiêu gian truân. Đồn phó quán xuyến hết đơn vị,quản lý từ quân số, súng ống đạn dược, cho đến thực phẩm quân trang và mọi sinh hoạt hàng ngày như canh gác, huấn luyện, giải trí...ông ta lo hết. Thậm chí đồn phó còn thăng cấp cho đồn trưởng, ông xưng hô với đồn trưởng rất nể trọng, bao giờ cũng "Thưa thiếu úy" và lính tráng dưới quyền răm rắp nói theo ông. Sống với nhau tháng này qua tháng khác, ngày ngày đi ra gặp đi vào gặp, thế mà mỗi sáng thức dậy, ông trung sĩ vẫn quân trang nghiêm chỉnh lên đứng nghiêm chào kính ông chuẩn uý theo đúng "lễ nghi quân cách". Mỗi sáng thứ hai, đồn phó tổ chức chào quốc kỳ, trung đội tập họp, ông đồn phó cũng đi duyệt hàng quân để kiểm soát mọi chi tiết cho đúng với tác phong quân đội cộng hòa rồi mới hô trung đội "Nghiêm. Súng chào. Bắt." trình diện vị đồn trưởng đứng chấp tay sau lưng ở hàng hiên căn nhà có ăng ten điện đài dùng làm Bộ chỉ huy. Lúc đó đồn trưởng mới chững chạc đi ra sân cờ. Ông trung sĩ hướng dẫn vị đồn trưởng đi duyệt hàng quân. Rất oai phong. Chỉ không có quân nhạc. Vì ở cấp binh đoàn mới có một cây kèn đồng. Nhưng không sao, vị đồn phó cũng vẫn tổ chức hàng tuần được lễ chào quốc kỳ long trọng. Lá quốc kỳ bạc màu bay phấp phới trên cây cột gỗ giữa sân nơi đỉnh đồi, cũng là biểu tượng quyền lực mà các tộc trưởng và các "buôn" quanh vùng phải kính nể. Điển hình quyền lực ở đây là ông đồn trưởng.

Ông trung đội phó còn lựa một binh nhất già hàng ngày làm phục dịch, lo giặt ủi quần áo, đánh bóng giày dép, dọn giường đệm mùng mền...và nếu cần đánh cờ tướng với chuẩn uý. Sĩ quan ăn cơm riêng nên ông chuẩn uý một mình một cỗ, người lính già theo lệnh của trung sĩ đồn phó bưng cơm từ nhà bếp chung lên cho ông ăn. Đồn binh giữa rừng, nhưng cũng có đủ bàn ăn, ghế tựa để ông ngồi thời cơm và bộ ghế bành hai chiếc kê ở hàng hiên nhìn ra núi cao, rừng rậm, suối róc rách, nơi ông hút thuốc, uống trà, cà phê, chơi cờ hoặc đọc truyện kiếm hiệp. Những đồ gỗ này kể cả giường ngủ và tủ quần áo đều bằng gỗ cẩm lai, vân sẫm, bóng lưỡng do ông đồn phó chỉ huy lính đốn cây, xẻ ván, đóng lấy. Nói cách khác, những tài sản này không có trong bảng cấp số do quân đội cấp mà do sáng kiến đơn vị làm ra. Ông sĩ quan trẻ cứ thế mà hưởng sự săn sóc của hai ông lính già. Có lúc ông chuẩn úy non cảm thấy như họ là hai ông...bố của mình, kể cả lúc họ đứng nghiêm giơ tay chào. Người trẻ nhất đồn là anh lính truyền tin xử dụng chiếc máy vô tuyến

AN/GRC9 có cái máy quay tay phát điện GN.58 thường được lính tráng cõng trên lưng và chửi nó là cái "đầu bò". Đài tuyền tin liên lạc với quân khu qua ăng ten cột bằng phương pháp đánh morse đã ngụy hóa bằng mật mã, hàng ngày báo cáo "tình hình vô sự" và nhận lệnh. Ông trung sĩ, ông lính già hầu cận và anh lính trẻ truyền tin ở chung một căn nhà sát bên căn nhà nhỏ của chuẩn úy làm thành Bộ chỉ huy đơn vị. Trung đội lính ở trong một căn nhà dài gọi là lán trại, nơi góc trại là bếp và kho. Đồn được bao quanh bởi một hàng rào nứa cốt chống thú dữ ban đêm xâm nhập hơn là phòng thủ chống địch. Thì đã bảo hồi đó chưa có...địch nào cả nên trách nhiệm ông đồn trưởng khỏe ru. Thỉnh thoảng ông lính già hầu cận lại kể cho ông sĩ quan biết là "thằng truyền tin" nó hay thủ dâm. Ông sĩ quan nghe chuyện đỏ mặt. Ông lính già bảo ông sĩ quan:

-Thiếu úy còn trẻ nhưng đừng làm thế. Bệnh.

Có lần ông sĩ quan rủ rỉ hỏi chuyện anh lính trẻ truyền tin thì anh ta nói:

-Thủ dâm là tốt chứ...Y khoa chỉ ra như thế. Cơ thể con người trời sinh phải điều hòa. Ở đây không có cái để cho dục điều hòa thì phải tự tạo...chuẩn uý thấy có gì là hại đâu. Nó ứ thì phải làm cho nó thoát ra.

Một thời gian sau, khi có những tiếp xúc với người địa phương, anh lính trẻ truyền tin tìm ra đàn bà. Người con gái Thượng gùi đồ trên lưng đi theo ông tộc trưởng lên đồn, trong lúc đồn trưởng mải lo tiếp khách anh ta chiếm ngay được cô gái Thượng bằng lễ vật là một cục pin. Anh chỉ cho cô gái châm hai đầu giây điện vào hai cực, cái bóng đèn bằng hột đậu phọng sáng lóe lên. Cô gái thích lắm. Anh gói cục pin và cái bóng điện bằng một mảnh vải kaki nhét vào cạp váy cô gái. Tay anh nằm lì trong váy cô gái luôn mãi cho đến khi ông trung sĩ đồn phó đi tới. Khi cô gái Thượng theo ông tộc trưởng ra về thì hai người đã thân nhau lắm, anh lính trẻ còn dúi cho cô gái một cục đường phèn. Chẳng hiểu anh ra dấu hẹn hò thế nào mà từ đó cứ vài ngày cô gái Thượng và anh lính trẻ lại gặp nhau ở bìa rừng.

Anh lính truyền tin còn rủ luôn ông sĩ quan đi chơi gái với anh ta, nhưng sĩ quan thường nhát hơm lính vì sĩ quan còn có cái để sợ, lính trơn thì không có gì lo mất. Ông sĩ quan lại rất thích hỏi chuyện và nghe anh lính kể. Hai người nói với nhau:

-Cậu...làm gì nó chưa ?

-Quen là để...làm chứ chẳng lẽ để ngó.

-Được không ?

-Tạm. Ở đây không có phải xài đỡ. Khét lắm. Chuẩn úy muốn thử không ?

Ông sĩ quan lắc đầu:

-Hôm nó lên đây cởi trần, phơi vú ra trông cũng được lắm.

-Nhưng da thịt nó dầy quá. Có lẽ vì ở trần giãi dầu mưa nắng gió sương từ nhỏ nên sờ vào nó không xúc động mà mình cũng không thấy cảm giác. Da tay sần sùi, gót chân nứt nẻ, chẳng có gì hấp dẫn.

-Thế phải làm sao ?

-Thì cũng như cái ăng ten máy truyền tin nó chỉ thâu tín hiệu khi mà nó được giữ gìn sạch sẽ, nếu bị bùn đất bao phủ, hay mình sơn lên một lớp nhựa đường, hay là nếu ăng ten bằng ...cành tre thì làm sao thâu phát được.

Anh ta giảng giải thêm cho cấp trên:

-Người rừng không có thói quen hôn hít, sờ mó, nựng nịu. Người ta đi thẳng vào mục tiêu khi cần và rất nhanh chóng. Chỉ nhấp nháy trong đêm tối là xong ngay. Không cần ánh sáng. Không cần kiểu cọ. Không cần rườm rà. Mỗi lần em gặp nó là để "làm" vài ba cái cho khỏe, đỡ "lao động chân tay". Dù sao thì da non trong kẽ cũng dễ chịu và thú vị hơn da tay dầy cứng... Chuẩn uý có công nhận như thế không ?

Ông sĩ quan trầm ngâm không nói, ông thấy rằng quả thật con người ta văn minh, giầu có, vẫn...sung sướng hơn là dốt nát nghèo khổ.

-Nhưng mình phải làm cho nó thích mình. Sau vài lần, bây giờ nó mê em lắm, nó đòi gặp hàng ngày, lại còn muốn xuất ngoại đi theo về miền xuôi. Mỗi khi gặp nó bảo gì nó cũng làm muốn gì nó cũng chịu, hơn là mấy con nhỏ ở thành phố kiêu kỳ, ưỡn ẹo, làm phách làm lối. Con nhỏ đen đủi xấu xí, thấy em trắng trẻo nó lại cứ muốn...liếm mặt em, ớn quá. Anh lính trẻ còn vạch quần chìa cho"xếp" coi "cái cù lẳng" đồ nghề của anh ta đã được giải phẫu sửa sắc đẹp, trông gồ ghề, sừng sỏ, hung dữ. -Em làm ở Saigon đấy, của ông thầy có "cải tiến" như thế này chưa ? Đâu, coi nào. Mắc cỡ à ? Chưa hả?

Ông sĩ quan cứ ngớ người ra trước những "mới lạ" của anh lính trẻ. Thấy thầy mình có vẻ ngố, anh ta giải thích tiếp:

-Ngay trong xóm nhà em có tay y tá chích dạo giỏi lắm, anh em ai nhờ làm giùm anh ta cũng giúp, sang nhà anh ta, lên lầu đóng cửa lại, sát trùng, chích thuốc tê, lấy "lưỡi lam" cạo râu rạch rạch mấy cái, bôi thuốc đỏ, băng bó lại, thế là xong. "Tộng" thêm mấy viên trụ sinh cho bảo đảm. Ra về mấy ngày sau cởi băng là sừng sỏ ngay. Khi nào về Saigon, thằng em sẽ dẫn thẩm quyền đi làm. Khỏi cần bác sĩ học bên Tây bên Mỹ, phiền phức, tốn tiền. Nếu muốn đền ơn chỉ một chầu cà phê hủ tiếu là vui vẻ cả làng. Tay y tá này là dân giang hồ chịu chơi, anh ta nói chỉ muốn giúp cho những kẻ sành điệu đạt... hạnh phúc !

Ông sĩ quan rụt rè:

-Hình như của cậu nó có...râu?

Anh lính cười, tính tụt quần cho ông thầy xem lại nhưng ông thầy kịp cản lại, anh ta nói:

-Muốn có râu thì có râu, dùi sẵn hai cái lỗ hai bên, khi nào muốn râu thì lấy giây thung luồn vào.

-Cậu...ác quá.

-Ác gì. Thú vui chơi đứa nào thích thì nhập cuộc, bằng không thì thôi. Em thấy con gái họ cũng chịu lắm, có thể lần đầu chị ta e ngại tí, hoặc ỏn ẻn tí, sau quen rồi khóai, đòi phải đeo râu !

Ông sĩ quan nhún vai:

-Cậu không nhịn được à ? Con người phải biết tự kiềm chế, diệt dục chứ.

Anh ta cãi:

-Diệt dục là lý sự của các vị tu hành. Họ kiềm chế cái này để mong được hưởng một ân huệ khác. Mình chỉ là người phàm, trời sinh ra cơ thể có đòi hỏi thì mình thỏa mãn nó một cách hòa thuận, chính đáng. Sống thì cũng phải tìm cách cải tiến cuộc sống cho vui thú chứ. Hạnh phúc con người là cái gì chẳng lẽ lại là tự kiềm chế. Chuẩn uý thấy đó, thằng em làm việc phận sự đầy đủ và sống thỏai mái.

Anh ta còn dẫn giải thêm cho cấp trên:

-Trong tất cả các chế độ giam giữ, họ vẫn cho tù nhân ăn uống,áo quần và một số tiện nghi để sống, nhưng lại ngăn cách với người khác phái, nói cụ thể là cắt đứt nhu cầu làm tình, nữ tù không có đàn ông để ngủ chung, nam tù cũng không có đàn bà để ngủ chung, tàn nhẫn đến thế, thậm chí người ta còn bắt bí cái nhu cầu trời sinh tự nhiên ấy để làm áp lực trong khi điều tra hay khống chế trong thời kỳ quản lý tù nhân.

Ông sĩ quan lặng thinh. Mãi sau này đi tù cộng sản ông nhớ lại mới thấy thấm thía những lời của anh ta.

Gian díu với người con gái bên bờ suối một thời gian, anh lính tâm sự với xếp:

-Chơi miết rồi cũng chán ông thầy ạ, mà bỏ thì không được thằng em phải bày trò đem nó xuống dòng nước mà tắm rửa kỳ cọ cho nó, lật qua lật lại, tuốt nó như tuốt lươn, mỗi tuần tốn một cục xà bông, dần dần nó cũng...thơm ra. Thế cơ chứ. Ông thầy muốn thử không? Anh ta khoe rằng hai đứa tìm ra một đoạn suối phình to như một cái hồ nhỏ hai bên bờ toàn đá hoa cương, dưới đáy lại là những viên cuội trắng phau, xung quanh hoa rừng nở rộ, đẹp vô cùng. Hai đứa gặp nhau ở chỗ cái hồ đó, làm tình, tắm

táp, đùa rỡn, thích lắm...

Anh lính thêm nhiều lần rủ "xếp" xuống núi, nhưng ông đồn trưởng cứ lần lữa cho đến khi phải đổi về hậu cứ để rồi thỉnh thoảng nghĩ lại cứ tiếc rẻ cái thời ngự trị trên vùng biên giới.

Thời cưỡi voi đã để lại nhiều ấn tượng trong tâm trí ông lão. Mỗi con voi có một quản tượng ngồi trên đầu cầm búa điều khiển. Voi ông đi đầu, ông chiếu ống nhòm, ông đưa súng nhắm. Đoàn voi đi săn bắn rầm rộ, chắc Tổng thống và ông cố vấn đi săn ở Buôn mê thuột cũng ồn ào lẫm liệt đến thế là cùng. Sau này vào dịp dẫn đơn vị diễn hành ngày Quốc khánh qua khán đài nhìn lên, thấy tổng thống ngồi trên ngai nhìn xuống, ông cũng lại nhớ đến cái cảm giác thích thú cưỡi voi đi săn. Rồi sau này lâu hơn nữa, khi chiến tranh chấm dứt, nằm trong trại tập trung tù binh, có lúc ông cũng lại chợt nhớ đến thời cưỡi voi năm nào.

*

Chủ căn nhà là bạn lái máy bay với con trai ông trong hội AOPA, anh ta làm ruộng trồng cỏ trong vùng sa mạc miết cũng chán, mùa hè lại muốn đi tắm nước mặn và nhìn ngắm biển mênh mông. Con trai ông bèn làm một cuộc hoán chuyển, đón bạn ra ở thành phố biển và đưa bố mẹ với con gái anh ta lên nghỉ hè ở sa mạc. Khi nghe con mô tả căn nhà trên sa mạc có sông nước có jetski bà mẹ thích lắm, rồi lại nói ba biên giới ông bố cũng thích lắm, thế là cuộc "nghỉ mát" ở sa mạc được thực hiện ngay. Ở trong căn nhà này ông lão sẽ có dịp tìm về quá khứ với những biên giới và lằn ranh. Nhiệt độ ngòai trời có lúc lên cao đến hơn trăm, trong nhà thì điều hòa mát mẻ ở độ 65. Thỉnh thoảng có việc phải mở cửa ra ngòai, ông lão thấy như bị một làn lửa nóng quạt vào mình, ông vội vàng thụt vào trong nhà đóng cửa lại và nhìn ra. Thế mà hai bà cháu thì lại thích đùa với trời nóng. Ngay cả trên sông nước hơi nóng cũng như hơi của nồi nước xông. Bà lão có lần nói với ông:

-Đi du lịch nghỉ mát mà Bố chỉ đứng trong nhà nhìn ra quang cảnh bên ngoài thì làm sao hưởng được thú vị của thiên nhiên?

Ông lắc đầu:

-Ngòai đó nóng như lửa, trong này mát rợi, tội tình gì mà đem thân mình đi hấp. Mùa hè Bố đi nghỉ...mát mà.

-Bố phải ở ngoài trời nóng cho cơ thể nó bốc hơi, đến khi vào trong nhà mình mới cảm thấy cái tuyệt vời của sự mát mẻ. Nếu cứ ở trong nhà miết mình sẽ thấy lúc nào cũng chỉ như thế Ông lão cũng nhận thấy nó là như vậy, nhưng ông vẫn cứ ở lì trong nhà nhìn ra. Hình như ông chỉ muốn không có

gì thay đổi. Ông không thích xáo trộn. Ông không muốn quá khích. Có lần các con ông dẫn lên đỉnh Big Bear để thưởng thức cảm giác giá băng, ông lão cũng suốt hai ngày ngồi trong nhà nhìn qua cửa kính xem con cháu đùa rỡn với nhau cùng tuyết trắng. Lần ấy bà lão ở nhà chê tuyết giá không đi theo. Bà không chịu được thời tiết quá lạnh.

Chuyến nghỉ hè trên sông nóng nực này thì lại hợp với bà, có thêm đứa cháu gái cùng sở thích, hóa cho nên ông lão nhận thấy là thuận tiện suông sẻ, nếu không chẳng lẽ ông để bà chạy ski một mình, còn nếu ông phải tham dự với bà thì không rõ rồi ông sẽ ra sao trên sông nước nóng bức lạ lùng.

Ông đứng trong phòng kính nhìn xem bà cháu họ chán rồi mày mò tìm cách chế biến món ăn để khi về họ sẽ ngấu nghiến giải quyết bụng đói. Quả đúng như vậy, bà cháu đều đói bụng, ăn uống ngấu nghiến, tắm táp xong cả hai đều lăn ra ngủ say như thiếp. Ông lão lại chỉ còn một mình trong căn nhà mát, ông đi từ phòng này sang phòng kia, vào ngó bà ngó cháu ngủ chán rồi lại ra phòng kính nhìn dòng sông cây cầu.

Tiểu bang bên kia sông dựa vào sa mạc của lục địa. Bên này sông thuộc tiểu bang có giải đất chạy dài theo bờ Thái bình dương. Qua bên trái căn nhà phía bên kia con đường và cây cầu là tiểu bang có một luật pháp khác hẳn với hai lân bang. Ở bên đó được bảo vệ tự do đánh bạc và thủ tục cưới hỏi cũng như ly dị được đơn giản đến mức dễ dàng nhất nước Mỹ. Và cũng là nơi để thử vũ khí đạn dược kể cả bom nguyên tử. Ở ngay cái mỏm đất đầu cầu và sát bên kia con đường đã có ngay một trung tâm du lịch lớn, có khách sạn, sòng bài, với nhiều tiện nghi tối tân, sang trọng, "đơm đó" chờ sẵn ở đấy. Cư dân lân bang chỉ việc qua cầu, bước sang bên kia con đường, là có thể làm được những việc mà ở bên này không cho phép. Vào sâu trong nội địa của tiểu bang đó còn dài dài rất nhiều những cơ ngơi như thế, "giăng câu đặt lờ", sẵn sàng đón tiếp du khách qua thăm, nêu muốn ở lại luôn cũng không ai cản.

Đi ra đi vào chán mà bà cháu họ vẫn ngủ say, ông lão thức một mình buồn phiền quá. Nếu như hồi chiều bà cháu họ chơi rỡn trên sông ông không cảm thấy trơ trọi vì rằng họ vẫn biết ông đang ở nhà, cả hai bên đều biết rằng cả hai bên đang có mặt ở đâu đó. Nhưng lúc này, một bên đã ngủ say, nghĩa là có một bên không biết có bên kia đang có mặt ở đâu đó, không biết gì cả, không hề biết một tí gì cả về sự có mặt của ông.

Ông lão thấy mình trơ trọi trong cái thế giới liên bang, cái thế giới đa cực, cái thế giới đa nguyên, cái thế giới đa sự, đầy rẫy những mâu thuẫn và dị biệt. Bên này, bên kia, ông chợt nhớ tới Nguyễn Mạnh Côn: "Bên này sông là giai cấp không buông tha. Bên kia sông là thực dân phong kiến. Về đâu

tiểu tư sản ?"

Có lẽ phải vượt biên, nghĩ thế rồi ông mở cửa đi xuống mé sông. Trời tối rồi mà vẫn còn nóng, cái sức nóng của gió cát. Ông lão đi theo lối đi bằng cầu gỗ xuống bến sông. Hai chiếc jetski va một con tầu nhỏ neo ở bến lặng thinh. Ông lão đứng tì tay lên thành cầu tầu nhìn lên cây cầu xa lộ bắc ngang sông. Đèn sáng rực. Cây cầu sừng sững thẳng tắp. Những trụ cầu rất lớn nằm dưới nước đỡ cây cầu vắt ngang. Bên trên là những dòng xe cộ qua lại chiếu đèn thành những vệt sáng rực rỡ. Chợt ông lão giật mình. Những trụ cầu còn để trần chưa có lớp rào kẽm gai bao bọc ngăn chặn. Rồi ở trên những vì cầu suốt hai bên không thấy có một vọng gác nào với lính tráng bảo vệ. Thế này thì đặc công nó đánh sập mất thôi. Cầu cống cũng như tháp canh lô cốt cần phải mặc áo giáp. Phủ Tổng thống và phủ Phó tổng thống cũng còn phải bọc thép, những con "ngựa gai" ba cạnh cấu kiện đều nhau xếp thành bờ rào đẹp để đeo trên lưng những tấm bảng thông cáo rõ ràng: "Khu quân sự, cấm vượt rào cản, bất tuân binh sĩ sẽ nổ súng!" Qủa nhiên dân chúng không ai giám xâm phạm, sở dĩ còn lánh xa. Ngày 30 tháng tư xe tăng của cộng sản nó vượt rào cản, nó quệt đổ cánh cổng chính, thế mà chẳng có binh sĩ nổ súng, là vì tổng thống trung tướng ra lệnh bắn thì đã bỏ chạy để cho ông tổng thống đại tướng kế vị đứng đón chờ "kẻ bất tuân giám vượt rào cản" mà đầu hàng bàn giao. Ở Bộ tổng tham mưu, đại tướng tổng tham mưu trưởng cũng đã bỏ chạy, nhưng binh sĩ ở đó thì đã nổ súng M79 tiêu hủy chiếc xe tăng bất tuân gíam vượt rào cản. Người lính quân cảnh đứng gác trước cửa văn phòng Tổng tham mưu trưởng thì đã dùng khẩu súng lục vẫn đeo bên hông để bảo vệ đại tướng, bắn vào đầu mình tự sát ! Ôi, thế thì ai quyền thế hơn ai ? Ai lớn hơn ai ? Ai to hơn ai ?

*

Cây cầu Đà-Rằng dài nhất Miền Nam, 1101 mét, công binh kiến tạo Việt Nam xây dựng theo kết cấu kiểu công binh Mỹ mãi ba năm mới xong, thay thế chỉ huy trưởng công trường ba lần. Tổng thống cắt băng khánh thành, thông xe quốc lộ Bắc Nam được một tuần lễ, bị đặc công thủy đánh sập hai vì bằng một bè chất nổ dòng theo nước chảy, ba mươi phút sau tiếng nổ thứ hai phá sập luôn nhịp cầu cũ đối diện, xém tiêu luôn cả Bộ chỉ huy tiểu khu vừa đứng đó quan sát mới di chuyển. Thế là lại đóng đường. Đơn vị công binh mới dọn đi lại phải kéo về sửa chữa. Chẳng hiểu phải mất bao nhiêu lâu nữa quốc lộ mới lại thông xe.

Cuối năm 1976, ở trại tập trung tù binh gần bến phà Âu lâu Yên báy,

có anh trung uý quản giáo tên là Vớ, đi Nam về biết chuyện xây cầu và phá cầu, trong lúc lên lớp với các tù binh sĩ quan Cộng hòa, lỡ miệng nói rằng:

-Các anh phá hoại. Chúng tôi cũng phá hoại. Trong chiến tranh...thằng nào cũng là đồ phá hoại cả.

Anh ta còn dẫn giải thêm:

-Ở miền Bắc, một gia đình năm người, hai vợ chồng ba đứa con, phải nhịn ăn ròng rã một năm, mới đủ tiền cho một quả đạn B40. Bộ đội chúng tôi đem quả đạn B40 ấy bắn "cái rầm" nổ tung một cái xe, thế là thiệt hại gấp đôi. Đạn B40 hay chiếc xe, cây cầu, thì cũng là...khoai sắn của nhân dân cả. Đúng là đồ phá hoại !"

Từ sáng hôm sau, các tù binh không thấy trung uý Vớ ở trại đó nữa, nghe nói rằng anh ta đã đi học cái gì ở đâu đó!

*

Dòng sông nước trong vắt, không một cụm bèo, cũng không thấy có đám rác rưởi nào nổi lều bều, và cũng chẳng có những khúc cây trôi theo dòng nước cho gia đình "Anh phải sống" vớt củi. Ban ngày ông lão đã nhìn thấy những con cá bơi nhởn nhơ dưới đáy sông, ban đêm ánh đèn điện trên nhà hắt xuống dòng nước, ông lão cũng vẫn nhìn thấy chúng. Đàn cá nhởn nhơ có lẽ vì không có ai giăng câu đặt lờ.

*

Đồn biên giới xưa đóng bên một dòng suối. Nay trại giam cũng nằm trên bờ suối. Ngày đầu tiên ở trại giam đầu tiên trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa, các tù binh sĩ quan cộng hòa được cán bộ giáo dục bài học chính trị đầu tiên là giữ vệ sinh cá nhân, hàng ngày phải xuống suối tắm gội, phải đánh răng rửa mặt, phải giặt giũ áo quần sạch sẽ, phải có văn minh văn hóa mới.

-Nghe nói trong Nam các anh là ăn ở bẩn thỉu lắm, lại còn trai gái hôn hít âm hộ với dương vật. Khiếp ! Có đúng thế không nào, thật là thiếu văn hóa. Từ nay chừa nhá...

Nhiều tiếng cười ầm lên. Trong đám thính gỉa ngồi xúm nhau dưới đất có lời rù rì:

-Nghe nói thế mà cũng cười được! Với lại làm gì có chuyện đó, cán bộ nói chữ nho kiểu phong kiến khó hiểu, thôi thì ta cứ nói đại kiểu bình dân chân chất là bú L. cho đơn giản đi.

Cuộc chiến tranh Nam Bắc tương tàn dằng dai thảm khốc với bao

nhiêu đổ vỡ tan hoang cùng với không biết bao nhiêu chết chóc, chia lìa, mồ côi, góa bụa... rồi cũng phải kết thúc.

Trong âm vang của khúc ca chiến thắng khải hòan và tiếng reo mừng nền hòa bình, độc lập, tự do, hạnh phúc...người bại trận trở thành tù nhân, kẻ thắng trở thành cai tù, hành hạ nhau xỉa xói nhau, lên án nhau. Nhưng nghĩ cho đến cùng kỳ lý, căn cứ vào những lời nói tự tôn và những câu miệt thị,thì sự khác biệt, cái chênh lệch của hai chế độ ưu việt chẳng hóa ra là ở chỗ, một bên đua đòi, bắt chước Tây phương cái trò chơi bời lộn ngược trước bên kia và một bên vẫn cứ lui cui trong cung cách quen thuộc cổ điển. Và rồi thời gian cần phải có để hai miền hoà hợp, xích lại gần nhau, giống nhau, khắc phục mâu thuẫn nội tại cũng như mâu thuẫn đối kháng, cho bên kia chưa biết sẽ chóng được biết, cái, mà giờ phút đầu tiên của cách mạng thành công, mình đã phê phán! Chắc cũng mau thôi, bởi vì người ta thường nói làm quen với hưởng thụ sung sướng dễ dàng và nhanh chóng hơn, so với sự thích nghi cùng khó khăn, gian khổ. Tương lai hợp nhất của cả nước tưởng cũng không đến nỗi xa vời !

Cán bộ nói dài không chán, đám tù binh ngồi bệt trên sân trại chăm chú nghe, có bác còn ghi chép bằng mẩu bút chì trên miếng giấy bao xi măng. Giảng giải xong cán bộ cấp phát năm người một cái bàn chải răng.

-Đất nước còn nhiều khó khăn, các anh phải khắc phục, năm anh một cái bàn chải dùng chung, khi nào nhà nước có đủ sẽ cung ứng đủ, từ từ mà vững chắc tiến lên, sang năm có thể nâng kế hoạch lên bốn anh dùng chung một cái, nếu định mức chỉ tiêu lên cao.

Xong bài học vệ sinh văn minh văn hóa mới, đoàn tù binh được lùa xuống suối tắm rửa. Nước lạnh làm mọi người tỉnh ra. Phần đông các bác đều có mặc quần lót khi tắm bèn bị mấy anh tù cũ thuộc Biệt kích hay Hạ Lào mắng cho là bày đặt:

-Tụt hết ra, cởi truồng là chân chính, rồi sau này không có quần mà mặc đâu. Đoàn tù tắm chung với đàn vịt của cán bộ cơ quan nuôi cải thiện, vịt thấy người đông quá bèn bơi ngược dòng lên trên.Một bác tù thắc mắc:

-Như thế là mình tắm nước cứt vịt à ?

Người tù cũ đứng bên kia bờ cười ngặt nghẽo:

-Thẩm quyền ơi, phía trên đàn vịt còn có một chuồng trâu bò mấy chục con, cứt trâu cứt bò theo nước mưa xuống suối về đây.

Nghe thế các bác tù binh trố mắt nhìn nhau. Một bác cầm chiếc khăn vắt nước, hỏi người tù cũ:

-Thế bếp trại lấy nước ở đâu nấu ăn ?

Người tù cũ cười hà hà, nhìn các đồng cảnh mới tới, tỏ vẻ thương hại:

-Còn lấy nước ở đâu nữa. Tất cả mọi người ở đây chỉ có nước của dòng suối này để tắm giặt, rửa ráy, nấu ăn nấu uống thôi thẩm quyền ạ. Mà tôi xin báo cáo cho các thẩm quyền biết là phía trên nữa, qua khỏi chuồng trâu bò, bên kia ngọn đồi nọ còn có một nhà hộ sinh của xã Âu-cơ. Nhà hộ sinh ấy vẫn xả xuống suối những đồ dơ của sản phụ, thỉnh thỏang còn thấy những tã lót dính đầy máu đẻ nữa đó thẩm quyền.

Có mấy bác tù nôn oẹ khạc nhổ bỏ chạy lên bờ mặt tái xanh. Người tù cũ nói tiếp, chậm rãi, từng lời:

-Không ăn thua, có sao đâu, thưa các chiến hữu,từ bao lâu nay người ta vẫn ăn vẫn uống nước ở dòng suối này. Ở đây, tất cả, bếp cơ quan hay bếp trại, cai tù cũng như tù, người thắng cũng nhu kẻ bại, cách mạng hay phản cách mạng, cộng sản hay quốc gia, tất cả...vâng tất cả, thưa quí vị, đều ăn, đều uống cái thứ nước cứt gà cứt vịt, cứt trâu cứt bò này; tất cả, đều ăn đều uống cái thứ nước máu đẻ này!

Dòng suối tự nhiên hết ồn ào, mọi người đều im lặng, chỉ nghe tiếng róc rách suối chảy qua những tảng đá nhô lên mặt nước. Trời đã về chiều, ánh nắng bị dãy núi gần đó che chắn phủ một mảng đen xuống khu trại giam vô cùng ảm đạm. Đoàn tù binh bắt đầu lục tục lên bờ trở về lán trại. Không ai nói chuyện với ai. Chợt có một bác reo lớn vì bắt gặp một ổ trứng vịt bên bờ suối. Mấy người bộ đội từ cơ quan chạy xuống, họ thu hết những quả trứng vịt từ tay người tù binh rồi khen ngợi người ấy học tập tốt rất tiến bộ. Người tù cũ lúc nãy đứng nhìn tiếc rẻ, bèn lại chửi thề:

-Ngu ơi là ngu,nhặt được không biết dấu đi mà ăn, la rống cái họng lên để họ lấy mất...

Bác tù mới ấp úng:

-Thì tôi cũng tính đem nộp, tài sản xã hội...

Anh tù cũ hết nhịn nổi:

-Đ.m. ở đấy mà tự giác với lại tiến bộ. Sẽ đói rã họng ra cho biết thân. Thẩm quyền với đại bàng gì mà khờ quá. Nói là tài sản xã hội chủ nghĩa chứ thằng nào vồ được thì xài, dấu đi mà xài hoặc chia nhau mà xài.

Nước suối đã lạnh, trời về chiều, cởi trần đứng trước gió, còn lạnh thêm, có khi phát lãnh!

*

Đứa cháu đánh thức người ông tỉnh dậy:

-Sao nội không ngủ? Sao nội đứng đây một mình?

Ông lão quay sang thấy đứa cháu gái đứng bên cạnh mình từ hồi nào,

hỏi:

-Ừ, sao con cũng không ngủ, bà nội đâu?

-Bà nội vẫn còn đang ngủ trên phòng. Con khát nước thức dậy không thấy ông nội đâu, con đi tìm.

Ông lão giắt đứa cháu đi lên nhà, bỏ lại dòng sông và cây cầu. Ông lấy nước cho cháu uống, xong, bắt nó đi ngủ lại. Con bé ra điều kiện nội không được xuống bờ sông một mình ban đêm nội phải ở trong nhà nếu nội không ngủ được. Ông lão cười gật đầu với nó. Điều kiện có thể chấp nhận được. Đứa cháu lên giường nằm, ông lão đắp chăn cho nó. Chuỗi tràng hạt có cây thánh gía nhỏ của nó để trên đầu giường, ông cầm cây thánh giá đặt trên môi cháu cho nó hôn. Ông nói:

-Good night.

Đứa cháu cũng nói:

-Thank grandpa. Good night grandpa.

Đứa cháu sinh ra ở nước Mỹ, nuôi dưỡng, lớn lên, học hành cùng với trẻ con Mỹ, cho nên nó Mỹ nhiều hơn Việt. Nó nói tiếng Anh dễ hơn là nói tiếng Việt. Từ ngày có ông nội từ Việt Nam lánh nạn sang, ngày ngày đưa đón cháu, làm bạn với cháu, nói chuyện với cháu, hóa ra tiếng Việt của cháu khá hơn và tiếng Anh của ông cũng khá hơn. Ông cháu dạy lẫn nhau. Có lần cháu đã phải sửa sai ông nội phát âm không đúng rồi bắt nội uốn lưỡi tập đọc rất nhiều lần một từ ngữ. Bà nội thấy thế phải can thiệp xin với...cô giáo dễ dãi bớt cho ông nội. Bà nói với cháu bằng tiếng Mỹ, líu lo nuốt chữ rất nhanh cốt cho ông nội không hiểu kịp:

-Tại ông nội...nhà quê, cho nên ông nội nói tiếng Mỹ theo kiểu nhà quê, cháu đừng ép khó quá ông nội... mất tinh thần. Lưỡi ông nội cứng đơ ra rồi, luyện giọng cách mấy thì cũng thế mà thôi.

Ông nội hỏi:

-Hai người nước ngòai nói cái gì mà có grandpa trong đó!

Bà cười, nói với ông bằng tiếng Việt, cũng líu lo lướt nhanh những tiếng lóng:

-Ngộ lói với ló đừng bắt bé não của ngộ học nhiều qúa mệt

Ông lão thì luôn luôn khen và khoe với mọi người cháu ông dễ thương, học giỏi, thông minh tập nói tiếng Việt rất nhanh. Tiếng Mỹ thì ôi thôi khỏi chê, nghe nó nói chuyện với bạn nó ở cổng trường cứ như rót vào tai mặc dù ông chẳng hiểu gì. Nó giỏi giống...bà nội. Bà nội mắt sáng lên nhưng bĩu môi: -"Cứt ai vừa mũi người đó", cháu hát ông vỗ tay.

Ông lão cãi:

-Thiệt đó, con bé này rồi ca hát cũng hay, làm xướng ngôn viên truyền

thanh truyền hình cũng sẽ nổi tiếng. Nếu chẳng may nó trúng cử Tổng thống Hiệp chủng quốc Hoa kỳ, đọc diễn văn sẽ hấp dẫn nước Mỹ và cả thế giới.

Rồi ông than:

-Tôi có uốn lưỡi luyện giọng "năm năm, mười năm, hai mươi năm, hay là lâu hơn nữa" thì cũng chẳng ra môn ra khoai gì !

Bà vô tư phê điểm học sinh ngữ cho hai người: cháu điểm A, ông điểm C.

*

Ông lão vặn nhỏ đèn ngủ cho ánh sáng mờ mờ. Ông ra ngồi nơi chiếc sofa, duỗi chan giang tay tìm sự thư giãn. Bà lão vẫn ngủ say, đứa cháu thì như cũng đã ngủ lại.

Hồi ở Việt Nam, nhất là thời gian trong các trại giam, những lúc ở không thế này, ông lão thường hút thuốc lá liên miên, có khi còn rít thuốc lào bằng chiếc điếu cầy kêu sọc sọc. Nhưng từ hồi sang Mỹ, ông phải bỏ cái thói quen ấy vì quanh ông không có ai như thế cả. Cũng dễ thôi. Nhưng sao đến bây giờ mới cho là thuốc lá độc hại và ra công ra sức chống nó. Bao lâu nay nó đã nghiễm nhiên trở thành một thực tế, một thói quen, nó ngự trị trong đời sống loài người, thậm chí nó còn trở thành một dáng vẻ đáng yêu ở ngay trong văn chương, thơ phú, nhạc, họa, sân khấu, điện ảnh...bây giờ muốn xoá nó đi cũng khó, chẳng lẽ phải huỷ bỏ những tác phẩm nghệ thuật lỡ chứa chấp thuốc hút. Nghĩ cho cùng thì nó chẳng bổ béo gì, mà cái hại thì vạch ra tội vô số kể, nhưng còn công dụng làm dáng của nó, phủ nhận cũng được đi mà phải phủ nhận những thứ làm dáng, điệu đà khác nữa luôn thể. Cũng phiền, lỡ ghiền rồi bắt cai. In như mấy anh bị lây bệnh cộng sản, phải mò mẫm tìm đường hồi chánh, ly khai...Nhưng mà hồi chánh với ai, ly khai đi đâu ? Năm mươi năm nữa lỡ có nhà bác học nào khám phá ra rằng trà, cà phê, chocolat, thịt, cá, gạo, bột mì...mỗi thứ đều có chứa hàng trăm thứ chất độc hóa học giết người từ từ.. rồi la hoảng lên, rồi kêu gọi từ bỏ, bắt cai những thứ đó. Rồi sao ?

Ông lão sang Mỹ bỏ hút thuốc dễ dàng, nhưng lại cứ nghĩ đến quê nhà, ở đó mọi người hút thuốc, nhà nhà hút thuốc, cả nước hút thuốc, thời thượng và sang trọng. Các nông trường quốc doanh hàng năm thi đua lập kế hoạch tăng diện tích trồng và sản lượng cây thuốc lá. Các nhà máy sản xuất thuốc hút quốc doanh được cấp huy chương vàng, bằng khen,liên hoan chào mừng thành tích thắng lợi. Rồi đi vận động tư bản nước ngòai đầu tư, giúp đỡ nâng cao kỹ nghệ thuốc lá lên tầm hiện đại kịp với trào lưu thế giới.

Trong nhà có người thân đi tù thì gia đình tiếp tế nuôi ăn nuôi hút. Gia đình khá giả hay có thân nhân Việt kiều thì tiếp tế thuốc ngoại hóa: "Hai tầng. Đeo nhẫn. Oanh tạc. Có trình độ."Gia đình khó khăn thì chạy cho thuốc rê Long khánh, Giồng trôm, Mỏ cầy...Những tay ghiền nặng nhà lo cho thuốc lào Tiên lãng, Thuận đức, 888...

"Nhớ ai như nhớ thuốc lào,
Đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên !"

Cuộc chơi nào có thú vị lẫn với gian nan thì mới sướng. Gia đình tiếp tế thuốc hút cho tù với tất cả tình yêu thương thân mến, bao nhiêu hy sinh và tấm lòng. Chắc không có ai nỡ lòng âm mưu đầu độc, ám sát người thân không may sa cơ của mình.

Thi sĩ Hà thượng Nhân Phạm Xuân Ninh đang ở đâu đó trên đất Mỹ, chẳng rõ còn hút thuốc hay đã cai, có bài thơ thuốc lào bất hủ:

"Trời có điều chi buồn mà trời mưa mãi thế ?
Cây cỏ có chi buồn mà cỏ cây đẫm lệ ?
Anh nhớ em từng phút, anh thương con từng giây.
Chim nào không có cánh, cánh nào không thèm bay,
Người nào không có lòng, lòng nào không ngất say.
Gửi làm sao nỗi nhớ, trao làm sao niềm thương,
Nhớ thương như trời đất, trời đất vốn vô thường.
Ngày xưa chim hồng hộc, vượt chín tầng mây cao,
Ngày xưa khắp năm châu, bước chân coi nhỏ hẹp,
Bây giờ giữa Long giao, ngồi nghe mưa sùi sụt.
Cuộc đời như chiêm bao, có hay không nẻo cụt.
Anh châm điếu thuốc lào, mình say, mình say sao ?

Những thượng sư trong giới ghiền thuốc lào ở các trại tù cộng sản, đã đưa thuốc lào lên "đỉnh cao" của thú tiêu khiển với hịch truyền: "Thông đờm. Bổ phổi. Diệt trùng lao." Những cao thủ này đã làm bằng tay ra những chiếc điếu cầy bằng ống nứa bóng lưỡng có chạm trổ "long ly qui phượng" hay những hình hài kỷ vật, những câu sấm truyền, ghi dấu đoạn đường khổ nạn. Hiện nay ở Hoa Kỳ có tàng trữ được những kỷ vật hiếm hoi đó, nhưng có lẽ chưa đến lúc đem trưng bày ở viện bảo tàng. Trong giới thượng sư hút thuốc lào có một vị nghiễm nhiên trở thành vô thượng sư, ấy là ông Hoàng Hồi Loan, người đã trước tác ra tác phẩm bất hủ "Bốn Mươi Năm Đĩ Lồng Đĩ Lộn", ông lão đọc và thấy đây là một tác phẩm văn xuôi có giá trị lớn, nó

đã ghi dấu được nỗi kinh hoàng của 40 năm lịch sử dân tộc qua bao gian nan, phức tạp, khó khăn và lâu dài. Vô thượng sư không biết hút thuốc lào, mỗi lần ngài "phê" một "bi", anh em bạn tù phải chuẩn bị điếu đóm, phải chuẩn bị chỗ giường chiếu gối chăn, để người sẽ ngã lăn ra dãy đành đạch, hai mắt trợn trừng, miệng sùi bọt mép, tay chân quờ quạng. Khi vô thượng sư hành sự, phải có người nạp thuốc, người châm đóm, người chuẩn bị đỡ, người cầm sẵn cái quạt nan sẽ cởi cúc áo phanh ngực quạt quạt cho vô thượng sư mát mẻ mau tỉnh lại. Bao giờ cũng thế. "Bi" nào cũng "phê" như thế. Hóa cho nên vô thượng sư sợ hút, chỉ thỉnh thoảng mới "đánh" một "pat" cho biết núi sông là gì ! Và cũng hóa cho nên anh em bạn tù ai cũng thèm cũng muốn mình có được một lần đạt đến cái trình độ "phê" cao siêu tuyệt vời như thế. Nhưng không được, các người đã làm cho giác quan thưởng thức của mình nhàm chán mất rồi, các người không còn khả năng hấp thụ chính xác, tinh vi, cái chất kích thích siêu đẳng của khói thuốc lào. CÁC NGƯỜI ĐÃ CHÍNH TRỰC LÀM NGƯỜI PHÀM !

Năm vô thượng sư kỷ niệm thượng thọ lục tuần, sau chén rượu mừng nhau ra tù, người đã trao cho ông lão bản thảo tác phẩm "Bốn Mươi Năm Đĩ Lồng Đĩ Lộn" gồm một bó giấy dày cộm. Vô thượng sư nói "Tuỳ ông muốn làm gì thì làm". Ông lão phải vất vả lắm mới diếm mang đi được ra nước ngoài.

Khói thuốc lào thuốc lá cũng có truyền thống văn hóa chính trị ly kỳ như thế, bây giờ đùng một cái mới khám phá ra là nó độc hại, nó giết người, nó giết người xài nó, đã đành, mà nó còn giết người xung quanh không xài nó, chiến dịch chống hút thuốc lá trên TV tuyên ngôn như thế, ghê gớm lắm, cho nên phải cương quyết lên án nó, bài trừ nó, từ bỏ nó, sa thải nó. Ông lão dễ tính, trước kia hút cũng được, bây giờ không hút nữa cũng được, cho phù hợp với môi trường nước Mỹ. Tỉ như trước kia Hoa kỳ kéo quân sang tham chiến ở Việt Nam, đòi vào đánh không được bèn lật đổ ông tổng thống để thay người khác mở cửa cho mình vào. Rồi sau chán. Thôi. Không muốn đánh nữa. Tính tháo chạy. Lại phải lấy cái gương ông tổng thống bướng bỉnh đã chết để lưu ý kẻ nào ngăn cản cuộc rút quân trong danh dự. Hút thì hút. Cai thì cai. Đánh thì đánh. Chạy thì chạy. Đồng minh thì đồng minh. Phản bội thì phản bội. Cũng dễ dàng thôi. Có sao đâu. Phải luôn luôn nhớ rằng hãy quên đi tất cả.

*

Ông lão lắng nghe, hình như đứa cháu gái vừa mới mở, ông nghe như

có tiếng nó cười khúc khích...

...Bố nó nói:

-Ông nội phải giúp con việc này thôi.

Ông lão hỏi:

-Việc gì ?

-Lễ sáng mai ở nhà thờ, cháu nó xuất sắc trong tháng, được thay mặt lớp đọc thánh kinh. Nó muốn phải có bố mẹ đi dự lễ, sang mai con bận, nội đi dự cho cháu nó lên tinh thần.

-Được thôi, nhưng nó muốn có bố chứ đâu phải muốn có ông.

Gọi con bé hỏi, nó nói:

-Bố bận, ông nội đi dự cháu càng thích.

Sáng hôm sau, ông nội thức dậy sớm hơn mọi ngày, náo nức như sắp tham dự một nghi lễ long trọng nào đó. Không long trọng sao được. Cũng vinh dự chứ bộ. Cháu ông sẽ đứng trên bục giảng nhà thờ, trước một cử tọa đông đảo gồm giáo dân, linh mục, thầy cô giáo và học sinh các lớp. Cháu ông sẽ đọc một đoạn nào đó trích trong Tân ước, "A reading from the book ..." hay "A reading from the letter of Paul..." Giáo xứ ở một thành phố đẹp ven biển, gồm ngôi nhà thờ và trường học nằm trên một khu đất rộng, "sau lưng là trường sơn hùng vĩ, trước mặt là biển cả mênh mông". Cư dân ở đây phần đông là người Kinh, rất ít đồng bào Thượng. Ở trường học chỉ có cháu gái ông là Mỹ gốc Á châu.

Ông lão mặc bộ vest gía gần...một triệu may ở Saigon trước khi xuất cảnh. Bộ vest này ông sắm để diện trong chuyến bay quốc tế sang Hiệp chủng quốc Hoa kỳ, nhưng nay bà lão và các con ông đã chê là "quê" không muốn ông mặc nữa. Họ dẫn ông đi Bullocks mua sắm, đi tới, đi lui, chọn lựa, sửa chữa, trước sau đem về cả chục bộ chứa đầy một tủ. Ông lão bèn chê ngược lại, khi nào đi dự tiệc cưới với bà thì ông mới mặc. Đi một mình ông thích mặc bộ vest triệu bạc Saigon. Đi dự lễ nghe cháu gái đọc thánh kinh ông cũng dùng lễ phục đó. Nhưng những lần đi xem đội bóng rổ lớp nó đấu giao hữu với lớp khác, con bé bắt ông nội phải mặc quần jean và T shirt có hình vẽ màu mè và in số cầu thủ đội Lakers.Những lần làm cổ động viên như thế, ông nội phải đứng gần đội banh của nó, phải la hét và vỗ tay reo hò cùng với đám khán gỉa đội nhà. Được cái nội chiều cháu nên nội cũng làm tròn được phận sự, chỉ tội nghiệp bà nội, tối đó ông nội đau nhức, khan cổ, ngủ mớ, khiến bà phải lo săn sóc. Nhưng bà cũng chưa bao giờ cản trở phong trào thể thao đang đi lên của ông cháu. Bà chỉ chê ông lão là "cao bồi già".

Cả nhà thờ hôm đó chỉ có "cao bồi già" mặc vest. Thường ngày cũng có một hai ông Mỹ hưu trí chống gậy, mặc vest đi lễ sớm, nhưng hôm nay họ

vắng mặt. Phần đông giáo dân đến nhà thờ với trang phục thường nhật thoải mái của họ. Nước Mỹ ở đây hình như còn đang trên đường "xây dựng chủ nghĩa xã hội", nhân dân còn đang ở trong "chế độ" kinh tế "ăn no mặc ấm", chưa tiến lên được chế độ cộng sản "ăn ngon mặc đẹp". Muà hè họ chỉ T shirt, shorts pant; mùa đông quần jean, aó jacket là chính; ít ai "sang trọng" như ông lão, vưà mới thoát khỏi chế độ cộng sản, đang ngồi nơi cuối nhà thờ.

Trong thánh lễ ông ngồi ở hàng ghế cuối là để có thể nhìn thấy hết thẩy nhà thờ từ dưới lên trên. Học trò ngồi gần hết những dãy ghế phía trên . Những hàng ghế phía dưới là các giáo dân, phần đông cũng là phụ huynh học sinh. Ông ngồi đây không rõ có ai biết cháu ông là học trò giỏi trong tháng, lát nữa nó sẽ đọc sách thánh. Ông lão nhìn thấy cháu mình ngồi ở hàng ghế đầu tiên. Ông nhấp nhổm cho nó nhìn thấy ông. Nó đã nhìn thấy. Ông hồi hộp theo dõi thánh lễ.

Đến lúc đứa cháu đi lên tòa giảng, ông lão nhìn nó chăm chú, từng bước đi, như phim chiếu chậm trên màn hình. Cháu ông trong bộ đồng phục học sinh khoan thai đi tới chỗ đứng nơi bục giảng. Nó mở sách đọc. Thanh thoát. Rõ ràng. Và hấp dẫn. Chưa bao giờ ông lão nghe một giọng đọc truyền cảm như giọng của cháu ông hôm đó. Kể cả những xướng ngôn viên trên truyền hình Mỹ nói năng cũng không ngọt ngào hấp dẫn bằng. Ông lão lâng lâng tiếp nhận âm hưởng của bài tân ước vang vang trong ngôi thánh đường. Cho đến khi đứa cháu kết thúc bài đọc bằng câu: "The word of the Lord", cả nhà thờ đáp lại: "Thanks be to God", ông lão lẩm nhẩm theo và ông "phê" như chưa bao giờ được như thế.

Lúc rời bục giảng để đi về chỗ mình, đứa cháu nhìn ông nơi cuối nhà thờ, ông thấy một thoáng cười tươi tắn trên gương mặt nó.

Khi cho rước lễ, một số các vị giáo dân lên phụ giúp linh mục.Trong số những người bưng đĩa bánh phân phát cho giáo dân có một bà Mỹ quen thuộc hàng ngày, bà mặc quần đùi áo thung, hồi mới sang ông lão thấy thế cho là kỳ cục lắm, không nghiêm chỉnh, nhưng rồi sau cũng như xung quanh, không ai cho trang phục hở đùi của bà Mỹ thừa tác viên này là xấu xa cả. Trong thời khắc biểu sinh hoạt hàng ngày của bà, sáng dậy chạy bộ "exercise" hai miles, ghé nhà thờ dự lễ và làm phận sự tông đồ, xong, vưà ra khỏi nhà thờ, bà chạy tiếp hai miles trở về. Có một dạo bà vừa chạy bộ vừa lần chuỗi đủ năm chục, nhưng sau bà đã dứt khoát không để lẫn lộn kinh sách với việc khác như thế.Tới nhà bà tắm rửa, ăn sáng, thay quần áo lái xe đi làm. Bà vừa lái xe vừa trang điểm, chút phấn, chút son môi để không đến nỗi làm xấu lây cái thế giới mà bà rất yêu mến. Ông lão nghe chuyện của bà Mỹ, nhìn bà, lại nhớ tới người con gái Thượng bên bờ suối vùng ba biên giới xưa kia,

cô có cách trang phục tự nhiên theo sắc tộc của cô,phơi đùi hay phơi vú, thì cũng chỉ là thói quen, là phong tục, là...nhân quyền.

Lúc lên rước lễ ông đi ngang qua chỗ cháu, ông cháu nhìn nhau, ông khẽ gật đầu, cháu cũng khẽ gật đầu. Có một lần rước lễ, chiều về nhà, nó khen ông nội trong ngày đã làm được một việc tốt, nó thiệt tình hết lòng vinh danh nội. Hôm đó, khi ông đi lên rước lễ có một người nhờ ông dắt một bà Mỹ khiếm thị cùng đi. Ông lão cầm cánh tay bà ta dẫn đi, nhưng bà Mỹ khẽ gỡ tay ông ra, bà sờ soạng tìm khuỷu tay ông rồi luồn tay bà vào, ông lão hiểu ra rồi nhận thấy cái nhà quê của mình. Ông nhớ lại bài học lễ nghi quân cách trong trường sĩ quan năm xưa, quân phục đại lễ, thân hình thẳng băng ngay đơ như cây gỗ, tay trái duỗi thẳng, bàn tay phải đặt ngay ngắn trước bụng, khuỷu tay phải khuỳnh ra cho vị phu nhân nào đó vịn vào sinh viên sĩ quan dẫn quí khách đi lên lễ đài, trên TV Mỹ có lần cũng đã chiếu cảnh đệ nhất phu nhân tương tự như thế. Hôm đó ông lão cũng khuỳnh tay dẫn bà Mỹ khiếm thị đi lên bàn thờ rước lễ, dẫn bà uống rượu, xong, dẫn bà đi vòng trở về chỗ cũ. Ông được bà và người quen của bà nói lời cám ơn. Một con chó rất lớn và rất khôn vẫn dẫn bà ta đi lễ, nó nằm ngay dưới chân bà, nhưng hôm đó người quen bà không muốn cho nó dắt chủ lên vì trong nhà thờ đông trẻ con, người nhà ngồi tại chỗ giữ chó và vì thế ông lão mới được thay thế nó làm công việc săn sóc cho bà. Bà Mỹ không nhìn thấy gì nhưng đôi mắt bà vẫn như thường, nếu ai không biết và chỉ nhìn sơ qua sẽ không tưởng rằng bà bị khiếm thị. Bà cũng là giáo dân thường xuyên đi lễ mỗi sáng, bà còn có một giọng hát rất hay, rất truyền cảm, đôi khi bà còn hát những bài thánh ca cho nhà thờ, đặc biệt là trong những lễ tang, lời ca của bà vang lên trầm buồn làm cả nhà thờ im phăng phắc, chỉ còn đôi tiếng khẽ sụt sùi của tang gia. Ông lão được dẫn bà một lần thôi, có sáng ông cũng có ý chờ xem bà ta có nhờ không, nhưng lễ ngày thường ít người con chó làm công việc dẫn chủ đi lên đi xuống suông sẻ. Những khi bà lên bục hát, nó cũng dẫn bà đi, nó nằm phủ phục dưới chân bà, chủ ca xong, nó đưa về chỗ cũ đúng in không sai lần nào. Ông lão ước gì khi ông chết cũng được bà hát cho một bài thánh ca mà ông đã được nghe một lần trước đó.

Khi nghe bà hát, giọng bà trầm buồn đến mủi lòng, ông lão nhớ tới giọng ca rất xúc động của một sĩ quan Biệt động quân tối tối ở quán "Tre" đường Đinh tiên Hoàng Saigon năm xưa, ca sĩ tài tử này cũng bị khiếm thị trong một trận đánh mà đạn pháo kích nổ gần tung anh lên cao, toàn thân không một thương tích, nhưng tiếng nổ đã làm hai mắt anh hư hoàn toàn. Quân y viện của Hạm đội 7 Hải quân Mỹ ngoài khơi VN cũng không tìm ra vết thương nào trên thân thể anh ngoại trừ chỉ một tí xíu trầy da nơi thái

dương gần mí mắt. Anh trở thành thương phế binh, nhưng yêu đời lính nên anh vẫn mặc quân phục, mũ nâu, huy chương và giây chiến thắng, đeo lon chuẩn uý, lên thiếu uý, trung uý...cứ theo khóa sĩ quan của anh mà lên, đồng khóa mang cấp nào anh cũng mua lon đeo cấp đó, cho đến 1975 thì anh đã lên tới đại uý. Bị mù song tự nhiên anh lại hát hay vô cùng, anh nổi tiếng với một bài hát trong đó anh chế thêm lời có mấy câu "Con van ông ơi, con van bà ơi, con van ông đi qua van bà đi lại..." Nữ thính giả nhiều cô khóc sụt sùi, cũng nhiều vị khách biếu anh tiền tại chỗ, anh phây phả rong chơi khắp Saigòn không cần ai dẫn đường. Anh kêu taxi, đón xe bus, quay điện thoại dễ dàng. Quân cảnh gặp anh không hỏi giấy mà còn chào mời muốn đi đâu họ cho quá giang. Anh kể chuyện vui ai nghe cũng cười trào nước mắt...

Cho đến ngày "bể dĩa" ! Không rõ rồi sau ra sao ?

*

"Lạy cha, con xin phó linh hồn của con trong tay cha ! "

*

Vị linh mục chủ tế gốc miền nam châu Mỹ la tinh, ông lão đã biết cha từ mấy năm nay vì sáng nào ông cũng dự lễ ở nhà thờ này. Không rõ vị linh mục có ưu ái gì hay chỉ là một sự "tình cờ thường xuyên", linh mục thường chọn đặt lên lòng bàn tay ông lão một miếng bánh to gấp đôi, miếng bánh bẻ ra từ cái bánh to tròn bằng cái đĩa sau khi làm phép, không phải là bánh tròn nhỏ đựng trong tô chung. Một lần, rồi nhiều lần như thế, ông lão để ý và thấy rằng mình được vị linh mục này đặc biệt chiếu cố. Có khi cha vừa phát bánh vừa hơi mỉm cười với ông khiến ông không khỏi không bâng khuâng xúc động. Ông lão nghe rõ mồn một mùi thơm của miếng bánh mới thấm vào tâm não ông. Lạy Chúa, con là kẻ đói ăn, đói ăn đến ngơ ngác...

*

Buổi sáng chủ nhật, ông phải nộp ba bó củi thật nặng cho bếp trại. Khi vác đến bó thứ ba lết từ bìa rừng về đến bếp thì ông kiệt sức, hai mắt hoa lên, đầu nóng bừng bừng, thả bó củi xuống thì người ông cũng rơi xuống theo. Mấy phút sau ông mới lết được đến bên chảo nước uống xin múc một ca. Ca nước âm ấm làm cho ông dần dần tỉnh lại. Ông đứng dựa vào cột nhà bếp để

thở. Mấy anh tù binh thuộc đội cấp dưỡng đang ngồi gọt củ sắn, họ nhìn ông thương hại vì ai cũng biết rằng sáng chủ nhật không lao động nên không có ăn sáng. Mỗi tù nhân ra bìa rừng phía ngòai trại vác mỗi người ba bó củi cho nhà bếp chỉ là nghĩa vụ thêm, củi để nấu ăn cho mình, không phải là lao động sản xuất. Nhịn đói mà vác nặng thì rất mệt. Lả đi được. Đang đứng nhắm mắt để dưỡng thần thì bị một anh nhà bếp kéo ra bắt phụ với anh ta xếp lại đống củi cho gọn. Chưa kịp cãi thì nghe anh ta nói nhỏ: "Hai củ mì gói trong lá chuối dấu dưới khúc củi bọng, vờ xếp củi rồi lấy dấu trong lưng quần đem về buồng mà ăn". Vừa nói anh ta vừa bê những khúc củi ném chồng chất lên đống cao. Anh ta lẩm bẩm tiếp: "Qua Một Chiếc Cầu, Lên Một Cái Dốc." - Ráng ! Ráng mà sống nghe ông... Coi chừng công an nó thấy". Ông lão hiểu ra.Và cảm kích. Khi đói, rất đói, đói nhiều ngày rồi, đói đến ngơ ngác rồi, ăn củ sắn ngon vô cùng. Ngon không thể tả. Về phòng, leo lên chỗ nằm sàn trên, lấy củ sắn nướng dấu trong cạp quần ra ăn. Củ sắn nướng có lẽ vội nên còn sống. Nhai sậm sựt. Không bùi. Nhưng ngon lắm. Ngon vô cùng. Ngon không thể tả. Sắn tái. Phở tái. Thịt bò tái. Sắn tái hay Tái sắn. Ăn sắn sống thì như ăn gỏi. Gỏi sắn. Tại sao không. Khi ở trại tù Vĩnh Phú, thi sĩ Thanh Tâm Tuyền có vịnh củ sắn:

"Thoát xiêm y, trắng nõn nà,
Lửa lòng bốc cháy ai mà chẳng say."

*

Thưa cha, cha chiếu cố cho con miếng bánh lớn, con thích lắm. Bánh thơm lắm. Ngon lắm. Ngon vô cùng. Ngon không thể tả...

*

Ông lão lên rước lễ nhưng chỉ nhận bánh, không giám uống rượu. Kể từ khi ông thấy có người bon chen lên trước để được là người thứ nhất uống đầu tiên. Ông lão nhớ: "Sau bữa ăn tối người cầm lấy chén, cũng tạ ơn, trao cho các môn đệ mà phán...". Các môn đệ ngày xưa đã chuyền tay nhau chén rượu mà uống, ngày nay, nhất là ở nước Mỹ này, người ta không uống chung một ly, thậm chí còn dùng ly giấy xài một lần rồi bỏ, nhưng trong các giáo đường vẫn giữ truyền thống cũ là chuyền tay nhau chén rượu thứ tự mà uống. Thế mà, ông lão lại thấy chính cái ông cái bà ngoan đạo bon chen, cho nên ông...thôi !

*

Con xin cha cho con miếng bánh to,con không uống rượu. Con là kẻ đói ăn. Khi đói con chỉ muốn ăn,con không giám nghĩ tới rượu. Ở trong tù con không thèm rượu, con chỉ thích củ khoai, củ sắn. Củ khoai củ sắn to quí hơn củ khoai củ sắn nhỏ. Hai củ to lại càng quí hơn nữa ! Cộng sản bỏ đói tù nhân để dễ khống chế. Có khi mức ăn chỉ 9 ki lô gam khoai sắn một tháng. Thưa cha, con thề độc. Nói dối phải tội, Chúa phạt. Xuống hỏa ngục. Thưa cha, ở nơi đó đói lắm, đói đến ngơ ngác, đói hơn những vùng đang đói của thế giới mà trẻ con gầy giơ xương, má hóp, mắt sâu; con người nằm chết ruồi bu !

*

Ông lão về chỗ ngồi, làm dấu thánh giá và nhớ tới ông giáo sư Lý ở Việt Nam. Sau 1975, nhà giáo sư đại học văn khoa, nhà trí thức yêu nước, nhà nghiên cứu khoa học nhân văn trong uỷ ban khoa học thành phố, được chọn làm đại biểu quốc hội. Lý giáo sư bỏ đạo để cho con trai là sĩ quan quân đội nhân dân được vào đảng. Ông giáo Lý nói nửa đùa nửa thật với ông giáo Nguyễn và mấy vị cựu Pax Romano rằng: "Eo ôi, sáng nào cũng ăn thịt sống, uống máu tươi của Chúa, đỏ ngoét ở miệng kinh quá !" Người đại biểu dẹp bỏ bàn thờ Chúa, trưng hình Nguyễn Tất Thành thế vào chỗ đó. Đến khi thân mẫu của ông mất bạn bè ông kéo nhau lên Thủ Đức phúng điếu, trên đường đi họ cá với nhau xem ông giáo Lý có mời linh mục đến làm phép xác theo nghi thức Công giáo cho bà cụ không. Các ông kia nói không, ông giáo Nguyễn nói có.

-Nó không theo tuỳ nó còn bà cụ thì nó vẫn phải để cho cụ hưởng các phép ấy chứ.

Một ông lý giải:

-Bà cụ cứ giữ "quyền tự do tín ngưỡng" của bà cụ theo hiến pháp, ông đại biểu quốc hội cứ giữ "quyền tự do không tín ngưỡng" của ông đại biểu, cũng theo hiến pháp.

Một ông bạn khác bình luận:

-"Tự do theo đạo" và "Tự do không theo đạo" là hai quyền riêng biệt ấy hả ?

-Ừa.

Khi lên tới nhà ông giáo Lý thì ông giáo Nguyễn thua cá các bạn.

Trong thánh lễ hôm nay, ông lão cố gạt đi không muốn nghĩ đến cái vụ "Máu Chúa đỏ loét" của nhà giáo sư văn khoa, vậy mà không hiểu sao nó cứ xẹt ngang. Ông muốn được thanh thản khi vui với cháu mình. Ông lại tự nhủ: "Phải luôn luôn nhớ rằng hãy quên đi tất cả !" Ôi, thật là khó khăn để quên đi những ám ảnh. Việt cộng mang cái chủ nghĩa cộng sản từ bên Nga bên Tầu về đánh đòn thù trên dân tộc ta ròng rã mấy chục năm nay. Cú đánh "Đấu tranh giai cấp" rồi cú đánh "Giải phóng dân tộc", liên tiếp quất trên đầu, trên cổ, trên lưng nhân dân ta, thậm chí họ còn quất lẫn nhau nữa, trong khi những kẻ thực dân xâm lược đã chết mục mả từ lâu rồi. Hãy quên đi những đòn thù. Cũng muốn lắm. Phải luôn luôn nhớ rằng hãy quên đi tất cả.

*

Thánh lễ chấm dứt với những bài thánh ca. "Lễ xong, chúc anh chị em về bình an." Ông lão ngồi yên chỗ, nhìn từng toán học trò xếp hàng về lớp.

Trường học của giáo xứ rất gần nhà, ông lão sang đoàn tụ với gia đình đúng vào năm học đầu tiên của đứa cháu gái. Ông đưa ý kiến cho nó học trường của giáo xứ, bố mẹ nó cũng bằng lòng tuy phải tốn tiền nhiều hơn là học trường của thành phố.

Từ đó những năm qua, ông làm công việc đưa đón cháu đi và về. Ông cháu giắt tay nhau đi qua hai ngã tư đèn đỏ. Mùa mưa, ông nội cầm theo áo mưa trùm cho cháu. Lại thêm cây dù che bên trên. Túi đựng sách vở ông cũng dành mang cho nó. Thân nhau là vì vậy. Có mấy đứa bạn của nó thấy ngày nào cũng có ông đứng đón cháu ở cổng trường, nói:

-Mày sướng quá.

Con bé về khoe như thế. Bà nội nhìn ông cháu. Ghen:

-Nó có vẻ quí ông hơn quí bà. Thường nó thích nói chuyện với ông hơn với bà.

Bố nó nói:

-Thì đúng là như vậy. Tại vì ông săn sóc đưa đón nó. Còn bà thì chỉ "ù ơ ví dầu..."

Bà nội bèn chửi bố nó một trận:

-Mẹ mày, má còng lưng đi làm nuôi Bố mày, nuôi một đàn anh em chúng mày, rồi lại nuôi con của mày mang về, như thế mà là "ù ơ ví dầu" hả?

Bố nó cười thích chí vì đã chọc tức được mẹ, rồi chuồn đi chỗ khác, để lại "trận địa" cho ông nội. Ông nội gây tiếp:

-Kể ra bà cũng khổ thật, bà hầu tôi, bà hầu các con tôi, bây giờ bà lại hầu cháu tôi. Suốt đời hy sinh làm đầy tớ. Bên Mỹ này như thế đâu có được.

Thấy bà ngồi lặng thinh tủi thân mủi lòng, ông lão dội tiếp:

-Cũng tại bà lanh chanh, cái gì cũng muốn nhào vô điều khiển.

Uất quá, bà hét lên:

-Tôi không làm thì ai làm. Một lũ con lau nhau sang đây, tôi không vùng lên phất cờ chỉ huy, tần tảo, chống chọi, săn tay áo mà làm nuôi chúng nó, bắt chúng nó vào khuôn vào phép, hướng dẫn chúng nó học hành, làm việc, tới ngày lớn khôn để đón...bố sang, tôi không lanh chanh thì để ai lanh chanh đây.

Chưa đã giận, bà còn kể lể:

-Không hiểu sao hồi ở Việt nam tôi hiền thế, Bố khai tiểu sử sĩ quan nghề nghiệp của vợ là nội trợ, thế là tôi cứ bị gắn chặt vào với cái "nghề" nội trợ. Đời thuở nào đã nội trợ ở nhà nấu cơm nước, giặt quần áo, lau nhà, hầu hạ chồng con mà lại là một cái "nghề" cơ chứ? Trời ơi,sao hồi đó tôi "ngờ" thế, chẳng trách đất nước mất vào tay cộng sản, ỉ toàn quyền cho các ông múa may sao không biết chạy tháo thân sang bên này cả đám. Không nói ngoa, nếu hồi đó tôi được bầu làm Tổng thống tôi sẽ lãnh đạo chế độ đi đến thắng lợi như bên Tây Đức thống nhất Đông Đức. Dễ quá mà. Sao các ông lại không làm được. Sao các ông lại để hư sự. Sao em nói Bố cứ ngủ gật...

-Lanh chanh là tốt, sao em cãi quá vậy.

-Khốn nhưng mà tức quá.

-Lanh chanh là một đức tính hiếm hoi rất...phổ biến.

Ở nhà thờ về, bà nội hỏi chuyện, ông lão hào hứng khoe:

-Tôi còn nhớ được một câu trong bài đọc của nó.

-Câu gì ?

-"Sometimes the last will be first..."

Bà lão gật đầu:

-Lời Chúa, đúng ý bố phải không ?

Ông lão gật đầu:

-Nhưng Chúa phán sometimes thôi. Không phải bao giờ cũng thế.

*

Ông lão thiếp đi một lát, tỉnh dậy thấy bà cháu họ vẫn ngủ say. Nhìn đồng hồ, quá nửa đêm về sáng ông lão rón rén mở cửa đi ra ngoài. Lần này ông nhất định vượt biên.Ban đêm mà ngoài trời vẫn còn nóng quá. Ông đi men theo con đường nhỏ về phía quốc lộ. Đợi lúc đường vắng xe, ông sang nhanh bên kia, chần chờ nó mà tóm được đi "học tập cải tạo mút mùa". Ông lão đi về phía đèn sáng choang.

Bước vào bên trong tòa nhà mát rợi, người đông đảo, âm thanh ồn ào, tiếng người nói, tiếng âm nhạc, tiếng máy kêu, tiếng đồng coin rơi loảng xoảng...Ông lão thấy vui mắt, ông lững thững đi rảo qua những dãy máy jack-pot xem xét, hết một vòng bao la như một xưởng máy lớn, ông chọn một cái máy, móc tiền nạp vào, nó chạy sè sè rồi báo cho ông biết credit. Ông bấm nút. Một coin. Hai coin. Hai coin. Một coin. Con số trên credit thay đổi. Win 10. Win 20...Cờ bạc hay đãi tay mơ. Ông lão mỉm cười. Vui đáo để. Trúng đi con. Một trăm. Hai trăm. Năm trăm. Tám trăm. Ngàn tám. Năm ngàn. Thử coi. Giám không. Ra đi con. Credit tăng lên rồi giảm xuống. Ba cục kim cương mấp mé. Nhảy lên. Hạ xuống. Bố khỉ. Ra đi con. Xém. Nữ chiêu đãi viên mang bia lạnh tới cho ông uống ừng ực, ông kêu mua thuốc hút 555, người đàn bà kéo máy bên cạnh kêu rú lên vì suýt trúng ba ngôi sao, bà ta vỗ vai ông lão để ông chia sẻ sự tiếc rẻ hồi hộp với mình. Quên cả thời gian...

"Mải vui quên hết vợ con chuyện nhà,
Giờ này là của đôi ta,
"Rượu giang hồ" ấy còn pha lệ người."

Gần sáng ngàn bạc trong túi ông hết nhẵn. Người đàn bà bên cạnh thì tiền ra đầy khay. Ông lão ngao ngán, quay sang chầu xem bà ta kéo máy. Đúng lúc đó bà lão giắt cháu đi tới. Hai bà cháu tìm được ông thì cũng dừng lại xem. Bà hỏi:

-Bố thắng không ?

-Thua hết sạch.

-"Đánh bạc đã là thua rồi. Cũng như yêu !" Câu đó ở đâu ?

-Tác gỉa "Bão Thời Đại" viết trên tạp chí Sáng Tạo.

Bà cười, kéo ông đi:

-Hai bà cháu tôi muốn đi ăn sáng.

-Mình tới buffet. Bố cũng đói bụng và muốn ly cà phê.

Ba người xếp hàng lấy bàn. Khi ăn bà lão bảo đứa cháu:

-Ông nội con hôm nay phạm "tứ đổ tường".

Con bé không hiểu bà nó nói gì, đòi bà phải dịch sang tiếng Mỹ. Bà lắc đầu chịu thua, dừa sang ông:

-Ông nội giải thích cho cháu nó hiểu "tứ đổ tường" nghĩa là gì đi.

Ông nội cũng lắc đầu:

-Ông nội nhà quê đâu biết giải nghĩa bằng tiếng Mỹ.

Bà cười:

-Khôn thật, mỗi khi cần tránh né là ông nội lại nhận mình dốt.

Ăn xong bà dẫn ông ra xe, hai bà cháu sang sòng bài bằng xe chứ không vượt biên bằng đường bộ. Bà lái xe dọc theo bờ sông. Trời lại bắt đầu lên cơn nóng. Theo chương trình trưa hôm đó anh con trai lái máy bay lên đưa bố mẹ đi Las Vegas và đón con bé về nhà. Bà lão sẽ dẫn ông lão đi coi trận quyền anh giữa hai võ sĩ thượng thặng của nước Mỹ. Anh con trai cho Bố làm phi công phụ, hai bà cháu ngồi hai ghế giữa, còn hai ghế sau bỏ trống.

Con trai nói:

-Bố cất cánh và hạ cánh. Con phụ.

Mẹ nói:

-Mày bay chứ bố đâu có license.

-Hồi xưa ở Việt nam Bố có lái máy bay này rồi.

-Nhưng bố bây giờ già rồi.

-Không.

Thế là bà ngồi sau run, hai bố con vừa bay vừa cười nói huyên thuyên. Ý là muốn trêu chọc bà lão.

Anh ta đưa bố mẹ đến khách sạn rồi hai bố con trở ra máy bay về Saigon nhỏ.

Bà lão từ ngày nghỉ kinh doanh, giao công việc cho con cái thì bà chỉ thích đi xem những trận đấu thể thao chung kết, bà nói bà muốn chứng kiến những cuộc tranh dành giữa các siêu sao của nước Mỹ. Bà có nhận xét là trèo lên đỉnh danh vọng đã khó, tụt xuống được mới là vất vả. Cho nên mới có chuyện tổ chức đánh què chân đối thủ. Vươn lên champion, nhưng khi đạt rồi thì không muốn kẻ khác đoạt mất. Hàng năm bà dắt ông đi coi các trận playoff, superbowl. Ông lão không thích nhưng bà nói "Bố phải đi." Bà cũng chê ông đánh bạc máy chỉ là hên xui, bà nói chơi bài mới là cao thấp, nhưng ông lão không biết chơi bài và cũng không muốn phải suy nghĩ. Chơi với máy là sòng phẳng. Máy cũng không biết cãi nhau.

Thế cho nên khi hai ông bà ngồi ở hàng ghế ringside thì ông lơ đãng nhìn quanh trong khi bà theo dõi rất sát những cú đấm lọng óc văng cả mồ hôi xuống võ đài.

Bà ghé tai ông nói thầm:

-Bố phải bỏ "tứ đổ tường" : cờ bạc, rượu chè, trai gái, nghiện hút đi. Bố thử coi các siêu đẳng của nước Mỹ đánh đấm nhau để thấy được sự kinh hoàng của cạnh tranh.

Ông cầm bàn tay của bà lên xem xét, qua mấy ngày phơi nắng da bà ngả mầu nâu, nhưng ông lão thấy mình vẫn đen hơn bà. Đêm đó cuộc đấu bị ngưng ngang vì một võ sĩ cắn tai đối thủ. Bà ngao ngán dắt ông rời đấu trường, bên ngoài nóng hừng hực, hai ông bà chạy vội vào taxi về khách sạn.

Ông phàn nàn:

-Phí cả tiền, lại thêm bực mình. Ở Mỹ này có thể cứ ở yên trong nhà mình suốt xuân, hạ, thu, đông. Sao má không ở nhà coi TV, cất công đi coi phát mệt.

Bà lão lắc đầu:

-Phải đến tận nơi, ngồi thật gần, xem tận mắt, vào đúng lúc sự kiện đang xảy ra, thì mình mới thấy rõ được là nó oai hùng hay rùng rợn. Chú Hòe cũng thích như thế. Họ đấm nhau văng cả mồ hôi xuống mặt người ngồi xem mới là hiện thực.

-Để coi nó cắn nhau à ?

-Trận đấu ngưng ngang, không còn phong cách quyền anh, bù lại mình cũng tìm được thứ khác.

-Cái gì khác ?

-Sự rùng mình.

*

Ông lão thấy rõ ràng cuộc đổi đời của mình thật là phi lý. Tự nhiên tình thế xoay chiều, "sông núi đã biến thiên, thời đại đã xa cách", đang từ miền đất quen thuộc bao đời, u mê một cơn, mở mắt ra đã thấy mình sống ở một nơi hoàn toàn xa lạ. Mình trở thành một kẻ dưới hạng thứ dân, cái gì cũng thấp kém, cái gì cũng không bằng người, cái gì cũng phải học tập lại. Từ cách ăn mặc, đi đứng, nói năng, cư xử...đến cách suy nghĩ, yêu thương, giận hờn...đều phải xem xét lại cho phù hợp với đời sống xung quanh. Mình đang là người Kinh ở quê nhà, nay hóa ra người Thượng ở quê người. Mà trong cái giới người Thượng này mình lại còn là người Thượng mới không giống người Thượng cũ. Người Thượng nhưng mà về thành lâu mau ? Thảo nào người Kinh họ thường coi thường người Thượng. Cho dù anh có vào quốc tịch người Kinh ở đây đi nữa thì anh cũng vẫn không giống họ. Cho dù anh học giỏi hơn họ nhưng nhìn anh vẫn thấy "khác" họ, anh vẫn không phải là người Kinh như họ.

Hóa cho nên, hỡi người con gái bên bờ suối tiền đồn biên giới năm nào, bây giờ cô đã già, cô ra sao, cô đang ở đâu ? Anh lính truyền tin cũng đã già, đang ở đâu ? Ông trung sĩ đồn phó, ông binh nhất hầu cận, các ông tộc trưởng, các cụ đã thượng thọ bao nhiêu lần và có còn đang ở đâu? Ông đồn trưởng thì nay đã thành người Thượng nơi xứ lạ...Cái đồn binh ngày xa xưa đó cũng đã trải qua bao đổi thay. Hơn một năm sau ông đồn trưởng đổi đi nơi khác, cái đồn binh nhỏ bé, sơ khởi đó, cũng nhiều lần dời chỗ, nhiều lần

mở mang, xây cất lớn hơn, rộng hơn, thậm chí, sau này nó còn trở thành một căn cứ quân sự, có sân bay, có đài radar, có cố vấn Mỹ! Trải qua mấy chục năm quê nhà đảo điên, bom B52 trải thảm, đàn kiến xẻ dọc trường sơn, những thứ đó có xoá đi buôn làng của cô không? Có thay đổi hay huỷ diệt nếp sống của cô không ? Đàn kiến di chuyển tới đâu gậm nhấm hết tất cả những gì dọc đường, suốt giải trường sơn, tạo thành một vết ngoằn ngoèo trắng đất đá. Buôn làng của cô có biến thành lán trại nông trường ? Những patters B.52 thường đã căn cứ vào những đám hơi nước bốc lên trong không ảnh kỹ thuật. Những đám hơi nước ấy từ sông, hồ, suối, ao, vũng lầy...là hơi người bốc lên, là đơn vị quân đội mà cũng có thể là đàn voi, đàn thú, là buôn làng của cô. Khi giải đoán không ảnh, người ta có thể phân biệt được sông, hồ, ao, suối, để loại trừ, nhưng những buôn làng ẩn náu dưới tàn cây thì cũng dễ bị lầm là quân xâm nhập trú đóng. Đã có những toán biệt kích thả xuống các mục tiêu B.52 để lượng định kết quả trận oanh tạc, cây số vuông rừng bị cầy xới có khi để lại những dấu vết của đàn voi hay buôn sóc đồng bào Thượng, không tìm thấy cái mũ cối, đôi dép râu, hay khẩu AK gẫy vụn nào!

Dòng suối xưa kia có một chỗ phình ra thành "một cái hồ nhỏ viền đá hoa cương và lát sỏi trắng dưới đáy đẹp tuyệt vời". Cái hồ "xung quanh có rất nhiều hoa rừng nở rộ" mà người lính trẻ phóng túng, đã bắt đầu cảm thấy cô "thơm ra" trong những lần tắm táp, bơi lội, đùa rỡn, lật qua lật lại... Cái hồ đó, bây giờ còn hay đã khô cạn? Và cô có nhớ rằng cô đã từng trải qua những cảm xúc hạnh phúc trong những khoảnh khắc nơi dòng suối đó. Hạnh phúc vì cô không có ý thức cô là người Thượng trong giới động vật hễ hơi có tí hơn người là muốn phân biệt, ngăn cách. Ông đồn trưởng trước khi thành người Thượng ở nước Mỹ thì ông ta cũng đã cưỡi voi, rồi cũng đã sống trong nhà tù cộng sản, nơi họ đã coi ông ta không phải là người. Nay ông người Thượng Mỹ ngồi nghĩ tới những người thân cận của ông ta xưa kia, và ông ta chợt nhớ tới cô, như nhớ tới một người tự do tuyệt đối không kẻ nào xếp loại, kỳ thị được.

*

Ngày hôm sau, ông lão bà lão lên xe lửa đi sang tiểu bang khác. Bà muốn thay đổi cho ông bằng một chuyến du lịch xem thắng cảnh, để ông lão bớt bị căng thẳng bởi những ngày ở sa mạc.

THẢO TRƯỜNG

Huntington Beach, 97



LÊ BI

vẫn thèm

Vẫn thèm sự trần truồng
của chữ

để tôi khỏi phải mặc áo quần
nằm trên trang giấy trắng

Vẫn thèm sự trần truồng
của những cầu vồng

tôi vẫn là tôi đứa bé 10 tuổi
bạc cái đầu mà bất ổn cái chân

Vẫn thèm sự trần truồng
của âm thanh

tôi càng già càng cần nghe
im lặng

Vẫn thèm sự trần truồng
của em

chúng ta đã phí quá nhiều thời giờ
che đậy

Vẫn thèm sự trần truồng
tất cả

để tôi và cuộc đời
không cần mặt nạ

Vẫn thèm sự trần truồng
vẫn thèm sự trần truồng

đã gần 50 tuổi
sao vẫn thèm như thế.

SỢ

đôi khi tôi rất thiếu tự tin
sợ cả những điều không có
nắng chiều cũng làm tôi sợ
sợ cả gió
sợ cả lúc đối diện với mình
sợ cả chữ vừa viết ra
đã trở thành tấm gương mờ

đôi khi tôi sợ cả sự sống
chẳng gì đáng thật
tôi sợ cả cái chết
chưa biết
tôi vẫn sợ
cả dòng thơ cũ
như những người già phải nhìn mình

lái xe trên những xa lộ
tôi vẫn sợ
không muốn phải ngừng
bất cứ chỗ nào nước Mỹ

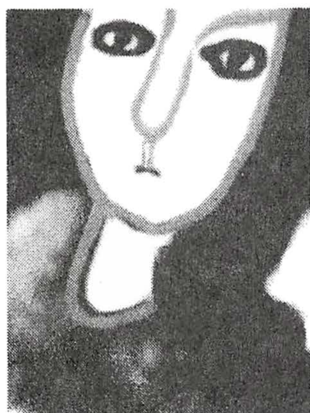
đôi khi tôi vẫn sợ mình
thiếu một cái tên
tìm mình tìm mình
và tiếp tục lái xe mỗi ngày trên xứ sở khác

LÊ BI



LÊ THỊ THẤM VÂN

KHỔ NẠN



Mùi thông. Mùi thông tươi, hăng hắc... Vỏ thông sần sùi, nham nhám. Lấy tay cạy, sướt đầu móng. Rát bỏng. Một chút ghê sợ, ớn lạnh luồn từ gáy chạy tuột dọc xương sống.

Mắt con bé nhắm kín. Bóng tối làm nó bớt sợ, nhưng da thịt vẫn như bị cát bám. Mùi thông nồng nặc, đến hôi. Trong màn tối, con bé từ từ thấy lại con đường thẳng tắp, bề rộng bằng lòng bàn chân, nhưng dài hun hút, gây cảm giác lôi cuốn phiêu lưu. Một chút nguy hiểm, tò mò. Một chút liều lĩnh, thách thức. Con bé giang thẳng hai tay bước tới. Gân xanh nổi cồm trên trán. Nó chẳng thể quay lui, độc đạo là phía trước. Và rồi có thể ngã phải, trái, trước, sau bất cứ lúc nào. Một lần con bé đã ngã, lần đó, Chúa hay quỷ ma đã ra tay phù hộ, nó vớ được sợi giây điện bám cứng, nhắm kín mắt, ngưng thở... phịch. Mông trái bầm tím mấy tuần liền. Sợ, ớn nhưng con bé vẫn đu với cảm giác đi đường thẳng bằng lòng bàn chân của mình.

Gác chuông nhà thờ, nơi con bé leo thoăn thoắt tới chóp đỉnh, ngồi ẩn nấp trên đó. Nhìn xuống thành phố tản mạn khói, sương. Những mái nhà tranh, tôn, ngói đỏ cong vòng. Con đường mòn ngoằn ngoèo lên, xuống, cuối cùng chẳng đưa về đâu. Lùm cây, rãnh nước, ao hồ, bóng người lầm lủi... Con bé ghì chặt thanh sắt, buông là nát thây, phía dưới muôn vàn tảng đá nhỏ to, to nhỏ như mõm cá sấu đang há toang hoác. Ngó xuống, nước trong mắt con

bé chảy ra, không hiểu vì sao. Nó buồn buồn, mệt mệt, chẳng thiết tha gì. Con bé nhìn thấy nước mắt mình thấm dần vào thanh sắt lạnh, màu mun hoen rỉ.

Ngước nhìn trời, nước mắt lại ngưng. Có phải thiên đường ở trên cao? Con bé bỗng khám phá, thiên đường là bay bổng, tâm lòng nhẹ tênh. Cảm giác bước tới, nhìn lên trời cao bám cứng óc con bé từ hôm đó.

*

Căn phòng, gầm giường phủ bụi thời gian, đời người. Bầy mèo nửa hoang nửa nuôi chẳng rõ con số suốt ngày đồng loạt rên rỉ. Mùi cứt mèo, nước đái mèo, thậm chí xác mèo rã tan dần trong góc xó... Bóng mèo con phóng nhanh, bóng mèo mẹ nhếch nhác như thây ma già trong căn phòng tối mù mù, cánh cửa chưa một lần được mở toang. Bầy chó nửa khôn nửa dại chiếm trọn vườn ngoài. Thân chúng ốm o ghẻ lở, nhưng có cùng tia mắt gừ gừ, đục lờ chực ăn tươi nuốt sống bất cứ ai lại gần. Lông chó như bông gòn tẩm bụi bay lả tả khắp sân. Những con chó cả đời không được tắm, ngoài những trận mưa xối xuống từ trời. Răng mọc tràn cả ngoài hàm, nhọn hoắt, trắng hếu, dọa nhai nát thây con bé. Giàn su cuối vườn trái trĩu xanh mướt. Chỉ giàn su là xum xuê sung túc.

Bà bác mặt rỗ đều như chén chè cau, đậu nở bung. Mắt phải mí kéo dán kín. Mắt trái nhỏ như đường chỉ, nước ri rỉ quanh năm. Bà đi qua rồi mới hay. Giọng nói kềm ép trong cuống họng. Con bé phải vận dụng trí khôn tối đa khi phải đối diện. Tảng sáng bước xuống giường, xỏ chân vào đôi dép đến trời mờ mịt, rút chân khỏi đôi dép, bà chỉ lo miếng cơm, tay lâm râm tràng hạt, và tẩm thân thể bằng mùi dầu gió xanh.

*

Mỗi chiều thứ tư, ngày giữa tuần. Đợi bóng nắng vừa qua khỏi mé hiên, lướt dần đến ô đất có tảng đá to sần đen thui. Con bé lần mò lên nhà trên, men theo bờ tường, qua khoảng đất trống, cỏ màu cằn cỗi, lá to dị thường, nghe tim rền vang gấp gáp như hồi chuông báo tử.

Người đàn ông ngồi quay lưng, áo choàng đen phủ kín. Đôi dép cao su quai xanh lơ, vẻ độc nhất lộ dấu đang ở nơi chốn riêng tư. Ông ngồi giữa chồng sách ngổn ngang. Con bé tiến tới, đứng yên, đầu cúi, tay cố kéo nắm tóc nhét cả vào miệng, nghiến chặt giữa hàm răng, tóc vẫn không đứt.

"Lại đây, lại gần đây." Người đàn ông thì thầm ra dấu. Con bé tiến lại

gần, hàm răng nghiến mạnh hơn, tóc vẫn không đứt. Ông gấp lại cuốn sách dày cộm, bìa sách óng ánh mạ vàng. Ông buông cây bút, con bé liếc nhìn, cây bút bốn màu xanh nhạt, đậm, đỏ và đen. Con bé bỗng ước được cầm cây bút lên bấm từng màu, từng màu một, hoặc hai màu, hoặc bốn màu một lượt, tíc tắc vui tai, tê tê đầu ngón tay. Ông choàng tay qua người con bé, bóp nhẹ hai vai, thong thả, ông lần xuống, từ tốn, eo, bụng, hông.... Con bé vẫn đứng im, mắt vẫn không rời cây bút bốn màu. Ông kéo người con bé ngồi lên đùi, ôm chặt, bưng trọn mặt con bé hít sâu.. môi ông rà khắp da mặt con bé, mắt, mũi, môi, lần sâu xuống cổ... Tiếng ầm ừ, như mắc nghẹn. Cục hầu nơi cuống họng cứ trồi trục liên hồi. Con bé nhắm kín mắt, cố xua tan tiếng mèo rên rỉ đồng loạt dưới gầm giường, hàng trăm đôi mắt gầm gừ đàn chó chực vồ nhai nuốt sống... Con bé chỉ thở được khi hiện hình giàn su trái xanh mươn mướt. Nhưng ... sao con bé lại ngửi được mùi nhựa thông? Mùi thông ngầy ngậy, hăng hắc ... cảm giác thích thú kỳ quặc. Con bé không hiểu, hoàn toàn không hiểu. Nó vuốt nhẹ làn da tay người đàn ông, mềm ấm. Bàn tay nó nghĩ chỉ để lật những trang sách, và chỉ mình nó rờ được, cảm thấy tự tin kỳ lạ. Con bé nuốt vội giòng nước bọt trong cuống họng nó trào ra, nước từ đâu mà trào lắm thế này! trào, trào mãi, con bé cứ nuốt, nước bọt cứ trào.... Bụng dưới con bé oằn cong như bí đái. Mùi nhựa thông ngai ngái rờn rợn... Vỏ thông thô nhám sần sùi. Giờ thì nó cảm thấy nhớp nhúa.

Bóng tối dưới gầm giường vẫn ám mùi thời gian. Đời người.

Người đàn ông buông con bé, khẽ khàng. Ông bước nhanh qua phòng bên, đứng lặng một đỗi, mặt ngửa nhìn trời. Ánh nắng chiều chiếu rọi, tỏa trọn thân ông. Thứ hào quang vay mượn. Con bé mắt tròn xoe dõi theo bóng ông qua màn cửa. Người ông khẽ rung, màn cửa khẽ lay động, bóng chiều nhập bóng ông là một. Mặt ông vẫn ngửa về hướng mặt trời chiếu rọi, rõ ràng.

.....

"Này là mình ta, các con hãy nhận lấy mà ăn. Này là máu ta, các con hãy nhận lấy mà uống."

Sao ông lại run rẩy, quằn người lên như thế? Tay ông cử động liên hồi, liên tục, phía dưới... Con bé bắt đầu sợ hãi.

"Cha ơi! sao Cha lại bỏ con?"

Trời đất phủ màu tro. Tuyệt vọng.

Tắt thở.

...

Những trái su xanh trĩu cả giàn.

Con bé nghĩ tới bà bác, lòng lạnh tanh như bầu trời sau cơn mưa. Ừ, sau cơn mưa mùi thông sẽ không còn. Đôi mắt đàn chó dại cũng biến, tiếng mèo rên cũng bặt, cái cục tròn trồi trục ở cổ cũng lặn. Còn lại là mảnh da trắng toát ở đỉnh đầu người đàn ông. Nó cứ nhòe to dần, to dần trong bóng đêm, láng trơn như mu bàn tay con bé.

*

Con bé nhìn quanh. Sách phủ kín tường. Bìa gáy bọc màu thời gian. Mùi sách cũ, mùi mực mới. Tiếng Pháp, Anh và cả tiếng khó đọc con bé thắc mắc ông trả lời là chữ La Tinh. Con bé lom khom đi quanh phòng nhặt những cuốn sách dưới sàn, sắp đều lên kệ.

Người đàn ông ở phòng bên bước ra, bóng chiều lịm tắt. Ông lại gần vuốt nhẹ tóc con bé. Con bé thấy rõ màu xanh da mặt nhòa cùng màu mắt tối trên khuôn mặt ông. Con bé buông thỏng tay, chạm phải vị ươn ướt trên lớp vải đen...

"Bé Na," tên ông đặt, "lớn lên thích làm gì nào?"

Giữa đống sách ngổn ngang, con bé buột miệng, "viết sách". Cầm chặt cuốn Đoạn Tuyệt trong tay, "viết như thế này." Con bé ước được như tác giả hoặc như nhân vật nữ chính, hoặc cả hai. Sao lại không?

Tiếng bà bác gõ cửa. Giờ cơm chiều. Giờ xếp sách đã xong. Con bé phải trở lại căn nhà dưới góc vườn, nơi bốn bức tường ám mùi xác mèo và dầu gió xanh. Một tuần nữa con bé mới lại được đặt chân đến đây, nó biết chắc như thế, nhưng khi nào má đến đón, con bé hoàn toàn mù mịt. "Xếp đặt xong công việc, má sẽ lên đây đón con về." Vừa đi con bé vừa tính nhẩm bằng đầu ngón tay, "... đã hơn sáu tháng."

Con đường thẳng tắp bằng lòng bàn chân dài sâu hun hút, biết đâu là bến bờ. Chỗ trú ẩn trên nóc chuông, thanh sắt lạnh ngắt thấm tan những giọt nước mắt ấm.

...

Chúa biết hết mọi sự trên đời.

Chúa đọc được hết mọi ý nghĩ.

Con bé đâm sợ hãi.

Chúa luôn luôn theo dõi mỗi hành động chúng ta làm.

Con bé đâm thắc mắc.

...

*

Chiều thứ bẩy, đang dội nước tắm, chợt khám phá dòng nước chảy giữa háng loang nhạt chút màu hồng. Máu. Con bé run rẩy khiếp hoảng. Nước lạnh như trộn đá đập vụn, hai hàm răng va mạnh kêu lập cập, nhưng con bé cố bậm môi nhất định không khóc. Nó ngồi ôm cứng người thật lâu. Ánh sáng ngoài khe cửa đã tắt tự khi nào. Tại sao? bệnh hoạn, phạm tội, Chúa phạt.. Sao lại bị chảy máu? con bé có té ngã đâu? Nó muốn lấy hai tay banh rộng ra xem. Nhìn thật rõ. Tại sao? Có cái gì linh thiêng bí ẩn xảy ra cho nó. Gáy con bé bắt đầu nóng, giật co từng hồi. Chuông chiều lễ nhì lại gióng ngoài kia, thúc bách, mạnh mẽ. Trong này, xác thân & tinh thần con bé hoàn toàn rũ liệt. Tận thế ghê sợ có lẽ cũng chỉ như lúc này.

Một hồi sau, con bé tỉnh táo dần. Cơn đau như bị giật ngược, biến mất. "Chắc chẳng sao. Máu chảy một lát sẽ ngừng." Linh tính dạy cho nó biết. Ừ, mà ngưng thật, chỉ một-hai ngày sau. Rồi phải mấy tuần sau máu mới chảy ra lại. Con bé đưa tay sờ nhẹ hai u ngực cộm tròn, cứng ngắc, nhức buốt lên tận đỉnh xoáy, trong vô thức, nó thường chống đỡ bằng cách ôm chéo hai vai.

Buổi chiều thứ bẩy, ở tuổi mười ba, thân xác con bé mở đầu với vết thương truyền kiếp đàn bà.

Con bé lén lấy cái khăn màu trắng của người đàn ông bà bác giặt phơi ở bờ dậu, lấy kéo cắt làm bốn mảnh, lót kín dưới đủng quần để máu thấm, rồi đem vo sạch, phơi sau kẹt cửa nhà kho chứa củi. Nó không ngờ bình tĩnh tự giải quyết một cách khôn khéo đến thế! máu từ người mình ra chứ phải của ai đâu!

*

Một buổi sáng má xuất hiện, vẫn ánh mắt hớt hải cố định, nay lại thêm phần sợ hãi. Hai má bà sâu hóm, da xám xịt, tóc thưa đi nhiều. Má càng hớt hải bao nhiêu, con bé lại càng tỏ ra bình thản bấy nhiêu, nó thích làm ngược lại má ngay từ thuở nhỏ. Vừa nói chuyện với bà bác mà hai tay má nó khua như sàng gạo. Con bé đứng sau chái hiên ngóng tai nghe, "... người ta chạy loạn, Việt Cộng đội nón cối, mang dép cao su đen, tay cầm cờ đỏ sao vàng... phất phơ ở vùng dưới..." Nói chưa xong câu, má đã vào lôi tay con bé đi, như chạy loạn thật, ngang qua nhà kho chứa củi, con bé biết bốn mảnh vải trắng may vội còn treo ở sau kẹt cửa. Bà bác trong kia vẫn di chuyển như cái bóng

mờ, con mắt ri rỉ nước, có phải là nước mắt? Nồi cơm đã chín tới, canh trên bếp bắt đầu sôi, khúc cá thu rán, ngập tràn mỡ hành.

Đi ngang nhà trên, bước chân má thoáng dùng dằng, nhưng chỉ tích tắc, rồi như gấp rút hơn, miệng chép, thở hắt, "... người dưng thì tốt lành tử tế, chỉ thằng bố mày là giòng giống khốn nạn." Lại bắt đầu điệp khúc con bé nghe từ thủa lọt lòng. Hơn chín tháng, tưởng rằng đã quên.

Mùi gỗ thông luẩn quẩn đâu đây. Con bé khẽ rùng mình, nhắm mắt, hít sâu.

Giàn su xanh, trái trĩu giàn xa dần, xa dần, rồi mất hẳn.

*

Hàng, hàng chục năm sau...

Cây thông giờ đây cao to rậm rịt, vết dao khắc dấu vào thân cây biết còn trên kia? Nóc chuông thấp hơn trong mắt người đàn bà. Một phần bên phải nhà thờ có thể sụp đổ bất cứ lúc nào.

Những đôi mắt gừ gừ của bầy chó với răng mọc trào ra hàm. Lũ mèo ốm o bệnh hoạn đồng thanh rên rỉ cũng đã cùng nhau rã xương thịt vào lòng cát bụi.

Còn bà bác & người đàn ông nay phiêu bạt nơi đâu?

Gió cao nguyên luồn sâu vào gáy, không lạnh, nhưng thắt lòng.

Gác chuông nhà thờ với thanh sắt hoen rỉ chắn ngang. Nơi giáp giới thiên đàng - địa ngục. Nơi trong những giấc mơ, hàng chục năm qua, mặt trời ban ngày và mặt trăng ban đêm chiếu tia sáng gẫy vụn, nát nhầu.

Và mảnh đất, nơi đã thấm những giọt máu đàn bà đầu tiên từ nàng, những giọt nước mắt bí ẩn rỉ từ khoé mắt bà bác, cùng chất-sống-thật-mãnh-liệt của người đàn ông.

Mảnh đất sanh đẻ giấc mộng người đàn bà...

và thiếu vắng sự náo nhiệt.

.....

Chúa phán xét thiện & ác.

Dựa vào tiêu chuẩn nào Chúa kết tội con người? Hơn nữa, có cần thiết không?

Dọc bờ tường, hàng chữ - Ai theo ta hãy bỏ mình vác thánh giá - Thời gian đã xóa sạch. Người đàn bà đọc theo trí nhớ.

.....

Sao Chúa tạo ra con cái đầu tỉnh táo, lại tạo thêm cái thể xác thèm khát?



NGÔ TỊNH YÊN

hôn

Yêu anh yêu cái răng khôn
Nếu mai răng lệch em hôn chỗ nào?
Yêu em răng khểnh thấp cao
Nếu như răng lạc chỗ nào anh hôn?
Yêu nhau đâu sợ mất còn...
Răng long tóc bạc vẫn hôn như thường.

NGÔ TỊNH YÊN

Sao Chúa tạo ra ý thức thèm muốn, lại không tạo ra khả năng có thể làm được?

.....

... còn nếu Chúa đặt ra luật lệ, bắt con người phải tuân theo thì thôi chẳng còn gì để luận bàn nữa.

Bóng người đang qùy, đứng, ngồi cùng cúi đầu lâm râm đọc kinh cầu nguyện chật cứng trong nhà thờ. Từ ngày xưa đến ngày hôm nay, con người luôn cần Chúa để được phù hộ, tạo dựng niềm tin, ý nghĩa đời sống.

Chúa tồn tại mãi mãi, đời đời ở chốn trần gian này.

Trước và sau Cha Thục và bé Na?

.....

Rốt cuộc,
con người cần Chúa hay Chúa cần con người?
Bóng người đàn bà mất hút. Trời cao nguyên phủ màu tro.
Và bụi.

LÊ THỊ THẤM VÂN



NGUYỄN TÔN NHAN

ngũ ngôn
trăng khuyết

1. Tiếng con cá đớp bóng
Dưới mặt nước ao bùn
Mùa hè vẫn lạnh run

2. Không có cái gì đâu
Rỗng rang sương nguyệt rọi
Thở than lời muốn ói

3. Đầu non khói mù lên
Lung linh rơi hoa trải
Rằm khuya hương thoảng mãi

4. Ồ bướm bay lạc bầy
Mịt mù chồi ẩn dụ
Chết mấy mùa thu cũ

5. Vào chơi với Lão Trang
Tìm đường ra không thấy
Đành tiêu dao mãi vậy

6. Không một cũng chẳng hai
Đời bước đi nhịp bốn
Làm chi cho thêm rộn

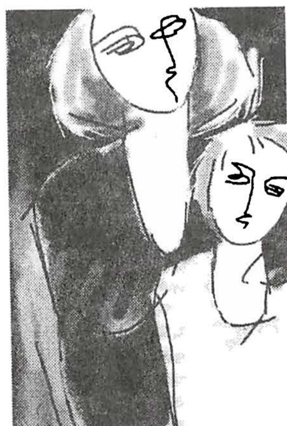
7. Thanh thản nấu ít trà
Ngửi mùi cay cuộc thế
Sặc lên mờ mắt tuệ

NGUYỄN TÔN NHAN



NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG

TẦM NHÌN



Gió thổi mạnh, thốc từ đáy sâu của Grand Canyon khiến tóc mù rối lúc tôi quay nhìn chị.

-Q. nói với em, bằng mọi giá, sẽ giữ tình bạn giữa hai đứa.

Chị nhìn tôi với ánh mắt châm biếm nhuốm đôi chút giễu cợt.

-Tình bạn hay tình yêu?

-Bạn thôi, không có gì khác hơn.

Hình như tôi muốn dặn lấy mình hơn là khiến chị tin ở lời tôi. Chị nheo mắt, rất tinh nghịch, rất hiểu biết.

- Bằng mọi giá? Như thế nào mới là cái giá phải trả để giữ tình bạn ấy?

Tôi im lặng nhìn đi nơi khác. Gió thổi tứ phía. Cuối tháng ba, tuyết còn đóng nơi sườn khuất mặt trời, từng đốm trắng rải đầy dưới chân. Hai tay tôi đút túi áo khoác. Gió thổi nghe phần phật, không ngừng. Tiếng người nói lao xao sau lưng. Tiếng máy ảnh. Tiếng chân giày nghiến nơi sàn xi măng, đá tảng. Tôi rất muốn tin lời Q. Tôi không nói với chị nhưng tôi nói với tôi, rằng tôi rất muốn tin lời hứa ấy. Chị rất thực tế trong nhận xét của mình, và sáng suốt đến độ tàn nhẫn.

Tất nhiên chị không biết tôi vẫn nhón chân hôn Q. mỗi lần gặp nhau. Đôi khi tinh nghịch tôi giữ cổ Q. khá lâu cho đến khi Q. ngọ ngọay gỡ tay, mũi sụt sịt, giọng năn nỉ bắt đầu rè 'Đừng. Đừng. Anh hắt hơi bây giờ'. Q. bị dị ứng với nước hoa.

Tôi nói không nhìn chị.

-Đã hứa là bạn thì phải giữ là bạn, dù có khi, nhiều khi, vẫn hẹn hò đâu

đó. Thật sự ra, chẳng đứa nào muốn theo lời hứa điên rồ ấy. Chỉ có thể cắt đứt hoặc tiếp tục. Bạn? Hình thức của một giằng dai không dứt khoát. Đã vượt qua ranh giới tình bạn, quay lại, hứa với nói, dễ hơn hành động nhiều.

Chị đẩy nhẹ vai tôi.

-Con nhỏ này, việc gì rắc rối? Yêu thì cứ yêu. Hai đứa đâu phải con nít mới lớn.

Tôi nhìn nhưng không thấy gì cả nơi bờ bên kia của Canyon.

-Tại sợ!

-Mày mà sợ quái gì?

- Sợ chứ. Em đã qua rồi cái thời hễ muốn thì làm, không cần hậu quả. Đời sống bây giờ dính dáng đến nhiều người, không thể sống vô trách nhiệm như hồi mười ba, mười bốn tuổi được nữa.

Chị nhìn tôi chăm chú.

- Khi cần, cứ quyết định. Đừng tưởng đời người dài đến độ có dư để mày mỗi chút mỗi đắn đo suy nghĩ. Mày có tật xấu. Gì cũng suy nghĩ nát bét ra đấy mà quyết định lúc nào cũng lôi thôi, trễ tràng.

Tôi cười.

- Chị biết con em của chị. Nói gì cũng được cả. Nói gì nghe cũng thuận tai. Nhưng nó có làm được điều nó nói hay không, lại là một việc khác.

Tôi không nhớ từ bao giờ hai chị em nói chuyện với nhau như thế. Không phán đoán, phê bình chỉ trích, mang nhiều tính cách đùa cợt gần gũi hơn là nghiêm nghị xa cách. Trên tình chị em, còn có tình bạn, đó là một hạnh phúc.

Chị lẩn thẩn đưa máy hình nhắm bên này bên kia. Đúng kiểu du khách. Bạ gì cũng kê máy ảnh lên chụp. Tôi nhìn quanh. Du khách rải dọc viền Canyon đi đi lại lại, có vẻ bận rộn, trông xa như đàn kiến nhỏ vây quanh miệng dĩa khổng lồ, xúm xít chỉ chỏ châu đầu nhìn xuống đáy vực.

Đâu đấy trong tôi nỗi nhớ Q. ứ tràn. Nhớ bàn tay ngón mềm của Q. Những ngón tay tôi đùa 'con nhà giàu', mềm như tay đàn bà. Bàn tay mềm của Q. với đường chỉ đậm như kẻ bằng chì nâu trên lòng tay màu hồng. Tôi rất yêu nỗi mềm mại ấy khi tay Q. để nơi vú mình mơn trớn.

Mặt trời đang lặn, nhuộm đỏ một bên sườn Canyon hùng tráng. Tôi nhìn những đường sọc của đất đá. Không rõ chị có tin tôi. Có lẽ. Chị biết tôi ít nói đến những điều riêng tư, nên có nói, tất phải thật. Không rõ chị có hiểu tôi. Có lẽ. Tôi vốn nông nổi liều lĩnh lại nhiều tình cảm.

-Em nghĩ, hạnh phúc, ở chỗ mình vẫn biết yêu, còn yêu được một người nào đó. Tình yêu khiến em vị tha hơn. Và em cũng yêu nỗi vị tha bao dung ấy. Nó nhẹ nhàng thênh thang. Thù hằn ganh ghét luôn kéo mình xuống nặng nề, không cho ngoi khỏi tầm thường vị kỷ. Em cũng không thích thứ tình

chiếm đoạt chôn vùi hay mồi chài cám dỗ. Lý tưởng nhất vẫn là yêu đúng người mình muốn và được người đó yêu mình. Điều khó là làm sao giữ cho tình yêu đó đừng đổi thay thay đổi với thời gian.

Chị cười nhẹ, phê bình.

-Có thứ gì không đổi với thời gian? Lòng người là thứ dễ đổi thay nhất. Mày đi tìm một thứ không người nào có thể có, kể cả mày.

Không đồng ý với chị nhưng tôi không cãi, im lặng nhìn đi nơi khác. Đổi thay để thăng hoa với đời sống tâm thần, tư tưởng, là đổi thay cần thiết, tôi nghĩ vậy. Tôi muốn tôi càng sống càng nhiều tình cảm, một đổi thay rất là tôi. Thà yêu nhiều để thấy rằng đời này đáng sống, hơn là khô khan cằn cỗi suốt đời không có được một xúc động dù chỉ là một xúc động vu vơ con trẻ. Tim tôi còn rung động, tôi nghĩ, tôi không khổ, trong cái nghĩa của tôi. Chị bảo tôi lý tưởng hoá tình yêu và thiếu thật tế. Cũng có thể. Tôi chỉ biết yêu, và thích được yêu, không thích tính toán lợi hại, hơn thua, tranh giành. Tôi cho rằng tôi hạnh phúc cả khi đang chìm đắm trong nỗi đau tuyệt vọng khốn cùng của mình.

Chị quàng vai tôi cúi đầu nhìn xuống trũng sâu mênh mông vô vàn của Grand Canyon. Gần nơi tôi đứng vách đá lồi lởm vài khối dẹp chồng lên cheo leo, cô gái ngồi ngã đầu nơi vai chàng thanh niên sát mé vực, ngó mông lung. Có tiếng nhạc vẳng từ mấy cabin nho nhỏ dọc trên đường lộ. Chị suýt soa.

-Ngồi thế kia trông mạo hiểm quá. Này, mình ở lại đây đêm nay, mai đi tiếp lên North Rim, chiều tối hãy về lại Vegas. Chưa đến đâu là đâu cả, mới chạm chân Grand Canyon đã lo về.

Tôi sắp gật đầu ưng thuận, sực nhớ.

-Suýt nữa thì quên, chuyến bay của em ba giờ.

-Tao tưởng tối.

-Khách sạn chưa trả phòng chị quên à? Còn trả xe nữa. Không kịp đâu.

- À. Thôi.

Mai, tôi về lại quận Cam, tối, chị đi Baltimore rồi về Michigan. Chị đi việc hãng, ghé quận Cam rủ tôi lên Las Vegas rồi Grand Canyon. Đã lâu tôi không gặp chị. Tôi ở miền Tây, chị ở miền Đông, cách nhau những giờ bay, khí hậu, nơi sống, cách sống. Tôi không rõ chị nghĩ gì khi dõi mắt nhìn sườn đỏ nắng chiều của Canyon trước mặt. Tôi là con em nhiều trắc trở buồn phiền. Đời sống của tôi có những xáo trộn chị không được quyền xen vào nên đứng bên lề nóng nảy lo âu. Có khi tôi muốn nói với chị, chỉ mỗi chuyện chị đứng bên lề háo hức hậm hực, đủ để tôi hiểu chị thương tôi, không cần làm gì khác. Tôi phải là người đi tới hay dừng bước trên đời sống tình cảm của mình. Không ai có quyền xen vào làm điều đó và tôi cũng không bằng lòng

khi người khác làm việc của mình. Tôi có thể do dự, chần chừ, kéo dài quá lâu một cách không cần thiết, nhưng đó vẫn phải là tôi với cái quyết định sau cùng, không bị chi phối, ảnh hưởng bởi bất cứ ai.

Chị kéo tôi tránh nơi khác khi đám đông lố nhố nhiều người kề bên lao nhao chụp hình. Chân giầy bốt của tôi đá phải cạnh nhọn bờ xi măng lởm chởm nứt suýt té. Chị vịn lan can sắt chờ tôi dừng bên rào thắt lại dây giầy. Đứa bé trai sáu bảy tuổi nhảy từng nấc tam cấp trên cao xuống gần bên. Tôi nhìn nó, cặp mắt xanh trong suốt nhìn lại tinh quái. Giọng kêu lớn từ trên cao.

- Đứng đấy. Đứng đấy đợi mọi người đã.

Thằng bé tiếp tục nhảy thêm vài bậc nữa. Chị kéo tôi.

-Mình đi tiếp lại đàng kia.

Gió thổi rần rật. Hơi lạnh mùa đông sót lại. Môi tôi khô. Tóc rối tung. Môi Q. mềm. Rất mềm. Mỗi khi Q. nói, tôi vẫn nhìn môi chàng nghĩ đến lúc Q. nín thở hôn tôi. Chỉ nhìn, cơn sốt trong tôi chực chờ nổi dậy.

Tôi dừng bên phông tên nước uống. Chị cúi uống vài ngụm nhỏ. Người đàn ông cười nhờ chụp ảnh hộ. Tôi cầm máy. Ông chỉ nơi bấm nút rồi ôm lưng người đàn bà đứng sát bờ Canyon, cạnh tấm bảng đề chữ "Watch your step", Grand Canyon hực đỏ làm nền phía sau.

Chị vẫy tôi đi nhanh về phía tháp canh. Lại chụp hình lắc cắc, hợp thời trang du khách. Chị nói, mắt nhìn qua máy ảnh.

-Để tao chụp mày một tấm chân dung.

Tôi nhíu mày nhăn mũi. Chị cười.

-Đừng làm xấu.

Tôi ngưng cười mím môi làm dáng.

-Nhắm gì lâu thế?

Chị lắc lắc máy ảnh, bấm nút này vặn nút kia.

-Chụp chân dung phải đổi ánh sáng. Đợi chút.

Tôi nhớ tấm hình mờ ảo chị chụp tôi ở MacDonald trên đường đi Las Vegas chiều qua. Trước đống khoai chiên ngửa nghiêng nơi khay ăn màu nâu lót tấm giấy in hình ngoằn ngoèo, chị bỗng giơ máy.

-Để tao chụp mày một tấm chân dung.

Tôi mắc cỡ với người chung quanh.

-Chân dung với lại đầu dung. Thôi đi. Kỳ lắm. Giống nhà quê ra tỉnh. Chụp hình ở MacDonald.

Chị nhắm một mắt rồi bấm nút. Ánh đèn lóe lên chói mắt. Hình như vài người quay nhìn. Tôi nhớ đã chớp mắt. Tấm ảnh mờ mờ vì chỉnh độ không đúng. Chị đâu biết tôi không thích chụp hình.

Chị vui như trẻ nhỏ với máy hình trong tay. Bấm lung tung. Chỗ này chỗ kia. Tấm nào cũng có tôi đứng, nghiêng đầu, cúi cổ, cười nụ, cười nửa miệng, mím môi, hàng thông dọc bờ gió lao xao, Canyon đỏ bừng bừng hực lửa. Tôi vượt lên trước chị vài bước. Chị nói.

-Quay lại, tao chụp thêm tấm nữa.

Tôi lắc đầu.

-Thôi đủ rồi. Tính làm lịch treo tường sao mà chụp lắm thế.

Chị cằn nhằn.

-Con nhỏ kỳ cục, chụp hình cũng hà tiện. Lúc này mày bỗng đẹp ra, nên chụp hình kỷ niệm.

Tôi cười tinh nghịch.

-Làm như thài lài phải cứt chó!

Chị cười lớn hơn. Tôi nhìn bóng tối phủ dần bên dưới Canyon. Bóng tối trong xe. Bóng tối ở những nơi có bóng tối. Trong nhà, trước sân. Nhà tôi. Nhà Q. Những hơi thở cuống quít, lần mò lôi kéo. Áo, váy tuột mở lôi thôi, giày chiếc còn chiếc đá văng đâu đó. Tóc rối trên vai, vớ tuột nửa vời. Người tôi nóng cơn sốt dục tình. Hình như có tiếng kêu 'oh my god' đâu đó. Của Q.

Chị chỉ tôi con đường mòn dẫn xuống bên dưới. Có dạng người đang đi. Trông xa như đàn kiến thật bé lẫn lộn với những đốm đen như lùm cây hòn đá bên đường. Chị nói.

-Muốn đi xuống đó không? Mất cả ngày đấy. Có khi xuống rồi lên không nổi vì đuối sức, phải cưỡi lừa trở lên.

-Đọc ở đâu ra nhanh vậy?

Chị chỉ.

-Bảng chỉ dẫn đàng kia. Biết vậy mình đến sớm hơn. Phí quá, đi mấy trăm dặm chỉ đứng nhìn một giờ. Chưa đủ để cái vĩ đại kinh khủng kia thấm vào người.

Chị lắc đầu như tiếc.

-Thôi, thà ít để thấy nó còn hấp dẫn, quyến rũ, khi nào cũng muốn trở lại. Cái gì dư thừa không thấy quý.

Tôi bâng khuâng nhìn dấu con sông mãi tận đáy vực, ngoằn ngoèo. Tôi với Q, chỉ có tình yêu, và hình như chỉ có thế, còn thì mọi thứ mọi điều đều ngược ngạo khó khăn. Tôi thừa biết, ngăn trở khó khăn chỉ do nơi mình mà ra nhưng tránh sao được những thứ gọi là bổn phận với trách nhiệm cần có của một người trong gia đình? Có khi tôi nghĩ tôi gặp Q. quá trễ, nhưng rồi, sớm hơn vài năm, năm, ba, bảy năm, có đổi được tôn chi gia phả với ngôn ngữ, màu da?

Chị kéo tôi lại gần ngôi nhà kiến trúc giống tháp canh thời da đỏ, bên

trong là tiệm bán đồ kỷ niệm. Hai cánh cửa gỗ nặng không sơn phết, một bên đề chữ vào, bên kia chữ ra, nhưng vẫn có người không nhìn, kéo ra đẩy vào lộn xộn. Tôi giữ cửa cho chị vào. Dừng trước thùng đá vàng, chị cầm vài viên lên ngắm nghía hỏi.

-Không biết vàng thật hay giả mà có hai đồng rưỡi một viên?

-Chắc mạ vàng, bán cho du khách làm kỷ niệm. Chị định mua à?

Chị cười.

-Mua cho má.

-Để chuộc tội con em bất hiếu?

-Mày làm như mày tội lỗi đầy người.

Tôi nửa đùa nửa thật.

-Có nhiều điều chị không biết về em.

Chị nhún vai.

-Không cần thiết. Đâu có luật nào nói rằng cứ hễ chị em là hiểu nhau biết nhau. Khối gia đình, anh chị em mỗi người một thế giới riêng. Hiểu được nhau, thông cảm nhau, quý lắm, nhưng không hiểu không biết nhau, không phải là một cái tội. Người ta hay lầm ở chỗ đó. Làm như anh em tất người này phải chịu trách nhiệm về hành vi của người kia hay tính tình tất phải giống nhau. Tuy có cùng căn bản gia đình nhưng mỗi người vẫn trưởng thành chín chắn một cách khác nhau. Mày có làm gì đi chăng nữa, vẫn là em tao, là con má. Đời mày, mày sống. Hạnh phúc hay đau khổ cũng chỉ là của riêng mày.

Chẳng lẽ giờ này, trong nhà không ai biết mày dở dở ương ương thế nào sao?

Chị cười câu đùa của mình, bỏ mấy viên đá vàng xuống bước qua chỗ bày cạc hình.

-Hình đẹp quá, mua mấy tấm gởi bạn bè. Viết cho Q. vài chữ không?

Tôi lắc đầu nhìn mấy tấm cạc, nhìn hộp đựng viết chì, những vòng khóa, khuôn hình, những thứ lẩm cẩm du khách hay mua làm quà, một chập thấy chán, lòng vòng tìm cửa sau ra ngoài.

Grand Canyon vẫn còn đỏ bừng bừng ráng chiều. Tôi đứng tì tay nhìn con đường nhỏ dọc ranh Canyon. Có nơi có rào sắt hoặc tường chắn thấp bằng xi măng. Có nơi không có rào chắn chi cả. Dốc đá thẳng tuột dựng đứng. Gió thổi đủ chiều trăm hướng như không bao giờ ngừng. Sườn khuất mặt trời, sẫm tối dần. Khoảng trũng mênh mông mất hút mắt nhìn. Tôi rùng mình kéo cổ áo khoác, trời chiều vào tối ẩm lạnh hơn.

Chị mở cửa sau nhìn quanh quất, thấy tôi đứng dựa rào. Chị bước ra, tay mở bao lấy mấy tấm cạc mới mua đưa xem. Mặt trời đã lặn, chỉ còn những

tia hồng đang đổi màu, xạm dần. Tay tôi lạnh giá xếp đống cạc bỏ trở vào bao trả chị rồi ủ trong túi áo. Gió thổi vèo bên tai. Tiếng người nói đâu đây. Đất đá nghìn nghìn năm trước mặt, đời tôi vô cùng ngắn ngủi sau lưng. Hai chị em đứng bên nhau im lặng nghe tiếng gió vút.

Bỗng dưng chị nói.

-Tao không hiểu tình yêu của mày với Q.

Tôi nhìn màu nâu đỏ chia vân của sườn Canyon. Hiểu? Như thế nào chị muốn hiểu?

-Em còn chưa hiểu huống gì chị đứng bên ngoài.

Chị nói tiếp.

-Hai đứa khác nhau nhiều quá.

Khác? Thì có khác nhưng chị có nghĩ sâu xa hơn đến tâm hồn, tinh thần, đời sống tình cảm của tôi và Q? Khác bên ngoài có quan trọng như cái giống bên trong hay không? Và giống nhau, có phải là yếu tố cần và đủ để yêu nhau? Hay khác, lại là yếu tố thu hút? Tình yêu trong tôi đã không nhìn thấy, chưa nhìn thấy dị biệt.

-Mày sẽ không hiểu nổi phong tục xứ nó và ngược lại.

Tôi gượng đùa.

-Em biết người ta đào được Lucy ở xứ Q.

-Xứ nó được gọi là xứ cổ. Nghe rất hay. Điều đó chẳng ăn nhập gì đến chuyện tụi bây. Mày với nó chỉ giống nhau ở chỗ đi học đi làm ở Mỹ, tạm xem như trưởng thành ở xứ này, còn thì cái gì cũng khác cả. Sẽ có đứa khổ, và tao biết chắc đứa khổ ấy là mày.

-Sao chị biết Q. sẽ không khổ?

-Không biết nên mới không nói. Còn mày, ít ra tao cũng hiểu mày đâu đó nên dám chắc. Hơn nữa...

Chị ngập ngừng rồi tiếp.

-Nó trẻ hơn mày nhiều quá.

Tôi không bằng lòng.

-Tuổi tác chưa bao giờ là vấn đề giữa em với Q, nhưng với mọi người đứng bên lề thì nó lại là vấn đề. Tại sao? Đàn ông có thể lấy vợ trẻ hơn mình mười, mười lăm năm, thậm chí hai, ba mươi năm, chuyện thường. Đàn bà thì không được. Hơn chồng ba bốn tuổi đã được mọi người nhắc đến trước tiên như là một điều cấm kỵ. Em hơn Q. gần tám tuổi. Chi tiết này có lẽ rất quan trọng đối với mọi người nhưng nó chưa bao giờ phiền em.

Tôi chưa bao giờ biện giải cho tình yêu của mình. Tại sao tôi lại yêu Q. mà không yêu một Nguyễn, Trần, Lê, Phạm...? Có cần lời giải, chú thích nào cho tình yêu này trong tôi hay không? Và chú giải với ai? Gia đình anh em,

họ hàng nội ngoại? Tôi biết tôi không nợ ai lời giải thích nào khi tôi yêu một người.

Trước khi yêu Q, tôi có một thời gian dài làm chung dăm ba dự án trù liệu quan trọng. Trước khi có tình yêu, tôi có tình đồng nghiệp, tình bạn, gần như tình đồng đội trên một trận chiến nhiều bộ mặt lẫn cạm bẫy giấu kín dưới dự án hầu tạo ảnh hưởng uy thế, quyền bính trong tổ chức phức tạp của một công ty lớn. Tôi chỉ thích giải quyết vấn đề điện toán trở ngại chứ không thích đương đầu với con người nên thường tìm cách đứng bên ngoài mọi tranh chấp. Và Q. sẵn sàng đứng chắn trước mặt tôi.

Tôi và Q. có nhiều đêm thức bên nhau cố tìm cho được một giải đáp quan trọng. Với kinh nghiệm tôi phân tích vấn đề tường tận nhanh chóng trong khi Q. sẵn sàng mạo hiểm với tìm tòi khám phá. Tôi thích biến dự án khó khăn thành một cuộc phiêu lưu hào hứng trong đó tôi và Q. hiểu nhau đến độ biết cả dự đoán toan tính của nhau. Nhiều đêm cả tòa nhà lạnh vắng chỉ còn tôi và Q. bàn cãi. Hết nói qua điện thoại, người ở phòng này, người đứng phòng kia hay tranh nhau bàn chữ của console máy, ném đồng xu cá với nhau ai sẽ đi lấy thức ăn tối. Có đêm tôi sợ vớ vẩn, hai đứa dẫn nhau ra nhà hàng lấy thức ăn dù người gác cổng vẫn túc trực bên ngoài. Cũng có khi đợi máy chạy chán chê, Q. rủ tôi ra ngoài rình người gác cổng xem hắn ngủ hay thức. Tất nhiên, hắn ngủ ngáy ngon lành. Có khi Q. vò viên giấy ném cửa khiến hắn giật mình tất bật dậy lo lắng nhìn quanh.

Tình thân giữa tôi và Q. rất thẳng thắn nên tôi không hề nghĩ gì khác. Ít ra, phần của tôi trong mấy năm dài làm với nhau không hề lạc ra ngoài tình bạn ấy dù những năm về sau thỉnh thoảng tôi bắt gặp mắt nhìn khác lạ của Q. giữa lời nói, chuyện kể. Q. hay kể chuyện cho tôi nghe, ngồi gát chân lên bàn, dựa nặng lưng ghế, cà vạt tháo vất bàn, hai tay úp nơi bụng trong khi tôi cũng gát chân nhưng là gát lên chiếc ghế khác, áo khoác đắp chân vì độ lạnh trong phòng điện toán thường được giữ rất thấp.

-Lúc cộng sản nắm chính quyền, họ tổ chức thanh niên phường khóm lãnh đạo công tác xã hội. Mới đầu không biết giao cho ai nên họ thường tìm con cái những người có đôi chút uy tín trong phố giao trọng trách đầu nhóm. Tôi với hai thằng bạn thân bị chỉ định coi nhóm thiếu niên trong trường. Bị chỉ định nhưng không muốn làm nên tôi bàn với hai thằng kia, tìm những chuyện khó nhọc khổ cực bày cho chúng ghét, thế nào nó cũng hạ bệ. Mình được xuống một cách êm thắm chính thức. Tôi bày chuyện làm cùng ngày, dọn rác bệnh viện, dọn rác đường phố, và lựa những nơi xa để cả bọn mất thời gian đi lại, không dặn trước để chúng không đem theo nước uống thức ăn. Quả nhiên, dăm ba lần bất ngờ như thế, ba đứa tôi bị chỉ trích phê bình

nặng nề và mất chức. Lúc ấy, mẹ tôi xoay đủ cách cho tôi theo một ông cha về Ý. Sau khi tôi đi, hai thằng kia không hiểu bị gọi hay tự nguyện, vào lính chết trận cả hai. Bây giờ nhắc có khi buồn cười chứ lúc đó ông bà già sợ tôi phần số như tụi nó nên lúc nào cũng lo lắng. Tôi ở Ý tám tháng nhưng chủ ý của mẹ tôi là đi Mỹ nên bà xoay cho tôi đi Oaklahoma dưới sự bảo lãnh của bạn bà. Hai chị em bà này làm chủ một ngân hàng lớn. Nhà giàu lắm nhưng tôi không thích ở đấy vì mất tự do. Ngày nào từ ngân hàng về bà cũng hỏi tôi việc học ra sao, làm như tôi đang học trung học không bằng. Hai chị em già hơn mẹ tôi nhiều nhưng vẫn chưa chồng và rất khó tính. Tôi gắng ở được một năm để không mích lòng hai bà rồi xin dọn ra ở riêng - Q. nháy mắt - ở một mình dễ bồ bịch trai gái hơn.

Một lần tình cờ đọc sơ lược ngắn về xứ Q. nơi tiệm bán quà kỷ niệm của viện bảo tàng Nghệ Thuật L.A., tôi hỏi.

-Xứ anh là thuộc địa của Ý bao lâu?

-Chưa bao giờ! Nước Ý có lúc xâm lấn nhưng xứ tôi là xứ duy nhất ở Phi Châu chưa từng là thuộc địa của ai.

Tôi bán tín bán nghi việc này nhưng không biết nhiều về sử thế giới, nhất là sử Phi Châu nên không thể cãi với Q. Về sau tôi hiểu ra Q. yêu nước cực đoan. Ngay cả việc chết đói năm nào Q. cũng nhăn mặt phản đối.

-Chỉ là tranh chấp giữa hai bộ tộc nhưng báo chí xứ này không hiểu rõ và tường trình lệch lạc khiến mọi người hiểu lầm rằng cả nước chết đói. Xứ tôi không giàu nhưng chưa bao giờ xảy ra nạn đói vì kinh tế.

Dần dà tôi nhận ra những điểm tương tự thường có ở những cộng đồng di dân, quan hệ gia đình chặt chẽ bị đe dọa bởi chủ nghĩa tự do cá nhân và nam nữ bình quyền. Xã hội xứ Q. vẫn xem đàn bà như một tài sản của đàn ông. Đàn bà đóng một vai trò không có tiếng nói dù bổn phận trách nhiệm có khi nặng hơn người đàn ông. Q. cho rằng sở dĩ chàng có đầu óc rộng rãi hơn nhiều người do ở ảnh hưởng của mẹ, một người đàn bà độc lập cứng rắn, và ảnh hưởng văn hóa xứ người.

Q. có một tuổi thơ sung sướng. Tôi nghĩ vậy, qua chuyện kể của chàng.

-Hồi nhỏ học Vật Lý đến lăng kính, tôi về tháo kính hiển vi của ông già rọi hình vẽ lên tường như chiếu bóng. Lũ bạn phục lăn ra. Đến lúc ông già ngồi vào bàn làm việc, ghé mắt vào kính thấy trống rỗng. Gọi đích danh thằng con đầu lòng. Nội nhà không ai dám vào phòng làm việc của ông già trừ tôi ra. Lần khác, tôi bày trò phiêu lưu kiểu Robinson Crusoe, dẫn một lũ bạn đi sâu vào rừng, lạc vào một làng hẻo lánh, họ cho uống rượu cất, cả đám con nít lăn ra say cho đến sớm mai người nhà mới tìm ra. Lớn hơn chút nữa, nhà có nhiều xe nên hay lén lấy chiếc Jeep của ông già đưa con gái đi học.

Chiếc xe này ông già chỉ dùng đi những nơi xa đường xá không tốt. Tính tôi lại thích tháo gỡ máy móc, rủ thằng bạn tháo cả giàn máy chiếc Jeep ấy rồi không biết làm sao ráp lại bèn lẳng lặng đậy nắp máy không hó hé tiếng nào với ai. Đến lúc ông già cần đi, lên xe mở máy không nổ, giở nắp xe ra mới tá hỏa. Lần đó suýt vào nội trú trường dòng.

Tuổi biết yêu.

-Lớp hai lớp ba đã biết yêu cô giáo rồi. Vào lớp mấy thằng cứ ngồi ngây dại ra đấy. Hễ cô cần tình nguyện là hăng hái giơ tay. Lúc nào cũng sẵn sàng cho cô sai. Lau bảng, lấy phấn, điểm danh, ghi điểm... gì cũng làm cả để được cô khen giỏi khen hay, vỗ đầu bẹo má. Đến mười ba lần đầu hôn con gái. Nhớ suốt đời. Nhớ khoảng vai trần dưới ánh trăng. Con gái xứ tôi mặc quốc phục hở một vai. Làn da mịn dường như sáng hơn bình thường vì ánh trăng. Cảm giác rạo rực đê mê của lần đầu tiên ấy không bao giờ tìm lại được dù sau này tôi hôn nhiều người lắm kiểu. Cái hôn con nít trẻ dại không kinh nghiệm lại là kỷ niệm gối đầu.

Q. có vài mối tình quan trọng trước tôi. Mối tình sau cùng đã khiến Q. lái xe như điên dại, từ Texas về Los Angeles tìm người con gái gặp ở party, rồi ở California từ đấy. Q. không bao giờ kể tôi nghe vì sao những mối tình ấy tan vỡ và tôi cũng không hỏi. Những người tình của Q, cùng màu da xứ sở. Q. nói đàn bà xứ chàng rất đẹp. Tự ái dân tộc? Tôi nói đàn bà xứ tôi cũng đẹp nhưng đàn ông xứ nào cũng đều xấu hơn đàn bà chung xứ, nói chung. Tự ái đàn bà? Q. bảo người xứ chàng phần lớn đều có mũi thon môi mỏng tóc quăn lọn to chứ không phải quăn xoắn, môi dầy mũi bè. Tôi biết Q. không thích bị đồng hóa, lầm lẫn với người xứ khác nên hay nhấn mạnh những điểm dễ phân biệt bên ngoài. Có lần Q. nói . - Đàn ông xứ tôi cho đàn bà Á châu là một cái gì bí mật quyến rũ.

Tôi đã cười.

-Đàn ông xứ anh hay chỉ có mình anh nghĩ thế?

Q. chống chế.

-Thật mà. Á châu ở xứ tôi rất hiếm.

-Thì làm sao biết đàn bà Á Châu là bí mật?

-Cái gì hiếm hoi lạ lùng vẫn quyến rũ hơn cái bình thường.

-Thế à?

Biết tôi mỉa mai, Q. cười trừ. Tôi cố tình đùa.

-Muốn khen tôi hấp dẫn quyến rũ gì đó cứ nói, hứa không giận, không báo cáo xách nhiễu tình dục.

Q. ngượng ngùng bỏ ra khỏi phòng. Tôi tưởng Q. lúc nào cũng rất tự tin trước mặt đàn bà. Về sau tôi biết Q. thật sự bị lôi cuốn bởi đàn bà Á Châu.

Nhưng ngay cả khi tôi và Q. tự nhiên đề cập đến những mơ tưởng tình dục, tôi vẫn ngây thơ cho rằng cảm tình tôi có về Q. là một tình cảm bạn bè không phái tính cho đến khi Q. không còn làm chung hãng.

Một chiều Q. bỗng hỏi tôi có muốn đi ăn tối sau giờ làm. Như đã từng đi ăn nhiều lần với nhau, tôi ưng thuận không thắc mắc và hẹn gặp ở tiệm ăn. Q. đợi tôi uống gần hết ly Zinfandel mới nói.

-Tôi muốn cho K. biết trước mọi người vì tôi biết tính K. hay giận. Tháng sau tôi làm nơi khác.

Tất nhiên, tôi giận, bỏ dở phần ăn và im lặng cho đến lúc về. Ra đến bãi đậu xe, nhìn Q. trong bóng tối chập choạng, cảm giác mất mát gần như bị phản bội chợt nén lấy tim, tôi không ngăn được mấy giọt nước mắt lăn lặng lẽ trên má. Q. đứng im bối rối không biết làm gì rồi vòng tay ôm tôi thật chặt. Tình thân bạn bè, tình đồng nghiệp, tất cả, đổi thay từ khoảnh khắc đó.

Q. làm nơi khác xa chỗ cũ. Người đầu Tây kẻ đầu Đông. Tôi thường mơ màng nghĩ đến Q. chạy cùng xa lộ ngược hướng, mỗi sáng mỗi chiều cũng có lúc ngang qua trong chớp mắt không hay biết. Q. giữ lời hứa, gọi tôi mỗi tuần. Được vài tháng, Q. hẹn gặp tôi nửa đường vì đôi bên đều còn một đoạn xa để lái về. Từ đó, từ một thành phố lạ cho đến quán ăn tiệm rượu rồi đến khách sạn, thỉnh thoảng nhà tôi, chung cư Q. ở, dăm lần gặp vội vã, đôi ba khi ba bốn giờ sáng từ giã nhau, lái về trên xa lộ thênh thang trống vắng một mình. Mối tình im lặng của tôi, chỉ có chị biết và biết rất ít. Im lặng, vì cả tôi lẫn Q. đều chưa cho ai biết, kể cả gia đình bạn bè như có linh cảm trước những phản ứng cản trở sẽ có, sẽ xảy ra với mọi người. Ngay cả những lúc ngồi với nhau ở tiệm ăn quán rượu, tôi cũng thấy vài ba ánh nhìn lạ lùng của người không quen biết. Cũng có thể tôi mặc cảm nên nhìn đâu cũng thấy mặc cảm của mình phản ánh qua cử chỉ mắt nhìn của người lạ.

Chị lay tay tôi.

-Sửa soạn về chưa? Đừng để tối quá lái xe nguy hiểm.

Tôi ngần ngừ.

-Để tối hẳn rồi về.

Tôi thích chiều vào tối. Mỗi chiều tôi về, có khi thấy mặt trời lặn đỏ trên xa lộ, màu sắc chung quanh đổi dần, mây bồng từng cuộn, nhà cửa cây cối đổi màu theo. Người ta cũng thế. Tôi thích cái mù mờ nửa tối nửa sáng. Không có gì rõ rệt. Mọi thứ dần dần nhòe lẫn với nhau. Không ranh giới. Không góc cạnh. Không sắc nét. Tôi thích nhìn bức tranh đời sống chảy lem vào nhau trước khi màu đen của đêm thành nền cho bức tranh đời sống sôi nổi khác. Tôi yêu nỗi buồn trong tôi khi chiều xuống, như yêu những tâm tình rải rác rơi rớt theo lựa chọn của mình. Lầm lẫn, cố tình, quyết định nào

tôi cũng có, và không hối tiếc. Yêu Q. Tôi lựa chọn yêu Q. vì tôi muốn yêu Q.

Tôi nhìn chị, mất mấy giây cân nhắc, nói.

-Em đã có lần gặp mẹ Q.

Chị nhìn tôi kinh ngạc.

-Hồi nào? Sao chưa bao giờ nghe mày nói?

-Lâu rồi... Đó là lý do tại sao em với Q. muốn giữ tình bạn nhưng khó lắm. Muốn là một việc, làm được hay không lại là một việc khác. Chị biết em, lúc nào cũng suy nghĩ phân tích đến nát bấy vấn đề. Có khi chuyện không ra gì lại biến nó thành phức tạp đến nỗi ăn uống, đi đứng, thở, đều có mùi của vấn đề. Cho nên em thường mất một thời gian dài để có thể bình thản nhắc đến những gì đã có lúc quấy rầy em. Cũng có chuyện em không bao giờ nói đến vì muốn dành riêng cho nó một chỗ trân trọng quý báu, rất riêng tư và buồn lặng lẽ một mình. Lâu ngày những riêng tư ấy biến thành em. Tưởng như nhìn thấy được chúng, là nhìn thấy em. Trần trụi.

Hình như chị thở dài tôi không rõ. Tôi hơi đu người đàng trước dựa lan can sắt nghiêng người nhìn bên dưới Canyon. Tối lắm rồi. Như có hơi lạnh buốt bốc lên từ đáy vực. Sương giăng như mây bồng. Tôi nhìn sâu màu tối của đáy Canyon.

Q. là con cả trong một gia đình đông anh em, năm trai bốn gái. Mẹ Q. lấy chồng sớm, mười sáu tuổi đã có Q. Một hôn nhân sắp đặt rất bình thường ở xứ Q. Tôi gặp bà một chiều thứ bảy khi bà từ Gia nã đại thăm em Q. về ghé ngang Los Angeles vài ngày. Q. có ba người em trai ở Toronto và hai người em gái ở với Q. Tôi nghĩ tôi là cơn kích ngất Q. vô tình dành cho mẹ. Q. chưa bao giờ nói với bà về tôi, dù chỉ là một lời chuẩn bị tinh thần nên tôi không trách phản ứng dữ dội của bà.

Mẹ Q. còn trẻ, rất trẻ. Bà hơn tôi tám tuổi. Bằng tuổi anh cả tôi. Đấy là một người đàn bà cứng cỏi đầy tự tin. Bà còn là một thương gia giàu có gia đình dòng dõi địa vị cao, chồng là bác sĩ nổi tiếng, trông coi hai bệnh viện lớn. Một người mẹ nuôi đủ chín đứa con. Chỉ nhìn, cái nhìn đầu tiên, tôi hiểu ngay bà không cho phép tôi bước lại gần, nói gì đến bước vào, thế giới của bà. Nhưng thế giới của bà, bao trùm lên thế giới của Q.

Q. có đôi mắt của bà. Cặp mắt đen ướt với hàng mi dày cong. Cặp mắt đã níu giữ tôi ở lần gặp đầu tiên. Mắt Q. đầy thông minh, đam mê lẫn chút nghịch ngợm con trẻ. Ngược lại mắt mẹ Q. có ánh nhìn mạnh mẽ cương quyết rất biểu lộ, kể cả lạnh lùng khi cần.

Q. dịch tôi nghe những gì bà nói nhưng có lúc Q. im lặng gục gặc đầu sau những câu khá dài với giọng nói chậm rãi từ tốn, bàn tay vung vẩy linh

hoạt của bà, nhưng mắt bà nhìn tôi bao giờ cũng sắc cũng lạnh. Tôi buộc tội.

-Anh hèn nhát.

-Thà chịu hèn nhát còn hơn có hai người ghét nhau.

-À, em cũng đoán được mẹ anh nói gì.

-Làm ơn đừng đoán. Đoán, là làm một chuyện bất công.

-Đó là tại anh không dịch hết lời.

-Dịch sao bây giờ? Đàn bà khi ghét nhau thế nào cũng tìm lỗi để kể.

-Lỗi gì?

-Đừng hỏi.

-Em muốn biết mẹ anh kể lỗi gì nơi em.

-Đừng hỏi. Không đáng để biết. Em không có lỗi gì cả. Mẹ anh có quyền đưa ra lý lẽ biện hộ cho quyết định của bà...

-Vậy là anh bất công không cho em cơ hội biện bạch. Xứ này tự do, phạm nhân còn có quyền lợi để được bênh vực huống gì em.

-Để làm gì? Đối với anh, em đâu cần biện bạch.

-Nhưng... Anh sẽ nghe lời mẹ anh. Em biết chắc điều đó.

Tôi biết rồi Q. sẽ vâng lời bà. Q. không có cái cương quyết cứng rắn của mẹ. Giữa tôi và mẹ Q, người nào cương quyết sẽ thắng. Tôi biết tôi sẵn sàng nhận thua lỗ, chưa đánh đã chạy. Đã nói, trong tình cảm, tôi không thích những gì bắt buộc chèn ép, nhất là bắt buộc chèn ép người khác để được phần của mình. Mẹ Q. lấy chồng, một sắp đặt không có phản đối và một tay bà giữ vững hạnh phúc gia đình, nên, việc sắp đặt cho Q. với A, con gái cựu bộ trưởng xứ bà đang học ở USC là việc đương nhiên. Q. vẫn chưa vợ ở tuổi ba mươi là điều bà lo ngại, sợ Q. lấy vợ ngoại quốc. Em Q. đã có đứa lấy vợ lấy chồng, bà dễ dãi chấp thuận, nhưng người làm vợ Q. bà cho là một người quan trọng nên muốn dự phần lựa chọn. Tôi không trách được một người mẹ thương con tuyệt đối.

Tôi và mẹ Q., ở hai xứ lạ, yêu một người đàn ông. Tình yêu con của bà, tôi ái mộ, nhưng tình yêu của tôi dành cho Q. không được bà chấp nhận. Tất nhiên. Bà đã có nhiều quyết định quan trọng trong đời Q. Khi Q. trốn sang Ý rồi qua Mỹ xin tị nạn chính trị để tiếp tục học, một tay bà lo đủ. Q. là con trai cả. Đứa con cậy nhờ. Đứa con sẽ thừa hưởng gia sản đồ sộ bà gầy dựng. Đứa con mang tên họ gia đình, gia phả dài. Đứa con có trong tay nhiều bằng cấp, học thức cao. Đứa con nợ bà nhiều thứ. Tình yêu con của bà quãng đại nhưng lại hẹp hòi khi bà nhìn đến tôi, như nhìn thấy đủ mọi chênh lệch khác biệt. Bà đã từng chống đối một lựa chọn của Q, đứa con gái cùng xứ theo đạo Hồi. Cô ta chỉ khác tôn giáo, trong khi tôi, khác từ ngôn ngữ cho đến nhân dạng phong cách.

Tôi không thể cho chị biết những đau đớn nằm kín trong tôi. Nghĩ cho cùng, tình yêu tôi cho Q. đã có từ lần đầu gặp nhau nhưng tôi đã chôn kín vì vẫn quan niệm không pha lẫn đời tư với việc làm. Thứ hai đầu tiên Q. đổi về từ chi nhánh khác, đi ngang phòng tôi nhìn vào, bất chợt tôi ngẩng lên giữa giấy tờ hồ sơ bừa bãi trên bàn bắt gặp ánh nhìn cuốn hút và miệng cười quyến rũ. Tôi đã bối rối cười trả, nhìn xuống tờ giấy trên bàn. Khi tôi ngước lên lần nữa, Q. còn đứng nơi cửa, hỏi.

-Phải K?

Tôi gật. Q. chìa tay, lòng bàn tay có những đường chỉ nâu sậm, ngón dài. Cái bắt tay rất nhẹ, vừa chạm đôi bên đã rút về, như sợ điều gì đang xảy ra trong âm thầm.

-Tôi là Q. từ chi nhánh El Monte đổi về. Thỉnh thoảng mình vẫn nói chuyện trên điện thoại, giờ mới biết mặt.

Nếu Q. đừng đổi về trung ương có lẽ tôi vẫn là tôi, vẫn là em chị, đứa em chị tưởng đã hết nông nổi bồng bột.

Tôi nói với chị.

-Em vẫn sống đời em theo ý mình nhưng trong em lúc nào cũng có một cấu xé, mặc cảm. Mặc cảm em đã có đời sống tương đối an lành hơn đời sống của ba má nên có lúc em nghĩ em không có quyền tạo thêm phiền muộn lo lắng không cần thiết cho ba má ở tuổi này. Em biết ba má rộng lượng lúc nào cũng sẵn sàng chấp nhận những gì em làm, tội lỗi hay thành quả. Trong em con bé trẻ dại bốc đồng của thời mới lớn vẫn còn. Thỉnh thoảng nó ra mặt bực bội khó chịu làm vài hành động ngông cuồng rồi đột ngột bỏ trốn nửa chừng. Nó khiến em loay hoay suy nghĩ về những gì có hay không thể làm, nên làm. Khi em không là nó, em nghĩ em không có quyền lôi kéo ba má trong cuộc chiến tình cảm với gia đình Q. Khi nó ra mặt, tất nhiên nó bất cần tất cả. Mẹ Q. không chấp nhận em vì nhiều lý do... và lý do nào cũng có lý, nếu em đứng ở địa vị bà. Gia đình mình không là thượng lưu quý phái. Em hiểu cái mặc cảm nhà quê của má. Nhiều khi em muốn ứa nước mắt khi thấy má bối rối lúc phải tiếp xúc với những người lịch sự kiểu cách. Má nhà quê nhưng má thật hơn những người đó. Thành ra có lúc má tin họ, một cách ngây thơ, như con gái má, nhẹ dạ có khi. Gia đình Q. dòng dõi quý tộc, đạo gốc đạo dòng. Gia phả có dính dáng đến đời vua nào đó trong lịch sử. Và chị nói đúng, em lớn hơn Q. tám chín tuổi, khiến vấn đề thêm rắc rối. Em ở đây đã lâu, chuyện kỳ thị thật sự ra chưa bao giờ chạm mặt cho đến khi gặp mẹ Q. bỗng giật mình. Người Việt hay chê da màu vì thiếu hiểu biết. Mẹ Q. chê em không cùng màu da cũng là thiếu hiểu biết mà thôi. Bà có cái nhìn hẹp hòi nhưng cái nhìn đó là cái nhìn của nhiều người Việt. Chẳng qua, không

ai hiểu ai. Cũng văn hoá, cũng chiến tranh, cũng tranh chấp bộ tộc, nội bộ chia rẽ, rồi thì sao? Một bà mẹ bảo thủ yêu con độc đoán như những bà mẹ khác. Em không thấy bà khác một người Việt Nam sợ con lập gia đình với người ngoại quốc là mấy. Phải mất bao lâu để mọi người thôi không nhìn người khác qua màu da ngôn ngữ? Da trắng và da đen? Buồn cười. Đôi bên nhìn nhau bằng con kỳ thị y hệt như nhau. Có thể em ngây thơ nên cho tấm lòng con người mới là điều quan trọng. Người tiến bộ chưa chắc đã hơn người lạc hậu. Biết đâu người tiến bộ chỉ tiến hơn người lạc hậu ở chỗ biết dùng những từ ngữ phức tạp phân tích hành động tội lỗi của mình và đổ thừa tại văn hoá, xã hội. Em nhìn thấy Q, một người đàn ông, chứ không thấy màu da sắc tộc. Có thể khi yêu, em chỉ nhìn thấy điều em muốn thấy. Mọi người nhìn nhau qua những sắp hạng, suy nghĩ rập khuôn đã thành nếp, qua nhiều thế hệ. Ngay cả dân xứ Q. cũng không thích bị gom chung là một giống da màu. Họ có tự ái dân tộc nên không muốn bị đồng hoá cùng hạng với da đen xứ Mỹ này. Họ cho mình là giống dân có lịch sử, văn hóa, truyền thống không phải là giống dân nô lệ. Mình có khác họ ở điều đó không khi mình xem thường người Miên người Lào? Nghĩ cho cùng, giống nhau ở chỗ đó mà không nghĩ ra. Những mặc cảm vô lý. Những suy nghĩ thành nếp rập khuôn. Ngu dốt và ích kỷ. Em giận Q. nhu nhược, chê Q. dở nhưng em hiểu được chỗ đứng của Q. Đối với em, một mối tình thật sự, đủ để sống đời mình. Em không cần mối tình phải đi về đâu mới gọi là đủ. Cần gì. Tầm thường đời sống có thể làm hư hao tình yêu trong em. Em không đủ can đảm kêu gọi Q. yêu em nhiều hơn và cũng không đủ gan lì xa Q. Mỗi lần đồng ý thôi không gặp nhau, em khóc cả đêm, để rồi nhắm mắt bịt tai đi tìm Q. khi nhớ. Em đếm từng giây hạnh phúc không có thật. Em không rõ em sẽ làm gì nếu được tin Q. lấy vợ nhưng em biết chắc một điều, em chỉ có quyền gây khổ cho em chứ không có quyền làm người đàn bà khác khổ. Q. hứa giữ tình bạn với em, suốt đời. Nhưng, tình bạn ấy, cứ như một tình nhân bên lề mà thôi. Thì cũng được đi nếu đó là tình yêu. Nhưng nếu là tình yêu, sao lại không dám vất bỏ tất cả? Q. nhu nhược hay Q. chỉ là đàn ông như những người đàn ông khác? Em là người yếu đuối trong tình cảm hay tại em không biết chiến đấu khi cần?

Đèn đã sáng nơi con đường nhỏ ngoằn ngoèo dọc Grand Canyon. Bóng tối dầy bên dưới vực như vũng đen đậm đặc. Sao lấp lánh trên cao. Trăng lẹm sáng khi tôi lái xe cùng chị rời Grand Canyon. Đường đêm về lại Las Vegas, có nhiều khúc quành bất chợt. Tôi mở đèn pha, nhìn con đường trước mặt, như thấy Q. và tôi, trong tầm nhìn giới hạn.

NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG (*08/97*)



HOÀNG XUÂN SƠN

xưa, lộc trời

Tiếng phong linh gióng lên nỗi vui của niềm vui khác
miếng buổi sáng chưa ăn vào dòng sinh nghiệt
vẫn đất trời ấy hướng đêm nằm
cỏ mơ non
sợi tóc ngo ngoe truy lùng lý lịch
tôi nâng niu mở bát ngày
bị gậy đi về nơi cấm cố
đối thoại tường câm thế-kỷ- người-lố-nhố
cùng đi sao chẳng đồng hành
đến
bóng hời rũ rượi

Tiếng phong linh leng keng đồng khúc trẻ
thuở phong lưu tranh lợn gà
lập lòe ửng sắc
những chiếc bong bóng lượn lờ gái trai
thả bay vào đời vô lượng
tâm dung
dăng dẽ
ôi vị ngọt ban đầu nào làm tê cóng nổi
lưỡi hoa trai
mà nay khô dần môi miếng

Bạn nhủ: làm thơ là lộc thánh trời ban
đừng bỏ qua rất uổng
ừ, lộc trời
mà sao chỉ nuốt toàn trái đắng.

HOÀNG XUÂN SƠN
tháng tư chín bảy



DU TỬ LÊ

giả thuyết dẫn độ

chiều chế nhạo: ta ưa trò bi, thiết
gió tô mầu thêm những đớn đau, khô
mưa /sóng soải /xấp mình/ trên mặt đất
lá /phao tin/:
- dẫn độ cánh chim về

giả thuyết plastic

nắng chiêu đãi những làn da plastic
thả sau rừng tiếng gọi suối khô, cong
đêm nguyên trạng. Ta tìm ta: sách nhiễu
nệm giường chia hiu, quạnh
suốt trong.

giả thuyết đám táng

đám táng /đỏ/ trên thiên đàng đông lạnh
những trò chơi nạo sạch tính người
hoa bó rọ căng niềm tin nhức nhối
em/ băm mình nuôi ký ức tôi, tôi/.

giả thuyết sinh, nở

và, ngh.trí, tv.đức

dậy thì /lá/ trên cành sương góa bụa
hoa ngoại tình sinh, nở hạt cây thơm
chim ngậm lấy. Dấu đi . Làm vốn liếng
tôi ngoại tình:
- sinh, nở một tôi, riêng.

DU TỬ LÊ
7-97



NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

mùa vô tận

Như đài hoa, em uống
những giọt sương
rớt từ miền bóng tối

Đêm tràn lan khắp người em

Gió căng cứng
những động mạch vũ trụ
rừng núi hoang
thơm mùi cỏ dại
em tan trong anh

Ngày tan trong nắng
con đường tan theo những bóng cây
những bọt sóng tan cùng những con thuyền
những cây kem tuyết tan trên môi mùa đông
anh tan trong dòng sông em

Như những lau lách kỷ niệm
em thôi, phớ phất lên anh
một đốn lửa
ngày xưa

Như lá quanh hoa
mình ấp ủ nhau
mùa vô tận.

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH



HOÀI MỸ

THẰNG CU
VÀ ÔNG GIÀ TẦU NGẦM



Gia đình thằng Cu dọn về vùng bờ biển này khi bố nó được tuyển vào làm thợ hàn cho một hãng đóng tàu. Lúc đó vào mùa xuân, cây cỏ đã trở lại xanh tươi, khí trời bắt đầu ấm áp. Hồi trước gia đình ở trên thành phố, nhà sát mặt lộ, cha mẹ không cho thằng Cu xuống đường chơi thường xuyên, sợ xe cán. Về đây, tuy dân cư không đông nhưng có núi rừng trùng điệp, xa xa có biển. Thằng Cu thích lắm và nó càng thích hơn khi cha mẹ không bắt nó đến vườn trẻ, bảo chờ ít tháng nữa đủ bẩy tuổi sẽ đi học luôn. Ngày nào thằng Cu cũng lên rừng chơi. Thỉnh thoảng mẹ nó lại dặn:

- Cu đừng xuống biển nhá, ma rút chân đấy.

Có lần thằng Cu đã hỏi:

- Ma là ai vậy mẹ?

Thay vì giải thích mẹ nó lại nói như muốn xúi nó thêm:

- Thì Cu cứ xuống biển chơi đi, sẽ biết.

Thằng Cu chẳng bận tâm đến ma. Hay nói đúng hơn nó chẳng hình dung nổi ma ra làm sao cả. Điều quan trọng đối với nó là được chạy tung trời, được trèo cây thả cửa, được hét hò đến rát cổ họng. Thằng Cu chưa có bạn. Tuy đã nhìn thấy vài đứa con trai, hai ba đứa con gái Na Uy cũng cỡ tuổi

mình, nhưng thằng Cu không muốn làm quen vội.

Khoảng hơn hai tuần lễ sau, thằng Cu bắt đầu thấy chán núi rừng. Nó mon men về phía bờ biển. Không có đường đi đàng hoàng, thằng Cu phải len lỏi qua những cây cỏ. Cũng thích thôi, bởi thằng Cu có cảm giác như đang mạo hiểm. Từ trên một sườn núi thằng Cu đã thấy mặt biển. Nó đứng lặng người. Tuy còn bé, Thằng Cu đã sớm có những rung cảm. Bởi vậy không lạ khi cảnh vật thiên nhiên hùng vĩ trước mắt như đang thu hút tâm hồn nó. Hơn nữa đây là lần đầu tiên trong đời, thằng Cu được thấy biển thật sự. Nó nghĩ, biển này đẹp gấp bội so với cảnh chụp trong những tấm hình. Chắc đây gọi là eo biển thành thử biển như phải chen vào giữa các chân dẫy núi. Nước biển xanh, bầu trời cũng xanh như thể muốn hòa hợp với màu lá cây rừng. Gần bờ phía thằng Cu đang đứng có những tảng đá lớn. Sóng đánh vào đá, tóe ra như thể có những bàn tay vô hình tung lên hàng triệu viên thủy tinh trong ánh nắng.

Thằng Cu hít mạnh vào lồng ngực làn gió thổi từ biển vào. Toàn thân nó như được truyền nội lực. Nó vội vàng chạy xuống dốc. Bỗng có tiếng quát:

- Đứng lại!

Thằng Cu giật nẩy mình. Hoàn toàn nó không ngờ lại có người ở đây. Rõ ràng nó đã nghe câu nói vừa rồi bằng tiếng Việt. Phản ứng tự nhiên, thằng Cu dừng chân; trống ngực đánh thình thịch. Nó còn đang ngơ ngác thì từ trong bụi cây một người, hay đúng hơn một ông già bước ra. Trên tay ông ta cầm một khẩu súng:

- Giơ tay lên!

Thằng Cu làm theo. Ông già tiến lại, sờ sờ khắp người nó như thể lục soát vũ khí. Giọng ông già vẫn quát tháo:

- Mày tên gì, khai mau!

Thằng Cu ấp úng:

- Dạ... cháu tên Cu.

- Cu với cặc cái gì, láo! Do thám phải không?

- Dạ, cháu không phải Do Thái, cháu là người Việt Nam.

- Láo, mày đúng là giao liên.

- Không ạ, em cháu mới là Liên, còn cháu tên Cu.

- Câm họng! Đầu hàng đi, không tao bắn bể sọ.

Mũi súng dí sát vào mặt thằng Cu. Nhờ vậy nó nhận ra khẩu súng này y hệt thứ mà nó đã từng thấy bày bán trong tiệm đồ chơi trên thành phố. Thằng Cu hiểu liền, à thì ra ông già này đang làm điệp viên, giống trò mọi da đỏ mà nó vẫn chơi ở vườn trẻ.

Thằng Cu đã lấy lại được bình tĩnh. Nó làm theo tất cả những gì ông

già muốn. Ông ta tỏ vẻ hài lòng. Tuy đã dịu giọng nhưng ông vẫn làm oai:

- Mày chịu hồi chánh không?

Thằng Cu ngơ ngác:

- Hồi chánh là gì, ông?

- Là trở về với chính nghĩa.

Thằng Cu lại càng mù tịt, nhưng nó vẫn gật đầu. Ông già ngoắc tay:

- Theo tao!

Lúc này đầu óc của thằng Cu mới hoạt động lại bình thường. Nó thầm hỏi, ông già này là ai mà nói rành tiếng Việt quá vậy? Có lẽ ông ta là ma mà mẹ vẫn nhắc tới? Nhưng ma sao không ở dưới biển để rút chân mà lại nấp trên bờ, bắt cóc người ta? Thằng Cu chẳng tìm ra được câu trả lời, nhưng quả thật nó không còn cảm thấy sợ hãi chút nào nữa. Vả lại khuôn mặt của ông già không lộ vẻ gì dữ dằn. Đặc biệt trong ánh nhìn của ông, thằng Cu cảm nhận ngay được một sự mời gọi, trìu mến. Tóc, râu tuy đã bạc, nhưng ông còn thích chơi trò bắn súng, tức là ông cũng y chang nó thôi. Thằng Cu lên tiếng hỏi:

- Mình đi đâu vậy ông?

Tức thì ông già quay phắt lại, nhịp nhịp ngón tay trỏ trên trán thằng Cu:

- Cấm hỏi! Thi hành trước khiếu nại sau, nhớ chưa?

- Dạ. . .nhớ.

Triền núi mỗi lúc một dốc hơn, tuy nhiên ông già vẫn bước đi thoăn thoắt. Thằng Cu lây sự hăng hái của ông, vừa cảm thấy thích thú, vừa hồi hộp:

- Chờ cháu với.

Khoác lại khẩu súng trên vai, ông già giơ tay cho thằng Cu nắm.

Một lúc sau ông già ra hiệu cho thằng Cu dừng lại. Sau khi đưa mắt dớn dác nhìn chung quanh và như đã bảo đảm sự an toàn, ông vẫy tay cho thằng Cu tiến lên. Đã tới rất gần biển, bởi nó nghe rõ tiếng sóng rì rào. Ra khỏi lùm cây, thằng Cu trố mắt nhìn: Trước mặt nó một cái bồn nhôm khổng lồ nằm ẩn mình bên vách đá. Hơn nữa vào mùa này cây cối xum xuê lá cành nên nếu không để ý, mấy ai có thể thấy ngay được. Bồn nhôm này hình bầu dục nhưng cắt thẳng ở hai đầu, dài dễ tới ba, bốn thước. Thằng Cu không biết bồn này trước kia được dùng để chở gì, có thể chở săng, có thể chở sữa tươi hay chở nước ngọt gì đó mà nó đã nhiều lần trông thấy xe vận tải kéo theo hoặc để bên trên. Phía ngoài bồn đã có những chỗ trổ màu vàng xỉn, có chỗ cộm lên những tảng rêu xanh mốc. Chân bồn được kê bằng một thân gỗ

lớn khiến thằng Cu có cảm tưởng nếu lấy vật này ra, cái bồn sẽ lao xuống biển ngay.

- Gì đây ông?

- Tàu ngầm!

Rồi để mặc thằng Cu đứng há hốc miệng ngạc nhiên, ông già biến mất sau một bụi rậm để rồi khi trở ra, tay ông cầm theo một cái thang đóng bằng những cành cây khô. Ông dựa thang vào thân bồn, leo lên. Thằng Cu dõi mắt theo từng động tác của ông già. Dưới ánh nắng đầu ông như đội chiếc mũ bằng tuyết, khuôn mặt ông trở nên rạng rỡ. Sau khi mở ổ khóa, tháo sợi dây xích, ông già lật ngửa cái nắp đậy lên. Ông ra dấu cho thằng Cu trèo theo. Tay vịn chặt vào hai thân thang, thằng Cu cẩn thận đặt chân lên từng nấc một. Gió biển thổi thốc vào trong áo nó, làm nó sờ sợ. Trong khi đó ông già đã nhanh nhẹn đu mình nhẩy vào cái miệng hình tròn của cái bồn. Cuối cùng thằng Cu cũng leo được tới nơi. Mắt ngó vào cái miệng tròn đó nhưng vì bị hoa nắng, nó không thấy gì. Ông già nhô người lên, đưa tay xốc nách thằng Cu , lôi vào. Hơi nóng trong bồn làm nó ngạt thở. Giọng ông già vang lên oang oang:

- Nghe đây, mày phải giữ bí mật quốc phòng đấy.

Thằng Cu chỉ biết tiếng "bí mật" thôi, chứ "quốc phòng" thì chịu, nhưng như vậy cũng đủ để nó hiểu ý của ông già. Thằng Cu đáp:

- Vâng.

Ông già quay phắt lại, nghiêm mặt:

- Không được vâng dạ, phải nói xin tuân lệnh.

- Xin tuân lệnh!

Một tiếng "tách" khô khan nổi lên, lòng bồn bỗng rực sáng. Thằng Cu mở tròn mắt kinh ngạc. Cảnh tượng hiện ra vượt ngoài khả năng tưởng tượng của nó: Vách bồn như mới được sơn lại bằng màu xám nhạt. Đầu bồn phía tay phải có bánh lái giống như vô-lăng xe của bố nó, có hai ống thông hơi trổ thẳng lên nóc. Trên mặt một cái bàn hình cánh cung xếp theo hàng dọc một dàn đồng hồ. Ông già giải thích cái này là hải bàn, cái kia chỉ tốc lực, cái nọ chỉ sức ép của độ sâu...Thằng Cu lắng nghe mà chẳng hiểu tí gì. Ồ có cả phao, neo và dây cáp nữa. Thằng Cu phục ông già quá sức, định bụng sẽ hỏi ông kiếm đâu ra được những đồ chơi này để nó cũng sẽ bắt chước gắn ở phòng của nó.

-Theo tao.

- Xin tuân lệnh!

Ông già lần lượt mở cho thằng Cu xem những thùng gỗ mà ông gọi là kho lương thực. Thùng thì đày ắp những gói mì khô, cơm sấy, thùng thì chứa

những chai nước lã và thùng thì đựng soong, chảo, dao, kìm...Chợt thấy hai hai bình ắc-qui với những đường dây xanh đỏ chằng chịt, thằng Cu hiểu lý do có điện trong bồn này. Ông già kéo thằng Cu đến trước một lá cờ được kết bằng nhiều miếng vải với màu sắc rực rỡ, treo trên vách bồn. Bằng một giọng trịnh trọng, ông già nhìn thẳng vào mặt thằng Cu, nói:

- Trước bàn thờ tổ quốc mày phải hứa với tao.

- Cháu hứa.

- Phải thề giữ bí mật.

- Cháu thề.

- Nếu vi phạm, mày sẽ bị truy tố ra trước tòa án quân sự, chịu tử hình.

- Cháu chịu gấp. À...mà tử hình là gì, ông?

- Là...pằng! Bắn bỏ. Pằng! Pằng...chíu...pằng! Đã chứ ! Thế ông cho cháu một khẩu súng như của ông đi.

- Chưa được. Mày phải qua ít nhất một tuần lễ huấn nhục.

- Nghĩa là gì, ông?

- Là tập, là thao trường đổ mồ hôi, chiến trường bớt đổ máu. Hiểu chưa?

- Dạ. . .hơi hơi.

- Ngày mai, bắt đầu.

- Rồi sau mình làm gì nữa hả ông?

- Về giải phóng thành đô.

- Ở đâu?

- Nước mình chứ còn đâu nữa, đồ ngu.

- Mình về bằng gì?

-Tầu ngầm.

- Tầu này hả ông? Ồ hết sẩy! Ông phải hứa cho cháu về chung với ông đấy.

- Yên trí. Tao với mày bây giờ đã trở thành huynh đệ chi binh rồi.

Nói xong ông già đứng thẳng người, trong thế nghiêm, hát to những câu gì mà thằng Cu nghe như có cả tiếng Việt, tiếng Na Uy lẫn tiếng hú của mọi da đỏ trước lúc xông ra trận. Đột nhiên Thằng Cu cũng cảm thấy hứng chí, liền nhảy cà tưng theo kiểu thần tượng Micheal Jackson của nó.

Trên đường về ông già còn dạy thằng Cu nhiều từ ngữ lạ khác nữa mà nó chưa từng nghe bao giờ. Khi chia tay, ông lại căn dặn thằng Cu:

- Mai, đúng 10 giờ trình diện.

- Xin tuân lệnh!

- Tan hàng!

Trong khi thằng Cu vừa đi vừa nhẩy chân sáo, ông già lại cất giọng hát

như gào thét...Tiếng của ông được gió cuốn lên ngọn cây, vang đến tận trời xanh.

Sáng hôm sau, ăn vội miếng bánh mì, uống một hơi cạn ly sữa, xong là thằng Cu khoác áo, đi giầy, chạy một mạch ra khỏi cửa. Mẹ nó gọi với theo, nhưng nào thằng Cu có nghe thấy gì. Nó tới điểm hẹn cùng lúc với ông già. Miệng cười tươi, ông khen thằng Cu là người lính gương mẫu.

Thế rồi một già, một trẻ cùng hò hét trên bãi biển. Thằng Cu nấp sau tảng đá, miệng la "pằng! pằng!". Ông già đáp lại "xung phong!". Rồi cả hai chạy tới giành một cành cây đã cắm sẵn trên một ụ đất. Cuộc tập dượt được lập lại nhiều lần. Ông già bảo phải nắm vững địa thế, làm chủ chiến trường ngay từ phút đầu và chiếm mục tiêu nhanh, không để quân địch kịp thời trở tay. Thằng Cu chẳng bận tâm đến ý nghĩa của các huấn lệnh ấy, chỉ lo cười nắc nẻ, bởi nó thấy mình đã thắng ông già.

- Ông ơi, cháu...

Không để thằng Cu nói dứt câu, ông già quát:

- Trong lúc thao dượt, phải trình thưa thế nào?

Tức thì thằng Cu đứng thẳng người, lấy giọng dõng dạc:

- Hải âu gọi kình ngư, nghe rõ không? Trả lời.

Ông già chụm hai tay vào miệng:

- Đây kình ngư! Nghe rõ bốn trên năm. Hải âu muốn gì? Trả lời.

- Hải âu mắc tè quá.

- Trường hợp đặc biệt, chấp thuận cho nghỉ phép năm phút.

Thằng Cu không kịp chạy tới bụi cây, vạch quần đái tại chỗ.

Sau đó ông già dẫn thằng Cu đi dọc theo bờ biển mà ông bảo đi thám sát chiến địa, chuẩn bị cuộc đổ bộ. Đi được một quãng khá xa, hai người chợt thấy một tòa nhà bỏ hoang. Mặt tường nào của căn nhà cũng đã tróc sơn loang lổ. Các cửa lớn, cửa sổ đều chỉ còn trơ những khung gỗ. Phía sau nhà có một bãi trống trải đá. Đằng trước cũng có một khoảng sân rộng lát si măng, nằm sát mép biển. Cỏ mọc cao cả thước bao quanh khu vực. Ông già lẩm bẩm:

- Gớm thật.

Thằng Cu nghiêng đầu nhìn ông già, hỏi:

- Gì ông?

- Mày không thấy à, tổng hành dinh của địch.

- Chắc không phải đâu. Hình như đây là một cái xưởng gì cũ đấy. Ông nhìn chỗ kia kìa, cháu đoán là đường ngày xưa cho xe chạy vào.

- Bậy. Đó là một loại căn cứ bí mật, trên là đường mòn, dưới sâu là địa

đạo mà địch đã ngụy trang cây cối để phi cơ ta không khám phá ra. Gớm thật, nó đã bố trí quân nằm vùng tận đây.

- Nó là ai, ông?

- Địch chứ con ai nữa, đồ ngu.

Thằng Cu chưa kịp nghe câu trả lời, đã chạy vội lên phía trước mặt, nhìn quanh quẩn rồi gọi vọng lại:

- Đến đây ông ơi! Các cột sắt này để buộc tầu hay thuyền đây mà. Cháu dám cá với ông như vậy đó.

- Mày biết đếch gì mà nói.

- Đếch là gì, ông?

Ông già lặng thinh. Thằng Cu sợ ông giận nên không hỏi nữa, nhưng nó vẫn nghĩ đây có thể trước kia là một xưởng cá và cái bồn nhôm tàu ngầm của ông già chắc cũng của hãng này. Nó tiếc là chưa biết chữ để đọc tấm bảng hiệu cũ kỹ còn treo lại ở đầu nhà, gần sát nóc.

Khi mặt trời đứng bóng, cả hai người đều cảm thấy mệt, khát nước và đói bụng. Ông già ra lệnh tan hàng rồi ông cháu chia tay, hẹn hôm sau sẽ tiếp tục tập giai đoạn hải chiến.

Từ ngày đó thằng Cu có bạn. Nó mê các trò chơi thao dượt quân sự do ông già bày ra, khác hẳn lối chơi cao bồi, mọi da đỏ hay điệp viên ở vườn trẻ. Mẹ thằng Cu thấy ngày nào con cũng ăn sáng vội vã rồi ba chân bốn cẳng chạy đi, mãi tới quá trưa mới về, khi thì quần áo, đầu tóc ướt nhẹp, khi mình mẩy đầy đất cát, vặn hỏi thì nó chỉ trả lời:

- Bí mật quốc phòng mà mẹ.

Mẹ nó phì cười:

- Ai dạy con vậy, Cu?

Cũng may là mẹ nó bận bịu em bé, lại vội cơm nước cho kịp giờ bố nó về làm nên lâu rồi cũng không để ý nhiều tới nó nữa.

Một hôm thằng Cu đến điểm hẹn mà không thấy ông già đâu. Nó ngồi trên tảng đá chờ mãi. Nó không hiểu chuyện gì đã xảy ra cho ông già. Tuy nhiên nó an tâm phần nào khi thấy chiếc bồn tàu ngầm vẫn còn nằm đó, tức là ông già không bỏ nó để về giải phóng thành đô một mình. Hai ba ngày sau thằng Cu vẫn đều đặn đúng giờ tới điểm hẹn để rồi lại lững thững trở về. Ông già vẫn biệt tăm. Thằng Cu nhớ có lần trên đường về sau khi tập hải chiến, nó đã hỏi "nhà ông ở đâu" thì ông già trả lời "bốn vùng chiến thuật đều là nhà tao" . Nó tiếc lúc đó đã sơ ý không xin ông già chỉ rõ số nhà, tên đường, nay biết "bốn vùng chiến thuật" ở đâu mà tìm đến ông. Dù gì cũng đã long trọng thề hứa, thằng Cu thấy không thể đem chuyện "bí mật quốc phòng"

ra mà hỏi bố mẹ.

Thằng Cu nhớ thương ông già da diết. Nó buồn rũ rượi. Mẹ thằng Cu thấy con khác thường, nhưng khi sờ trán nó vẫn thấy mát nên không lo lắng, chỉ hỏi có chuyện gì vậy. Thằng Cu lắc đầu, lặng lẽ vào phòng, đóng cửa chặt lại, ngồi vẽ cờ, súng và tàu ngầm.

Một buổi tối nọ, bố thằng Cu về thật trễ. Mẹ nó đon đả hỏi:

- Mình vào thăm, bác có nhận ra mình không?

Bố nó lắc đầu:

- Bác bảo anh là...cộng sản.

Cả bố mẹ nó đều bật cười. Rồi mẹ nó chép miệng:

- Nghĩ mà tội nghiệp bác. Vợ con vượt biên chết cả, còn trơ trọi một thân một mình.

- Bởi vậy mới mất trí.

- Em nghe nói hồi trước bác là sĩ quan.

- Thượng sĩ, binh chủng Người Nhái.

- Kể ra bác mới hơn sáu chục chứ mấy, thế mà tóc đã bạc hết trơn.

- Sáu sáu. Cay đắng cơ cực quá mà, bạc đầu là còn may!

Bố mẹ thằng Cu ngồi vào bàn ăn. Mẹ nó vừa xới cơm vừa nói tiếp:

- Giá người ta cứ giữ bác trong bệnh viện có lẽ lại tốt cho bác, chứ để bác ở ngoài đã ăn uống thất thường lại lang thang tối ngày ngoài đường, thỉnh thoảng hát ầm cả xóm.

- Có lẽ đợt này bác ở luôn.

- Như vậy là tới thời kỳ nặng rồi, mình nhỉ.

- Ấy, lắm lúc nói cũng khôn đáo để, nghe cứ tưởng như giả vờ không bằng!

Thằng Cu lúc đó mải xem phim hoạt họa trên truyền hình, không nghe câu chuyện của bố mẹ - mà có nghe, chắc gì nó đã hiểu.

Dù không còn hy vọng gặp lại ông già, nhưng thằng Cu dường như ngày nào cũng vẫn thơ thẩn ở bãi biển, gần cái bồn tàu ngầm. Bỗng đâu khoảng hơn tuần lễ sau, trong khi thằng Cu đang cầm một cành cây vẽ nguệch ngoạc trên cát thì ông già xuất hiện. Thằng Cu chạy như bay lại, nắm tay ông già; miệng líu lo:

- Ông đi đâu vậy? Cháu chờ ông mãi!

Mặt ông già đầy vẻ nghiêm trọng:

- Tao bị bắt.

- Ai bắt ông? Politi hả?

-Địch. Tao vượt ngục đêm qua.

- Mình lại chơi tập trận nữa, ông nhá.

- Tình hình căng thẳng rồi, không thể trì hoãn nữa. Mai nhổ neo thôi, trực chỉ mục tiêu.

Thằng Cu nói như reo:

- Đi tàu ngầm về Việt Nam hả ông?

Ông già trợn mắt; cặp lông mày đứng dựng lên:

- Đồ ngu, lệnh hành quân mà la lối như vậy à? Phải luôn luôn đề cao cảnh giác, canh chừng tai vách mạch rừng. Rõ chưa?

- Rõ!

- Thôi, giải tán. Tao còn nhiều công tác phải thi hành.

- Ông làm gì nữa?

- Gắn máy vào tàu, lấy thêm lương thực.

- Ông nhớ mang theo cho cháu Coca với xô cô la nữa nhá.

- Ừ, về đi.

- Với cả ông gắn thêm cái ti vi để tối cháu coi tiếp phim hoạt họa Robin Hood.

Ừ. Mai, 10 giờ lên đường, nhớ chưa.

- Dạ nhớ.

Đi được ít bước, thằng Cu dừng chân, nói vọng lại:

- Ông không được đi trước đấy nhá.

- Sư mày! Đúng 10 giờ trình diện, không đuợc trễ một phút.

- Xin tuân lệnh!

Tâm hồn thằng Cu như mở hội. Nó vui mừng vô cùng, phần được gặp lại ông già, phần nghĩ ngày mai được đi tàu ngầm. Chắc chắn phải hấp dẫn hơn đi xe hơi của bố. Chân nó thì nhảy trên đường, trí nó đồng thời không ngừng vẽ ra những cảnh trong lòng biển. Về đến nhà, thằng Cu thấy bố đang ngồi tiếp khách. Trên bàn có bia và rượu. Tiếng cười nói hòa lẫn tiếng nhạc. Thằng Cu lẻn xuống bếp. Mẹ nó đang xúc bột cho em bé. Thằng Cu tự động lấy chén cơm, gắp mấy miếng thịt rồi ngồi ăn trên chiếc ghế cao. Mắt nó hướng ra ngoài khung cửa sổ, nhìn lơ đãng những ngọn cây rung rinh trong gió chiều.

Đêm đã quá khuya mà thằng Cu cũng không tài nào chợp mắt nổi. Ngoài phòng khách vẫn rộn lên những âm thanh hỗn loạn. Mỗi lần thằng Cu đang gà gà thì lại giật mình vì tiếng cười rộ lên của người lớn. Cuối cùng mệt quá thằng Cu thiếp đi lúc nào không hay.

Khi choàng tỉnh giấc, thằng Cu thấy nhà vắng lặng, bên ngoài cửa sổ



ĐOÀN NHẬT

tháng mười, giấc đêm

Đập vỡ lá. một giấc trăng, tiếng lạnh
hong khô đêm. huyễn hoặc. lửa trầm hương
ở ngọn nghành. nỗi xưa. mưa đã tạnh
xanh thảo nguyên. nỗi nhớ, gió xiển dương

ngồi ngập úng, trí nước sông. cỏ úa
trôi dạt đêm. mây tâm trí. thiền du
rừng cảm thức. chuyến đi về. gió túa
khuya. gốc quán. bóng yêu dấu. giấc mù

ngoài rừng rợ. ở khoắc khuya. trắng bóng
trí rớt rơi. cơn phiêu hốt. lá đêm
ở thượng nguồn. ngọn sầu. tâm xô động
đày ải ta. nỗi nhớ. một cõi im...

nắng đã lên cao. Sực nhớ giờ hẹn, thằng Cu nhảy tót xuống giường, mặc vội quần áo. Nó chạy không kịp thở, bất kể chân đạp vào đâu. Thằng Cu rẽ vào con đường tắt, lao người xuống triền dốc. Khi ra tới bìa rừng, thằng Cu khựng lại. Nó không tin ở mắt mình. Ngoài bờ biển chiếc bồn tàu ngầm đang từ từ lặn. Thằng Cu thét lên:

- Ông ơi, chờ cháu với!

Chiếc bồn đã chúi hẳn xuống lòng nước. Bọt trắng cuồn cuộn xôi lên. Thằng Cu vẫn gào trong tiếng khóc nức nở:

- Ông ơi, cho cháu đi với!

HOÀI MỸ



HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG

giếng cổ ở provence

Tặng anh chị VBTụy, CHThuần và một thế hệ
đã hò reo trên quảng trường thời đại

Chiếc bông tai em để rơi xuống giếng
Nằm trong bụng cá đã bao năm
Ta trở về tìm viên ngọc tím
Bống bang hỡi! cá lặn mất tăm.

giếng cổ - bis

Tặng Trần Vũ

Mặt gương trong em vẫn soi mày
Nước giếng in má hồng cô Tấm
Ta cúi xuống thời gian sâu thẳm
còn nghe bát ngát giọng em cười.

cối xay gió

Tặng anh HKKhôi, anh ĐVLong và thế hệ
những người cựu chiến binh đáng kính

Phương Nam gió vẫn đầy trời (1)
Cánh tay quạt gió trên đời lặng yên
Phong trần ngồi tựa mái hiên
Té ra hiệp sĩ còn nguyên mặt buồn(2)

---

(1) Có 32 ngọn gió vùng Provence thổi trên cách quạt cối xay gió A. Daudet.
(2) Hiệp Sĩ Mặt Buồn: biệt danh của Don Quichotte

mưa trên sông loire

Tặng và dán ở nhà Đặng Tiến

Đừng làm mưa trên sông
Đừng làm trăng trên sông
Mưa ướt người rũ rượi
Trăng soi người nhớ mong

ô lăng tam thánh (ba ông thánh ở orléans)

Tặng Đặng Quân, Minh Nguyệt, Nhất Lập, Lãm Thúy và Đặng Tam

Ngôi làng nhỏ có hai ông thánh
Người về dựng trại nữa là ba
Học Nguyễn Trãi thả mồng tơi rau muống
Dưới chân cầu ngồi hát Thiên Nga (1)

giờ ngọ ở tháp tòa thị chính marienplatz

Tặng Kiều Thái, và ngày quảng trường Marienplatz
kỷ niệm lần thứ 839 thành lập thành phố Munchen, 17.6.97

Cứ lượn vòng quan tướng, hiệp sĩ và ngựa xe
Rồi tới lượt bọn hề nhảy múa
Tám trăm năm trên quảng trường thành phố
Người Đức cười, bia sủi bọt tràn ly

cánh đồng waterloo

Tặng Minh Nể

Đây mồ chôn con đại bàng kiêu ngạo
Đời siêu nhân một cuộc vỡ tan tành
Ta đứng nhìn cách đồng biên giới
Trên lúa mì, thanh thản sắc trời xanh

(1) Làng St Pryvé - St Mesmin ở Orléans

xe đạp ở amsterdam

Tặng Carolỳn Visser và Nguyễn Văn Lan ở Paris.

Cuộc sống dồn đuổi nhau trên cao tốc
Ngồi lên xe là phóng mạng lao đầu
Chi bằng học người Amsterdam hiền triết
Cứ ung dung xe đạp qua cầu

thăm nhà cũ của anne frank

Tặng anh chị Lê Bá Đảng, Myshu, anh chị Phan Kế Viêm- Diệu Tâm,
em gái thánh thiện T.M.Ninh và Nguyễn Lang,
người bạn lòng lành ở ban Triết 40 năm trước nay ở phố Monsieur
- Và kính tưởng về thầy Thiện Châu, chùa Trúc Lâm

"Dù vật đổi sao dời
em vẫn tin con người hoàn thiện" (1)
Tôi đến giữa dòng người cầm trên tay ngọn nến
Thắp từ căn gác tội nghiệp này
Chút lửa của niềm tin
Anne ạ
Tôi vẫn giữ một bàn tay che gió
Đêm tối bàng hoàng cầm lửa đi lên

tháp eiffel

Tặng Phan Huy Đường và Đỗ Kh.

Những cột thép thi nhau mọc cao hơn mãi
Những Eiffel lẫm liệt một linh hồn
Dửng dưng nhìn phù hoa và ánh sáng
Làm một gã đàn ông kiêu hãnh cô đơn

---

(1) Nhật ký của Anne Frank viết năm 14 tuổi để lại sau khi chết trong trại tập trung Đức Quốc Xã

chiều trên sông seine

Tặng Huyền Trân

Trôi về đâu, hởi dòng Xen
Cầu xưa đá cũ chìm bên bóng người
Sóng xanh hư huyễn môi cười
Thoáng thôi sắc nước hương trời cũng xa

con dê của mr. séguin

*Tặng Thụy Khuê, Lê Tất Luyện
và Phan Thị Trọng Tuyến*

Hỡi con dê nhà xã Ghềnh(1)
Tự do nghĩa ấy cao minh lẽ nào?
Dê rằng: - chết giữa trăng sao
Nghìn thu hóa gió bay vào thảo nguyên

HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG

(1) Tên một truyện ngắn của A. Daudet. Xã Ghềnh là tên Việt của Mr. Séguin, theo bản dịch của Bửu Kế



NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

LAN & ĐIỆP



"Lorton Correctional Center, ngày.....tháng....năm....

Em Lan thương, Em hãy gửi gấp ngay hôm nay vào cho anh một cái quần lót dơ chưa giặt của em. Em thấy không, anh ở đâu, làm gì, thì cũng chỉ có thương em, nhớ em mà thôi. Em thấy chưa, em đừng có đi trốn anh nữa, và cũng đừng có kêu cảnh sát bắt anh. Lần này trở về, anh quyết định chừa không uống bia, uống rượu, hút xách gì nữa, và kiếm việc làm tử tế. Và cũng không dám đánh đập em nữa. Anh biết sợ rồi thì em cũng PHẢI biết tha thứ. Thương em Yêu em Điệp văn Mai

---

TB: Nếu nhờ có cu Dick mà em xin được trợ cấp xã hội đủ thì anh muốn em ở nhà trông con. Anh không thích em đi làm, gửi con cho nhà trẻ hành hạ, mà lòng trinh nguyên chuyên chính với anh, em cũng không còn giữ được.

Đ. M.

HÔM NAY NGÀY MAI

8giờ hôm nay

Tịt tin tít tìn tin tin tít...Re...eng! Re...eng!

"Hello, tôi gọi đến...về cái quảng cáo cần người dạy trẻ ở trung tâm của ông/bà."

"Vâng, nói cho tao nghe mày có bao nhiêu kinh nghiệm?"

"Tôi là cô giáo dạy trẻ ở xứ tôi, Việt Nam, 4 năm trước khi tôi tới Mỹ. Tôi vừa mới tốt nghiệp chứng chỉ Giáo Dục Mẫu Giáo ở đại học Cộng đồng Virginia. Tôi có đi quan sát chương trình giảng dạy Head Start ở Alexandria, tôi thực tập hai tháng ở Trường Mẫu Giáo Annandale, tôi làm tình nguyện hai tháng ở trường tiểu học công lập Heritage..."

"Mày nói mày là người xứ gì? Đại Hàn hả?"

"Không, tôi là Việt Nam"

"Mày vừa tốt nghiệp? Vậy mày 18 tuổi hả?"

"Không phải, tôi bốn mươi sáu tuổi."

"Mày có đạo công giáo không?"

"Không, tôi không có."

"Ừ thôi. Ngày mai, mày đến phỏng vấn ."

"Vâng, được. Mấy giờ?"

"Mười giờ sáng. Mày cho tên và số phôn để liên lạc. Hẹn gặp 10 giờ mai!"

"Nhưng mà làm ơn cho địa chỉ và chỉ dùm tôi đường đi."

"Ờ, địa chỉ là 3502-7 Columbia Pike, Nhà Thờ Công Giáo Arlington. Mày ở Annandale hả? Lấy đường 50 chạy thẳng, khi nào thấy đường Glebe thì quẹo trái, nhà thờ vách sơn màu đỏ sậm nằm ngay chỗ Glebe cắt Columbia Pike. Mày nghe rõ chứ?"

"Vâng, tôi sẽ có mặt ở đó đúng 10 giờ sáng mai"

8giờ ngày mai

"Re...eng! Re...eng! Na Thi Le?

"Vâng, là tôi"

"À, Na nè. Tụi tao đã mướn được người khác rồi. Vậy mày khỏi tới nhé. Tụi tao thành thật cám ơn mày đã có ý gọi đến trung tâm của tụi tao. Chào mày, chúc mày nhiều may mắn!"

TÌNH YÊU

Cô em mở áo chỉ cho chị mình coi, cái vú tay trái biến mất tăm dạng. Người chị sờ tay xoa lên chỗ ngực em mình. Vết cắt chạy dài từ đáy nách ra được khâu lại khéo quá. Da thịt mịn màng, trơn láng, bằng phẳng như ngực của một bé gái lên ba. Nhưng lại thiếu cái chấm đen lờ mờ của núm vú. Mà cũng không phải giống như ngực của đàn ông.

Nửa bầu vú bên kia vẫn bầu bĩnh, phập phồng, nhô cao, chờ đợi.

Hai chị em thủ thỉ tâm sự:

-Vợ chồng em vẫn hoà thuận. Hơn bốn mươi tuổi rồi, em mới thấy, thật ra, trong cõi đời này, chỉ cần biết có mỗi một người đàn ông thực sự thương yêu mình là quá đủ rồi.

-

TUỔI THỌ 97

Thắm đón chồng từ nhà thương về. Gan vỡ, vết mổ của Huy rạch một đường dài từ giữa ngực xuống tận rún để hút sạch máu loang trong lục phủ ngũ tạng đã khít miệng lại, Thắm phải lái thật chậm, thật êm và cẩn thận. Bác sĩ dặn, chỉ cho Huy ăn những thức ăn không dầu, ăn rau, không ăn thịt, uống nước cốt trái cây, nước lọc, xúp thì loãng và nhạt...

Huy bản tính vẫn khôi hài:

-Trong năm nay, là năm 97, vậy ít ra thì anh cũng hưởng dương được gần năm chục tuổi. Anh lại sắp được em giúp cho anh ăn chay sám hối sáu tháng trước khi chết nữa, còn đòi gì!

Dìu chồng vào giường nằm êm ái, đắp cho Huy chiếc mền mỏng, chiếc mền màu đỏ chói, không hợp chút nào với da mặt nám đen vàng bệch của Huy, Thắm đi vào phòng tắm.

Ngắm nghía thật kỹ mặt mình trong gương, Thắm bỗng tươi tỉnh nét mặt lên. So với khuôn mặt hơi ngắn của mình, thì Thắm có một cái sóng mũi khá dài, và khá to. Tướng mũi dài và to, là tướng thọ.

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC



ĐỖ KH.

cái vòng sinh tử luân hồi

Người yêu của tôi xong việc rồi đứng dậy
Nàng vơ tay tìm quần lót ở trên nệm
Nàng kéo vớ cẩn thận từ bắp dưới lên đến đùi
nàng cài lại nút áo
Nàng bậm môi thoa thỏi son
Có khi nàng tẩy trang
Nàng quay mình đi dấu ngấn lệ đang xèo xèo
trên má còn nóng hổi
Hay là nàng cười
Ngay cả trước khi ra đến cửa vì không ngăm nổi

Những người yêu của tôi ra đi không rập rình

Họ bỏ tôi lại trên giường nằm một mình
Với vợ
Tôi lay vợ nàng không buồn dậy
Nàng cựa quậy
Những người yêu của tôi ra đi
Thành cố nhân

Vợ tôi mở một mắt
Nàng động đậy
Cũng không buồn chào người yêu mới

Lại Thêm Một Chuyện Lôi Thôi Bắt Đầu

tới đoạn hay tự nhiên

Điều em tôi khiển từ xa
Quá xa em nhấp nháy qua kênh người
Đứng đây tôi bấm liên hồi
Tháo pin ra lắp lại chùi rưng rưng

Chuyển Kênh Máy Này Nó Điên

ĐỖ KH.
29/4/97



ĐỖ QUANG NGHĨA

có cần chăng
một quê hương nhớ để đau đớn

Mây bay đi rồi còn chúng mình trong nhau
Cánh đồng phả vào ta mùi hừng hực da thịt
Có con chim nào
                              Ở đâu
                                        Ở đâu

Ý nghĩ hiện một con đường xa tít

Những chuyển động sẽ sàng
Những thầm thì sẽ sàng
Ngón tay chạm một mùi cỏ héo
Rót xuống mình ta nắng từ rất cao
Dâng từ hồn ta xôn xao xôn xao
Khi chúng mình thức dậy trong nhau
Nắng vẫn xung quanh
Trên đầu vẫn gió
Vẫn tiếng cu gù bỡ ngỡ

Thanh bình thành không thật
Thanh bình thành xót xa

Ta đã đi rồi!
Ta tự hỏi ta
Có cần chăng một quê hương nhớ để đau đớn?

ĐỖ QUANG NGHĨA.
4.9.1997



NGUYỄN HƯƠNG

CẢI TÁNG



MỊCH

Nhau tôi chôn chỗ này, dưới gốc cây sao, ở giữa dãy núi và nhánh sông chảy qua làng. Cha tôi bảo lúc ông vùi lấp xong sợi nhau trắng nhảy, ngẩng trông hướng gió thì sao Bắc Đẩu đang nhấp nháy sáng. Nhỏ xíu. Như hạt cát rơi xuống lưng chừng thì dừng lại, lơ lửng cách sườn đồi một sải tay trời đêm.

Vậy là tôi thành thầy địa lý: nghề của cha tôi truyền lại. Công việc muôn đời không sợ hết. Địa hình, vô số địa hình biến hóa từ từng đó thứ: gió, nước, núi, sông, và phương hướng sao trời. Những thứ trong mắt cha tôi đêm ấy.

Tôi cũng không biết đêm ấy là bao giờ. Địa hình không có đường thẳng lịch sử, không có biến cố, ngoài những vận hành tiềm ẩn trong đất, bằng động lực của gió, nước, núi, sông, và phương hướng sao trời.

Nửa đêm, gió hú trên triền núi. Gió tốc liếp phên chái bếp, đập thôi thúc. Nửa đêm, gió uốn cây cành răng rắc. Tôi mơ hồ nghe tiếng cây cối nổ dòn trong bom lửa.

Nở, vợ tôi, trở mình. Tôi vòng tay qua người nàng. Ngón tay tôi chạy dọc một đường thẳng từ sống mũi nàng xuống môi, qua chỗ trũng ở cổ, chạy giữa hai vú, xuống bụng, vùi vào khoảng trống sâu hút trong người nàng. Bên trong là địa hình, với gió nước, núi sông, và phương hướng của sao trời. Tĩnh lặng. Ướt nóng như thuở sơ khai. Tôi cười bâng quơ, trườn qua nằm phủ lên người nàng. Xương nàng cứng cáp. Da thịt nàng mềm.

NỞ

Nửa đêm, gió luồn qua chỗ lỏm bên hông sườn núi, oằn oại hú trên ngọn tre làng, vật rầm rầm xuống mái tôn. Người ta cho nổ núi lấy đá đắp đường cho xe tải hàng công nghiệp hóa đất nước. Đám thanh niên thất nghiệp đập đá, mài nhẵn thành rồng cuộn trên bộ đồ trà bán giá hai trăm nghìn cho du khách. Núi lòi ruột. Đá nham nhở xanh. Không như Mịch tưởng, bên trong không có địa hình bình lặng, không có thế giới sơ khai.

MỊCH

Tôi lặp lại điều cha tôi làm đêm ấy. Tôi chôn cha tôi giữa quả núi đầu rồng và nhánh sông uốn khúc. Bây giờ tôi chôn tôi vào người nàng. Chờ phát ở đời sau.

NỞ

Địa hình đeo đẳng theo Mịch như một thứ ảo giác phi lịch sử. Răng Mịch sáng trong đêm. Mịch nấc tha thiết lắm, mộng du trong động tác khai nguyên. Hắn mong con trai nối dõi, lặp lại khởi đầu một cách mơ ngủ.

Chúng tôi lấy nhau đã hơn mười năm. Bây giờ đã muộn mằn sanh nở. Muộn mằn nghề nghiệp. Lòng sông vốn hẹp lại cứ đầy dần, vì mất rừng, đất đỏ trên đồi trôi tuột xuống sông. Còn núi. Nói núi thì hơi quá. Đồi thì lở loét vì mìn. Mìn chiến tranh. Mìn nổ đá công nghệ. Sông núi không chỉ lẳng lặng theo những biến chuyển địa chất muôn đời trong thế giới của phong thủy. Địa hình đầy biến cố: hận thù, cơm gạo.

MỊCH

Gà gáy. Tiếng gà trống đơn độc trên rào tre trước sân. Trời không còn gió. Tôi trỗi dậy pha trà. Nàng hãy còn ngủ. Đầy đặn.

Tôi nhìn ra cửa sổ. Ông Thiện đang dừng lại trước cổng, cúi nhìn những đường gân xanh trên hai bàn tay. Ông vụt ngẩng lên gọi:

"Ông Mịch ơi. Tôi có chuyện nhờ."

Sương sớm đọng giọt trên cổng tre. Tôi quay vào mặc áo. Có tiếng ông mở cổng ngoài sân.

Ông Thiện ngồi trước mặt tôi. Hai chén trà bốc khói. Ông nói:

"Đêm qua gió. Thằng Thọ lại lên cơn, rúc vào góc nhà, bịt chặt tai. Mắt nó trợn ngược. Mép sùi dãi. Ông phải giúp tôi."

"Thì tôi đã nói với ông. Chỗ chôn cất cụ nhà tốt thật, nhưng chỉ phát được một đời. Còn thì phá các đời sau."

Ông Thiện lẩm bẩm:

"Không. Hàm rồng cơ. Chỉ tại chúng nó phá núi làm đường. Động mạch."

Ông nhìn tôi:

"Ông Mịch, tôi phải cải táng ông cụ. Tôi có mỗi thằng con trai."

Tôi đi dọc bờ sông tìm nơi cải táng cha ông Thiện. Biết đâu dời xuống bụng rồng chẳng mang an lành đến cho đám hậu duệ. Nắng quá ngọ chói chan trên mặt sông sóng lăn tăn như vẩy cá đang hóa rồng. Tôi che mắt nhìn.

Có tiếng gọi sau lưng tôi. Bà Vị cắp nón vẫy vẫy dưới nắng. Bà xốc tới:

"Ông Mịch, may quá gặp ông. Con tôi, thằng Hỷ, nó lại về ông ạ. Em nó bảo thung lũng sương đọng, chướng khí, lạnh lẽo." Bà chậm mắt. "Ông giúp giùm tôi. Chọn cho em nó một chỗ ấm áp bình yên."

Tôi về đến cổng nhà là gà đã vào chuồng. Nàng trong nhà đi ra. Nàng cười, xòe tay cho tôi xem quả trứng to tướng, bóng nhẫn, vân trắng trên nền hồng. Nở nắm lấy tay tôi:

"Cầm lấy xem."

Quả trứng mát lạnh. Ra là đá hoa mài. Nở bảo:

"Cái này bán cho du khách cũng khá đấy, anh."

Nở quay lưng, tôi níu tay nàng:

"Nở này. Thằng Hỷ, con bà Vị, làm sao mà chết?"

"Thì đàn ông chết trẻ là chết bom chết đạn."

NỞ

Chồng tôi tối ngày lững thững ở chỗ tha ma như cơn mộng du về quá khứ. Không dứt. Trước chồng tôi đi săm soi con nước, triền đồi. Bây giờ, mọi thứ đều được trưng dụng để lấp liếm vẻ nhếch nhác trên con người, trên nhà cửa. Người ta mơ vàng, mơ kho tàng giấu trong bụng núi. Người ta cho nổ mìn. Đá tảng thành đá cục. Không có điều gì giấu kín trong lòng núi. Đá cục mài nhẵn thành đá trứng. Những quả trứng tròn lẳng, xám, xanh, hồng, tía, trào ra từ bụng núi. Mỗi quả biết đâu lại chẳng chứa một điều kỳ diệu. Lũ thanh niên thất nghiệp mài. Lũ trẻ con thất học mang đi bán cho du khách, hai mươi nghìn một quả, một ước mơ, một điều kỳ diệu. Du khách mua, mười sáu nghìn một quả, một thế giới thứ ba nhốt kín.

Chồng tôi lững thững ở những nơi phong thủy đã thu hẹp. Quanh đi quẩn lại những chỗ Mịch bày cho người quyền chức chôn ông chôn cha. Những lỗ huyệt dấu kín. Mỗi lỗ là một cuộc đời và nhiều câu chuyện giấu kín.

CHUYỆN TRONG MỒ CỦA HỶ

Người kể không phải là Mịch, không phải là Nở. Chuyện người chết không cần tên người kể. Như chuyện ma. Ma lai rút ruột. Chỉ đầu, tóc, ruột, bay lơ lửng trong đêm. Không nương, không bám được vào đâu. Không căn cứ. Lời lẽ hoang đường.

Hỷ lạnh. Mớ xương cứng lại vì lạnh. Trí nhớ Hỷ mù mịt. Sương đục, la đà đọng lại chỗ trũng giữa hai quả đồi. Hỷ thèm trời trong, đồi núi sắc nét, không có mù sương, chan hòa nắng. Hỷ thèm nắng ấm, nóng chảy da như những buổi trưa Hỷ trốn trên gác. Giọng mẹ Hỷ dưới nhà rên rỉ với cán bộ Phụ Nữ đến động viên bà cho con đi nghĩa vụ:

"Nó biến rồi chị ạ. Tôi mà biết nó ở đâu tôi lôi về đóng nọc. Xấu cả họ."

Hỷ nghe tiếng bà Vị khóa trái cửa, tiếng lục đục dưới bếp, tiếng chân trên nấc thang tre kẽo kẹt. Cơm nguội trên lá chuối, lấm tấm đỏ mấy rẻo tép phi. Hỷ cười với mẹ. Hỷ không có cha. Tóc bà Vị lòa xòa mồ hôi, bệt vào da. Những đêm trăng da bà sáng mờ mờ, tóc bà rơi rũ, bệt vào má, vào gáy. Nhưng đó là chuyện bà Vị.

Còn Hỷ. Hỷ cũng đang nhớ những đêm trăng. Hỷ nhớ Nở. Da Nở sáng mờ mờ dưới trăng. Tóc Nở rơi rũ, phủ lên mắt, lên môi Hỷ. Ve gào trên đồng cỏ. Cánh đồng cỏ hoang đường nở bông đậu hạt. Hạt cỏ bay mù dưới trăng. Gió bay đến đâu cỏ mọc đến đó. Cánh đồng lan ra mãi, phủ một màu hoang tưởng lên làng mạc, phố sá, tỉnh thành, quốc gia. Chỉ còn cánh đồng cỏ trong đêm trăng.

Áo Nở gió tốc ra xa. Nở cười chồm dậy đuổi theo, bỏ Hỷ nằm trần truồng dưới trăng. Nở chạy đến bìa cỏ, với bắt chéo áo. Nở chếnh choáng ở mép cánh đồng. Bên dưới là sao, sao như cát sông Hằng, chen chúc sáng. Nở gọi Hỷ. Tiếng Nở bay lơ lửng. Cánh đồng bay lơ lửng trong đêm sao. Lúc Hỷ chạy đến nơi là Nở đang rơi giữa vũ trụ, bóng tối xuyên suốt qua người. Sao bung như pháo bông. Hỷ gục xuống áo Nở còn vướng trên bụi cỏ. Mìn cá nhân nổ chát tai. Áo Nở thấm đầy máu Hỷ.

Hỷ rú lên mà chắc gì ai nghe. Tiếng hú của Hỷ bay lơ lửng như ma lai rút ruột. Không nơi tựa. Không luận cứ. Không ngôn từ.

CHUYỆN CỐT CHA ÔNG THIỆN

Sống, tôi là người rộng rãi. Chẳng những chỉ bọn tá điền của tôi mà cả làng ai túng bấn đến đều được tôi cho vay không thóc thì tiền. Vâng, thì lấy lãi. Nhưng là để giữ kỷ cương. Không bọn rồi nghề chỉ có ỷ lại mà nát rượu. Năm chồng tháng chất không trả nổi thì đem con đến gả bán. Mà tôi vẫn giữ gia phong. Không phải cứ sẵn đó mà quàng vào cho rồi. Nền nếp đâu đó bà

cả bà hai đã rõ ràng. Trong nhà, ngoài ngõ, đường đường chính chính, không ai chê trách vào đâu được.

Ấy vậy mà khi chết, thằng Cả nhà tôi phải chôn chui chôn nhủi như mèo giấu cứt. Nó làm chức to thế mà thằng cha nó chết khát trong tư thế thúc khủy, lúc con Vị đang xỉa xói tố địa chủ. Cha thằng Mịch đi bày cho thằng Cả lỗ xoáy ở hốc núi: hàm rồng.

Lẽ ra thì cũng được đi. Đời xưa, tổ vua Lê còn dám nhảy xuống Hàm Rồng cho hậu duệ nên nghiệp đế vương. Nghiệp đế nào không xưng tụng bằng máu? Máu tổ tiên, thiên hạ, công thần, con cái. Nay sá gì cái xác bầm dập của tên địa chủ ác ôn này. Khổ nỗi, chính cha thằng Mịch xưa cứ bảo: Hàm rồng chỉ nơi đó trên sông Mã, nghìn năm mới mở một lần, tổ nhà Lê lấy mẹ nó rồi, còn thì là hàm chó tất. Sáu trăm năm đất chó. Dễ đến bốn trăm năm nữa.

Kệ đất với nước, xưa kia với mai hậu, tao cũng có được cái hốc núi mà nằm.

Tưởng đã yên. Nào ngờ tối hôm kia thằng Cả Thiện nửa đêm xách đèn bão chỉ trỏ cho hai tên vai u thịt bắp quật mồ cha nó, mò mẫm hốt cốt mang đi cải táng xuống gần mé sông. Chưa đào xong, nước đã đọng đầy lỗ huyệt. Ấy vậy mà chúng nhẫn tâm vùi tôi xuống. Thằng Thiện vốc đất quăng xuống nắp quan tài đánh độp.

Nước lõm ngõm buốt xương. Chừng đó tôi mới khám phá mình mất xương bả vai. Chúng bỏ sót vai phải của tôi trên hóc núi, trời ạ. Thế là thằng tôi vắt vẻo giữa hàm chó và bụng cá-chưa-hóa-rồng. Vĩnh cửu.

Ơ! Cái con Vị làm gì thế nhỉ? Nó dải phân lên mồ cha chồng hụt của nó đấy à. Xong còn vén quần đái sè sè xuống chỗ đất còn tươi. Nước ngấm qua ba tất đất. Mùi hôi thối lan trong đêm, xông vào Vĩnh Cửu.

Chém cha con Vị. Từ dưới huyệt nhìn lên, trông gái lục tuần đái vẫn mát mắt. Hồi xưa con Vị còn thon thả mà mông đã đầy, chắc nịch. Tao xem đâu ra đấy mới xin cho thằng Thiện. Tao biết đâu được bố thằng Mịch đã nằm ấm chỗ. Thằng thầy bói đất lúc đó đã có mẹ con thằng Mịch. Con Vị nhà bần, trai chơi đã chán chê, mà còn làm hỗn, không thèm chỗ Dâu Cả nhà tao.

Ấy thế, tao phải đè nó ra cạnh giếng nước để xác định thứ bậc xã hội. Nó dưới. Tao trên. Không thì còn ra cái thể thống gì. Đêm đó da nó cũng trắng mờ mờ như đêm nay.

Tự dưng xương tôi buốt lắm. Ai mà không tham sống. Thịt da ấm áp, len vào Vĩnh Cửu.

NỞ

Mùi phân trên khoảng đất tươi bay ra như một tín hiệu được đánh đi: Mả cha thằng Thiện đấy. Cứ thế, mỗi sáng lại thêm một đống phân tươi.

Ông Thiện đến tìm chồng tôi, vò đầu bứt tai. Mịch ung dung bảo: "Tôi thì tìm chỗ khác được đấy. Sẽ yên thôi. Tùy ông. Ai ngờ dân họ thù ông cụ thế."

Mà có phải họ thù ông già đâu. Lão dù gì cũng đã đền tội. Oán là oán ông Thiện. Con trai bà Vị đang nằm yên trên gác. Ông Thiện phát động phong trào động viên nghĩa vụ, ập vào từng nhà, lôi tuột Hỷ xuống, kéo lê Hỷ trên bãi mìn Cambuchia. Môi Hỷ đỏ. Anh bộ đội nhân dân Việt nam tình nguyện trên đất nước anh em anh hùng. Mìn xé toạc tới háng Hỷ.

Tôi không nghe tiếng mìn nổ. Đêm nằm giữa cánh đồng cỏ tôi thấy Bãi Mìn của Hỷ trên trời. Mìn chen chúc như sao, bung như pháo bông giữa đêm tối. Không có tiếng nổ. Tôi chờ nghe tiếng nổ. Tôi chờ nghe tiếng rú của Hỷ.

Nhiều năm sau đó tôi còn mơ thấy áo mình thấm đầy máu Hỷ. Màu đỏ tươi chói chan dưới trăng. Áo tôi đỏ tươi giữa cánh đồng cỏ đen trắng, giữa đêm đen trắng. Câm lặng.

MỊCH

Lúc ông Thiện bỏ vốc đất xuống nắp áo quan đánh độp, tôi thấy ông rùng mình. Trong cái chớp mắt của ông, tôi thấy quang cảnh cánh đồng cỏ qua góc vai phải ông cụ. Bắp tay ông cụ lay lay trong động tác chắc nịch, chính xác. Trên cao là cánh diều căng gió. Cậu bé Thiện lấp xấp chạy theo lưng bố, mắt dán vào cánh diều trên khoảng trời cao vút, đóng khung ba bề bằng góc vai phải và bắp tay của bố.

Ông Thiện quay lại nhìn tôi. Cơ bắp quanh mắt ông co giật. Tôi thấy trên đó gương mặt của Thọ. Mất tai phải. Vết sẹo như con tắc kè cong đuôi bám quanh mắt phải. Thọ thuộc lớp nhỏ hơn tôi. Phải làm gương trong chiến dịch động viên địa phương của bố. Thọ trở về từ Cambuchia không tai và mất trí. Mỗi lần nghe tiếng động to, như khi trời gió, là Thọ mắt trợn ngược, sùi dãi, nép vào góc nhà.

Ông Thiện là nhà lãnh đạo gương mẫu. Tố cha. Đẩy con đi chiến trường. Quá khứ và tương lai, ông nghiền nát cho hiện tại, cho quyền chức, cho quốc gia, cho tập thể. Hiện Tại vĩnh cửu.

Tôi phục vụ ông Thiện, uy quyền, bạo lực, phục vụ Hiện Tại. Tôi mang theo mình sự cảm thông với Hiện Tại mà Nở không hiểu được. Nở vẫn tưởng tôi sống trong quá khứ xa xưa, mơ ngủ trong chuyện muôn đời của phong

thủy như một thứ ảo ảnh phi lịch sử. Nở có biết đâu trên bãi chiến trường của tôi, Hiện Tại đã đốt cháy đồng đội, đốt cháy kẻ thù, đốt cháy tôi. Chúng tôi tái sinh trong bạo lực và uy quyền của một thì hiện tại miên man, không dứt.

Tôi không mơ ngủ. Tôi biết Nở năm đó tối tối lẻn ra tìm Hỷ ngoài đồng cỏ. Tôi thấy Nở nằm phủ lên Hỷ. Tóc Nở rơi rủ lên mắt, lên môi Hỷ. Tôi thấy điều đó trong luận cứ, trong ngôn từ của Nở. Tôi thấy cả, vì tôi nhìn bằng đôi mắt của quyền lực. Soi mói. Len lỏi. Không cùng. Mê sảng. Mọi thứ quyền lực đều sáng suốt và mê sảng.

Tôi chếnh choáng trước uy quyền và bạo lực của những điều ẩn dấu. Thâm cung bí sử. Tôi biết cả. Vì tôi biết địa hình. Biết gió nước, biết núi sông, biết phương hướng sao trời. Nửa đêm, tôi đi cải táng cha ông Linh.

Mả cha ông Linh bỗng dưng đùn mối. Ông Thiện bảo:

"Mịch, đi bốc mộ nó. Làm sao cho tàn mạt mấy đời sau nó thì thôi."

Ông Linh là cấp dưới ông Thiện. Nay lăm le hất chân ông Thiện. Ông Linh đi khui vụ vi cánh ông Thiện bán lậu mìn trong kho đạn thời chiến ra cho dân phá núi tìm vàng, lấy đá. Cho dân tầm thù đặt chất nổ nhà nhau.

Lần này tôi không cần phu đào huyệt như lần trước. Tôi đào một mình. Tôi quì trên đất mới. Tôi thọc tay xuống huyệt móc moi, thỏa mãn như đang thọc tay xuống cổ họng mình moi móc ruột gan. Tôi muốn sờ vào chỗ tận cùng, ngửi mùi mồ mả.

Tôi moi cốt cha ông Linh mang đi vùi vào hốc núi, chỗ đám thanh niên thất nghiệp đặt mìn nổ đá. Mìn kho đạn thời chiến bán lậu ra ngoài còn nguyên sức công phá. Cốt cha ông Linh bắn tung tóe, lẫn vào bụi đá.

Con trai ông Linh bị xe tải tông chết, ba ngày sau khi tôi cải táng cụ nội nó. Thằng Hậu lúc đó đang phóng xe máy cao tốc qua đèo.

NỞ

Hậu, Hỷ, và Thọ xưa là bạn cùng lứa, mười bốn mười lăm, nhỏ hơn tôi dăm tuổi. Thời đó chúng tôi tối tối rủ nhau đi gỡ khoai hợp tác xã. Tôi nướng khoai, Thọ đánh cắp rượu Liên Xô ở tủ rượu nhà ông Thiện. Hậu và Hỷ kháo nhau chuyện trong Nam. Giấc mơ tang bồng của chúng chỉ đến thế. Thọ không mơ gì xa xôi cả, chỉ cái Hoa. Cái Hoa mặc áo hoa, có mụn sữa trên cánh mũi. Cái Hoa lãng tai, hay nghển ngãng hỏi anh Thọ nói gì?

Tôi gặp Mịch năm tôi hai mươi, lúc Mịch giải ngũ trở về từ chiến trường Miền Nam. Mịch lành lặn. Không có dấu vết gì của sự tàn phá. Tôi chùi vào dưới người Mịch, ấm áp. Hai năm sau tôi về với Mịch. Tôi bước vào

giấc mơ của thời xa xưa, tĩnh lặng. Của núi, của sông, của phương hướng sao trời. Một thanh bình mê ngủ sau chiến tranh. Tôi thả dây bầu xanh ngắt bò lổn ngổn trên đất, rơi rũ trên dàn.

Năm đó, Hỷ phiêu lưu vào Nam trở về. Hỷ cao khỏng, mười chín, con vô thừa nhận. Hỷ ập về như thực trạng thời hậu chiến. Hai năm sau hòa bình, sức công phá của chiến tranh giải phóng chúng tôi thoát khỏi sự kìm tỏa của hy vọng, đẩy chúng tôi vào một thế giới hư vô. Dây bầu của tôi khô héo trên dàn. Tôi lao vào đêm sao của cánh đồng cỏ. Bóng tối xuyên suốt qua người như cái chết.

Chỉ một năm sau là Hỷ đã đi khuân đạn trên Bãi Mìn một cuộc chiến khác.

Hơn một thập kỷ sau đó, lúc người ta đã chôn sạch mọi cuộc chiến, tôi đi đám tang của Hậu. Trong bọn, có Hậu là trở về từ Cambuchia lành lặn. Lúc lấp huyệt Hậu, ông Linh bắt gặp ánh mắt tôi. Ông nhìn tôi trừng trừng. Ông nhìn xuống huyệt Hậu trừng trừng, như cố khám phá điều dấu kín ông.

Lúc mọi người tản mát, tôi đến cầm tay ông Linh. Ông hỏi:

"Thằng Hậu, làm sao mà chết? Xe tông thì bầm dập, làm sao lại không còn nó nữa, hả cháu?"

Tôi không cho ông được một nguyên nhân. Tôi lắp bắp:

"Chồng cháu cải táng cụ nội của Hậu."

Ông Linh hỏi:

"Xe tông thì bầm dập, sao lại mất biến đi?"

Một tuần sau, tôi đi chôn Mịch. Tôi chôn Mịch sau nhà, ngay hôm nhận xác. Tôi đào huyệt với lũ gà. Tôi thả dây bầu xanh ngắt, bò lổn ngổn trên mả Mịch. Tôi không nhờ ai xem cuộc đất.

Hôm đó, ông Linh mặt tái mét lắp bắp ngoài cổng nhà tôi, chỗ ông Thiện đứng tháng trước:

"Tôi phải nhìn xem làm sao xe tông mà lại mất đi."

Ông Linh kể Mịch ngoái lại nhìn ông lúc bị ông đẩy vào đầu xe tải. Ông kể người Mịch văng vào vệ đường, ngoặt nghẹo. Ông kể Mịch nhìn trời rồi nhắm mắt.

Ông kể sống chết vẫn là điều dấu kín ông. Nhưng Mịch thì thấy cả. Chết giữa ban ngày mà Mịch nhìn thấy ngôi sao Bắc đẩu nhấp nháy, lơ lửng cách sườn đồi một sải tay trời đêm. Mịch sáng suốt, mê sảng.

Còn tôi. Cuối cùng rồi tôi cũng nghe được tiếng rú của Hỷ bay lơ lửng trong đêm. Không luận cứ. Không ngôn từ.

NGUYỄN HƯƠNG



NGU YÊN

ai là tôi ?

trình diễn hai người nam đọc nữ hát
hát không nhạc hát theo lối kinh than
đọc hai giọng giọng nam và giọng nữ

hát: - tôi là ai mà còn khi dấu lệ
tôi là ai mà còn trần gian thế
tôi là ai?
là ai?
*là ai?**

tôi là chàng gay hợp pháp
có giấy khai sinh
có bằng lái xe
có thẻ tín dụng
có nghề nghiệp lảnh lương
có đi bầu
có đóng thuế như mọi kẻ bình thường

tôi là nàng gay không hợp lệ
không có mông
không có ngực
không biết sinh con
dù những lúc phấn son diện đồ hấp dẫn
có lắm đàn ông tán tỉnh si tình
có lắm thiếu nữ hờn ghen ganh đua nhan sắc
tôi vẫn là nàng gay không hợp lệ

tôi là người gay do trời sinh ra
không được thừa nhận
hàng ngày ánh mắt quí vị lên án giam cầm tôi chung thân
lời nói quí vị nguyền rủa tôi như tên tử tội
những lúc quí vị giận ghét hoặc khinh bỉ tôi
xin hãy nhớ cảm ơn số đời may mắn
xin hãy cảm ơn trời đã chọn tôi
không chọn quí vị

trời đã chọn tôi
có nửa đàn ông không thích đàn bà
có nửa đàn bà yêu quá đàn ông
tại sao quí vị chống đối tôi lấy chồng?

tôi là người gay việt nam
bị luân lý treo cổ
bị đạo đức lăng trì
bị hàng xóm hành hạ
bị cha mẹ bà con đay nghiến trái tim
ngày ngày tôi sống bằng chết dần hy vọng

tôi hy vọng điều gì?
tôi hy vọng sau khi tôi chết
nhân loại hồi sinh trong số mạng công bằng

hát: -đừng tuyệt vọng
tôi ơi đừng tuyệt vọng
nắng vàng phai như một mảnh đời riêng
có đường xa và nắng chiều quạnh quẽ
*có hồn ai đang nhè nhẹ sầu lên**

NGU YÊN
Houston 25-08-1997

---

* nhạc trịnh công sơn



NGUYỄN MAI

NHỚ PHÙNG QUÁN



Gần ba mươi năm tôi không được ăn Tết quê hương. Ở đây, Tết đến trong mùa đông thường mưa bão lạnh lẽo, hay tuyết rơi trắng cả không gian. Nhưng cũng có đôi khi, bỗng nhiên cuối tháng giêng đầu tháng hai dương lịch lại có nắng hanh lên bất ngờ, làm nhớ quay quắt cái Tết Sài-Gòn năm xưa.

Thuở còn đi học, chưa vợ chưa chồng, chưa con cái, một lũ sinh viên lìa xứ. Tết là bâng khuâng thương nhớ, là náo nức mong đợi những thùng quà của bố mẹ gửi sang từ một quê hương xa lắc. Và cũng là dịp để tụ họp nhau, nhảy bừa lên một sân khấu nhỏ dựng vội vàng trong một nhà khách sinh viên, hát xướng, làm trò. Đám khán giả bên dưới vừa Việt vừa Tây, cộng thêm một số bạn bè Á Châu khác, luôn luôn dễ dãi, sẵn sàng và nồng nhiệt hòa nhập cùng chúng tôi đón một ngày đầu năm thiêng liêng.

It lâu sau, lũ sinh viên vào đời, bạn bè phân tán khắp nơi. Cuộc sống cũng chẳng cho ta thong dong được nữa, để mà hoài niệm. Gia đình, công việc, nhà cửa bộn bề. Cứ thế, mỗi năm tôi tự thu tôi gọn hơn chút ít vào trong cái vỏ của mình khi Tết đến. Giao thừa bên nhà là năm sáu giờ chiều chỗ tôi ở. Nắng ngày, nếu có, cũng tắt từ lâu. Ra sở, vội vã chạy về, thắp ba nén hương. Khi nhang vừa tàn, mùi nồng bay đi, thì ngày Tết cũng hết. Nơi tỉnh nhỏ này, mà chỉ tính đường chim bay đã hơn mười nghìn cây số cách biệt, lấy đâu ra, tìm đâu thấy mùi, sắc và âm của một ngày Tết dân tộc. Tất cả lặng

lờ, lạnh lẽo. Có cố tình ngồi lại hồi tưởng, kỷ niệm cũng đã mỗi năm mỗi mờ nhạt với thời gian. Có phải chăng vì tôi đã bỏ mình trôi đi trong tâm trạng hờ hững của một người quay lưng ngoảnh mặt.

Thế nhưng, vài ba mùa xuân gần đây, lòng muốn dửng dưng cũng chẳng được nào. Có một điều rất cụ thể đã dựng lên sừng sững trong hồn tôi, bây giờ, khi Tết đến.

Ba năm trước, sau ông Táo chầu trời, tôi được tin anh mất. Tôi chỉ mới quen anh vào mùa Giáng Sinh gần đấy, nhưng tên tuổi anh tôi đã nghe từ thuở năm, bảy tuổi. Mẹ và cậu tôi thường nói đến tên anh và vài người khác trong những buổi tối hàn huyên to nhỏ dưới ngọn đèn thấp trên bàn ăn. Ở thời điểm ấy còn những cánh bưu thiếp chạy từ Bắc vào Nam và ngược lại. Cậu tôi luôn luôn tâm đắc đọc những câu thơ để đời của anh. Đối với cô bé vài tuổi ấy, tên anh to lớn và đầy bí ẩn. Xa quê hương bao năm, bỗng một ngày có thư người thân quen kể chuyện quê nhà: PQ được về làng sau bao năm biệt xứ! Anh đã về đó, áo thô guốc mộc, với đám dân làng nghèo khổ. Anh, đứa con chân thực nay được qui cố hương, quỳ xuống tạ trời tạ đất giữa sân làng. Có phải anh cố tranh đấu sống còn với cuộc đời nghiệt ngã cho đến lúc ấy, là để đợi có giây phút được đường hoàng về lại làng xưa. Tiếc thay, chẳng được bao năm, anh lại bỏ nó vĩnh viễn ra đi. Từ tin anh mất, hình ảnh cậu tôi ngồi đọc thơ anh năm xưa lại ề, sáng lên trong ký ức.

Trời Sài-Gòn tháng mười hai gần Giáng Sinh khô ráo, sáng sớm chớm lạnh. Sau vài ngày lo lắng cho xong việc nhà, tôi leo lên lầu hai một chung cư trong trung tâm thành phố, tìm thăm ông anh kết nghĩa. Ông anh này, cứ vào chơi Sài-Gòn là ở trọ nơi vợ chồng một bằng hữu thâm giao. Căn nhà ngay giữa một thành phố nổi tiếng ồn ào bụi bặm, nhưng hai bên đường hãy còn hàng cây cao, cành lá xum xuê. Cũng khó tưởng được trong dãy phố lầu mà mặt ngoài tường vôi loang lở, hành lang cửa sổ sơn xiếc bạc màu, lại có một căn hộ, tuy mới bước vào là gặp ngay phòng ăn, nhà bếp, nhưng hơi hướm nghệ thuật tràn đầy cái không gian nhỏ hẹp ấy. Vợ chồng anh chị chủ nhà đi vắng, ông anh kết nghĩa mở cửa mừng rỡ đón vào. Chúng tôi băng ngang phòng ăn, góc bếp và cả gian phòng khách nhỏ, nơi có một người nằm ngủ trên ghế sofa. Vào tới ẩn cốc sau cùng là mấy mét vuông với một bức tường đầy kệ sách, mà chỉ thoáng nhìn, tôi đã mê mẩn. Những phần tường còn lại long lanh màu sắc và tranh ảnh. Trên sàn, vài chiếc gối lê la đây đó, dưới kệ sách, một bộ ấm trà, cạnh đó, lủ khủ các chung uống rượu và một lô chai lọ, cái đầy cái vơi hay cạn ráo.

Chưa kịp vài ba thăm hỏi, người nằm ngủ bên kia lịch kịch, rồi anh bước vào, mái tóc thưa dài trắng như chòm râu, vuốt ngược ra sau. Anh gật đầu rồi lặng lẽ ngồi xuống bên khay trà. Không hiểu vô tình hay cố ý, ông anh kết nghĩa không làm một màn giới thiệu màu mè nào cả về tôi, như tính thường anh thích thế. Tôi cảm thấy dễ chịu. Tôi và ông anh thản nhiên tiếp tục câu chuyện. Người mới vào chế nước từ bình thủy, lẳng lặng pha trà tráng chén. Nhưng tôi không thể không nhìn anh, ở anh có điều gì đó làm tôi chú ý. Có lẽ là cử chỉ khoan thai, có lẽ là sự tương phản giữa màu bạc của mái tóc bộ râu với đôi mắt tinh anh. Anh hẳn biết tôi quan sát, nhưng không nói gì, tiếp tục bỏ trà rót nước và nghe tôi với ông anh trao đổi mọi điều, từ chuyện gia đình, bạn bè quen biết, đến công việc tôi làm, rồi thì văn chương nghệ thuật. Trà đã đậm màu, khi rót đưa tôi một chén bấy giờ anh lên tiếng hỏi, tôi quen ông anh tự bao giờ? Giọng anh từ tốn, âm hưởng miền Trung. Tôi cười bảo, từ một đêm nghe anh ấy đọc thơ. Anh hỏi ngay, đã đọc nhiều thơ ông anh, tôi thích bài nào nhất? Tôi tình thật, không biết, vả cũng chưa hề nghĩ tới xem thích bài nào, nhưng có vài câu ám ảnh tôi nhất, ấy là...Đang tựa lưng nghiêng vào kệ sách, nghe tôi trả lời như thế anh ngồi thẳng dậy - Hay, thơ mà ám ảnh là nhất! Chia với M, ta chia với M một chung rượu nhé, thứ này người ta mới cho anh, rất quý! - Và anh sốt sắng đứng dậy tìm trong cái túi xách lôi ra chai rượu, rót vào chung, ép tôi thưởng thức. Tất cả nhiệt tình đó tôi thấy trong cử chỉ và trong mắt anh. Tự nhiên tôi có cảm giác tôi đã quen anh từ lâu rồi. Anh khà một ly, ông anh khà một ly, còn tôi nhấp môi rồi đặt xuống cho anh bằng lòng. Anh lại tiếp tục rót rượu từ trong cái chai thủy tinh thô sơ, hai ông cạn vài chung như thế. Lúc ấy, hình như hứng lên, anh đọc cho tôi nghe một bài thơ của anh, mà chỉ nghe tên cái tựa tôi đã giật mình- Hóa ra là anh ấy! Anh đọc thơ lúc đấm chìm, lúc sang sảng. Tôi liên tưởng tới người vợ anh khi nghe những lời tâm sự này b ên bờ hồ, một đêm trăng.

Thế là, tôi, một kẻ phương xa, vốn liếng văn hóa Việt chẳng bao nhiêu, được ngồi trước hai nhà thơ đang chén tạc chén thù, đọc thơ người này kẻ nọ. Khi tôi đứng dậy ra về, ngước mắt nhìn lên tường, bức tranh Vườn Hạnh Phúc lít chít chiu chắt bầy gà của chị T. dịu dàng lung linh hơn bao giờ cả. Hồn tôi cũng nhẹ nhàng biết bao hơn lúc đến. Hai anh tiễn tôi xuống dưới đường đón xe. Trời Sài-Gòn bao giờ cũng tối sớm. Anh dành mặc cả xích lô làm tôi bật cười. Đây dường như là lần đầu tiên anh khăn gói vào Nam, nào biết được bao nhiêu đường phố, thế mà vẫn muốn tỏ ra săn sóc cho một người em nhỏ.

Trong khoảng thời gian ở lại quê nhà, tôi gặp anh nhiều lần. Lần nào trong anh cũng bầu rượu túi thơ và những mẩu chuyện. Anh kể chuyện rất tự nhiên, dí dỏm với giọng nửa Trung nửa Bắc. Chuyện từ tuổi thơ cho tới ngày lưu đày lao đao giông tố, và đến sau này, lúc mà tôi cứ ngỡ niềm đau cùng ẩn ức trong anh phải được xoa dịu thì hóa ra vẫn còn trăm ngàn khúc mắc, ưu tư. Chắc chắn không phải cho bản thân anh, mà cho người khác. Bao nhiêu người khác! Tôi học được ở anh nhiều điều. Trước hết là lòng yêu quê hương, sau nữa là tính đôn hậu và sự nhiệt tình với bằng hữu.

Nhiều buổi không hẹn, tôi ghé thăm, muốn mời anh một bữa cơm ngoài quán xá. Nhưng anh luôn từ chối, lại bảo, phải ngồi chơi đấy, đợi anh đi tí về. Rồi anh đứng dậy, xỏ dép mở cửa. Một chốc anh về, lủng lẳng trong tay cái giỏ ni lông đeo một bó hành, dăm gói giấy báo, vài gói lá chuối. Anh bắt mọi người ngồi đó chơi, ngay cả chủ nhà, anh loay hoay xào nấu. Bữa cơm dọn ra nhanh chóng, món canh bầu, món tép rang của anh làm tôi nghẹn ngào như đã một lần, sau bao nhiêu năm, được ăn lại bát canh mẹ tôi đã già tự thân nấu lấy cho con. Không chỉ cho ăn, anh còn dậy tôi cách nấu sao cho canh trong và ngọt. Câu chuyện sau đó quay quanh chủ đề mỗi người kể lại bữa cơm mình cho là ngon nhất trong đời. Kỷ niệm của anh nằm trong thời kháng chiến chống Pháp, anh bảo hành quân trong rừng bao ngày chỉ có cơm khô và muối hột. Một hôm tiểu đội về gần một làng nhỏ, người làng nghèo nhưng tặng kháng chiến quân một con gà. Mừng quá, mọi người hăm hở sửa soạn củi nước, nồi niêu. Cả bọn chăm chú thèm thuồng, từ lúc cắt cổ, nước sôi, vặt lông... Bỗng có tin một tiểu đội bạn sẽ cùng ghé qua đó tối nay. Thế là con gà phải chia hai, lòng ai cũng thầm tiếc rẻ. Gà nấu lên, chặt ra, bao nhiêu người là ngần ấy miếng, dĩ nhiên, miếng nạc miếng xương, không tránh khỏi. Cả đội ngồi lại bên đĩa thịt gà. Để công bình, tiểu đội trưởng bảo cứ đếm một hai ba rồi người nào nấy gắp, được miếng nào ăn miếng đó. Thế nhưng, một là ai cũng sợ gắp trễ chỉ còn xương, hai sợ mang tiếng tham lam, cho nên, đếm lần một, lần hai, những đôi đũa giơ lên nhưng rồi không hạ xuống, ngay cả tiểu đội trưởng! Cuối cùng anh ta phải hét lên, đây là lần cuối. Chẳng may, chính tiểu đội trưởng trúng mẩu cổ gà. Anh thì may mắn được miếng đùi chắc thịt. Anh bảo vừa cho vào miệng, chất ngọt chảy ra, sao thơm ngọt vô cùng! Nhưng, chưa kịp nuốt, ngửng lên, ánh mắt chạm phải người tiểu đội trưởng đang nhẫn nhẫn miếng xương tròn lục cục, một cảm giác xấu hổ dâng lên, anh thấy tất cả vô vị, không thể nuốt vào, cũng chẳng t hể nhả ra. Anh tự khiển trách mình sao không nghĩ đến người chỉ huy tuy trẻ tuổi nhưng dũng cảm và đầy lòng thương mến đồng đội, đã nhiều lần hy sinh bảo vệ đàn em! Anh chưa kịp đứng dậy bỏ đi ra ngoài, thì nhiều anh em khác

cũng nhận ra. Những khuôn mặt ngại ngùng, những ánh mắt hổ thẹn nhìn nhau. Người tiểu đội trưởng trông thấy, buông câu chửi thề, rồi ra lệnh mọi người phải ăn cho nhanh, dọn dẹp tất cả dấu tích, mai lên đường sớm. Thế là xong, bữa ăn ngon nhất đời anh.

Theo tôi, không như nhiều người ham rượu thường ít ăn, anh quan tâm nhiều về chuyện ăn uống. Tôi thích nghe anh bàn luận về vấn đề này, dù cho thường là những món ăn dân dã, đạm bạc. Nghe kể lại, lần anh ghé về quê, qua Huế, một bằng hữu mời cả đám bạn bè về làng chơi, một ngôi nhà vườn bên bờ Bao Vinh êm ả. Anh muốn trổ tài nấu ốc bung theo kiểu Hà Thành. Lại chợ búa, ốc bưu, tía tô cùng chuối chát. Sau chầu rượu anh xắn tay áo ra bếp cạnh bờ nước, chẳng may gặp ngay cụ bà, mẹ người bạn. Cụ thấy chậu ốc ngâm nước gạo trên tay anh, vội giật lấy kêu lên, không được sát sinh, vừa niệm nam mô cụ vừa hất luôn chậu ốc xuống sông. Anh ngẩn người, chẳng dám nói gì, nhăn nhó, dở khóc dở cười.

Tôi vẫn tin rằng, ăn, đối với anh, không phải là ăn miếng ngon, mà đơn giản là cơ hội chia hay đem niềm vui cho bạn bè. Có lần, ông anh tôi được một cơ quan quan trọng thết đãi, và bọn chúng tôi được tháp tùng. Bữa ăn trong một nhà hàng sang trọng trên đại lộ chính. Bồi bàn áo dài khăn đóng, ca nhạc cung đình, và những món ăn của vua chúa xưa. Ngồi cạnh tôi, anh chỉ gắp qua một vài thứ, thật thờ ơ. Chắc chắn anh chẳng thoải mái gì trong khung cảnh này. Mà nhìn lại, anh ngồi đó, vẫn áo vải dép thô. Anh hờ hững với phong cảnh sang trọng, với nem công chả phụng. Nhưng những người thân quen làm sao quên được, anh đã cất công đạp xe hằng bao cây số trong gió rét một ngày mùa đông để tìm thăm một người bạn bất hạnh, sống lẻ loi ở một nơi vô cùng quạnh quẽ. Và nhận lấy bữa cơm chỉ có vài viên thịt nhái ve tròn đen đủi của người ấy đãi bạn.

Anh sinh ra trong cảnh ngộ cơ cực, giữa đất nước bị đô hộ. Từ đó, anh lớn lên trong thứ tuổi thơ dữ dội, tất cả nung nấu để trở thành một lập trường khẳng định, sẽ dùng dao viết văn trên đá. Tuy vậy, đối với riêng tôi, anh là hình ảnh của lòng nhân và độ lượng. Tiếng nói anh điềm đạm, cử chỉ anh chừng mực, chỉ riêng những lúc anh đọc thơ là đầy cảm xúc, lúc trầm trầm, lúc hùng hồn sang sảng. Và, tôi có ngờ đâu khi tôi hạnh ngộ gặp anh là lần anh đi từ Bắc vào Nam để đọc thơ. Mà đọc để làm gì? Không phải là ngân nga dăm ba vần, vài mươi câu khi tửu hứng. Chuyến nam du chẳng là thuần ngao du, anh đi đọc thơ cho mọi người để quyên tiền về giúp bạn, người bạn bị đời bạc đãi. Sau, tôi được biết thêm, chính người bạn này cũng đã quên mình, chẳng ngại ngần hy sinh nguyên cuốn sổ tiết kiệm duy nhất để in thơ cho một bằng hữu tài hoa nhưng không may mắn khác. Ai cũng bảo anh đọc

thơ có hồn. Phải chăng điều này không chỉ là tài năng, mà nó đã thăng hoa nhờ một tấm lòng.

Trên đường trở ra Bắc, ghé thăm quê nhà, anh ôm mớ tiền gom được gói trong giấy báo đến nhà một người bạn gửi ở đó. Bạn chẳng biết gì, đem bỏ vào tủ giữa ba mớ quần áo. Vài ngày sau mở tủ, gói giấy không cánh mà bay. Anh đi vắng, bạn hoảng sợ lo âu. Rồi anh về, thản nhiên bảo, đã lấy đi chia một phần cho những người nghèo khác cũng rất đáng thương. Đã cận Tết, anh khăn gói ra ga Huế đáp tàu về với chị. Ngày cuối năm, ăn mày phó hội càng đông. Trong khi đợi tàu, trước mặt, hành khách nườm nượp, náo nức về quê ăn Tết, ngoảnh lại, ăn mày lê la kêu đói, anh bèn tìm chỗ trống, rồi cất giọng đọc thơ. Đọc xong anh ngả mũ ra. Ăn mày hôm ấy bỗng được chia một số tiền không ngờ.

Tôi tưởng tôi sẽ còn gặp anh, tôi có hứa sẽ về thăm căn gác của anh, để thấy,

Hồ khuya sương tịch mịch
Trộn nước lẫn cùng trời
Con dế chân bờ dậu
*Nỉ non hoài không thôi**

Nhưng không, chiều cuối tháng chạp, cơn bạo bệnh đã đem anh đi khỏi căn gác lộng gió. Thế là, Tết không vào nhà tôi, Tết đi qua trước ngõ*...Nhưng với một người yêu quê hương đến như anh, thì sự ra đi đó cũng có nghĩa là một trở về an nghỉ miên viễn, một giải thoát như anh đã viết:

Đàn mối của quê hương
Sẽ thay phu đào huyệt
Bao nghiệt ngã trần gian
Chỉ dăm ngày vùi hết

Căn hộ mới đáy huyệt
Rượu đất tôi uống tràn
Cụng ly cùng sâu bọ
Mừng trắng nợ trần gian!

Anh trắng nợ trần, nhưng anh đã bỏ lại biết bao người thương kính anh. Ở đây, tôi không muốn nhắc đến một người đã sống, chịu bao đau thương cay cực để giữ gìn lý tưởng trong suốt nhất: lòng yêu quê hương và sự thật. Tôi chỉ muốn gợi lại những kỷ niệm riêng tư, hoài niệm của chính mình và



LUÂN HOÁN

tặng một thằng bạn

Lâu nay tớ chẳng làm thơ
làm ba cái chuyện lẳng lơ không à
đầu năm, cũng giống hôm qua
nhắc xuân, gắng, đủ, gọi là... tặng toi
giấy chật thêm một xác xa

LUÂN HOÁN

của vài bạn bè chung, về một người anh, một người bạn vong niên thân kính, như được phép thắp lên một nén hương trầm mặc nhất. Anh mất, tôi không thể trở về tiễn đưa anh, mà phải đợi bao ngày tháng sau. Hà-Nội khi tôi về, bão táp liên miên mấy ngày trước. Trời vẫn thỉnh thoảng còn rơi rớt những làn mưa lất phất. Người quen dẫn tôi đến viếng anh, thăm chị. Dù biết anh đã kể với chị về mình, nhưng tôi cũng ngại ngần, cuối cùng chỉ tự giới thiệu là một hậu sinh từ trong Nam ra. Căn gác lầu thơ anh hình như vẫn còn bên trên, nhưng dưới nhà đã biến thành hàng quán. Tự dưng tôi thất vọng, buồn lâng lâng. Nhưng ánh mắt anh trầm tư trên ảnh thờ như nhắc nhở tôi, mọi sự rồi ra không có gì quan trọng! ng tôi tập thơ của anh, lần đầu tiên được chính thức in ở quê nhà.

Chiều rồi, tôi bước ra, mặt hồ sau cơn mưa, thênh thang bình lặng. Trăng còn non và thấp. Chân bước đi, bỗng vấp vào hòn đá nhỏ. Tự nhiên tôi cúi xuống nhặt lên, nó giống những quả sấu sần sùi vừa mua cho em bé hàng rong buổi sáng. Một bát canh sấu chua mùa hạ. Tiếc rằng tôi đã về thăm anh quá trễ.

NGUYỄN MAI

---

* Thơ Phùng Quán.



THẬN NHIÊN

ngoại ô

cô gái tình phụ
bán đứa bé mới sanh cho cặp vợ chồng người Pháp
có kẻ bảo được giá
thằng bé sau này xán lạn tương lai

nhưng thể nào cũng phải đặt tên
cho nỗi rủi may ngoài dự liệu
(con số trong các báo thống kê
con tinh trùng xuất sắc hơn các con còn lại
tặng vật hiện thân thượng đế
cây gậy tư duy
mầm xanh tương lai nhân loại
...)
trên tờ khai sanh

chỉ là câu chuyện vặt bên những mẹt quà
dẫu cô gái có màu da xanh mét
có thể băng huyết
tàn tạ
chẳng bao giờ lấy được chồng Đài Loan
chẳng bao giờ sang nổi tiệm may
chẳng bao giờ về quê mở tiệm tạp hóa
chẳng bao giờ sắm bàn ghế bán cà phê
chẳng bao giờ đặt ở góc đường tủ thuốc lá lẻ
chẳng bao giờ bỏ nghề bia ôm gái đĩ
chẳng bao giờ làm mẹ
chẳng bao giờ - chẳng bao giờ

này gã làm thơ khổ hạnh sống bằng ảo giác
thơ trồi lên giữa rác thối hoăng
giọt mực nào phải máu chúa Kitô
câu thơ khải thị cho ai
cứu rỗi ai
câu thơ bất lực
gã lẫn trong đám đông

đắng cay và điếm nhục
đám đông tròng bao cao su là nhẹ nhõm lương tri

đừng khóc nữa em
"... đặt nỗi bất hạnh ấy vào nơi Chúa đã an bài"*
thằng bé sẽ là vĩ nhân
(Chúa đâu tạo thêm chi một thằng đốn mạt)
sẽ bảo lãnh em theo diện đoàn tụ
cuộc đời đổi thịt thay da

ôi những anh hề cù lét đời bằng giọng cười lại cái
mùa xuân lồng lên ngoài khung cửa, em ơi.

THẬN NHIÊN

---

* thơ Nguyễn Quang Tấn

ĐỖ QUYÊN

tả cảnh

tặng Linh & Ngân

Những cách hoa rơi xuống
Cô dâu, chú rể, là vợ, là chồng
Người nhà ngáp dài
Dãy quà mừng
Sân xác pháo những gót chân dí nát
Mâm cỗ thừa chông chênh cốc, bát
Khúc nhạc thụt sâu vào ống kèn đồng
Chén rượu dở còn nồng
                    ai bỏ lại
Nhành hoa màu rủ xuống
                         đây nâng

ĐOÀN NHẬT
17.12-89-20.10.97



LÊ MINH HÀ

NHỮNG KÝ HỌA DANG DỞ



Đàn ông và đàn bà. Âu và Á và Phi... Đồ đạc đơn giản và lỉnh kỉnh. Một cái ghế gấp để ngồi và một cái đặt trước mặt. Cho khách. Cạnh đó là một tấm biển nhỏ ghi giá tiền. Một tấm bảng ghim sẵn giấy. Những ống màu và chì. Ba lô bẹp quăng dưới chân. Gương mặt họ nhàu, vừa thờ ơ vừa căng thẳng. Nhất là lúc có đám khách vãng lai nào bước chậm lại trước hàng người. Một cái gì từa tựa nụ cười đồng loạt hiện trên mặt họ, nửa mời chào, nửa ngượng nghịu, rồi những nụ cười ấy tan từ từ khi đám người tản đi, hoặc giả một ai đó quyết định ngồi xuống một cái ghế gấp trước mặt một họa sỹ. Đấy là cảnh chợ vẽ chân dung ở Berlin vào một chiều cuối hè. "Đông thêm một tý thì giống chợ người Giảng Võ." Ý nghĩ quét nhanh qua đầu. Tôi gặp lại Hồ Diểu chính ở đó.

*

Chúng tôi đã để qua đi cái phút phải chào nhau. Và vì thế mà Hồ Diểu và tôi giữ nguyên vẻ lạnh lùng trước nhau như đã từng thế gần hai mươi năm về trước. Bây giờ tôi ba sáu tuổi. Vậy thì Hồ Diểu phải sắp năm mươi. Mái

tóc bồng bềnh năm xưa giờ để dài hơn, buộc thành một túm sau gáy. Đúng mốt nhưng trông thảm thảm thế nào. Có lẽ vì bạc cả. Gương mặt ngày xưa thanh tú giờ vạc xuống từng nét khắc khổ. Và đôi mắt... Mất đâu rồi cái tia nhìn ăm ắp ngưỡng mộ hồi nào đã làm tôi sững sờ? Hồi ấy Hồ Diểu đã là họa sỹ, một họa sỹ trưởng thành từ phong trào công nhân. Cái lúc Hồ Diểu còn giữ nguyên chữ "văn" ở giữa tên và họ thì tôi còn rất nhỏ và hầu như không thèm quan tâm gì tới thế giới rắc rối của người lớn. Nhưng khi tôi đã lớn, cái tên Hồ Diểu và cái danh họa sỹ Hồ Diểu đã là một cái gì rất bất thường đối với tôi và nói chung là đối với bọn con gái mới lớn như tôi.

Đúng là thế. Chúng tôi sống ở khu tập thể, nhìn quanh bố mẹ ấy bố mẹ tớ anh mày chị tao toàn là công nhân, và tương lai cả đám cũng là cố sao hết cấp ba rồi theo chân bố mẹ anh chị bước qua cổng nhà máy. Gia cảnh giống nhau nên nếp sinh hoạt của các nhà cũng giống nhau. Bảnh mắt là nhà nào cũng nhốn nháo. Xô tôn chậu nhôm va choeng choeng ở máy nước công cộng. "Mấy con bà cô này tí tởn cả ngày làm gì mà mở mắt đã ra trấn máy nước?" - Một bà vừa cười vừa hét. "Ừ đúng rồi! Giờ này phải nhường cho người ta. Ai cũng đi làm sớm. Con cái cơm nước quấn cả đít." - Bà khác. Một ông rõ ràng là độc thân chẳng đôi hồi thò tay bê phắt cái chậu đựng đầy quần áo đang giặt dở đặt ra xa, đẩy luôn cái xô to vật của mình vào dưới vòi nước. Mấy con bà cô chúng tôi tức tối đứng nhìn, tức tối nghĩ tới cái lúc mẹ rền rĩ:" Con gái con đứa! Chúng mày làm gì mà quần áo chất đống đấy cả ngày? Sao không giặt từ chiều hả giời?" Làm gì? Thưa mẹ chúng con học ạ. Thưa mẹ chúng con đi xếp hàng ạ. Hôm nay mua gạo ngày mai mua dầu ngày kia nước mắm mới về. Thưa mẹ chiều nào cũng mất nước ạ. Xếp hàng chồn chân mới vo gạo rửa rau tắm táp được và mới xách được hai xô nước lên nhà đấy ạ. Một câu nói ngoan ngoãn như thế vậy mà chẳng đứa nào dám nói. Biết nói là mẹ sẽ lồng lên a mày cãi giả, tao khổ sở nuôi mày ăn học để hôm nay mày câu trước câu sau với tao thế đấy phải không? Bố khéo lại nổi khùng cho cái bạt tai trước lúc xách xe đi làm. Cái lẽ phải của người lớn... Rút cục là mẹ cứ việc cấm cản than vãn con cứ làu bàu biện bạch...

Thế cho nên đám con gái dĩ nhiên phải nhấm nháy nhau trước Hồ Diểu. Tóc quăn dợn sóng hơi dài. Quần loe chắc phải may trong Sài Gòn. Áo chim cò bó sát đôi vai nở. Sambô to như một cái thuyền bóng loáng dưới chân. Bao giờ cũng thư thả và điềm đạm. Và ria mép. Và kính râm. Và xe cuốc Liên xô. Bố tôi khen: "Cậu này thế mà khá! Hồi mới vào nhà máy trông cũng xơ xác lắm. Cứ tưởng không theo hết được ngần ấy năm Mỹ thuật!" Chú Bình tầng trên sát phòng Hồ Diểu thì rủa: "Cái thằng ỏng ả như đàn bà. Qúy báu gì cái đồ mái hóa ấy. Người ta năm giờ sáng đã phải mắt nhắm mắt mở

bò dậy cơm nước đi làm, thằng cha lại thức suốt đêm nghe nhạc. Toàn ẽo ợt nhìn lại nhìn lại cái gì nữa nhỉ... cái gì đời lên rêu... Làm cho thiên hạ không ai ngủ được. Thế nào cũng có thằng cáu lên đi báo ban quản trị khu tập thể hay công an phường!" Giọng chú Bình cay cú. Cô Thùy vợ chú nhìn chồng đầy vẻ khích bác: "Ông ngáy còn to hơn cả Zin ba cầu còn than oán nỗi gì? Mà chị này, thằng cha moi đâu ra những bài hát hay q uá thể. Dưới này chị có nghe thấy không? Em nhiều đêm nghe hóng. Chỉ muốn khóc. Sáng ra mắt cay xè. Có lần suýt thò cả ngón tay vào cho máy cán."

Tôi đã đặt cho tôi một cái ngưỡng để vượt qua: Không vào làm ở nhà máy của bố mẹ. Phải vào được đại học. Đại học gì chưa biết. Nhưng phải vào. Chẳng phải là có khát vọng sống để đời gì. Cũng chẳng phải là có nghị lực như các thầy cô hay phê vào học bạ mỗi kỳ bế giảng. Đơn giản vì tôi là người ốm chuyên nghiệp và tôi biết rằng chẳng dễ gì mà làm thợ. Cả nhà máy biết con ông Hộ Khoèo hen rụt đầu rụt cổ. Thở còn không nổi thì biết vào đó làm gì? Thế nghĩa là phải học. Nhưng cái đầu tôi thật bất trị. Lẽ ra phải dọn chỗ cho công thức hình đại lượng hay một cái gì tương tự thì trong đó toàn âm vang những giai điệu mà chú Bình kêu là ẽo ợt. Rất nhiều đêm không nằm được vì khó thở, tôi đã ngồi nhìn sao và nghe. Từ trên cao rớt xuống giọng ràn rạn không ai bắt chước nổi của Khánh Ly: "Mưa vẫn mưa bay trên tầng tháp cổ..." "... từng người tình bỏ ta đi như những dòng sông nhỏ...ôi những dòng sông nhỏ lời hẹn thề là những cơn mưa..." Ngực đau âm âm. Hai tai ù ù. Cổ như cứng lại vì khí quản không co giãn nổi. Mồ hôi vã đầm đìa ngay giữa đêm đông. Khánh Ly than van: "Cho trăm năm vào chết một ngày..." Có một đêm như thế. Thành phố mất điện. Trời đầm đìa trăng. Vào khuya, ánh trăng càng huyền hoặc, làm những vì sao mờ đi. Không khí quánh đặc mùi hoa sữa. Mùi hoa tuyệt diệu báo hiệu một mùa khủng khiếp với người bị hen như tôi. Cả nhà đã ngủ. Cả khu tập thể đã ngủ. Ngoài kia, phố chắc cũng đã ngủ. Ngủ rồi. Những đứa bạn vẫn thường mắt tròn mắt dẹt về những chuyện khá là thô bỉ của các bà các chị lớn tuổi bên máy nước công cộng. Những đứa trẻ con rắn mặt vẫn hay mắt trước mắt sau tháo trộm van xe đạp các nhà dựng trước cửa ban ngày. Những người lớn bần tiện, chăm chỉ, tội nghiệp. Chỉ còn tôi, thức, với cơn hen riêng mình. Và Trịnh Công Sơn. "Nhìn những mùa thu đi em nghe sầu lên trong nắng... Gió heo may đã về... chiều tím loang vỉa hè... Rồi mùa thu bay đi... Trong nắng vàng chiều nay." ừ! Chiều nay nắng vàng, hanh hao, làm đỏ má những cô gái sang thu. Nên đêm nay trăng xanh. Bóng những con vật gì đen thù lù di động chậm chạp dưới sân. Mèo? Ở đâu ra lắm mèo? Chuột cống! Trời ơi đúng rồi chuột cống! Những con chuột cống ngang nhiên gặm ánh trăng. Giọng Khánh Ly

đau đớn đến lãnh đạm và vô cảm vẫn rớt xuống... rớt xuống..."nhìn lại mình đời đã xanh rêu." Cái đẹp chao đảo giữa những thanh âm, giữa không gian rời rợi trăng và không thể nắm bắt. Những con chuột lì lợm hưởng trăng như người. Cảnh đó kì dị đến nỗi tôi không thể nào nhắm được mắt lại, nhìn như bị thôi miên. Giống như cái ta tưởng là ảo ảnh và làm ta khiếp sợ khi hiểu rằng không phải là một giấc mơ dữ. Là thực. Năm ấy tôi mười sáu tuổi. Đang chờ kết qủa thi đại học. Đang bồn chồn, khao khát, thấp thỏm. Tôi đã nghe Trịnh Công Sơn như thế, đã nghe trong nỗi tuyệt vọng không thể nào hiểu nổi. Và khóc. Tiếng khóc ậm ực không thoát ra nổi lồng ngực con gái không lớn được của tôi. Cả nhà hốt hoảng. "Ephedrin không ăn thua gì nữa rồi. Hay là con uống viên Prednisolon này. Chịu khó đi con. Ốm thì phải uống thuốc chứ." Mẹ gắt, rồi mếu: "Thôi anh cho con đi cấp cứu đi!" Bố cuống cuồng mặc áo: "Gắng một tý thôi con. Ba giờ sáng rồi. Vào viện họ tiêm cho một mũi là đỡ ngay, là ngủ được thôi." Tôi không còn sức để trả lời, chỉ gắng ngoẹo đầu lau mặt vào vai áo. Nước mắt ở đâu ra lắm thế không biết. Trong đầu âm u giọng hát Khánh Ly, âm u hình ảnh bầy chuột cống ngang nhiên bò trong trăng, âm u hơi thở của chính mình. Và ý nghĩ: Chết mất thôi. Chết mất thôi. Thôi cũng được. "Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi..."

Thiếu cái cassette của Hồ Diểu, thiếu Trịnh Công Sơn, thiếu Khánh Ly, tôi không biết tôi sẽ qua những đêm dài tuổi lớn ấy như thế nào. Đêm từng đêm qua đời, tôi không biết Hồ Diểu làm gì. Chỉ nghe. Hay còn vẽ. Trên báo Lao Động tranh Hồ Diểu xuất hiện khá thường. Toàn tranh đả kích. Không gây ấn tượng gì với tôi. Nhưng làm tôi ngỡ ngàng. Có thể có những xúc cảm ấy chăng khi chung quanh giăng mắc Trịnh Công Sơn. "Màu nắng hay là màu mắt em. Mùa thu mưa bay cho tay mềm. Chiều nghiêng nghiêng bóng nắng qua thềm... Em qua công viên bước chân âm thầm. Ngoài kia nắng thủy tinh vàng..." Đêm đêm, từ cửa sổ phòng Hồ Diểu, những thanh âm ấy rớt vào tôi, trĩu nặng, hoang vắng, xa xót... Bọn con gái trong khu tập thể cũng mê Trịnh Công Sơn của hiếm sau ngày thống nhất. Những đứa táo tợn nhất đã gõ cửa phòng Hồ Diểu buổi trưa khu tập thể vắng người, và khi cửa mở thì hùng dũng dẫn một bọn lốc nhốc vào đứa "xin chú" đứa xưng xưng gọi anh mở Trịnh Công Sơn. Không bao giờ có tôi trong đó. Không bao giờ tôi có một quyển sổ chép bài hát và thơ như lũ con gái cùng tuổi. Nhưng không hiểu sao tôi cứ nghĩ là tôi gần Hồ Diểu hơn tất cả bọn chúng nó gộp lại. Nhưng không hiểu sao tôi không bao giờ chào Hồ Diểu. Gặp nhau ở máy nước công cộng, chúng tôi tự động bỏ xô chậu của mình ra, người kia cũng tự động đặt xô chậu của mình vào, hứng đầy thì nhấc ra, "cảm ơn", lơ lửng.Còn nếu giáp mặt ở cầu thang hẹp, chúng tôi lặng lẽ đi qua nhau, tránh

hết sức để khỏi đụng phải nhau. Một chiều cuối hè chúng tôi đã gặp nhau như thế. Khu tập thể giờ ấy vắng ngắt.Người lớn đi làm chưa về. Trẻ con đứa đi học đứa lôi nhau lông rông ngoài phố. Bọn con gái vừa tốt nghiệp phổ thông chưa kiếm được việc làm tụ bạ đâu đó đan móc và chuyện gẫu. Tôi đạp xe từ nhà bạn về. Nắng hoa mắt. Hồ Diểu đi xuống đúng lúc tôi nghiêng người tính bê xe lên gác. Hồ Diểu đứng sững, cái xe "cuốc" nguềnh ngoàng còn nguyên trên tay. "Đẹp quá!" Mắt Hồ Diểu ăm ắp một vẻ ngưỡng mộ sững sờ. Như nói với riêng mình. Chân tôi run bắn.

*

Tôi không bao giờ nghĩ rằng câu nói ấy có thể làm thay đổi cuộc đời em. Căn phòng nhỏ của tôi ở ngay trên phòng nhà em. Em không thể biết rằng nhiều đêm tôi nghe tiếng em rên rỉ trong giấc ngủ nhọc nhằn, tôi đã mường tượng được cả dáng em ngồi rướn lên mệt lả giữa những trận ốm dài như mùa đông - những mùa đông của tôi, thằng đàn ông khổ sở không phải vì độc thân mà vì đã có gia đình. Em không thể biết rằng tôi đã thức, đã nhìn bóng em hắt xuống sân và bò dài trên mái dãy nhà một tầng đối diện, đã mở Trịnh Công Sơn thâu đêm để cùng em nghe. Tôi muốn thức theo em. Em không biết. Em cũng không biết rằng không có một cậu con trai nào có thể thiết tha đến nhường ấy khi họ còn quá trẻ, hoặc giả chưa biết hoài nghi mình là thế nào.

Tôi đã vẽ một bức tranh. Vẽ rất nhanh. Sau đó ngồi thở rốc. Như một người vừa gò lưng đạp xe lên được đỉnh dốc và lại thấy ngay trước mắt mình một cái dốc khác dựng ngược. Bức tranh ấy không bao giờ em thấy. Trăng sa tanh. Trăng âm thanh. Như nhạc. Óng ánh. Dào dạt. Những con chuột cống to như những con mèo bò trong trăng. Tôi đã rất mạnh tay đắp những mảng màu đen xám khi vẽ chúng. Rồi run. Có cảm giác chúng phình to ra, không bao giờ ra khỏi bóng trăng. Nỗi đọa đày của con người trong một đời sống tủn mủn, thảm hại, cũng đầy những đọa đày. Mấy cô bé đến phòng tôi tò mò: "Chú vẽ cái gì thế này?" - "Chuột đấy! Chuột cống đàng hoàng!" Các cô bé rú lên: "Eo kinh quá! Sao chú lại vẽ đồ của nợ ấy. Sao chú không vẽ như trên báo ấy?" Thủ trưởng của tôi cũng bảo tôi thế: "Cậu đi lên từ phong trào công nhân. Cậu cần lặn ngụp trở lại trong môi trường ấy." Ông thật tốt bụng và giản dị. Nhưng ông là cán bộ. Ông không khổ cái khổ của những thằng đã trót lụy chữ nghĩa, mảng màu, hình khối, giai điệu, tiết tấu như chúng tôi. Có lần tôi trèo lên xe buýt. Xe vắng người. Một đám trai gái có vẻ sinh viên đứng ở đầu xe. Xe đi qua những ngã ba có chăng khẩu hiệu và có

dựng những tấm pa-no. Toàn tranh cổ động. Chẳng nhớ vào dịp gì. Mấy cô cậu sinh viên chỉ trỏ: "Nhìn kìa! Công nông binh trông hớt hơ hớt hải!" Một cô cười khanh khách: "Tinh thần tiến lên cao thế mà lại bảo hớt hơ hớt hải. Nhìn lại mà xem! Tất cả đang truy kích Bác đấy." Cô đứng ngay trước mặt tôi lườm bạn: "Dại mồm dại miệng trước bí thư chi bộ chi đoàn trong nội trú thì mày chết. ừ nhưng mà trông cũng thế thật nhỉ. Lúc nào cũng hò tiến lên, tiến lên. Hôm vừa rồi mày nghỉ học không biết nhỉ? Thầy Khái đọc trước lớp hẳn hoi: "Tiến lên phía trước tiến lên hàng đầu. Hàng đầu rồi biết đi đâu. Đi đâu không biết hàng đầu cứ đi." Chỉ có mấy ông lính về bôn sền sệt là không cười. Thầy ấy có vẻ bất mãn. Nhưng mà khôn kinh, đọc câu ấy là để chứng minh luận điểm văn học dân gian vẫn tiếp tục phát triển cùng văn học bác học đấy. Nói vậy chứ kể thầy ấy cũng dũng cảm!" Tôi nghe và không dám nhìn. Trong đầu hình dung rành rọt bố cục hình khối của bức tranh: Người lính cầm ngang khẩu súng giơ cao. Người công nhân cầm búa cũng giơ cao. Một chị nông dân cơ bắp cuồn cuộn nhưng mặt bầu bĩnh bất thường một tay nâng bó lúa ngang đầu. Tất cả trong tư thế lao về phía trước. Và phía trước: Hình Bác hiển hiện. Phấp phới cờ. Đấy không phải là tranh của tôi. Nhưng không phải là tôi chưa từng vẽ một cái gì như thế. Bất giác tôi nóng mặt. Bất giác nhớ ông thủ trưởng giản dị và tốt bụng. Ông sẽ phản ứng như thế nào khi vô tình nghe được những câu trên. Chắc chắn ông không xấu hổ. Ông không phải chịu trách nhiệm về những điều ấy. Nhưng biết đâu ông cũng hoang mang...

Tôi cứ thèm một lần em thấy tranh tôi. Em sẽ không hỏi rằng tôi vẽ gì phải không em? Đồng cảm không phải là cảm nghĩ giống nhau mà là cảm giác người kia hiểu mình. Khi đó người ta sẽ không giấu mình trước nhau nữa. Tại sao chúng ta lại không thể bộc bạch cùng nhau như thế? Buổi trưa, các cô bé thường gõ cửa phòng tôi đòi nghe nhạc. Nói thật là tôi ngại. Ai bảo nhà tôi là tụ điểm nghe nhạc vàng là rách việc.Tôi lại là đàn ông, đàn ông có vợ, đàn ông xa vợ. Nhưng mà tôi chưa bao giờ từ chối các cô bé. Có cô gọi tôi là anh. Có cô gọi tôi là chú nhưng mắt đầy vẻ đe dọa bỡn cợt: "Đừng hòng!" Họ không biết rằng tôi coi họ như mấy đứa cháu con ông anh cả thật. Họ quá vô tư để có thể lôi tôi ra xa trách nhiệm chủ một gia đình. Tôi không yêu vợ tôi. Nhưng tôi không thể không thương con tôi. Tôi đã thấy vẻ bàng hoàng của em lúc tôi đưa vợ con ra máy nước công cộng giặt giũ. Các bạn em cười rúc lên gọi vợ tôi là cô xưng cháu và xin quà quê. Em khi ấy mười chín nhỉ? Em khi ấy hết năm thứ hai rồi nhỉ? Em mặc cái áo hoa có miếng vá rất nền ở vai. Tự dưng tôi ngại ngùng nhìn vẻ xanh đỏ thái quá của vợ tôi. Phụ nữ thị xã thường ưa màu cơ bản và may vá vụng, và mau mồm miệng... Hình như

em đã nhường vợ tôi lấy nước trước. Em đứng xuôi tay trong bóng râm cách máy nước một quãng xa. Viền môi trên lấm tấm mồ hôi. Mái tóc rất dày cặp ngược đầy vẻ trễ nải. Hình như chúng ta nhìn nhau. Tôi không dám đoán mắt em ẩn những ý nghĩ gì. Tôi nhớ lúc ấy tôi thấy chua xót. Tôi biết em từ khi em còn bé. Tôi gọi bố mẹ em là anh chị. Tôi mãi mãi là người đi bên đời em...

... Dù rằng tôi để ý đến em nhiều đến thế. Đêm. Ngày. Tôi biết em ốm yếu. Tôi biết em nhiều bạn trai. Tôi biết em chưa yêu. Có lần tôi làm như tiện miệng hỏi bạn em. Cô bé beo béo và cười to ấy. Cô bé cười tinh quái: "Ve sầu ngủ đông lớp cháu hồi cấp hai cấp ba đấy chú. Bọn con trai ngốc lắm. Cứ sấn vào yêu nó rồi rên rỉ với nhau đã yêu em từ chân tới cổ còn cái đầu yêu cố không xong." - "Có mà yêu được nó khối - Cô bé người nhẳng nhẳng như con cò ma góp lời - Nó kiêu bỏ xừ!" - "Cũng tại nó học được đi!" - "ừ thì học giỏi! Nhưng việc gì... Chú không biết thì thôi! Nhà nó hai chị em, sinh viên, cứ thứ bảy là bọn con trai xếp hàng vào cửa. Cứ thứ bảy là nó mang áo vá ra diện. Không thằng nào biết vì sao đâu. Có một cậu học ở tây về nghỉ hè mang quà đến vây vo. Nó chối phắt. Ôi diêu cả người!" Những mẩu chuyện chắp nhặt đầy hào hứng chen giữa Trịnh Công Sơn ai cũng đòi bật mà chẳng ai buồn nghe. Tôi đã biết về em nhiều hơn em tưởng. Tôi đã buột miệng "đẹp quá" rất không đúng lúc. Cũng không hợp chỗ. Ở cái chiếu nghỉ cầu thang tối tăm ấy... ... Em đi đâu về. Nắng. Em không mang nón. Tôi biết rằng em hay đi đầu trần dưới nắng. Má em hồng rất dịu. Sắc hồng bao giờ tôi cũng yêu và bao giờ cũng trở thành thừa thãi ở những cô gái quá mạnh khỏe. Lông mày em dài thật dài. Mắt em đen thật đen. Mồ hôi lóng lánh ở viền môi trên. Ngực áo em căng ra bởi cái xe đạp kè bên hông. Tôi giật mình bởi vẻ mặt em vốn chẳng bao giờ vồn vã chợt lạnh hẳn đi khi tôi buột miệng khen em đẹp. Không! Chưa bao giờ tôi có ý nghĩ không phải! Lúc đó tôi không nói như một thằng đàn ông nói. Lúc đó tôi nói như một họa sỹ phải nói.

*

Chân tôi đã run bắn khi nghe tiếng Hồ Diểu. "Đẹp quá!" Chưa bao giờ tôi nghĩ như thế về mình. Nhà tôi thường rất đông con trai tới chơi, nhất là khi cả tôi cũng vào đại học. Nhưng tôi nghĩ thế là vì chị tôi đẹp, và bố mẹ tôi rất "chịu chơi" với bạn của con. Tôi cam chịu chung sống hòa bình với bệnh tật, cam chịu những thiếu hụt trong đời mình. Cái việc đeo một cái kính thật to không mài bớt mắt che gần hết nửa khuôn mặt gầy, vòng không nhẫn không dây chuyền không, hay không tỉa lông mày mảnh như sợi chỉ như

chúng bạn, hay thêu vào ống quần hai chữ MALEM cũng là một cách tôi bày tỏ sự cam chịu. Bảo là thách thức cũng được. Chẳng với ai. Đằng nào cũng chẳng khác được. Vậy tại sao lại phải ra vẻ tội nghiệp. Nhưng cũng không hẳn là thế. Bậc các anh bạn chị tôi thì tôi không định với vào. Chỉ nhăm nhe anh nào hiền hiền xui chị chọn vào chung kết. Còn bọn bạn tôi thì không hiểu sao tôi toàn thấy dễ hiểu quá. Vui cũng dễ hiểu. Buồn cũng dễ hiểu. Và còn thật điên rồ khi ấp úng bảo rằng muốn ở bên tôi để giúp đỡ tôi trên đường đời. Làm như trước khi gặp nhau thì tôi không sống. Không bao giờ tôi có thể kể cho bạn bè cả trai lẫn gái của mình rằng mưa phùn và nắng hanh, gió bấc và hoa sữa, mùa lá cây cơm nguội xanh và hoa xoan tím làm tôi ốm khổ ốm sở nhưng tôi yêu. Không bao giờ tôi có thể nói về nỗi tuyệt vọng khi nghe Trịnh Công Sơn giữa một đêm trăng lù lù toàn chuột cống. Tôi không thể kể cho ai. Tôi không thể yêu ai.

Nhưng tôi vẫn mong có một ai đó nói rằng tôi đáng yêu, rằng muốn có tôi trong đời. Chỉ đơn giản là vậy. Có thể không là duy nhất. Có thể không là đầu tiên. Tôi không chờ nhiều đến thế. Chẳng thấy một anh chàng nào biết nói. Họ ngồi ám ở nhà tôi cả chiều cả tối, mặt mũi lúc thì hớn hở lúc thì sưng sỉa, và trách móc tôi không chịu hiểu ai. "Có yêu thì nói rằng yêu - Không yêu thì nói một điều cho xong." Phải! Tôi chỉ mong họ dàn hàng ngang ngỏ lời để tôi lần lượt cảm ơn từ chối cho xong quách.

Hồ Diểu bảo "đẹp quá". Tôi tưởng tim mình ngừng đập. Máu dồn lên mặt rút ào xuống chân. Rồi đâm phẫn nộ. Rồi ghê ghê. Cái ý nghĩ một người đàn ông đã vợ con không thể nói một điều gì không hàm thêm ý quấy rầy tôi suốt tuổi con gái. Tôi bứt dứt suốt tuổi con gái bởi lời tán thán ấy. Người ta bảo tôi thông minh. Tôi đẹp vì tôi thông minh hay tôi đẹp vì tôi đẹp? Ánh mắt ngưỡng mộ của Hồ Diểu hướng về đâu trong tôi - Đứa con gái ốm yếu và liều mạng, nhút nhát và cố chấp? Lần nào nghe một lời tỏ tình tôi cũng nhớ tới Hồ Diểu. "Đẹp quá!" Giọng nói. Ánh mắt. Người đàn ông đã vợ con ấy. Chàng họa sỹ mê Trịnh Công Sơn ấy. Ông hàng xóm lăng nhăng lít nhít ấy. Phải, tôi biết Hồ Diểu và vợ chú Bình, và cô Thảnh mẫu giáo, và Hảo béo, và Ngà xì ke... Và mỗi lần như thế là một lần tôi làm chính tôi khổ sở, làm người con trai yêu tôi giận dữ. Không ai biết rằng tôi đã có lần hốt hoảng hiểu ra rằng nếu Hồ Diểu ngỏ lời thì tôi sẽ nhận lời. Không! Tốt hơn hết là nếu có một người đàn ông như Hồ Diểu.

*

Người đàn ông ấy ở đây. Chiều Berlin năm nay cuối hè vẫn ấm. Nắng

trong vắt. Người đi lại nườm nượp. Nhà thờ cụt đầu sừng sững một mé quảng trường. Kỳ quan thời hiện đại. Tôi tin chắc rằng người ta đến đây chỉ cốt chụp nó nguyên hình vẹn trạng như thế: một cái nhà thờ Gotic bị bom tiện mất tháp, những mảng kính màu lấp lánh. Tôi tin chắc người ta tìm đến đây không phải để hoài công hình dung lại hồn sương nắng trên những bức tường đá thâm trầm, hình dung lại cái đầu cụt của nhà thờ. Chắc không ai hoài công tưởng tượng từng có một ngọn tháp kiêu hãnh chọc vào trời xanh, cũng như một tiếng chuông ngân, và những oan hồn có lẽ vẫn đang đêm ngày tìm về nơi đây chờ cứu rỗi.

Người đàn ông ấy ở đây. Chúng tôi đã để qua đi cái phút có thể chào nhau như đồng hương nước Việt, như người cùng phố, để có thể "ồ, à, vâng, ngày ấy." Tự dưng lòng tôi cuồn cuộn dâng một cơn điên giận. Ông ta lấy quyền gì mà nói thế? Ông ta lấy quyền gì mà ám suốt mười mấy năm đời tôi? Và tại sao ông ta lại để mình thảm hại thế? Gầy rộc. Già rốc. Nhớn nha nhớn nhác. Có bóng cảnh sát hiện ra ở góc phố. Thoắt một cái, hàng người ngồi vẽ thuê rời rạc hẳn. Các họa sỹ đứng phắt dậy quơ đồ đạc tản đi mất. Chỉ còn lại những khách hàng đang trang nghiêm ngồi làm mẫu một cách ngượng nghịu và một đôi họa sỹ. Khách hàng bị bỏ rơi ngơ ngơ ngác ngác. Cậu bạn tôi, cũng là một họa sỹ trong đám đó kéo luôn cái ghế thừa ông bạn đồng nghiệp không kịp quơ theo. - Ngồi đây bà. Đỡ mỏi. Giữ hộ ông anh luôn. Polizei thu mất cũng toi một buổi chiều vẽ không công đấy. - Ông lúc nãy...? - Đại ca của bọn mình đấy. Từ hồi ở Yết Kiêu. Không phải vì loại tranh đả kích chuyện phí phạm tám giờ vàng ngọc hay vi phạm quy định giao thông đâu. Loại ấy chỉ là để kiếm tiền nộp vợ. Tranh bụi cơ. Vô tư quá không thể vẽ như thế. Sang đây loay hoay thế nào lại gặp ông anh. Ông ấy cũng tị nạn như mình. Số ruồi chê. Trại nằm trong rừng. Về Berlin vẽ lậu nên cứ phải mắt trước mắt sau chân trước chân sau thế. Mà này, bà sang một mình à? Thằng cu Tây của bà đâu? Tôi không muốn trả lời câu hỏi đó. Tôi đã có chồng. Chồng tôi người Đức. Kém tôi năm tuổi. Lấy tôi, chồng tôi mê lập tức món ăn Việt Nam, cả nước mắm lẫn tỏi sống, chê lập tức món khoai tây nghiền nhão nhoét dân Đức chuộng. Nhưng không mê người Việt Nam, và nếu tránh được là tránh những lần tụ bạ trong giới đồng hương của vợ. Cả tôi cũng không thích đi cùng chồng tôi tới nơi đó. Tôi có cảm giác mọi người nhìn quan hệ vợ chồng tôi như nhìn một quan hệ theo hợp đồng. Tôi có cảm giác mọi người nhìn chồng tôi cầm đũa và cơm, thú vị lạ lẫm khi anh ăn nước mắm như nhìn một con khỉ ăn chuối. Tôi cũng không thích chồng tôi nhìn đồng hương của tôi như nhìn một bầy kiến lăng xăng, lo kiếm tiền như lên cơn đồng và có dịp là tụ bạ để ăn uống, nói xấu nhau và nói phét.

*

Buổi tối tôi theo cậu bạn về nhà. Ngày xưa cậu ta đeo đuổi tôi lâu thế mà giờ chẳng còn lấy một giọt đam mê nào trong mắt. Cậu ta sống với một cô bé là công nhân xuất khẩu trước và nay đã có (*)rất trẻ, rất khoẻ, hùng hục chạy "sô" từ chỗ putzen (**) này sang chỗ putzen khác, và buổi tối thì lái đĩa bay trong quán Tàu (***). Tôi nhìn theo ánh mắt cậu bạn hướng về cô vợ. Cũng chẳng có lấy một chút đam mê. Trong toa let tối tăm và sâu hun hút rất thường thấy ở những chung cư thời Đông Đức cũ tôi thấy một đống tranh úp sấp vào tường. Hỏi, cậu bạn cười: - Bà muốn xem à? Chờ tôi lau bớt bụi đã. Của ông anh hồi chiều bỏ của chạy lấy người đấy. Ông ấy dạt hết vòm này sang vòm khác, của quý thì gửi đây. Vợ mình kêu nhà chật tống vào đó. Tự dưng cậu bạn nói như đầy lưỡi: - Được đồng nào là ông ấy trích ra gửi cho con. Còn thì mua toan với màu với rượu. Có cô bồ mê ông ấy lắm. Nhưng bám vào nhau mấy năm thì cô ấy chạy. Cũng lấy Tây ở lại như bà ấy. Phải tôi tôi cũng chạy. Tôi lật từng tấm tranh ra ánh sáng. Và tôi ngồi rất lâu. Trong ánh chiều đuối, một bàn tay ngón rất dài, khô khỏng như một nhánh xương rồng xòe ngửa trên mặt bàn, cô độc, bồn chồn, bất định. Cạnh đó là cái gạt tàn lạnh ngắt, rất nhiều đầu mẩu, nhưng không còn lấy một chút khói. Có cảm giác như bóng tối đang lấn dần. Có cảm giác như bàn tay trong tranh duỗi dài thêm ra, xòe rộng thêm ra, úp lấy khuôn mặt tôi, bóp chặt. Âm vang nào dâng lên. "...Chẳng biết nơi đâu là chốn đi về..." Ngạt thở.

Ngoài kia, Berlin không có bóng tối.

LÊ MINH HÀ

7/8 - 97

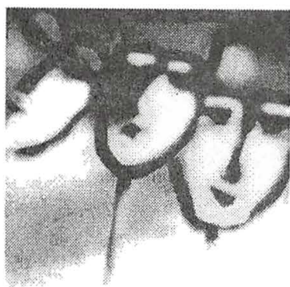
* Putzen: lau chùi, quyét dọn

** Lái đĩa bay: rửa bát



HỒ TRƯỜNG AN

TIẾNG GỌI XA XĂM



Hồi thuở nhỏ, Hội thích coi truyện Tàu, truyện kiếm hiệp, Hội không thích cặp lứa đôi mà chàng là thơ sanh nho nhã, còn nàng là tiểu thơ làm thi làm phú không thua chàng. Hội thích chàng phải là một viên dõng tướng, nàng chẳng những phải có tài mẫn tiệp về thi ca, mà còn phải đẹp nữa.

Ai cũng cho rằng hai cặp Bình Như Hành và Lãnh Giáng Tuyết cùng cặp Yến Bạch Hạm và Sơn Đại trong pho "Bình Sơn Lãnh Yến" là hai cặp đẹp đôi. Chàng Bình Như Hành và chàng Yến Bạch Hạm hễ mở miệng là tuôn thơ nườm nượp, còn nàng Lãnh Giáng Tuyết và nàng Sơn Đại hễ cầm bút lên là thi ca lai láng tuôn ra. Nếu Bình Như Hành và Yến Bạch Hạm kẻ đẹp như gấm người đẹp như nhung thì Lãnh Giáng Tuyết và Sơn Đại tươi như hoa, sáng như ngọc.

Hội không ưa thơ sanh, không chuộng vẻ đẹp văn nhã yếu đuối. Cặp giai ngẫu trong lý tưởng của Hội thì chàng phải giỏi võ, nàng phải giỏi văn. Chèn ơi, cặp Từ Hải và Thúy Kiều trong "Kim Vân Kiều" và cặp Hoàng Phủ Thiếu Hoa và Mạnh Lệ Quân trong "Tái Sanh Duyên" là hai cặp đẹp đôi, ăn khớp với mộng tưởng của Hội biết bao! Từ Hải với ba thước gươm khuấy nước chọc trời. Hoàng Phủ Thiếu Hoa đem tài ba lược sáu thao giúp vua trừ giặc ngoại xâm. Thúy Kiều thông thạo cầm kỳ thi họa. Còn Mạnh Lệ Quân

khi giả trai thi hương, thi hội, thi đình đều đỗ đầu, về văn tài át cả sĩ tử đương thời. Cô Kiều, nàng họ Mạnh đều là tuyệt sắc giai nhân.

Thuở đó Hội chỉ là một chú bé con độ bảy, tám tuổi gì đó. Một chú kim đồng dù tóc Hội không bới trái đào như trong các truyện thần tiên, dù Hội không biết thổi sáo như những chú kim đồng hát bằng một giọng mỏng nhẹ và thanh thanh những bài phấn khích lòng yêu nước qua các thể điệu hành khúc hùng tráng.

Chú kim đồng đó vào tuổi hoa niên đã học hết chương trình Trung học Đệ nhứt cấp. Chú gầy mà tươi mát, màu da sáng sủa, cặp mắt tuy nhỏ nhưng cái nhìn dịu vợi bao la. Bởi vì cặp mắt của chú không chịu nhìn thẳng vào bài vở nhà trường. Cặp mắt đó chỉ thích chìm đắm trong cảnh mộng cảnh thơ ở trong các quyển sách diễm tình, ở trong các cuốn phim ca nhạc của Hoa Kỳ tô màu Technicolor lộng lẫy. Bởi đó mà chú học quá dở. Đó là một trong 10 cậu học sinh tồi tệ nhứt lớp.

Vậy mà mỗi năm, chú kim đồng vẫn lên lớp. Mười lăm tuổi, chú hoàn tất chương trình Trung học Đệ nhứt cấp để được ngồi lớp Đệ tam. Không có năm nào chú phải thi lại một môn học nào. Môn nào chú cũng có số điểm trung bình.

Cứ mỗi kỳ bãi trường, chú được mẹ cho phép vào Khu Tám để viếng ba chú hiện đang giữ công tác dân vận trong vùng Việt Minh chiếm đóng. Ba ở trọ nhà một cặp vợ chồng tuy làm ruộng rẫy, nhưng có một quá khứ nếu không oanh liệt thì cũng hào hứng. Người chồng là hạng du côn chém mướn, oai hùng trấn ngự ở bến xe đò Cần Thơ. Không có tên du côn nào dám léo hánh tới bến để bắt nạt chủ xe đò do đương sự bảo vệ. Chú kim đồng gọi đương sự là bác Năm Nhỏ. Bác có lưng dài vai đồng, khuôn mặt khôi vĩ, phải trang hảo hớn. Còn vợ bác thuở xưa là người tình đầu của bác. Ái tình cả hai đang nồng mặn thì cô Huệ (khuê danh của bác gái) ôm cầm sang thuyền khác. Chẳng dè cô gặp tay Sở Khanh, cho nên sau đó cô không dám về nhà cha mẹ, cũng không còn mặt mũi nào trở lại chàng hảo hớn Năm Nhỏ. Cô làm gái bao cho nhiều tay thương gia Huê kiều tại chợ Vĩnh Long. Tuy không làm gái điếm, nhưng cô chuyền tay từ ông xì thẩu này sang ông Bang trưởng nọ. Có một dạo, cô mướn một căn phố nho nhỏ thuộc dãy phố Khương Hữu Phụng, cách đình làng Thiềng Đức một khe nước nhỏ, cách lò tương và chùa Long Đức một con lộ trải đá xanh. Cô sắm bàn ghế bằng gỗ trắc lẫn gỗ cẩm lai, tủ thờ khảm xà cừ, giàn máy hát, đèn "măng sông," đồ cổ ngựa...

Khi Nhựt Bổn đảo chánh Tây, cô Huệ cảm thấy mình đã quá nửa chừng xuân. Cuộc sống phóng dật nào là bán thân cho phường háo sức, nào

bài bạc tối ngày sáng đêm, nào ăn nhậu thù tạc liên miên làm nhan sắc cô suy giảm mau chóng. Tuy cô không có nét già úa, nhưng bóng sắc cô như gương tàu dính bụi, như mâm đồng lâu ngày không lau chùi. Cô liền trở về nhà tía má mình ở Cái Ngang.

Còn chàng thanh niên Năm Nhỏ, trước khi đứng bến xe đò, lúc mới lớn lên đi móc túi, chém lộn mướn. Lúc đứng bến xe đò, chàng gây hấn với băng đảng khác. Trong trận thư hùng với chúng, chàng chém một đứa vong mạng nên bị đày ra Côn Đảo 10 năm. Tại nơi ngục tù, giữa ngàn trùng sóng nước, chàng gặp những nhà cách mạng chống Pháp bị đày chung thân khổ sai. Chàng được họ dạy học chữ Quốc ngữ, chữ Nho, chữ Tây. Khi Việt Minh lên nắm chánh quyền, chàng được trở về đất liền, được làm trong ngành Quốc Gia Tự Vệ Cuộc. Sau khi Pháp tái chiếm Nam Kỳ, chàng rút vào Khu Tám, giữ một chức vụ nhỏ trong ngành Dân Vận.

Chú kim đồng chinh phục niềm thương mến của vợ chồng bác Năm Nhỏ không mấy khó khăn. Mặt mũi sáng sủa và hiền hậu cùng cách ăn nói mềm mỏng và nhỏ nhẹ của chú đã gieo vào lòng cặp vợ chồng không con cái kia một tình cảm ấm áp và thân thiết.

Nhà bác Năm Nhỏ là một túp nhà lá một căn hai chái cất tại làng Giáp Nước, giữa cánh đồng loáng nước quanh năm. Căn và chái đều rộng. Cha con chú kim đồng được gia chủ dành cho một cái vạt tre ở căn chái bên mặt để ngủ.

Hôm mới tới Giáp Nước, chú kim đồng đem cái món quà do má chú gửi biếu ông bà gia chủ: hai bánh thuốc rê Trảng được gói trong một mo cau, hai lượng trà Xiểu Chủng, một cân mì xạ, một cân mứt chà là, một tĩn nước mắm và một con khô hầm dĩ. Riêng phần quà dành cho ba cũng có thuốc lào và trà như phần gia chủ, nhưng có thêm một xấp tuần san lẫn nguyệt san văn học.

Bác Năm Nhỏ gái than:

- Chết chưa! Sáng hôm nay thím Năm Giỏi không bơi xuồng qua đây, nên tui không thể mua thịt heo và đậu đũa. Chiều nay, tui phải làm gà xé phay đãi cháu.

Bác Năm Nhỏ trai can gián:

- Còn bốn con cá lóc do tui cắm câu đó chi. Em nên làm món lóc nướng trui cuốn rau sống bánh tráng và chấm mắm nêm đãi cháu có hơn không. Còn con gà thì dành sáng mai.

Bác gái không nói gì, rút xuống bếp.

Trong lúc hầu chuyện với ba và bác gái, chú kim đồng luôn nghĩ tới khuôn mặt của bác gái. Bác tuy không còn trẻ nữa, nhưng không chịu già.

Bác ăn trầu cho đỏ môi, nhưng vẫn giữ hàm răng trắng bóng. Bác tỉa đôi chơn mày nhỏ và cong vòng theo phụ nữ tỉnh thành. Nhưng cái làm cho chú xốn xang là cặp mắt bác hơi lộ và miệng bác hơi hô. Tiếng bác khá giống cô Tư Cuộc ở trong xóm của chú, đã từng ngoại tình làm nhục chồng cô, bị người lối xóm coi như hạng ngoài vòng lễ giáo, kẻ đi trật chìa, trật đường rầy. Tuy nhiên, mắt bác gái loáng gương, cặp môi bác đầy đặn, rõ nét và tươi thiệt là tươi. Sống mũi của bác dọc dừa, thiệt thanh tú nên làm người đối diện của bác không có cảm giác thô cứng trước đôi lưỡng quyền khá cao của bác. Trái lại, đôi lưỡng quyền đó nhờ sống mũi và nhờ đôi mắt tạo cho khuôn mặt của bác nét duyên dáng bất ngờ.

Dù không còn trẻ nữa, nhưng bác gái tươi mát nhờ màu da sáng sủa, nhờ thần thái tươi rạng. Có lẽ, từ cuộc tái ngộ với bác trai, bác sống cuộc đời ngăn nắp và lành mạnh hơn, không còn lấy đêm làm ngày, không vùi dập thân xác vào những cuộc truy hoan tổn hại đến sức khỏe. Tuy nhiên bác vẫn ăn diện đỏm dáng, nhưng theo kiểu phụ nữ nhà quê. Chiếc quần mỹ a đen dệt bông mai bông cúc làm nổi bật chiếc áo bà ba bằng vải màu xanh lá mạ in những chùm bông "ti gôn" tím. Cổ bác đeo sợi dây chuyền vàng với miếng "mề đai" hình chữ Thọ theo lối triện lồng trong cái khung hình tròn. Cườm tay mặt bác lồng trong chiếc đồng chạm hình bánh ú, cườm tay trái bác đeo chiếc kim hườn chạm mắc tre được lau chùi chói bóng. Ngón tay áp út của bàn tay mặt đeo chiếc cà rá bằng đồng cẩn ngọc kim sa màu nâu đỏ lấp lánh những hột vàng li ti. Hai trái tai bác đeo đôi bông bằng đồng nhưng pha vàng, cẩn hai hột hổ phách hình tròn tròn dẹp dẹp. Thiệt ra, nữ trang của bác chẳng có chi đáng quý, nhưng ở chốn quê mùa hẻo lánh nầy vẫn tạo cho bác cái độc đáo riêng, một chút bóng dáng phụ nữ nửa chợ nửa quê thuộc hạng trung lưu.

Còn bác Năm Nhỏ trai quả thiệt có vẻ hảo hớn trượng phu. Bác cao lớn, thân hình vạm vỡ và chắc nịch, khuôn mặt gân guốc và hùng tráng như nét trạm trên đá. Tuy cùng một tuổi ba mươi ngoài như ba, nhưng ba có vẻ cằn cỗi như cây dừa, như dây sương sâm phơi khô. Còn bác thì dù không tươi mát như bọn thanh niên, nhưng vẫn ngồn ngộn sức sống. Ngực bác nở nang, eo thon, bụng sát rạt chia làm sáu múi, tay chơn nổi cuồn cuộn bắp thịt. Quãng đời du đảng còn ghi lại trên ngực bác vết xâm con rồng đoanh và trên hai bắp tay bác vết xâm mặt hổ phù.

Bác trai không chú ý đến cách ăn mặc. Tóc bác hớt ngắn, nhưng vì tóc bác nhuyễn nên dù hơi ngắn vẫn ôm sát vào da đầu nên trông thiệt đẹp. Bác ở trần, chỉ mặc chiếc quần xà lỏn đen đã trổ màu mốc mốc.

Bác Năm Nhỏ trai hỏi ba:

- Nghe nói cháu đây học chương trình Pháp, phải không anh?

Ba tự hào:

- Cháu học chương trình Thành Chung, mọi môn học đều bằng tiếng Pháp, nhưng có thêm môn văn chương Việt Nam bằng Quốc ngữ.

Bác trai trầm trồ:

- Vậy là hơn chương trình trung học Tây rồi. Chương trình trung học Tây đâu có môn văn chương Việt Nam bằng Quốc ngữ.

Và không đợi ba nói thêm tiếng nào, bác âu yếm hỏi Hội:

- Ba cháu chỉ có một mình cháu là trai. Cháu phải lấy cho bằng được cái bằng Thành Chung, có vậy, cháu mới lấy chữ đổi tiền đổi bạc để ăn no mặc ấm, sung sướng tấm thân.

Rồi bác than:

- Vợ chồng tui chẳng có con cái chi hết. Tui muốn xin con nuôi thì nhà tui ngăn cản này nọ. Buồn quá!

Ba đề nghị:

- Nếu anh chị ngại nuôi thứ con người dưng nước lã thì nên coi trong vòng bà con, có gia đình nào nghèo mà đông con, hãy xin một đứa về nuôi, còn hơn là ngồi đó mà than.

Bỗng bác gái từ dưới bếp lên, xen vào câu chuyện:

- Anh nói cũng phải đó chớ. Tuy nhiên, gia đình đông con đâu có muốn cho mình đứa con thông minh, xinh đẹp. Chèn ơi, nếu được đứa con như thằng cháu đây mà trả cho họ hai mẫu vườn tụi tui cũng không tiếc nữa là.

Bác trai phụ họa, bảo ba:

- Con đờn bà tui nói phải đó. Có đứa con như vầy thì mất hai mẫu vườn mà nhằm nhò chi. Nếu phải bù thêm một thiên lúa, tui cũng ưng bụng. Anh thiệt là có phước quá chừng!

Ba điềm đạm:

- Coi vậy chớ trong lớp cháu học cũng chỉ ở mức trung bình thôi.

Bác trai có vẻ không bằng lòng:

- Mới 13 tuổi mà cháu ngồi năm thứ 3 ban Thành Chung là giỏi quá rồi. Hồi thi tuyển vào năm thứ nhứt, thí sinh tới 400 trự, vậy mà cháu đậu hạng 42 đâu phải tầm thường.

Hôm đó ngoài món cá lóc và tôm càng nướng trui, bác Năm Nhỏ gái còn làm món cháo cá giò heo đệm bún. Món rau ăn với cá lóc và tôm càng nướng trui ngoài húng, ngò, dấp cá, ngò gai, lá quế còn có rau om và rau cần. Chèn ơi, rau om và rau cần có cọng dài, tươi mòng mọng, sắp lên mâm thau trông mát cả mắt.

Ba bảo Hội:

- Các thứ rau nầy do bác trai con và ba trồng đó. Rau om, rau cần trồng ven ao, ven bàu, tươi tốt rườm rà lắm.

Rau om và rau cần cùng các món rau khác dùng cuốn với tôm nướng, cá nướng đã là ngon rồi, còn dùng ăn đệm với cháo cá lại còn nổi hương nổi vị hơn nữa.

*

Vai trò chánh của ba trong Khu Tám là Dân Vận, nhưng ba còn là cố vấn ông ông Phú Toàn coi trạm y tế ở huyện Tam Bình, và là thông dịch viên cho bọn lính Lê Dương tù binh luyện tập các môn bắn súng và đánh xáp lá cà (cận chiến). Chiều nào, ba cũng đến trạm y tế để đàm đạo với ông Phú Toàn và các thương binh, bịnh binh. Và cứ mỗi sáng thứ Năm và sáng thứ Bảy ba đến sân bắn làm thông dịch cho huấn luyện viên về môn tác xạ. Bọn lính Lê dương ở đây có một tên Pháp và một tên Đức.

Và cứ hằng ngày, ba chỉ dạy bác Năm Nhỏ trai môn Quốc văn. Với cuốn *"Luật Hỏi Ngã"* và cuốn *"Đồng Âm Vận Tuyển"* (cuốn sau của Lê Ngọc Trụ), bác viết thư không phạm một lỗi chánh tả nào. Nhờ ba dạy bác môn Văn phạm nên biết viết câu nào cũng phân minh, mệnh đề hoàn chỉnh. Một phần là bác thông minh, một phần nhờ bác có tinh thần hiếu học.

Bác Năm Nhỏ trai có một cuốn tập giấy bìa cứng chép toàn những bài thơ ái quốc của Phan Văn Trị, Nguyễn Đình Chiểu, Huỳnh Hữu Đạt, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh cùng nhóm Đông Kinh Nghĩa Thục. Tuồng chữ bác tuy gò gẫm, đều đặn và rõ nét nhưng không đẹp. Được cái bác chép sạch sẽ. Chính ba kẻ tựa các bài cho bác.

Sáng sớm tinh sương hôm sau, bác gái nấu một nồi cơm nếp trộn dừa nạo để cả nhà ăn điểm tâm. Các món ăn cặp với cơm nếp gồm có một dĩa tôm trứng chấy, một dĩa cá bống trứng kho tiêu, một tô dưa mắm trộn tỏi ớt. Ăn xong, ba đi ra bãi tập bắn. Bác gái sửa soạn đi chợ Cái Ngan. Bác diện chiếc áo bà ba bằng nhiễu màu tím than, quần dài bằng cẩm tự đen.

Bác Năm Nhỏ trai rủ Hội đi thăm vườn. Vườn rộng chừng nửa mẫu trồng rất nhiều chuối, sau đó mới tới dừa, ổi, mận. Trong vườn xẻ mương và bồi líp. Dưới mương, những dây ấu xanh tươi, lá lấp xấp trên mặt nước bắt đầu dâng cao. Chiếc bàu giáp mé ruộng trồng đầy sen, sen trắng lẫn sen hường. Chiếc đầm lớn cuối vườn trồng bông súng, xung quanh bàu, dưới mé nước là những cây điên điển trổ hoa vàng. Xa tầm các cây điên điển, những cây rau nhút bò lan trên mặt nước. Lại có một chiếc ao nhỏ cũng thả dây rau nhút bò lan mặt nước, nhưng ven mé nước xung quanh ao là những khóm rau

cần, những đám rau om. Giáp ranh với vườn là những thửa ruộng loáng nước, ở hông bờ đê rau đắng đất lẫn rau má mọc xanh um, xuống thấp một chút, chỗ nước xâm xấp là môi trường rau đắng biển tươi mòng mọng, rau dừa, rau muống tía tươi hơn hớn...

Bác Năm Nhỏ trai bảo:

- Hôm nào rảnh ranh bác gái cháu sẽ đãi cháu món mắm kho ăn cặp rau sống. Rau cần, rau nhút, rau om, rau má, rau muống, tía, rau đắng đất, cọng bông súng, rau đắng biển, bông điên điển sẽ là món rau thập cẩm dồi dào nhứt.

Rồi bác đưa Hội tới chỗ ngòi nước đổ tuôn vào bàu. Dưới gương nước trong vắt, những dây hẹ nước nhỏ cỡ sợi tơ liễu và dài cỡ sải tay xõa dài theo chiều nước chảy như một suối tóc xanh biếc. Bác cười:

- Món rau ăn với mắm kho đã có cọng bông súng thì phải có lá hẹ nước thì mới đủ bộ vận.

Và bác khoe:

- Cháu chưa biết đâu, bác gái cháu có một thời gian dài sống ở thị thành nên biết cách sống phong lưu. Trước đó, nó có theo gánh hát Nhựt Nhựt Tân, chuyên diễn tuồng Tàu. Ngặt một nỗi ông bầu cho diễn toàn những tuồng có chuyện chết chóc nên gánh hát gặp nhiều chuyện xui xẻo, phải rã tan.

Hội lấy làm lạ:

- Tuồng có chuyện chết chóc gồm tuồng gì, thưa bác?

Bác Năm Nhỏ trai nhíu mày để cô đọng lại trí nhớ:

- Đó là các tuồng:

* *Quan Công quá Ngũ Quan Trảm Lục Tướng* (Quan Công qua năm cửa ải chém sáu tướng)

* *Thôi Tử Thí Tề Quân* (Chàng Thôi giết vua Hề)

* *Chung Hoàng Hậu Sát Tam Phi* (Bà Hoàng Hậu Chung Vô Diệm giết ba bà quí phi)

* *Đắc Kỷ Thọ Hình* (Nàng Đắc Kỷ chịu tử hình)

* *Trảm Trịnh Ân* (Xử chém tướng Trịnh Ân)

* *Xử Bá Đao Từ Hải Thọ* (Trăm đao xử tử Từ Hải Thọ)

Hội cười ngất:

- Ông bầu gánh Nhựt Nhựt Tân nầy quả thiệt là tay háo sát. Gánh hát diễn mấy tuồng đó hoài thì làm sao khá được?

Dạo vườn xong, hai bác cháu trở về nhà. Bác Năm Nhỏ gái và ba vẫn chưa về. Bác trai đưa Hội vào căn buồng khá rộng của vợ chồng bác. Ở đó có cái vạt tre trải chiếu bông, treo mùng lưới, bày gối ống bọc nhiễu đỏ, mền len đỏ. Đặc biệt nhứt là gần tủ áo bằng thao lao có cái tủ kiếng chất đầy sách

báo.

Hội ghé mắt vào tủ kiếng ba từng. Từng dưới chót xếp những báo Nam Kỳ như Nông Cổ Mín Đàm, Lục Tỉnh Tân Văn, Phụ Nữ Tân Văn... Còn hai từng trên là các chuyện Tàu, đặc biệt là các bộ *"Đông Châu Liệt Quốc," "Tây Hớn," "Tam Quốc," "Đông Hớn," "Nhạc Phi," "Thủy Hử"* đều đóng bìa da. Ngoài ra có những quyển sách của Hồ Biểu Chánh và sách của các tác giả gốc Nam Kỳ khác như Mộng Huê Lầu qua hai cuốn *"Bó Hoa Lài"* và *"Túy Huê Đình,"* như Nguyễn Chánh Sắt qua *"Nghĩa Hiệp Kỳ Duyên," "Gái Trả Thù Cha," "Từ Mạng Tương Đố," "Lòng Người Nham Hiểm"* v.v... Lại còn có hai quyển tiểu thuyết của Bửu Đình; đó là *"Mảnh Trăng Thu"* và *"Cậu Tám Lọ."* Hội bảo:

- Thưa bác, ông Bửu Đình đâu phải người Nam Kỳ. Ổng là người Huế, thuộc hoàng tộc.

Bác trai cười:

- Bác biết điều đó. Nhưng ổng từ thuở xuân xanh lưu lạc vào Nam, làm chủ sự nhà dây thép ở Gò Công, cưới con gái một ông điền chủ ở làng Tân Niên Tây, cách chợ Gò Công 6 cây số. Ổng nói tiếng Nam rựa ràng lắm, không có thả giọng Huế trọ trẹ vào giọng Nam chút nào cả. Ổng làm cách mạng chống Tây thực dân, bị đày ra Côn Đảo. Sau đó ổng đóng bè tre để vượt biển, vào đất liền, nhưng sóng nước đưa bè ổng qua tuốt bên đất Xiêm La (Thái Lan) rồi từ đó tung tích ổng mất biệt luôn. Khi bác bị đày ra Côn Đảo, các bạn tù thường kể chuyện ổng cho bác nghe. Bác phục ổng lắm. Cho nên khi được phóng thích trở về đất liền, bác tìm mua cho được hai tác phẩm của ổng.

Hội gật đầu tỏ vẻ ngưỡng mộ tác giả *"Mảnh Trăng Thu"* lẫn kẻ mua quyển sách đó với tấm biệt tình hiếm có. Cậu nhìn lên từng chót tủ kiếng. Ở đây có ba quyển tuồng hát bội, đó là quyển *"Kim Thạch Kỳ Duyên"* của Danh sĩ Bùi Hữu Nghĩa, quyển *"San Hậu"* của Đào Tấn, quyển *"Tiết Cương Chống Búa"* của Tú Quỳ. Lại có những truyện thơ ngoài truyện *"Lục Vân Tiên"* như *"Phạm Công Cúc Hoa," "Lâm Sanh Xuân Nương," "Bạch Viên Tôn Các," "Thoại Khanh Châu Tuấn," "Chàng Nhái Kiểng Tiên," "Lý Công," "Nàng Út," "Trần Sanh Ngọc Anh," "Nam Kinh Bắc Kinh"*... Lại có các quyển in các tuồng cải lương được thâu vào dĩa nhựa Asia như *"Huê Dung Đạo," "Gươm Lục Yểm," "Quan Âm Thị Kính," "San Hậu," "Hoa Rơi Cửa Phật"* v.v...

Bác trai bảo bằng giọng thán phục:

- Sách trong tủ nầy một phần do bác gái cháu sắm. Một phần do một người bạn của nó chết để lại. Nó thích loại chuyện kỳ tình như *"Tái Sanh*

Duyên," "Mộng Trung Ngũ Mỹ Duyên," "Bình Sơn Lãnh Yến" chớ không thích loại truyện Tàu nói về cách an bang tế thế như *"Đông Châu Liệt Quốc,"* hay loại chiến thuật chiến lược như *"Tây Hớn," "Tam Quốc"*... Tuy nhiên, nó vẫn coi mấy cuốn đó để có thể hầu chuyện với bực trưởng thượng trí thức...

Bác lôi ra một tập giấy bìa cứng ở dưới đáy hộc tủ:

- Bác gái cháu không biết viết văn mần thơ và đánh đờn ca hát. Nhưng nó ưa chép mấy bài thơ của các bực nữ sĩ thích mần thơ lãng mạn.

Hội lật tập giấy. Đó là những bài thơ của bà Sương Nguyệt Ánh, Trần Ngọc Lầu, Trần Kim Phụng, Cao Ngọc Anh, Đào Vân Khanh, Chi Tiên, Song Thu Phạm Xuân Chi, Hồng Thiên... Những bà nầy ngoài những loại thơ cảm hoài, còn có thơ tự trào, thơ yêu nước, nhưng bác gái chỉ chép những bài cảm hoài, những bài tình tự mà thôi. Nét chữ bác tuy gò gẫm, nhưng vẫn hơi sệu sạo. Được cái bác chép sạch sẽ, chữ viết không thiếu một nét đá lên, còn nét cong thì tròn trặn.

Hội trước đó được má cho biết bác trai tử chiến, còn bác gái là gái giang hồ. Hội được biết bác trai học đôi chút chữ nghĩa và văn học ngay ở chốn lao tù. Nhưng má không cho cậu biết cách sống của bác gái. Hội thừa biết bác gái không có mức độ văn hóa cao, cũng không có kiến thức sâu rộng và chính chắn về phương diện văn chương. Nhưng bác vẫn có một phong thái phong lưu mà hạng gái bán phấn buôn hương, ngay cả bọn danh kỹ như Ba Trà, Tư Nhị, Hai Thời, Sáu Hưng không hề có. Cậu chợt tự hỏi người bạn để sách vở lại cho bác sau khi đương sự qua đời là hạng người nào? Người bạn đó là đờn ông hay đờn bà? Người Nam, người Trung hay người Bắc? Thời tiền chiến, người Nam ít chú trọng tới việc đào luyện kiến thức về văn chương, dù họ có ăn học tới bực chót của cấp trung học đi nữa.

Đang lúc đó, ba trở về cùng với hai người Âu Châu, tuổi 30 ngoài. Một người tóc vàng cao lớn dình dàng, râu quai nón, còn người kia có tầm vóc trung bình, tóc nâu cắt ngắn. Ba giới thiệu:

- Đây là ông Wilfrid Reich, người Đức (chỉ người tóc vàng); đây là ông Henri Touchet, người Pháp (chỉ người tóc đen). Còn đây là Hội, con trai tôi.

Đôi bên chào nhau. Wilfrid nói tiếng Pháp khá vững, nhưng bằng giọng là lạ lỗ tai. Bác Năm trai nói tiếng Pháp khá trôi, dù không đúng mẹo, dù là ngôn ngữ của bọn bồi bếp của Tây. Trong lúc trò chuyện, thỉnh thoảng Henri nhìn lên tấm ảnh của bác gái lộng kiếng treo trên vách. Tấm ảnh này khổ cỡ 18 x 24 thôi, nước thuốc màu sépia nâu đỏ, có đôi chỗ tróc lam nham. Trong ảnh, bác mặc áo dài bằng nhung, tai đeo bông tòn teng, cổ đeo dây chuyền bướm cẩn hột xoàn thiệt hay hột xoàn giả gì đó không biết mà vẫn

chớp lấp loáng. Mày bác tỉa cong như chiếc mống trời, và nhỏ rí như sợi chỉ. Môi bác tô son chói bóng. Người trong ảnh tuy có vẻ thị thành nhưng giống mấy cô đào hát cải lương.

*

Vừa lúc gần 11 giờ trưa, bác Năm Nhỏ gái về tới. Tháp tùng theo bác là một người đờn bà trạc tuổi giữa khoảng 25-30 và một chàng thanh niên tuổi cỡ 25. Bác gái phân bua với chồng và ba của Hội:

- Ngày mai là lễ mãn khóa khóa học tác xạ nên Đại đội ở Khu Tám mình muốn làm lễ Liên hoan gần bãi tắm. Con em tui và thằng em tui đòi đến coi cho biết.

Em gái bác Năm gái tên là Ngọc Khanh đẹp hơn chị nhưng không sắc sảo hơn chị. Cô đẹp do đường nét thanh tú ở khuôn mặt vóc mình, nhưng thần sắc cô không rạng rỡ, da cô không hồng hào chói lọi, ánh mắt cô không loáng như thần sắc, nước da và ánh mắt của bác gái. Nhưng da cô khá mởn, mặt cô có lông nheo dài, ở xa trông như hai chấm nhung.

Riêng Ngọc Chơn, em trai bác gái đẹp thanh tú, thần thái phiêu dật, mắt sáng ướt gợn ánh sóng thu, da trắng trẻo hồng hào, xương cốt thanh tú, vóc vạc thanh cảnh.

Trong khi bác gái và cô Ngọc Khanh xoắn xít trò chuyện với Hội thì Ngọc Chơn dù có miệng chúm chím cười với Hội, nhưng cặp mắt anh ta lạnh ngắt, thỉnh thoảng anh ta ném về cậu cái nhìn ngờ vực và tò mò một cách vu vơ.

Gà vịt do ba đài thọ đã làm sẵn ở tại Cái Ngang. Cô Ba Ngọc Khanh bắt đầu nấu cháo vịt và nấu cà ri gà. Hội xẩn bẩn theo cô, gọt gừng để cô làm nước mắm, nạo dừa và gọt khoai lang để cô nấu cà ri. Hội nhìn về phía Ngọc Chơn bảo cô Ba:

- Cô và anh Ngọc Chơn giống nhau như đúc.

Cô Ba Ngọc Khanh cười:

- Ý Hội muốn nói cô và thằng Chơn không giống chị Hai Ngọc Huệ tức bác Năm gái của Hội chớ gì. Chị Hai là con của bác ruột và dì lớn của cô đó. Bác cô cưới bà chị, tía cô cưới bà em. Bác cô và dì lớn cô lần lượt qua đời nên chị Hai Ngọc Huệ về ở với tía má cô được tía má cô coi như con ruột.

Cô xoay qua chuyện khác:

- Chị Hai cô khen Hội có gương mặt sáng bóng nên học giỏi. Thằng Ngọc Chơn mới học lớp nhứt thì lại gặp thời kỳ loạn lạc nên nó đành ở nhà coi sóc ruộng vườn. Nó muốn đi tu nhưng tía má cô cản trở khóc lóc dữ lắm

nên nó đành bỏ ý định đó.

Bác Năm gái bày chén đũa, ly tách trên bàn. Bác Năm trai bày bốn chai rượu thuốc. Bác gái xuống bếp hỏi cô Ba:

- Gói lỗ tai heo phá lấu đâu? Thôi, em để chị lo nấu nướng, em lên nhà trên bồi tiệc đi.

Cô Ba Ngọc Khanh nói:

- Có Tây tà, em đâu dám.

Bác Năm gái cười:

- Tây cũng là người, tụi nó đâu dám ăn thịt mầy. Mầy mà ưng thằng tù binh nào, tao cũng túc ráy chú thím gả mầy cho nó.

Cô Ba Ngọc Khanh trợn mắt:

- Ông ửng bà hành gì mà cái chị quỉ nầy ăn nói luông tuồng tầm bậy tầm bạ như vầy?

Bác Năm gái nguýt:

- Tây đi ruồng đi bố thì dữ như Chằng Tinh, Ông Kẹ. Còn Tây tù binh thì dễ thương lắm, chị nói không ngoa đâu.

Cô Ba Ngọc Khanh không bằng lòng:

- Tía má em mà nghe chị nói như vầy, chắc ổng bả lăn đùng ra chết giấc, thất khiếu sẽ xuất huyết dầm dề cho coi.

Bác gái cười hềnh hệch. Khi cô Ba đi lên nhà trên bồi tiệc, bác bảo Hội, vẻ mặt hơi buồn buồn:

- Con em của bác cũng có bóng sắc mặn mòi. Vậy mà hễ có đám nào đi coi mắt nó, nó giãy đành đạch từ chối liền. Năm nay nó 28 tuổi rồi, coi như lỡ thời. Tuy vậy mà kẻ rắp ranh bắn sẻ vẫn cho mai mối tới nhà chú thím của bác hoài.

Vừa lúc đó, Henri Touchet từ nhà trên bước xuống, xin chút nước để rửa tay. Bác gái dắt hắn ra sàn nước, cầm cái gáo sọ dừa múc nước lóng phèn đựng trong chiếc ảng sành, rót lên đôi bàn tay kẻ ngoại nhơn. Bác dùng tiếng bồi nói chuyện thao thao với hắn. Bác trách hắn cả tuần nay sao không đến chơi. Bác trách hắn sao chưa họa truyền thần cho bác. Bác khuyên hắn nếu thèm ăn thịt gà, cứ lại nhà vợ chồng bác chơi, hắn lúc nào cũng là khách quí của bác. Lúc nói chuyện với hắn đôi mắt bác sáng háo hức dị kỳ. Đôi lúc bác nguýt yêu hắn, miệng cười tươi ơi là tươi! Lại thêm một điều kỳ hoặc làm Hội phải bần thần nghĩ ngợi. Đành rằng cậu thừa biết trước kia bác là gái giang hồ, nhưng vốn xuất thân từ dân miệt vườn, lẽ nào bác nói tiếng Pháp trôi chảy, dù là bác không biết mẹo luật tiếng Pháp đi nữa? Có phải hồi ở chợ Vĩnh Long, bác thường tiếp xúc bọn Pháp kiều, bọn lính Tây từ năm nầy sang năm nọ chăng? Cả bác trai cũng vậy, bác phải có một thời gian nào đó

sống chung với người Pháp với chức vụ "gát dang," bồi phòng, hoặc kẻ làm vườn nên nói chuyện với người Pháp trơn như mỡ và xuôi như nước đổ ra sông như thế đó.

Sau đó, Hội bước lên nhà trên. Bác Năm trai gọi cậu ngồi gần bác, rót cho cậu một chung rượu nhỏ, bày thêm cho cậu một cái chén và một đôi đũa. Hội sốt sắng hầu chuyện với hai người tù binh Âu Châu. Ngọc Chơn cũng góp chuyện. Thuở đó, học sinh lớp nhứt vẫn có đôi chút vốn liếng về ngữ vựng tiếng Pháp.

Cô Ba Ngọc Khanh bồi tiệc, mỗi khi nói chuyện với ba và với bác trai một điều thưa, hai điều dạ rất ngọt ngào lễ phép. Còn Ngọc Chơn thỉnh thoảng ném cái nhìn đồng lõa, rất gian tà về bác trai.

Cơm nước, nhậu nhẹt xong, hai người tù binh kiếu từ. Ba phải đi thăm ông Y viện trưởng ở cách khúc sông chảy ngang nhà bác Năm Nhỏ cách ba doi bốn vịnh, giữa đám lau sậy trùng điệp.

Hội hơi ngầy ngật vì hai chung rượu trong lúc dự tiệc. Cậu ra vườn hóng mát rồi đi vòng qua bên kia bàu nước bên hông nhà. Cậu tìm bóng mát cây mù u, ngồi dựa vào thân cây mù u, ngủ say sưa.

Chỗ đối diện với gốc mù là đám sậy dầy bịt, rồi mới tới bàn nước. Bên kia bàu nước là chiếc sàn nước lót ván sắp vài lu khạp ảng bồn chứa nước mưa. Chính tại sàn nước nầy, bác gái gặp lúc nước lớn đem gạo ra vo, đem rau ra rửa, đem quần áo ra giặt.

Hội ngủ một giấc ngắn. Bên sàn nước có tiếng chuyện trò giữa bác Năm gái và cô Ba Ngọc Khanh. Cô Ba hỏi bằng giọng buồn rầu chán nản:

- Chị nghĩ kỹ chưa? Bấy lâu nay ảnh có nhận thấy chị thay đổi không?

Bác Năm gái nói một cách ráo rẻ:

- Tao đâu có gì phải suy nghĩ. Trong cuộc ăn ở lại với ảnh, tao chỉ coi ảnh như bạn, như người anh. Tao thì cần có người tình hoặc người chồng. Còn ảnh, ảnh tìm ở tao một chỗ nương dựa trong lúc ảnh mệt mỏi, sau bao năm lao tù cô đơn. Cuộc lứa đôi của tụi tao là vậy cả hai chỉ cần nhau mà không hề yêu thương thiệt sự, không hề say mê nhau.

Cô Ba Ngọc Khanh bảo:

- Em coi anh Hai em cường tráng, phải thể trượng phu. Vậy mà sao chị không thể yêu ảnh?

Bác gái thở dài:

- Ý hị! Vậy mới khổ cho tao. Làm vợ ảnh mà tao vẫn bị tiếng gọi thời gái giang hồ réo gọi. Phải chi tao xấu xí, già háp thì tao cũng cam phận, sống đời làm vợ an phận thủ thường. Ngặt một nỗi, có nhiều đờn ông thanh niên xà quần theo tao, làm tao nhớ tới thuở tao còn ở chốn thị thành. Nhớ đến

ngất ngư khổ sở. Thế nào tao cũng bỏ đất nầy, lên chợ Vãng, tìm về xóm Khương Hữu Phụng.

*

Lễ liên hoan mừng mãn khóa tác xạ được tổ chức từ buổi xế hôm sau, lúc trời vừa tắt nắng, ngay trên nền nhà mới của ba. Sau lễ nầy, dân làng sẽ dựng cột gác đòn vông cất cho ba nếp nhà lợp lá ở chặng đường giữa nhà bác Năm Nhỏ và Quân Y Viện.

Hôm đó, dân làng Giáp Nước và dân làng Cái Ngang đóng góp gạo, nếp, gà, vịt, đậu, bắp để làm tiệc đãi các ông tân bộ đội, hai ông huấn luyện viên mũi lõ mắt xanh, ông thông dịch viên kiêm cố vấn quân sự (tức là ba), ông trưởng trại Quân Y... Ba giữ phần đọc diễn văn khai trương cuộc lễ liên hoan, bác Năm Nhỏ trai đại diện dân chúng cũng lên diễn đàn đọc diễn văn đáp lễ. Sau đó là tiệc liên hoan.

Vừa lúc chương trình văn nghệ bắt đầu. Hội cảm thấy mệt mỏi vì tiếng ồn ào. Cậu bước xuống chiếc tam bản của ba đậu dưới bóng mát cây gáo ở mé rạch. Cậu muốn đến chỗ bàu sen ở mé ruộng xâm xấp nước, giáp liền với con rạch nhỏ chảy quẹo qua bên trái con rạch chảy trước nhà bác Năm Nhỏ và trước Quân Y Viện. Chỗ đó, có cây mù u tàng rộng hơn cây mù u mọc bên ao bác Năm.

Sáng vừa rồi, bác trai đưa Ngọc Chơn và Hội đến bàu sen để hái bông sen, gương sen và nhổ ngó sen. Cảnh ở đó đẹp ơi là đẹp! Sen trắng sen hường gặp kỳ nở rộ, bông hoa in trên nền lá, trông như hoa thêu trên tấm thảm bằng lụa màu túy lục. Quanh bàu sen là những cụm điên điển trổ hoa vàng, cỏ đay trổ hoa xanh biếc. Ven bờ ruộng những khóm đũa bếp trổ bông hường hình sao, lớn cỡ bụm tay. Cách bàu sen là một con đê khá cao là bàu bông súng. Nước bàu này trong văn vắt, nổi loáng thoáng vài bông súng cánh trắng nhụy vàng giữa vài ba mặt lá tròn tròn lớn cỡ cái dĩa đựng nước mắm, trải bằng trên gương lớn. Và gần mép bàu vài cụm bèo cánh tròn xinh xinh như cánh hoa mai, ngâm chùm rễ trắng trong nước.

Hội vừa bơi tam bản vừa ngáp ứa nước mắt sống. Giờ nầy mà cậu neo tam bản dưới gốc cây mù u bên bàu sen mà đánh một giấc cho tới khi trăng lên thì sảng khoái phải biết! Nhưng khi tới bàu sen, cậu chợt nghe tiếng chuyện trò bên phía lau sậy bên trái bàu nước. Hình như là giọng bác Năm trai và giọng của Ngọc Chơn thì phải. Vốn sẵn tánh tò mò, Hội cho tam bản lủi nhẹ vào bìa lau sậy, rồi vạch một khóm lau nhìn vào bên trong. Mèn ơi, giữa khóm lau còn có một vũng nước rộng, lớn gấp hai cái ụ xuồng. Nơi đó,

chiếc tam bản của bác Năm trai neo ở khóm cây bình bát. Bác trai và Ngọc Chơn không còn mảnh quần nào che thân. Hai thân lõa lồ dính xà nẹo nhau. Màu da trắng hồng của Ngọc Chơn và màu da đồng mắt cua của bác Năm trai tương phản nhưng lại hài hòa nhau.

Hội nín thinh, không dám thở mạnh. Có một mãnh lực huyền bí gì đó khiến cậu cứ chong mắt hướng về cảnh hai người đờn ông hoàn toàn quăng mình vào cuộc khoái lạc mê đắm mù lòa. Cảnh tưởng này Hội không hề được nghe ai kể bởi vì nó "đặc biệt" quá mà người bình thường bù trất. Hai người cùng phái tính làm tình với nhau! Hình như vừa lúc xác thân biết căng phồng và nóng hổi dục tình, thỉnh thoảng cậu vẫn nghĩ tới cảnh cậu được một người đàn ông khỏe mạnh và khôi ngô ôm chặt trong vòng tay. Nhưng vì nghĩ rằng chắc nhơn loại không ai có ý nghĩ oái oăm như vậy nên cậu gạt nó ra khỏi đầu óc. Nhưng nó rắn mắc, không chịu lìa cậu. Nó gờn gợn mãi trong đầu óc cậu. Và để tránh sự vùng vẫy, chi phối của nó, cậu đè nén nó thật chặt, tận dưới tầng lớp thâm sâu của tiềm thức.

Giờ đây cảnh âu yếm yêu đương giữa hai người đồng phái tính như trái lựu đạn, hoặc hơn nữa, như mìn nổ giựt sập lớp đè nén đó đi, kéo ý nghĩ oái oăm đó lên mặt phẳng của tâm thức Hội. Tiếng thở hừng hực của bác Năm trai và tiếng thở dài thỏa thích của Ngọc Chơn làm Hội đối diện với con người thiệt của mình, đối diện với cái khuynh hướng tình dục của mình rõ ràng hơn bao giờ hết.

Ngọc Chơn thỏ thẻ:

- Anh thích xỏ lỗ đờn bà mà sao lại còn thích kê gian với em?

Bác Năm trai cười:

- Thiệt ra anh mê đờn bà cũng như mê trai non. Trước đó anh không hiểu điều đó. Nhưng khi bị đày ra Côn Đảo, vì vắng đờn bà, anh tìm cách kê gian với bạn tù trẻ và trắng trẻo đẹp trai! Mỗi lần hôn hít, rờ rẫm, vuốt ve, liếm láp đương sự anh không nghĩ rằng mình làm tình với đờn ông, hoặc làm tình với đờn bà qua hình vóc trắng trẻo và tươi ngồn ngộn của đương sự. Anh chỉ biết mình làm tình với cái Đẹp, mà cái Đẹp thì cần gì phải giống đực hay phải là giống cái đâu em? Người đờn ông đồng tính luyến ái làm tình với đờn ông con trai. Còn người đờn ông dị tính luyến ái thích làm tình với đờn bà con gái. Còn anh, anh không hiểu mình sao nữa. Có thể anh là thứ lưỡng tính luyến ái chăng? Không phải đồng không phải dị, mà là vừa đồng vừa dị chăng?

Khi hai thân thể buông nhau ra, Ngọc Chơn thở dài:

- Riêng em, em chỉ thích làm tình với đờn ông con trai mà thôi, mà phải là đờn ông con trai cường tráng và khôi ngô.

Bác Năm trai tròng chiếc quần xà lỏn vào người, lấy bánh thuốc rê đựng trong mo cau, rứt một cục, vấn giấy quyến và bật hộp quẹt máy mồi lửa, hút hơi dài, phà khói. Từng động tác của bác chậm rãi, như nghiền ngẫm, thắp sáng một cảm giác khoái lạc còn giăng mắc hoặc phưởng phất trong ký ức. Mắt bác theo dõi cậu em vợ đang gối tay nhìn lên tàn lá cây bần gie ra phía chiếc tam bản. Bác mơ màng:

- Vậy là sáu năm trôi qua. Hôm nay, anh mới có dịp nếm lại mùi khoái cảm mà anh đã từng hưởng trong chuỗi thời gian bị tù đày. Con người lúc tuyệt vọng, cô đơn luôn tìm một chút lẽ sống, không nghĩ gì hơn là cái bản năng, cái thú tính đã chực sẵn ở mỗi sớ thịt, đường gân của mình.

Ngọc Chơn cười:

- Em tuy không hiểu lời anh nói, nhưng em biết anh thành thiệt.

Rồi anh ta lại hỏi:

- Nè anh, thằng Hội cũng xinh đẹp, kháu khỉnh. Nó có cái vẻ mặt lạ lùng khi nhìn anh hoặc nhìn em, hay nhìn hai thằng tù binh Âu Châu.

Bác Năm trai chậm rãi:

- Ừ, nó tuy không đẹp như em, nhưng nó có cái gì trội hơn những cậu con trai mới lớn khác. Nhưng mà, anh yêu thương nó như yêu thương một đứa con. Như em biết, chị Hai em cũng đã trao thân gửi phận vào vài nơi, còn anh cũng đã dan díu dài hạn với nhiều người đờn bà. Vậy mà cả hai chẳng ai có con có cái gì ráo.

*

Khi cô Ba Ngọc Khanh và Ngọc Chơn về Cái Ngang rồi, Hội có nhiều dịp gần gũi bác trai lẫn bác gái. Cả hai cưng chiều cậu, vây bọc ấp ủ cậu bằng tấm lòng cha mẹ.

Một hôm, tiếng mõ ống lim bằng cây mù u khoét bộng văng vẳng từ ngoài vàm rạch Giáp Nước. Hôm đó, ba có việc đi chợ Thầy Phó, hai hôm sau mới về. Biết là tiếng mõ báo động Tây đi ruồng bố, vợ chồng bác Năm nhỏ hối Hội xuống tam bản rồi kẻ chống người chèo đưa tam bản vào sâu trong rừng lau bãi sậy.

Bỗng trên lưng trời, một đoàn máy bay săn giặc lướt qua. Chiếc máy bay ở chót đội hình tam giác tuôn bom xuống. Những trái bom trắng, phản chiếu ánh nắng, Hội tưởng như những cái chai đựng nước suối. Và rồi hai chiếc máy bay đầu bắt đầu dội bom theo kiểu rắc muối tiêu, tuôn bom từng đợt, từng nghĩn... Tiếng bom dội rất gần, làm trời long đất lỡ, tiếng dội xuống đất như nện vào ngực Hội. Cứ mỗi lần nghe tiếng ầm mở đầu, vợ chồng bác

Năm không hẹn cùng nằm sấp lên Hội để che chở cho cậu, qua bản năng của con gà mẹ che chở đàn gà con trước móng vuốt của diều hâu. Bác gái rên rỉ:

- Con đừng sợ, có hai bác đây.

Bác trai bảo:

- Lạy Trời, thà Trời bắt tui chết, chớ đừng để cháu Hội chết. Đời tui đã lỡ làng, tui có chết cũng chẳng lấy chi làm uổng.

Cuộc ruồng bố rồi cũng qua. Chiều tối, cả ba về nhà. Bác gái thắp đèn rồi đi vo gạo nấu cơm.

Đêm đó, Hội ôn lại những lúc vợ chồng bác ấp ủ, che chở cho cậu, cảm động đến trào nước mắt trong bóng tối. Ở bác gái, cậu đón nhận tình mẫu tử một cách ngọt ngào, hồn nhiên. Nhưng ở bác trai, cậu vẫn thấy hình ảnh một người cha, nhưng sau hình ảnh đó có một tình cảm khác, say đắm hơn, suồng sã hơn, lôi kéo cậu vào những tư tưởng tình dục sa đà, vào những ước mơ rối rắm tầm ruồng.

Hội thừa biết rồi ra vợ chồng bác Năm Nhỏ sẽ có cảnh keo rã hồ tan. Họ không là cặp vợ chồng siêu việt như Từ Hải và Thúy Kiều, như Hoàng Phủ Thiếu Hoa và Mạnh Lệ Quân. Nhưng họ vẫn là cặp đẹp đôi. Chồng thì hùng tráng, khẳng khái. Vợ thì thích văn chương, tâm hồn mềm mại và phong phú những rung động rất thơ, rất trữ tình. Vậy mà họ không tìm được hạnh phúc ở nhau. Chuyện tan vỡ làm sao tránh khỏi?

Hai hôm sau, ba về tới. Công cuộc cất nhà riêng cho ba bắt đầu. Hễ rảnh rang, bác Năm trai đưa Hội đi viếng thăm vài nơi trong xóm hoặc ở các xóm lân cận. Bác thường rủ Hội đi cắm câu, soi ếch, tát mương bắt cá, hoặc đốt đuốc nôm chim ngoài đồng vào lúc tối trời. Bác kể lại quãng đời du thủ du thực của mình cho Hội nghe, săn sóc Hội như người cha săn sóc đứa con. Hội đành chấp nhận những ân sủng của người đờn ông có cái quá khứ sôi nổi kia, đành đè nén những thao thức của cái bí ẩn riêng mình tận đáy tâm khảm...

Đêm nọ, vì nghĩ tới bác Năm trai và Ngọc Chơn hoài nên Hội cứ trằn trọc hết canh nầy sang canh nọ. Cậu lắng nghe một tiếng gọi xa xăm từ khi mình biết nghĩ tới thú giao hợp. Tiếng gọi đó luôn bảo cậu phải tìm hạnh phúc ở một người cùng phái, chớ không phải ở người khác phái. Mỗi khi xem một cuốn phim hay một cuốn tiểu thuyết, cậu thường chui vào các nữ nhơn vật để được yêu thương, được làm tình với nam nhơn vật. Ngay khi cậu tưởng tượng cảnh cụp lạc giữa vợ chồng bác Năm Nhỏ, cậu cũng chui vào bác gái để được làm tình cùng bác trai.

Xa hơn nữa, Hội đã từng xúc xiểm, khuyến khích các cô ruột cùng các người chị con nhà bác của cậu ăn mặc sô sa gấm vóc, trang điểm phấn son,

đeo hột xoàn cẩm thạch cho ánh lộn. Đó không phải là là do lòng tốt của cậu đâu. Bởi cậu là con trai, không được phép diện y phục và các món trang sức của phụ nữ, không được phép tô chuốc phấn son. Cho nên cậu muốn phe phụ nữ thân thích ruột rà của mình thực hiện những điều cậu không thể thực hiện, và họ cụ thể hóa những giấc mơ của cậu. Chưa hết, Hội thường vẽ hình các cô đào cải lương có vòng đeo ngọc khảm, cài bông cài huê lên đầu, mặc áo bông huê rần rực. Đó cũng là cậu vẽ lại giấc mơ làm đào cải lương của mình. Giấc mơ đó, dù là gái đi nữa, cậu cũng khó thể thực hiện, vì gia đình cậu, dòng họ cậu chưa có bà nào, cô nào, chị nào dám chọn nghề trình diễn cả. Và cả đại gia tộc cậu cấm nhặt con em trong họ làm nghề xướng ca.

Bác Năm trai đó, chàng Từ Hải có phải? Ngọc Chơn đó, có thể gợi lên hình ảnh Hoàng Phủ Thiếu Hoa. Làm sao Hội trở thành Thúy Kiều hay Mạnh Lệ Quân đây?

Sáng hôm sau là ngày rằm tháng Bảy âm lịch, ngày rằm Vu Lan. Dân làng không lợp nhà cho ba. Họ muốn nghỉ xả hơi ở nhà họ. Ba rủ bác trai và Hội đi Cái Ngang thăm viếng người bạn chung. Hội vì mất ngủ trọn đêm qua nên xin phép ở nhà.

Bác gái vừa khi chồng đi khỏi, bảo Hội:

- Cháu ở nhà coi chừng nhà giùm bác. Còn nếu muốn đi chơi thì nên đi gần đây. Để bác bơi xuồng tới ngọn rạch, đến nhà cô Hai Cúc mua mắm sặc về kho ăn với rau ghém.

Bác rửa mặt, chải đầu rồi mặc chiếc áo bà ba bằng lụa lèo màu hột gà, xuống tam bản bơi đi.

Ở nhà chừng một chốc, Hội cảm thấy phiền muộn. Cậu liền men theo con đê sau khoảnh vườn để đến chỗ cất nhà của ba.

Khắp nơi yên lặng. Mấy cây sao sau nền nhà cao vút in thân gầy ốm và tàu lá lưa thưa trên nền trời xanh bàng bạc màn mây mỏng. Mà ô hay, hình như có tiếng người rủ rỉ trong đám cây muồng ở bên trái cái sàn nước lót tạm bằng ván cây thao lao! Linh tánh báo cho Hội biết đây là một cuộc hẹn hò lén lút, cho nên Hội rón rén đến phía có tiếng rên rỉ kia.

Khi vẹt một nhánh muồng, Hội thấy Henri Touchet đang hành dâm với bác Năm gái. Hắn đang loay hoay hì hục trên thân thể lõa lồ của bác, cái đít hắn nhún lên nhún xuống giống cái đít con gà trống đang đạp mái. Còn bác gái thì mắt nhắm nghiền, miệng rên rỉ huyên náo, sắc mặt như đang lún sâu vào cơn mê sảng. Chèn ơi, vóc mình bác thon gọn, đôi vú bác vun chủn, không chảy không xệ vì tuổi tác. Có lẽ vì không thai nghén, đẻ đái nên bác giữ lâu dài thân vóc đẹp tuyệt vời như vậy. Nhưng mà Hội chỉ dán mắt lên tấm lưng thon và cặp mông tròn trặn của Henri Touchet, cảm thấy mình

không còn ở trong thân xác mình nữa. Dù không như bác trai hay như Ngọc Chơn, nhưng Henri vẫn là đối tượng nhục thể huy hoàng đối với Hội.

*

Hết mùa bãi trường, Hội trở về thành phố, trở về trường lớp. Cậu gia công tìm thấy những kẻ có khuynh hướng tình dục như mình. Người tình đầu tiên của cậu là chú Hai Oánh, thợ làm bánh mì ở chợ Vĩnh Long.

Mối tình phất phơ đó chỉ kéo dài nửa năm, sau đó chú Hai Oánh lên Sài Gòn làm việc cho một lò bánh mì ở Đa Kao. Hội cần chú vì nhu cầu sinh lý hơn là tình yêu thứ thiệt. Cậu tìm cách theo dõi tin tức gia đình bác Năm Nhỏ và Ngọc Chơn, không hề nghĩ tới chú Hai Oánh nữa.

Cách mùa hè Hội đến viếng Giáp Nước một năm, bác Năm gái nhỏ bỏ chồng đi qua Cần Thơ, mở động đĩ. Tiếng gọi xa xăm thời giang hồ đã khiến bác dứt bỏ một cách gọn gàng cuộc sống chung với kẻ mà bác chỉ kính mến chớ không thiệt sự yêu đương say đắm.

Bác năm trai buồn rầu ngơ ngẩn suốt một thời gian dài. Rồi bác bị chứng ban cua lưỡi trắng. Ngọc Chơn đến Giáp Nước săn sóc anh rể. Cả hai chung sống được nửa năm. Sau đó, Ngọc Chơn đùn cô Ba Ngọc Khanh cho bác trai. Anh ta bỏ đi về Tam Bình, cất một cái nhà riêng, có thờ Phật A Di Đà.

Hội tìm cách thăm bác Năm trai. Từ khi làm chồng cô Ba Ngọc Khanh, bác được hạnh phước ê chề. Cô Ba từ khi lớn lên đã yêu thầm nhớ trộm anh rể nên không ưng đám nào khác. Giờ cô làm vợ bác trai theo kiểu tiếp mộc di hoa nên cô cám ơn Trời Phật, ăn chay mỗi tháng mười ngày. Bác Năm trai vẫn yêu thương Hội như yêu một đứa con.

Hội tìm cách lân la với Ngọc Chơn. Cả hai yêu nhau như chưa từng được yêu. Lúc đó, đất nước đã bước vào chánh thể Đệ Nhứt Cộng Hòa. Ba tập kết ra Bắc sau Hiệp định Genève. Má từ trần sau khi Hội tốt nghiệp trường Quốc Gia Sư Phạm. Lúc đó Hội cao lớn hơn, đậm đạp hơn. Chàng xin dạy ở trường tiểu học Tam Bình để được ở chung với Ngọc Chơn. Tới ngoài ba mươi, Ngọc Chơn vẫn đẹp trai một cách rực rỡ, song anh cứng cáp hơn, lồ lộ vẻ nam tính hơn.

Lúc nào Hội cũng coi bác gái như bà mẹ thứ hai của mình. Dù bác có đi ngang về tắt, nhưng đối với chàng, bác vẫn giữ hình ảnh một đứa con trong thâm tâm mình. Cho nên bác và chàng vẫn lui tới thăm viếng. Hội kỳ hè nào cũng rủ Ngọc Chơn đi Giáp Nước thăm bác trai và cô Kim Lan, ở chơi với họ có khi cả một tháng.

Nhưng cuộc đời nào phải dệt hoa thêu bướm như các chuyện trong thiên phương dạ đàm! Rồi đó, chú Hai Oánh từ Sài Gòn tìm đến Tam Bình thăm Hội. Chú kể những cuộc hẹn hò của các chàng *gays* ở Sài Gòn. Đó là rạp hát Vĩnh Lợi ở gần Bịnh Viện Đô Thành và rạp hát Moderne ở Tân Định mà bọn *gays* gọi là Vĩnh Lạc Cung và Mẫu Đơn Đình. Ngoài ra, đêm đêm lính G.I. cũng thích tìm các chàng *gays* bổn xứ ở terrasse nhà hàng Continental, ở trong nhà hàng Pôle Nord, ở trong nhà hàng Givral. Đây là chỗ bọn *gays* đánh đĩ với loại lính G.I. thích làm tình với kẻ đồng phái tính.

Hội vụt nhớ lại Herni Touchet đã làm tình với bác Năm gái trong đám muồng. Tiếng gọi xa xăm hồi 15 năm trước trở về réo gọi chàng, thúc giục chàng phải khám phá cái thế giới bọn *gays* ngoại chủng. Tiếng gọi sao mà như ướp bùa ngải, mê đắm một cách ma quái. Hình ảnh tấm lưng thon và cái mông tròn trận của Herni Touchet vụt phóng chiếu lên tấm màn ký ức chàng. Chàng lịm người đi, tiếng gọi xa xăm càng réo rắc ngọt lịm hơn, càng say sưa ngây ngất hơn.

Hội bỏ Tam Bình, bỏ nghề gõ đầu trẻ, lên Sài Gòn làm sở Mỹ để được đến những chỗ hẹn hò với lính G.I. có cùng khuynh hướng tình dục với chàng. Chàng có dịp làm tình với kẻ ngoại chủng không biết bao nhiêu lần mà kể.

Và một hôm, chàng nhận được bức thư của Ngọc Chơn, ngoài phong bì không đề địa chỉ của người gởi.

Tam Bình, ngày

Hội yêu quí,

Khi Hội nhận bức thư này thì anh không còn ở Tam Bình nữa. Vườn ruộng và nhà cửa anh đã bán hết rồi. Anh sẽ đi xa, có yên nơi yên chỗ rồi anh sẽ cho Hội biết địa chỉ.

Hồi chúng ta còn chung sống với nhau, Hội thường hay nói anh về cái tiếng gọi xa xăm của dục lạc. Nó đã đưa anh rể của anh tìm lại khoái lạc ở anh đây sau khi ảnh rời bỏ ngục tù ở Côn Đảo sáu năm. Nó đã lôi kéo chị Hai anh ra khỏi tổ ấm gia đình để trở lại cuộc đời giang hồ phóng dật vào thuở tiền chiến. Và rồi gần đây, nó dẫn dắt Hội tìm một chân trời khoái lạc ở những kẻ ngoại kiều có khuynh hướng tình dục như chúng ta. Nó đã cướp Hội ra khỏi cuộc đời anh, làm anh lảo đảo mất cả phương hướng suốt cả năm trời.

Nhưng anh lại được nghe một tiếng gọi xa xăm khác. Nó đưa anh trở lại đối diện với cái bổn nguyện tu hành vừa khi anh bước vào đời. Bởi cái tiếng gọi xa xăm của dục lạc mà anh bỏ rơi tiếng gọi xa xăm của tâm linh kia. Có



THU LÂM

nằm mơ gặp whitman trong "cỏ"

"Tôi sống
với những lời tôi viết

bận lòng chi em
sách vở ngôn từ

lật những trang thơ
em gặp một con người"

THU LÂM

thất vọng có đau khổ vì chuyện bỏ tổ ấm ra đi của Hội, anh mới có dịp trở lại nó, nghiền ngẫm và tư duy nó. Em yên lòng! Anh không tìm ở nó một điểm tựa, một niềm an ủi để quên tạm cuộc thất vọng vì tình đầu. Anh đã tìm ở nó một cuộc tỉnh thức, một ý niệm về sự giải phóng cho tâm thức. Phải dè dặt, phải nhìn thiệt sâu vào mình, phải đề phòng và quán xét cái bổn ngã của mình, anh mới quyết đinnh bán hết nhà cửa, ruộng đất giúp cho chị Ba và anh Hai anh để anh rộng bước vân du, trước khi tìm chốn sơn môn khuất lánh để tu hành.

Anh không biết lấy lời gì để khuyên bảo Hội giờ đây. Lời khuyên của tha nhơn làm sao hữu hiệu và quí báu bằng kinh nghiệm cá nhơn? Thôi thì Hội cứ sống cho tràn đầy và nguyên vẹn cuộc đời của Hội. Khi vấp ngã, hoặc lúc ngày tàn bóng xế, Hội sẽ ôn lại cuộc đời đã qua của Hội, quán xét lại tiếng gọi xa xăm của dục lạc, quán xét lại cái bổn ngã của mình để có thể được nghe tiếng gọi xa xăm nào khác chăng?

Anh cầu chúc em được thân tâm an lạc.
A di đà Phật
Nguyễn Ngọc Chơn

HỒ TRƯỜNG AN

Cổ Nguyệt Đường ngày 02/09/97



ĐINH CƯỜNG thực hiện

NÓI CHUYỆN VỚI SUỐI HOA VÀ KHOẢNH KHẮC TRONG THIÊN NHIÊN (*)



Bùi Suối Hoa và Đinh Ý Nhi, hai nữ họa sĩ ở Việt Nam hiện nay mà tôi rất thích. "Nghệ thuật là một cái gì thuần khiết và mãnh liệt, bình dị và chân thật... và tôi yêu những hình thức nghệ thuật thô mộc. Nó đẹp kinh khủng." Như Ý Nhi phát biểu. Còn Suối Hoa thì "Tôi may mắn được cha mẹ cho đi học vẽ từ nhỏ và cầm bút vẽ tôi đã yêu vẽ. Trong cuộc sống thực tế, có nhiều điều tôi không có, không đạt được. Trong tranh tôi có được nhiều hơn, vẽ là cuộc sống của tôi, là người bạn đời tuyệt diệu nhất của tôi... Tôi muốn tranh của tôi là ngọn lửa nhỏ chất chứa bao khát khao sự sống..."

Tháng Hai năm ngoái Bùi Suối Hoa qua bầy tranh tại Paris và năm nay tại Mỹ. Chị đã bầy tranh tại Aliiance Francaize, New York, tại Dallas, Texas và tại McLean, Virginia, tháng 8, 1997.

Suối Hoa sinh năm 1957 tại Hà Nội. Tốt nghiệp Đại Học Mỹ Thuật Hà Nội 1985. Năm 1981 tranh chị được chọn in trong tuyển tập tranh đương đại

---

(*) Suối Hoa, triển lãm tranh sơn dầu mới vẽ tại Virginia mang chủ đề "khoảnh khắc trong thiên nhiên," tháng 8, 1997.

Việt Nam đầu tiên do Plum Blossoms, một Gallery tại Hồng Kông, có trước Gallery Lã Vọng, nơi sau này chuyên giới thiệu tranh của các họa sĩ nổi tiếng tại Việt Nam, và làm giá tranh các họa sĩ lên cao. Tranh chị còn được Christie's, nơi chuyên bán đấu giá tranh vừa bán đấu giá trong năm nay tại Singapore cùng với tranh của Lê Phổ, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Sáng, Nguyễn Tư Nghiêm...

Tranh Suối Hoa có những mảng màu bạo, chồng chất lên nhau, xô đẩy nhau trong một đắm say sáng tạo. Không quằn quại như Soutine mà gần với Vlaminck. Quê hương miền Bắc, nơi chị sống suốt đời thơ ấu, vẫn là dấu ấn in đậm vào tâm hồn chị. Cũng có thể là cái không gian thơ mộng mà thân phụ chị đã để lại cho: Suối Hoa (là con gái út cua nhà thơ Huyền Kiêu, nổi tiếng với những bài thơ như "Tương biệt dạ," "Bốn mùa"... đã đăng trên tạp chí Đời Nay của Tự Lực Văn Đoàn, những năm 1940...).

Virginia, nơi vẫn có những họa sĩ ghé qua rồi đi.... Trịnh Cung, Đỗ Quang Em, Suối Hoa là một họa sĩ chân thật. Chị đã để lại một ngọn lửa nhỏ đủ ấm cho bạn bè, cho nghệ thuật.

ĐINH CƯỜNG

*

- Suối Hoa. Một chút về "thân thế sự nghiệp chăng?

- Tôi tốt nghiệp ĐHMTVN 1985. Hiện sống và làm việc tại Sài Gòn, là Họa sĩ tự do.

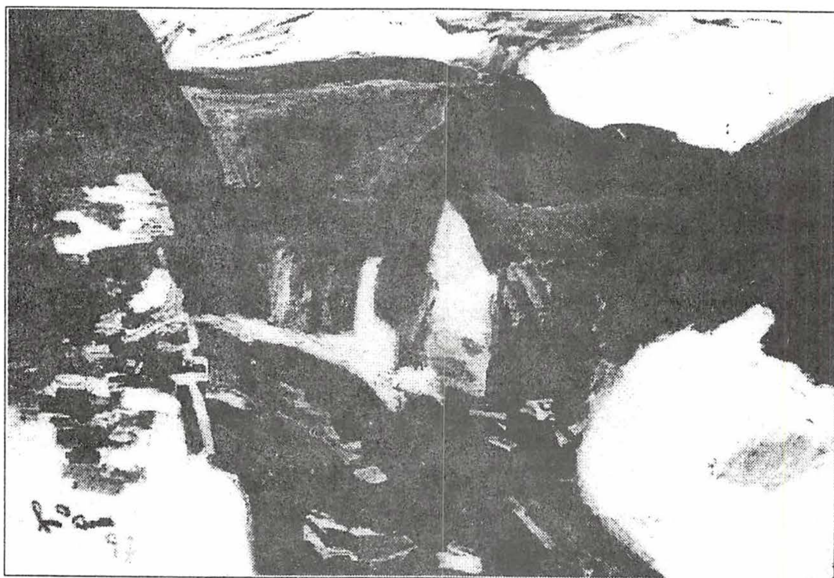
- Do đâu chị đến Paris năm ngoái, và năm nay ở Mỹ. Chị có thể nói qua về hai chuyến đi và nhận xét qua về hai nơi mà chị đã đến, đã sinh hoạt.

- Năm Ngoái tôi đến Paris triển lãm tranh theo lời mời của Trung Tâm Văn Hóa Pháp - Việt tháng 2, 1996.

Và năm nay tôi đến Mỹ triển lãm theo lời mời của *French Institute Alliance Francaise* tại New York vào tháng 3, 1997.

Lần đầu tiên đến Paris, tôi đã thực sự xúc động. Được đứng trong dòng người xếp hàng của bảo tàng Louvre, được tận mắt nhìn thấy nhưng bức tranh của các danh họa bậc thầy thế giới, với tôi đó là một hạnh phúc lớn lao.

Đến New York, choáng ngợt trong những ngôi nhà cao tầng, và trong dòng người qua lại tấp nập, một sức sống thật mãnh liệt, trẻ trung, thu hút... Cuộc sống nơi đây quá khác biệt mảnh đất nơi tôi đang sống.



- Ở Việt Nam, tôi chú ý đến Đinh Ý Nhi, nữ họa sĩ, còn trẻ, tranh Đinh Ý Nhi đã chọn cái hình thức "mãnh liệt, bình dị và chân thật," tôi rất thích người họa sĩ này. Chị có nhận xét gì, và có quen biết Đinh Ý Nhi không? Chị nói qua cho biết thêm về những nữ họa sĩ ở Việt Nam hiện nay.

- Cũng như anh, tôi rất thích tranh Ý Nhi. Tôi thích sự sống động, cái hồn người trong tranh của chị.

Tôi nghĩ, người nghệ sĩ có thể vẽ bất cứ cái gì, bất cứ bút pháp nào. Nhưng bạn chỉ thực sự thành công khi tìm ra cái riêng của mình.

- Chị thường nói "Vẽ là sự sống của tôi, và giờ đây như một nông dân tôi có thể nói rằng: Khi anh gieo cái gì, anh sẽ gặt đúng cái ấy."

Chị đã gieo và gặt đúng cái mình hài lòng chưa?

- Cái tôi quan tâm nhất trong sự nghiệp của tôi, trong những bức tranh của tôi là phần linh hồn, phần người trong mỗi bức tranh. Trong tranh phải có sự sống, phải có tình người, phải có nhân bản, tôi sợ sự lạnh lẽo, vô hồn, vô cảm.

Nghệ thuật thức tỉnh con người, đem đến cho con người tình yêu cuộc sống.

Có lẽ, tôi đã có được phần nào, những gì tôi muốn.

- Chị kể qua về nhà thơ Huyền Kiêu, thân phụ của chị, mà tôi tin rằng

cái tên Suối Hoa do ông cụ đặt, có một định mệnh: Chị vẽ như Suối Hoa...

- Hội họa là niềm say mê lớn của bố tôi khi ông còn trẻ, do thời cuộc loạn ly, ông không thực hiện được giấc mơ của mình, tôi là đứa con tinh thần của ông. Ông đã giành cho tôi tất cả.

Đi học vẽ từ năm 11 tuổi, cầm bút vẽ, tôi đã yêu và vẽ ngay, và cây cọ đã không bao giờ rời tôi nữa. Vẽ là sự sống là niềm đam mê lớn nhất trong tôi. Cuộc sống thực sự có ý nghĩa.

- Chị có thích họa sĩ nào và chị có ảnh hưởng ai? Bùi Xuân Phái vẽ chèo, chị cũng vẽ chèo, chị có thực sự sống với quan họ, với chèo không?

- Tôi thích Bùi Xuân Phái, Nguyễn Sáng, Nguyễn Tư Nghiêm, tôi được sống với không khí chèo, nghệ thuật chèo từ nhỏ. Đó là một nghệ thuật cổ truyền mà tôi yêu thích.

Tôi mong có được một nghệ thuật của riêng tôi và có dấu ấn của dân tộc tôi trong nghệ thuật thế giới bao la.

- Chị thích vẽ người thật, đời sống thật. Chị nghĩ gì về Chủ nghĩa hiện thực trong nghệ thuật?

- Hiện thực bao giờ cũng phong phú và sâu sắc, tôi muốn qua cái hiện thực, biểu hiện cái tâm, cái khát vọng sống của con người... Nhiều khi rất



Các họa sĩ (từ trái): Nguyễn Tấn Đức, Ngọc Dũng, Suối Hoa, Đinh Cường

nhỏ nhoi, bình dị nhưng thực là lớn lao.

Con người trong cuộc sống đời thường, và con người trong thế giới rộng lớn, mênh mông. Đó là điều tôi quan tâm.

- Nghệ thuật, văn chương là trừu tượng rồi, nói về hội họa trừu tượng e thừa, nhưng chị cũng kể qua kinh nghiệm về trừu tượng của chị, tôi rất thích vẽ tranh khổ nhỏ trừu tượng của chị.

Trừu tượng chính là thế giới rộng lớn mênh mông mà người nghệ sĩ đắm mình trong đó, mặc sức tưởng tưởng, mặc sức phá phách, tha hồ sáng tạo như người nghệ sĩ xiếc đi trên dây, mỗi người tìm ra một sự thăng bằng riêng. Nghệ thuật riêng, con đường riêng.

- Chị làm việc như thế nào?

Thấy chị say sưa sáng tác, tranh nhiều, bán nhiều, theo chị là thành công?

- Tôi giành cho công việc, tất cả khoảng thời gian mà tôi có thể.

Trong cùng một không gian, thời gian, mỗi người nghệ sĩ nhìn thấy, cảm nhận một cuộc sống khác nhau.

Điều mà tôi quan tâm nhất: sống chân thật và hãy là chính mình.

- Chị diễn tả không gian như thế nào?

- Nhiều khi chỉ là vô thức... Hội họa dẫn dắt ta đi, họa khác với văn thơ không nói bằng ngôn ngữ mà nói bằng màu sắc, hình thể.

Qua hình, màu người họa sĩ nói cái mà người ta chỉ cảm thấy.

Không gian của tôi là sự sống động, là linh hồn người, thông qua một vật cụ thể trừu tượng.

- Chất liệu sơn?

Hình như chị thường dùng màu nguyên chất

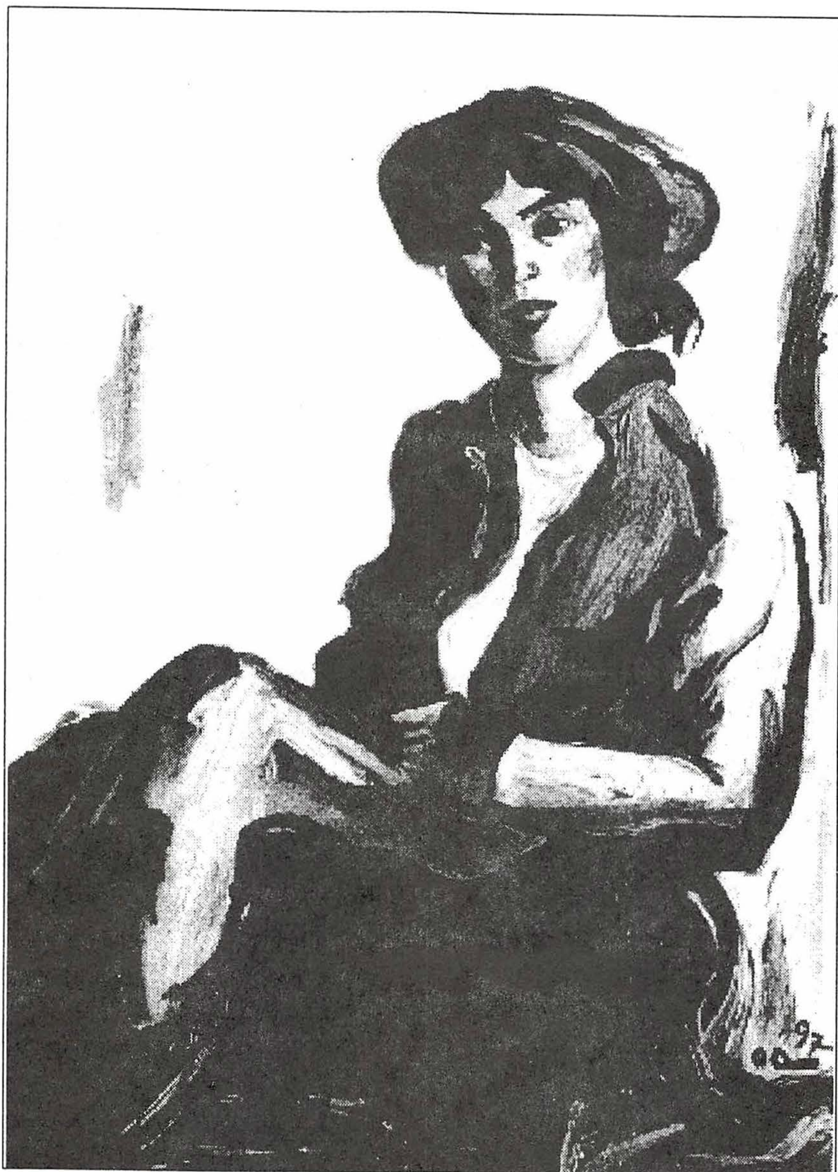
-Chị có thích trường phái Dã Thú (Fauvisure).

- Tôi yêu tranh Vangogh, Chagalle, Henri Rousseau... Tôi yêu sự riêng biệt của mỗi họa sĩ, họ đã cho tôi thấy một thế giới thực khác lạ, thực hấp dẫn...

Cuộc sống muôn hình, muôn vẻ, được đắm chìm trong đó vui chơi và đau khổ, đó là ý nghĩa cuộc sống.

- Chị tốt nghiệp ĐHMT Hà Nội. Chị có thích nền hội họa Nga. Đặc biệt như họa sĩ trẻ Nga sau thời Cộng Sản sụp đổ?

- Hội họa Nga đã từng có những tên tuổi rất lớn. Tôi đặc biệt yêu văn



học Nga, những tên tuổi như L. Tolstoi, Dostoievski, Pautopski, Puskin... đã gắn liền với tuổi thơ đầy đam mê của tôi.

Về họa sĩ trẻ Nga, chúng tôi được biết rất ít tư liệu.

- Chị có lưu tâm về chính trị, âm nhạc, văn chương? Có đọc Dương Thu

Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, Phạm Thị Hoài? Thích nhạc ai? Ca sĩ nào?

- Chính trị, âm nhạc, văn chương tác động rất lớn đến cuộc đời nghệ sĩ. Thăng trầm là lẽ thường của cuộc đời.

Tôi thích văn Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài...

Con người chỉ sống có một lần, và mỗi người có một cách lựa chọn, sử dụng thời gian của mình sao cho có ý nghĩa nhất. Tôi chọn hội họa và sống với nó.

- Qua Mỹ, có dịp đọc một số sách, báo, chị có nhận xét gì thoáng qua không?

- Tôi mong ước một cuộc sống tự do dân chủ thực sự, trong đời sống cũng như trong nghệ thuật.

Chỉ có trong tự do con người mới có thể phát triển hết khả năng tiềm tàng của mình, khả năng vô cùng vô tận...

Nước Mỹ cho tôi thấy một năng lực lớn lao, phi thường, con người đã làm việc hết mình và hưởng thụ cũng vậy. Họ thực vĩ đại trong thế kỷ này.

- Ở Pháp và ở Mỹ chị được tiếp đón như thế nào? Chị có thể kể qua mỗi lần bày tranh tại Pháp, tại Mỹ...

- Hai cuộc triển lãm tại Pháp và Mỹ của tôi, đã có rất đông bạn bè Việt, Pháp, Mỹ tới dự. Có thể nói Hội họa VN còn quá mới mẻ đối với họ. Họ đã thực sự ngạc nhiên, thích thú...

Tôi mong có nhiều hơn nữa những cuộc bày tranh như vậy, để cuộc sống và con người Việt Nam được mở mang, được phát triển theo kịp thế giới đại đồng. Dù muộn màng, ít ỏi vẫn hơn là không.

- Chị từ Hà Nội vào ở hẳn Sài Gòn từ năm 1988, chị có nhận xét gì về các họa sĩ trong Nam?

- Trong quan niệm của tôi, vấn đề địa lý không mấy quan trọng. Cái quan trọng là con người cụ thể nào, nhân cách sống nào để mình quan tâm và quý trọng.

Giới hạn trong một miền, một vùng hay một đất nước là thiển cận, tự trói buộc mình, tự làm nghèo đi thế giới tinh thần của mình.

Mảnh đất miền Nam, nơi tôi đang sống với cái khoáng đạt, nồng nhiệt của mình, đã cho tôi rất nhiều trong cuộc sống.

- Hình như chị còn trẻ, chị nói gì thêm...

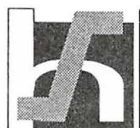


- Tháng 11, 1997 sẽ có một cuộc triển lãm Hội họa của các họa sĩ tại Việt Nam tại bảo tàng *Meridian*, Washington DC, trong ba tháng và tại một số bảo tàng khác khắp nước Mỹ trong trong suốt hai năm, tôi được mời tham gia ba bức. Đó sẽ là một sự kiện lớn, sự mở mang lớn cho nền hội họa Việt Nam đi vào thế giới.

Ngoài ra vào tháng 10, 1998 tôi cùng hai người bạn được mời tham dự một cuộc triển lãm tranh trong bốn tháng tại Connecticut, trong một Gallery tư nhân của Mỹ.

Tôi mong muốn một ngày nào đó, không xa, con người VN, đất nước VN được hòa đồng với thế giới bên ngoài, thế giới văn minh không còn quá nhiều sự cách biệt như hiện nay.

ĐINH CƯỜNG thực hiện



TRẦN LONG HỒ

SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT



DARIO FO, NOBEL VĂN CHƯƠNG 1997

Giải Nobel văn chương năm nay được trao cho kịch tác gia người Ý Dario Fo., trị giá một triệu Mỹ kim, tương đương với 7 triệu rưởi tiền Thụy Điển (kronor).

Diễn biến của giải Nobel Văn Chương:

Theo dư luận chung tại Thụy Điển, Dario Fo, từ lâu, đã là một khuôn mặt lớn trong nghệ thuật kịch, nhưng sự thắng lợi của ông về giải thưởng cao quí này được xem như một sự chon lựa đáng ngạc nhiên. Bởi vì, nói chung, tên ông đã không được kể vào danh sách những người có thể trúng giải.

Những vở kịch nổi tiếng nhất của Dario Fo là "Mistero Buffo" và "Accidental Death of an Anarchist". Vở gần nhất của ông là "The Devil with Boobs", là một hài kịch châm biếm.

Dario Fo biết được tin trúng giải Nobel văn chương khi ông trên đường

lái xe từ Rome về Milan. Lúc đó, một chiếc xe chạy gần đến ông, một vài người giơ dấu hiệu chiến thắng và nói to "Dario trúng giải Nobel".

Khi những người của cơ quan truyền thông Ý (ANSA) phỏng vấn, Dario đã trả lời "Tôi cảm thấy sửng sốt."

Sau đó, Dario Fo lại thố lộ, ông nghĩ rằng ông được trúng giải cho cả đời làm việc của ông, và ông nợ phần nào từ vợ ông, nữ diễn viên Franca Rame. Người mà ông lập gia đình năm 1954, và cùng ông thành lập công ty kịch 5 năm sau đó.

Dario Fo nói rằng: "Tôi nghĩ rằng sự kiên trì của công việc chúng tôi đã được phần thưởng, hoặc ít nhất, trong nhiều năm chúng tôi đã cố gắng kiên trì. Tôi nhận ra rằng, thỉnh thoảng chúng tôi có phạm lỗi, đã quá phấn khởi và xem thường".

Ông nói thêm rằng: "Đây là sự đánh giá cho chính bản thân tôi. Có lúc tôi đã dùng vinh quang để đối diện với chủ đề của một trường chiến đấu".

Sơ lược về Dario Fo:

Viện Hàn Lâm Thụy Điển đã giữ kín lý do vì sao họ chọn người cho giải Nobel Văn Chương. Họ chỉ cho biết rằng, phần thưởng được trao cho người đã có công trình văn chương phi thường.

Viện hàn Lâm đã nhấn mạnh về Dario Fo như "kẻ làm tốt hơn các người khôi hài cho quí tộc thời Trung Cổ, làm rúng động quyền thế và vinh thăng phẩm giá của người bị áp bức".

Dario Fo, 71 tuổi, một kịch tác gia nổi tiếng của nước Ý, còn là một nhà đạo diễn, một diễn viên kịch câm, sinh tại Lago Maggiore, một làng nhỏ của Sangiano tại Lombardy.

Trong nhiều năm, Dario Fo đã trình diễn khắp nơi trên thế giới. Hơn tất cả các bi kịch gia đương thời khác, ảnh hưởng của Dario Fo thật là đáng kể. Với sự hòa hợp tiếng cười rộn rả và sự hấp dẫn, Dario Fo đã cho chúng ta thấy rõ hơn về sự sỉ nhục và bất công trong xã hội và đồng thời mở rộng bối cảnh lịch sử của những điều nghịch lý ấy. Sự độc lập và cái nhìn thấu suốt của Dario Fo đã đưa ông đến nhiều nguy cơ, đến sự chạm trán quan điểm của người dân ý, chính quyền, và cả tòa thánh Vatican.

Truyền thống không giáo khoa thư đã giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp nghệ thuật của Dario Fo. Ông thường ám chỉ những người khôi hài cho quí tộc thời Trung Cổ và những hài kịch hay bí mật của họ. Chủ điểm công trình của Dario Fo như vở "Mistero Buffo" từ năm 1969 đã dựa trên sử liệu. Ngoài ra ông cũng dựng kịch từ những tin tức thời sự như sự tấn công bom của phe cánh hữu năm 1969 trong vở "Morte accidental di un anarchico (Accidental Death of an Anarchist)".

Trong những năm sau cùng, Dario Fo cùng với Franca Rame, lấy cảm hứng từ những cuộc đấu tranh của phụ nữ.

Sức mạnh của Dario Fo trong sự sáng tạo bài viết là kích động sự khôi hài, tham dự và tạo nên bối cảnh, liên tục cổ võ sự ứng biến cho người diễn viên, và bằng cách đó, tác động vào khán thính giả một cách thật hiệu quả.

Tiểu sử và thân thế:

Dario Fo là một khuôn mặt nổi tiếng hàng đầu về hài kịch và chính trị kịch tại Ý. Ông sinh năm 1926 tại một làng nhỏ của Santiago (Varese) tại Lombardy, nơi mà từ thuở nhỏ ông đã có cơ hội tiếp xúc với môi trường hí viện và truyện kể cổ truyền. Ông nội ông vốn là một người nổi tiếng trong lảnh vực này.

Sau khi tốt nghiệp tại trường Nghệ Thuật và Kiến Trúc tại Milan, Dario Fo giữ một phần việc trong chương trình của đài phát thanh "Poer Nano (Poor Dwarf)". Từ đó, 1952, ông trở thành một diễn viên sân khấu tại Teatro Odeon, Milan. Cùng năm đó ông bắt đầu viết loại kịch trào phúng mua vui và diễn tuồng tại hí viện Piccolo. Năm 1954, Dario Fo lập gia đình với nữ diễn viên Franca Rame. Năm năm sau, 1959, hai người tự lập công ty riêng, Franca Rame điều khiển công ty còn Dario Fo giữ vai trò người viết, sản xuất, diễn kịch câm, và thủ diễn như một diễn viên. Từ năm 1960 Dario Fo đã nổi tiếng trên thế giới với vở "Gli arcangeli non giocno a flipper (Archangels Don't Play Pinball)".

Năm 1968 với sự giúp đỡ của cánh tả (ARCI/PCI) Dario Fo thành lập hí viện "Nuova Scena". Năm 1970 Dario Fo cắt đứt quan hệ với đảng Cộng Sản và hai vợ chồng thành lập hí viện "La Comune". Sau khi giữ được Palazzina Liberty tại Milan, công ty của Dario được quyền sở hữu hí viện và chính thức mở cửa vào năm 1974. Dario Fo đã thành công qua vỡ "We Can Pay We Won't Pay!".

Với tính chống đối giáo điều, cương quyết lên án, và những cam kết về chính trị cũng như xã hội, đã đưa Dario Fo dính líu đến nhiều vụ án và bất đồng quan điểm với dân Ý, cảnh sát, những người kiểm duyệt, truyền hình, và cả tòa thánh Vatican.

Năm 1980, Dario Fo bị từ chối giấy nhập cảnh vào Hoa Kỳ vì sự tham gia vào "Soccorso Rosso", một tổ chức hỗ trợ tù nhân. Cùng với Rame, Dario Fo viết nhiều vở độc thoại như "Tutta casa, letto e chiesa (All Home, Bed and Church)", lấy cảm hứng từ các cuộc chiến đấu của phụ nữ Ý đòi quyền ly dị và tự do phá thai.

Năm 1981 Dario Fo được trao giải thưởng Sonning.

Tác Phẩm và Sự Nghiệp:

1. Công trình sáng tác của Dario Fo:

Il dito nell'occhio, Milan 1953, xb tại Teatro d'oggi, 1954.
I sani da legare, Milan 1954, xb tại Sipario, 1955.
Ladri, manichini e donne nude, Milan 1957, xb tại Teatro Comico,
Garzani, 1962.
The Virtuous Burglars, Methuen 1992.

*2. Sáng tác của Dario Fo trong bộ sưu tập Le Commedie di Dario Fo,
Einaudi, Gli struzzi&quot, bao gồm:*

Gli arcangeli non giocano a flipper, Milan 1959, xb trong Le
Commedie I, 1966. Tại Anh,
Archangels Don't Play Pinball, Methuen 1987.
Isabella, tre caravelle e un cacciaballe, Milan 1963, xb trong
Le Commedie II, 1966.
Ci ragiono e canto, Milan 1966, xb trong Le commedie V, 1977.
La signora è da buttare, Milan 1967, xb 1976 và trong
Le Commedie VII, 1988.
Grande pantomima, Milan, 1968, xb trong Le Commedie III, 1975.
Mistero buffo/I, Milan 1969, xb trong Le Commedie V, 1977. Tại Anh,
Mistero Buffo, Methuen,
1988.
Morte accidentale di un anarchico, Milan 1970, xb trong
Le Commedie VII, 1988. Tại Anh,
Accidental Death of an Anarchist, Pluto Press, 1980.
Non si paga, Non si paga!, Milan 1974, xb tại Bertani, 1974. Tại Anh,
We Can't Pay We Won't Pay!, Pluto Press, 1982.
Il papa e la strega, Milan 1989, tại Anh ,
The Pope and the Witch, Methuen, 1992.
Johan Padan a la descoverta de le Americhe, Milan, 1991,
xb tại Bertani, 1974.
Clacson, trombette e pernacchi, Milan, 1981. Tại Anh,
Trumpets and Raspberries, Pluto Press,
1984.
Il diavolo con le zinne, Messina, 1997.
Dario Fo parla di Dario Fo, Lerici, 1977.
Manuale minimo dell'attore, Einaudi, 1987. Tại Anh,
Tricks of the Trade, Methuen, 1991.
Dario Fo. Dialogo provocatorio sul comico, il tragico, la follia

the Tragic, Folly and Reason, Methuen, 1993.

3. Tác phẩm tiếng Anh:

Dario Fo. Plays: One & Plays: Two, do Stuart Hood giới thiệu, Methuen, 1994.

The Tale of a Tiger, 1984.

A Woman Alone and Other Plays, Methuen, 1991.

Acting Diana, Oberon Books, 1994.

4. Tác phẩm phê bình:

Lanfranco Binni, Attento te...! Il teatro politico di Dario Fo, Bertani, 1975.

Chiara Valentini, La storia di Fo, Feltrinelli, 1977.

Paula Puppa, Il teatro di Fo. Dalla scena alla piazza, Marsilio, 1978.

Claudio Meldolesi, Su un comico in rivolta. Dario Fo il bufalo, il bambino, Bulzoni, 1978.

Rudolf Ladurner, Das Theater von Dario Fo, Diss. Wien, 1981.

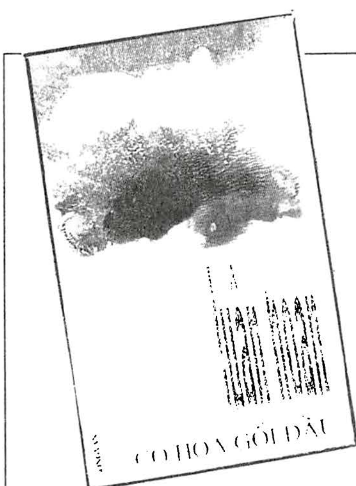
Dario Fo and Franca Rame: Theatre Workshops at Riverside Studios, Red Notes, 1983.

Tony Mitchell, Dario Fo: People's Court Jester, ethuen, 1984, duyệt lại, 1986.

David L. Hurst, Dario Fo and Franca Rame, Macmillan, 1989.

File on Fo, do Simon Trussler giới thiệu, Methuen, 1989.

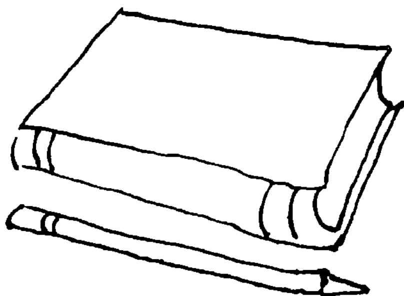
TRẦN LONG HỒ





KIM THI

NGÀY... THÁNG



Ngày 11 tháng 11 năm 1997

Cộng đồng người Việt hiện thực và lớn mạnh tại hải ngoại sau ngày 30 tháng 4, 1975. Từ đó đến nay đúng hai mươi ba năm. Hai mươi ba năm, chưa đầy một phần tư thế kỷ, thế hệ thứ nhất vẫn còn tồn tại, và trên hầu hết các lãnh vực, vẫn còn khả năng chi phối mọi sinh hoạt, từ kinh tế, văn hóa, xã hội, đến chính trị - nhất là chính trị - của cộng đồng. Mặt nào đó, qua lớp người ấy, bản sắc, tình tự, giềng mối Việt Nam được gìn giữ. Đó là sợi cương kìm hãm bớt sức hội nhập vội vàng (nên không tránh khỏi chao đảo) của lớp kế thừa, tức lớp trẻ trưởng thành hoặc sinh ra trên đất nước người. Hai mươi ba năm, người Việt Nam thuộc thế hệ thứ hai, thứ ba, dù ngày nay mang quốc tịch Pháp, Đức, Mỹ, Nhật, nhưng gốc gác Việt Nam vẫn bám rễ rất sâu trong tâm hồn. Họ có thể sử dụng ngôn ngữ bản địa rành rẽ hơn tiếng mẹ đẻ, họ có thể thích nhai thịt bằm hamburger hơn cá nục kho tiêu. Và họ cũng chỉ thực sự thoải mái, tự nhiên khi khoác lên người cái T-shir, cái quần Jean-thủng-rách-cố-tình thay vì bó thân trong chiếc áo dài thướt tha vướng víu. Hơn thế nữa, họ có thể sẽ không biết những Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du là ai, sống ở thời đại nào, làm những gì, và càng xa lạ mù mịt hơn với huyền thoại Con Rồng Cháu Tiên, Âu Cơ Lạc Long trăm trứng trăm con... Nhưng hầu hết trong bọn họ bản sắc Việt Nam vẫn như chất xúc tác chủ yếu hướng dẫn mọi nếp nghĩ, mọi hành xử. Thành quả đó - nếu chúng ta xem đó là thành quả - tất nhiên không thể phủ nhận do công lao rất lớn của lớp cha chú, đã không ngừng nuôi dưỡng,

vun bồi suốt hai mươi ba năm nay.

Tuy nhiên, nếu thế hệ thứ nhất là sợi cương giữ gìn giềng mối Việt Nam, thì cũng chính sợi cương này, trong vài trường hợp lại biến thành sức trì kéo tiêu cực.

Trong tạp bút này, Kim Thi giới hạn sức trì kéo ấy đối với hai chữ "tự do".

Hầu như ở bất cứ nơi nào, thời điểm nào, hai chữ cao đẹp trên cũng được thế hệ thứ nhất lộng khung, sơn son thếp vàng bóng nhoáng, hoặc được tụng niệm như thần chú hàng ngày. Đó là động cơ lớn nhất khiến họ bất chấp tất cả, kể cả cái chết, để từ bỏ quê cha đất tổ ra đi. Tuy nhiên, điều nghịch lý là dù coi trọng hai chữ tự do như đã, thường khi họ lại sử dụng chúng một cách hết sức méo mó, lạc hậu. Tinh thần méo mó lạc hậu này chẳng những không phai nhạt với thời gian, trái lại, càng ngày càng được vun bồi, nuôi dưỡng không ngừng, biến thành một loại dịch bệnh, lây lan, tiêm nhiễm vào tâm thức cộng đồng, và nhất là tâm thức thế hệ trẻ, biến họ thành những bản sao vụng về.

Kim Thi từng bị đọc một số báo chí in và phát hành tại các trường Đại học, của sinh viên Việt Nam. Kim Thi kinh ngạc nhận ra sự giống nhau đến nao lòng giữa những tờ báo này với một số báo lá cải, báo biếu hàng tuần vất đầy trước cửa chợ hoặc hàng quán Việt Nam. Cũng giọng điệu cuồng tín, sắt máu ấy. Cũng bài bản cũ kỹ, mòn rồng ấy. Cũng "không đợi trời chung với loài quỷ đỏ", cũng "hẹn ngày về giải phóng quê hương", cũng "hàng đêm thao thức buồn đau nghĩ đến đồng bào ruột thịt đang quằn quại dưới gông xiềng bạo lực"... Đọc những tờ báo này, Kim Thi vừa buồn cười vừa chua xót. Ông Hà Thúc Sinh với *Đại Học Máu*, ông Phạm Quốc Bảo với *Cùm Đỏ*, ông Tạ Tỵ với *Đáy Địa Ngục,* ông Hoàng Liên với *Ánh Sáng Và Bóng Tối*, ông Nguyễn Chí Thiệp với *Trại Kiên Giam*, cùng hàng trăm hàng nghìn tác giả khác nữa từng có ít nhiều kinh nghiệm đau thương bằng chính bản thân, "hồi tưởng" và kết án Cộng Sản như thế, hơn thế, dù trung thực hay cường điệu, mọi người vẫn hiểu được. Các bạn trẻ, khác. Ngày cha chú bỏ nước ra đi, các bạn hoặc chỉ lên một lên hai, hoặc chưa chào đời, các bạn biết gì về Cộng Sản? Các bạn biết gì về những thảm kịch trên quê hương? Thậm chí nếu ai đó cắc cớ hỏi các bạn - "Quân hàm" của lính Bắc Việt và "cấp bực" của quân đội miền Nam khác nhau thế nào? Hoặc đôi dép râu được làm bằng gì, hình dạng ra sao? Hoặc nữa, vì sao có thời nước Việt Nam có đến hai lá quốc kỳ: cờ vàng ba sọc đỏ và cờ đỏ sao vàng...? Kim Thi tin tỷ lệ phần trăm đáp đúng những câu hỏi trên sẽ hết sức khiêm nhường. Kim Thi cũng từng nhìn thấy trong vài cuộc "biểu dương chính nghĩa", một số "đại diện" sinh viên học

sinh, khi bước lên diễn đàn, mặt mày, ngôn ngữ, thái độ cũng ngùn ngụt sát khí, cũng, tưởng chừng, nếu có tay cộng sản nào dại dột xuất hiện trước mặt, chắc chắn các bạn trẻ này sẽ không một giây lưỡng lự, nhào đến, xé kẻ thù ra tùng mảnh nhỏ, chia nhau nhai tươi nuốt sống ngon lành.

Giọng điệu ấy, lòng căn thù sắc máu ấy, những "đau buồn", "trăn trở" ấy phải chăng là một thứ phản ứng đã được điều kiện hóa từ lớp cha chú? Vạch rõ tội ác CS là điều cần thiết. Đúng. Nhưng đồng tiềnnào cũng có hai mặt, kết quả nào cũng phát khởi từ những nguyên nhân. Rất nên cho họ biết cái chế độ được gọi là Việt Nam Cộng Hòa xưa kia thoát thai từ đâu, và thối tha, mục nát đến cỡ nào, để đến nỗi dù làm chủ nửa đất nước, có cả nửa triệu quân, cộng thêm súng đạn, tiền bạc, binh lính của bao nhiêu "đồng minh" tiếp sức, mà cuối cùng vẫn "bỏ của chạy lấy người". Lối nhồi sọ một chiều (kiểu CS) mà lớp cha chú thường áp dụng 23 năm nay vô hình chung tạo ra hai thành phần trẻ: 1) Nếu thiếu căn cơ, họ sẽ biến thành loài ngựa với hai miếng che mắt, chỉ nhìn được duy nhất một hướng (như trường hợp các tờ báo sinh viên Kim Thi vừa nói bên trên). 2) Nếu có nội lực, độc lập trong suy nghĩ, thì với hệ thống truyền thông, sách vở, tài liệu nhiều như rừng, và trải rộng mọi hướng, cùng mức độ khả tín cao, họ tha hồ tìm hiểu, để rồi hậu quả là họ mất hết lòng tin. Bởi vì những điều họ đọc và biết, nhiều khi trái hẳn với lối áp đặt của cha chú . Một lần Kim Thi đi mua sách ở thư viện thành phố Huntington Beach, Nam California, một sinh viên Việt đứng cạnh, thấy Kim Thi chọn bỏ vào túi ni lông(2) cuốn Hồi Ký của một nhân vật cao cấp miền Nam Việt Nam, anh ta nhún vai cười: Chú mua làm gì thứ ấy. Kim Thi hỏi: Em đọc chưa? - Có đọc một hai cuốn, đại loại na ná như nhau. Các ông tướng ông tá của VNCH mà viết hồi ký thì quanh quẩn cũng chỉ tìm cách đổ tội cho kẻ khác, hoặc đánh bóng bản thân. Rồi anh ta chỉ tay xuống tầng dưới: Kia kìa, cả một góc phòng đầy nhóc sách vở tài liệu nghiên cứu đàng hoàng về chiến tranh Việt Nam của bọn Tây bọn Mỹ, tha hồ đọc, bổ ích hơn và đỡ bực mình hơn.

Anh sinh viên kia vọng ngoại ư? Mặc cảm bụt nhà không thiêng chăng?

---

(2) Hình như chỉ các thư viện Mỹ mới có lối bán sách cũ theo giá rẻ như cho sau đây: thỉnh thoảng, để dành chỗ trống cho sách mới, người ta mang sách cũ ra bán đại hạ giá (sau khi đã chụp vi phim hoặc vào computer). Người đi mua chỉ việc bỏ tiền mua một túi ni lông do thư viện bán (loại có kích thước bằng các túi ni lông của các chợ, giá mỗi túi một đô la, muốn mua bao nhiêu túi tùy ý) rồi tha hồ chọn sách, miễn sao nhét đầy được túi là hợp lệ. Trung bình, với một túi nilông, người ta có thể tải khoảng năm đến bảy cuốn sách bìa cứng dày khoảng 6, 7 trăm trang.

Kim Thi nghĩ không phải thế. "Bọn Tây bọn Mỹ" khi viết về vấn đề gì đều chịu khó nghiên cứu, tìm hiểu tường tận, dựa trên tài liệu, sự kiện, con số cụ thể. Chúng ta có thể trách những cuốn sách này lạnh lùng, thiếu tình cảm, nhưng chúng ta không thể phủ nhận tích khách quan cũng như mức độ khả tín lớn của chúng. Ngược lại, sách của lớp "cha chú", điển hình là các cuốn Hồi Ký, hay các tác phẩm "Nghiên cứu chính trị", phần tình cảm chủ quan, ý thức bạn thù ta địch quá nặng (cái gì của ta cũng tốt, cái gì của địch cũng tồi), và nhất là thiếu hẳn tầm nhìn tổng thể (hậu quả của bệnh xơ cứng não trạng và trình độ hiểu biết hạn chế). Vì thế, những bạn trẻ đã quen với phương pháp làm việc của phương Tây, hẳn nhiên không thể nào chịu nổi các loại sách tuy mang tiếng nghiên cứu, mà chỉ hoàn toàn dựa trên cảm tính.

Tuy nhiên, điều Kim Thi vừa trình bày dù sao cũng thuộc đẳng cấp cao. Phàm cái gì "cao" quá thì dễ gây... chóng mặt (nạm nhân trước tiên là Kim Thi, kẻ sợ chiều cao như sợ.... ma). Vậy, để tự giúp mình có chút cảm giác an toàn, và giúp độc giả giải trí bằng vài nụ cười, Kim Thi xin kể đôi chuyện có cấp độ thấp hơn. Loại chuyện này sản sinh ở bất cứ chỗ nào có đông người Việt. Nhưng dữ dội nhất, điển hình nhất, trắng trợn nhất, thì có lẽ không đâu bằng hai miền Nam Bắc Cali, nơi, vẫn thường được xem là thủ phủ văn hóa và chính trị của người Việt tị nạn trên khắp thế giới. Mục đích của Kim Thi: trước, mua vui, sau, cung cấp thêm "tư liệu" để độc giả thấy được cái nguy hại của tinh thần sử dụng hai chữ tự do tùy tiện và méo mó ở một lớp người.

Chuyện gần:

Vài tháng trước, một giáo sư Đại học gốc Việt bị năm ba tờ báo cùng một hai nhóm chống cộng tại miền Bắc Cali lên án kịch liệt, họ thay phiên nhau lôi tên tuổi vị giáo sư này cùng dòng họ tổ tông của ông ta ra mạt sát thậm tệ. Nào "nối giáo cho giặc", nào "chà đạp lên tập thể người Việt hải ngoại", nào "ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản"... chỉ vì vài sinh viên Việt Nam có hỏi ý kiến vị giáo sư, đại để các em muốn tổ chức một buổi hội thảo cho riêng giới sinh viên gốc Việt, hầu tìm ra đáp số chung: nên sử dụng lá cờ nào làm biểu tượng chính thức cho Việt Nam. Các em nói: từ lúc còn học trung học, các em vẫn được thầy cô dạy rằng nước Việt Nam có lãnh thổ chạy dài từ Bắc chí Nam, và quốc kỳ Việt Nam là cờ đỏ sao vàng. Thế nhưng đến bất cứ cuộc hội họp nào của các đoàn thể Việt Nam, hoặc đọc bất cứ sách báo Việt ngữ nào xuất bản tại hải ngoại, các em đều nghe cha chú nói đến hai chữ "mất nước" và thấy cờ vàng ba sọc đỏ được dùng làm biểu tượng cho cái nước đã mất đó. Điều ấy khiến các em bối rối. Như vậy, có nghĩa rằng ở đâu đó trong dĩ vãng còn có một nước Việt Nam thứ hai đã tiêu vong. Vị giáo sư, vốn được đào tạo tại Mỹ, nhiễm tinh thần tự do của Mỹ, đã vui vẻ khuyến

khích các em nên thực hiện ý định, nghĩa là một buổi hội thảo như thế rất cần, các em sẽ có cơ hội thẳng thắn đặt vấn đề với truyền thông, báo chí, cũng như đảng phái, hội đoàn. Chuyện chỉ có vậy, nhưng khi đến tai các "nhà tranh đấu" và "giới truyền thông" Việt Nam, thì lập tức trắng thành đen, xanh thành đỏ. Ông giáo sư tội nghiệp kia bỗng chốc biến thành tên "phản quốc". Theo lập luận của họ, thì tại sao không chặn đứng ngay cái ý muốn phản động ấy của bọn sinh viên, mà lại khuyến khích chúng hội thảo? Rõ ràng tên giáo sư này có gian ý, cần phải vạch mặt chỉ tên, để cộng đồng cảnh giác! Thế là cuộc hội thảo của các em buộc phải dẹp. Cũng có nghĩa mãi mãi các em chẳng thể nào hiểu nổi tại sao, bởi đâu có sự trái ngang giữa những điều các em học được ở trường và thực tế các em nhìn thấy hàng ngày.

Chuyện xa, nhưng cũng xứng đáng được xem như những điển hình tiêu biểu:

Hai năm trước đây, ông chủ tịch cộng đồng Việt Nam tại Bolsa, cùng bộ tham mưu và vài anh nhà báo, đã hùng hổ kéo nhau vào một cái chợ Việt Nam, truy lùng, duyệt xét xem anh chủ chợ ấy có bán thực phẩm nhập cảng từ Việt Nam (tức Việt Cộng) không? Khổ nỗi, chủ chợ vốn là một anh Tàu lai mù mịt luật pháp, phần khác, anh ta không muốn "rắc rối", e ảnh hưởng đến công việc làm ăn, nên đã chín bỏ làm mười, xuống nước thanh minh thanh nga với ông chủ tịch cùng "phái đoàn thanh tra", rằng ngộ tuy có bán thực phẩm Diệt Lam, nhưng loại thực phẩm này dô bao bì tại Thái Lan, qua các công ty cung cấp từ Thái Lan. Nghĩa là ngộ hổng có dính líu gì đến Diệt Lam. Nói cách khác, trước sau ngộ dẫn là người Quốc gia chân chính, thề không đội trời chung với bọn Cộng Sản tham tàn (cho đến hơi thở cuối cùng). Được lời như cởi tấm lòng, ông chủ tịch mặt mày tươi rói, phấn khởi bắt tay anh chủ chợ, ra vài câu huấn thị, rằng hãy cố giữ vững lập trường, đừng vì tí lợi nhuận cỏn con mà quên thù nhà nợ nước. Nhất định sẽ có một ngày quân dân ta toàn thắng. Lúc đó tha hồ giao thương buôn bán với nội địa, lợi bằng năm bằng mười. Anh chủ chợ vâng dạ rối rít. Thế là trên dưới đề huề . Ông chủ tịch nêu cao được ngọn cờ chính nghĩa, anh chủ chợ được tiếng làm ăn lương thiện.

Mỗi lần Kim Thi nghĩ đến màn hài kịch ấy là mỗi lần cảm thấy vừa buồn cười vừa tức.

Buồn cười, vì tính chất hài hước của nó. Giả dụ ông chủ tịch và đoàn tùy tùng tìm thấy loại thực phẩm "quốc cấm" này, thì sẽ xử lý thế nào? Nọc anh chủ chợ ra phạng vài chục trượng, theo cách trừng trị dân đen của các quan huyện quan phủ thuở xưa? Lôi anh ta ra tòa án quân sự (Mỹ) vì tội tiếp tay nối giáo cho giặc? Dâng kiến nghị lên lưỡng viện mẫu quốc đề nghị cho

ngồi ghế điện tất cả cái bọn ăn cơn Mỹ thờ ma cộng sản?

Tức, vì tại sao anh chủ chợ lại phải chọn cách giải quyết hạ sách, xuống nước thanh minh thanh nga? Sao không gọi ngay một chàng phú lít, lôi cổ ông chủ tịch cùng đoàn tùy tùng về sở cẩm, bắt trả lời bằng được câu hỏi: ai cho phép các chú đột nhập bất hợp pháp vào nơi làm ăn của người ta, lại còn hạch hỏi nhảm nhí, xem thường luật pháp mẫu quốc. Ngộ mở chợ có ba tăng môn bài hẳn hòi, hàng năm đóng thuế sát sạt, mọi nguồn thực phẩm thu mua đều phải được phép của chính phủ, các chú lấy cái quyền và cái luật nào để tác yêu tác quái như thế?

Một lần khác, cũng ông chủ tịch này và đám tùy tùng trên, nghe nói có một tu sĩ nào đó từ Việt Nam sang (nghĩa là nếu không phải "tu sĩ quốc doanh" thì cũng "cán bộ CS trá hình"), đang cư ngụ tại một ngôi chùa trong quận Cam. Thế là tức tốc ông ta điều động bộ tham mưu tiến công vào chùa, ra lệnh cho vị sư trụ trì phải lập tức đưa tên "cán bộ trá hình" này ra trình diện.

Trời đất, được đằng chân lân đằng đầu. Lần trước, chỉ lùng rau trái hoa quả đóng hộp, lần này, lùng người. Ai sống trên đất Mỹ đều biết, chỉ có bọn băng đảng mới dám chơi trò truy lùng thế này. Và ai cũng hiểu, một trong những tệ nạn cần trừng trị nghiêm ngặt nhất của Mỹ là băng đảng. Diệt được chúng là giữ được trật tự kỷ cương xã hội. Kim Thi nghĩ rằng vị sư trụ trì ngôi chùa ấy nếu không rành luật pháp thì những Phật tử (làm gì không có một hai ông luật sư) cũng có người hiểu rõ lối truy nã người ngang ngược trên hoàn toàn phi pháp, nếu nhà chùa muốn đưa anh chủ tịch thích xài luật rừng kia ra tòa, hẳn không khó khăn chi. Nhưng có lẽ do giáo lý từ bi hỷ xã của nhà Phật, và cũng có lẽ chẳng muốn vạch lưng cho thiên hạ cười, nên cuối cùng câu chuyện cũng chìm vào hư vô.

Nếu phải kể thêm những chuyện khôi hài đen kiểu trên, đã và đang xảy ra hàng ngày khắp mọi nơi có người Việt ngụ cư, Kim Thi e sẽ trở thành một loại chuyện dài không đoạn kết.

Kim Thi rất cảm thông với những kẻ đã tạo ra chúng - các mẩu chuyện khôi hài đen này. Không tuyên bố hoặc hành động nhăng cuội. Không nay ra thông cáo, mai sản xuất kiến nghị, mốt minh định lập trường. Không cho các vị vác biểu ngữ, vung cờ hoan hô, đả đảo thì các vị còn biết làm gì? Khi mà tuổi tác vị nào cũng trăng tà bóng xế, nếu không về hưu dưỡng già thì cũng thất nghiệp nằm dài cho con cháu cày bừa phụng dưỡng, tất nhiên thời giờ của các vị thừa thải nhiều quá, phải tìm cách lấp đầy, phải có thú vui để

mà tiêu khiển. Một trong những cách tiêu khiển rẻ tiền, lành mạnh, lại rất... chính nghĩa là... chống cộng và truyền dạy con cháu chống cộng. Khổ nỗi, tìm cho ra một tay Cộng Sản thứ thiệt ngay trên đất nước Việt Nam bây giờ cũng đã quá khó, huống chi ở Mỹ, ở Pháp... (chúng vô bóng vô hình cứ như âm binh, hoặc đã bị bơ sửa đế quốc làm cho biến chất!), chỉ còn cách nhìn quanh xem đứa nào sơ hở hoặc khó thương, tròng vào đầu chúng một cái mũ, tiện lợi đôi đường. Thứ nhất: sẽ có ngay kẻ thù hữu hình trước mặt để mà biểu dương chính nghĩa. Thứ hai: các "cơ quan truyền thông, báo chí", vốn đói chuyện giật gân kinh niên, nhân cơ hội nhảy vào ăn hôi. Con chuột nhắt một sớm một chiều hóa thành con bò, thậm chí con voi ngay. Thế là vui vẻ cả làng. "Báo chí, truyền tin" có chuyện để viết, bàng dân thiên hạ có cái để theo dõi, thân chủ quảng cáo buôn may bán đắt nhờ nhiều người nghe đài đọc báo. Về phía các vị lão niên: tên tuổi hình ảnh sẽ xuất hiện trang trọng trên trang nhất mọi mặt báo. Sáng thứ năm, thứ sáu hàng tuần (hai ngày phát hành của các tờ báo chợ) chịu khó đi một vòng nhặt bằng hết, bê về nhà, cắt ra, dán lại gọn ghẽ rồi photocopy gửi đi bốn phương tám hướng cho bạn bè, chiến hữu năm châu, kể cả bà con họ hàng ở Việt Nam. Thế là nổi danh. Thế là *vẻ vang dân Việt.* Thế là, biết đâu mai kia bia đá khắc tên, sử xanh lưu tích.

Tuy nhiên, dù cảm thông lắm lắm, Kim Thi vẫn thấy trò chơi này thiếu lương thiện và lành mạnh. Quí vị muốn giải sầu, muốn bày trò cho qua ngày đoạn tháng, không ai cấm được. Nhưng xin hãy khoanh vùng và cùng chơi với nhau. Chung quanh cái diện tích đã khoanh đó, quí vị nhớ cắm hộ vài tấm bảng ghi rõ: "Chỗ giải trí của người lớn, cấm ngặc thanh thiếu niên", rồi tha hồ gấu ó đấm đá nhau. Tuổi cao, sức yếu, có vung chưởng tung cước thì cũng chẳng làm đau được ai. Lại nữa, phú lít Mỹ đứng ngoài trông chừng, nhỡ có vị nào té ngã hay lợi dụng "địch" thiếu cảnh giác, chơi đòn bẩn, xối mắm tôm hoặc tung ớt bột vào mặt nhau, họ sẽ can thiệp ngay. Chỉ một điều, xin đừng xúi dại các bạn trẻ tham gia nhập cuộc. Thứ nhất, trò chơi ấy boring lắm, dễ làm tuổi trẻ mụ người, chậm lớn, đầu óc biến thành đất sét, học hành hẳn nhiên khó khá. Thứ hai, tâm hồn họ còn trắng lắm, nhạy cảm lắm, những vết chàm quí vị khắc lên tâm hồn họ, sẽ làm hỏng mất tinh thần tự do đích thực mà họ lẽ ra được quyền hưởng. Hãy để cho họ tìm hiểu và hành động. Hãy trả cho họ cái nhìn khách quan và công bằng của một con người văn minh. Với phương tiện thông tin cực kỳ hiện đại như bây giờ, tuổi trẻ thừa điều kiện tìm hiểu mọi chuyện. Chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa chủng tộc... Cái nào bị vượt qua,cái nào trở nên lạc hậu, cái nào tàn lụn hoặc biến thể, chắc chắn không còn xa lạ gì với họ.

Ngày 30 tháng 8 năm 1997.

Bên cạnh bộ luật rất chu đáo của mẫu quốc, người Việt Nam ở Mỹ còn sáng tác, bổ sung thêm nhiều điều luật nữa. Phần bổ sung này tất nhiên chỉ tự biên tự diễn, không được mẫu quốc thông qua, đôi khi còn bị xem là... phi pháp. Thế mà thú vị thay, lại được dân Việt hải ngoại tuân hành răm rắp.

Ví dụ luật "Parking only".

Nước Mỹ là quốc gia có nhiều xe hơi nhất thế giới. Mỗi thành viên trong gia đình, trên tuổi 16, đương nhiên được quyền lái xe, cũng có nghĩa được quyền làm chủ một chiếc xe. Mỗi chiếc xe ấy khi được phép di chuyển trên mặt đất chủ nhân đều phải hội đủ những điều kiện cơ bản: đã có bằng lái, đã mua bảo hiểm, và đã đóng đủ các loại thuế má. Một trong các loại thuế người lái phải đóng là thuế lưu hành. Loại thuế này chính phủ dùng để mở mang, tu bổ đường sá, bãi đậu v.v... Nói cánh khác, khi ta hội đủ mọi điều kiện cơ bản để chiếc xe của mình có thể lăn bánh, ta cũng có quyền sử dụng mọi phương tiện chính phủ tạo ra từ tiền thuế của ta. Trong đó quyền đậu xe trên bất cứ bãi đậu nào được dùng làm parking là đương nhiên. Tuy vậy, tại nhiều thành phố đất chật, người đông, chỗ đậu hiếm hoi, nhà thầu tư nhân kinh doanh bằng cách xây những parking ngầm dưới đất, hoặc trên tầng cao, muốn đậu phải trả tiền. Hoặc thành phố được phép lấy thêm "thuế": chia lề đường thành từng ô, mỗi ô có cột đồng hồ tính tiền, muốn đậu bao lâu cũng được, tùy số tiền bỏ vào đồng hồ. Riêng các thành phố tân lập (như Little Saigòn, thủ phủ của người Việt) thì trước đây đất dành cho parking đã được tính toán chu đáo khi thiết lập đồ án xây dựng. Tuy nhiên, mật độ dân số ngày càng đông, cán cân cung cầu chênh lệch, nạn thiếu parking đã xảy ra. Để phần nào giải quyết vấn nạn này, người ta (thông qua cơ quan hành chánh quận hạt) cho kẻ ở lề đường hàng chữ *parking 10 (20) minutes* , cốt lưu ý người dân không được đậu lâu, ảnh hưởng đến quyền lợi kẻ khác. Một vài khu quá chật, chủ nhân các cửa tiệm cùng họp bàn với chủ phố, đồng ý chia đều parking cho nhau (và dĩ nhiên cũng thông qua cơ quan hành chánh quận hạt), để được phép kẻ ở lề đường hàng chữ *A (B, C, D...) parking only*.

Thế rồi, thừa nước đục thả câu, nhiều cửa tiệm vắng như chùa bà đanh, và parking thênh thang như sân bóng tròn, cũng bày đặt cắm những tấm bảng *Paking only*, lại còn quyết liệt hơn :*Tow away,* có ý răn đe: cậu mợ nào đậu lạng quạng vào những chỗ đậu on lỳ ấy, xe sẽ bị kéo về sở cẩm ngay. Dân chúng, vốn không rành lắm chuyện luật pháp, thường rất "sợ" những hàng chữ mắc dịch kia (vả, thật giả bất phân). Thôi thì, tránh voi chẳng xấu mặt nào, ráng kiếm chỗ nào an toàn mà đậu, cho nó chắc.

Từ những thứ luật rừng đại loại kiểu trên, Kim Thi liên tưởng đến nhiều luật tắc tầm cỡ hơn. Thậm chí có nhiều luật tắc liên quan đến... vận mệnh đất nước, hoặc lá quốc kỳ, bài quốc ca. Thế mới kinh.

Điển hình nhất là tại thủ đô chính trị của người Việt tị nạn: San Jose. Nhiều năm trước đây các chức sắc của cộng động này đã thực hiện được một niềm hãnh diện: dựng được một kỳ đài tại một vuông đất trống. Có lẽ bắt nguồn từ niềm hãnh diện ấy, một đạo luật hình thành, liên quan trực tiếp đến lá cờ đang ngày đêm tung bay trên đỉnh cột của kỳ đài: bất cứ cá nhân hoặc đoàn thể nào muốn tổ chức hội họp có tính cách tập thể, qui tụ một số người, thì trước nhất phải ghi vào chương trình (và phải được thực thi nghiêm chỉnh) mục chào cờ (vàng, ba sọc đỏ) và hát quốc ca (*Này công dân ơi, đứng lên đáp lời sông núi*... Nhạc Lưu Hữu Phước, một Cộng Sản cấp bộ trưởng, được miền Nam mượn đỡ làm quốc ca sau khi đã đổi vài chữ. Ví dụ "*thanh niên*" thành "*công dân*"). Nếu không tuân thủ luật này, chắc chắn buổi hội họp ấy sẽ không được các đoàn thể, đảng phái, bang hội... trong vùng hỗ trợ, và nhiều phần trăm sẽ bị các cơ quan truyền thông địa phương đả kích, rủa sả, ghép tội (dĩ nhiên nào có tội gì khác ngoài tội... Cộng Sản). Kim Thi quen một nhà văn, anh ấy muốn tổ chức buổi ra mắt sách của mình thật qui mô, khách mời dự trù cả nghìn. Lo xong mọi chuyện, còn chuyện chót: chào cờ. Anh ấy cho rằng ra mắt sách thì chẳng liên quan gì đến lá cờ, thành ra anh đề nghị bỏ mục này. Lập tức một làn sóng phản đối dấy lên, đoàn thể bảo trợ dọa rút tên khỏi ban tổ chức. Thế là anh nhà văn đâm rét, ngoan ngoãn cúi đầu tuân lệnh. "Cho được việc", anh ta nói.

"Cho được việc". Thái độ nín thở qua sông này phần nào nói lên mặt tiêu cực của vấn đề. Thì ra người ta chào cái lá cờ được căng trên tường kia chẳng phải vì nó làm cho người ta xúc động hay hãnh diện, mà chỉ vì muốn tránh mọi phiền toái có thể sẽ xảy ra. Không thực thi thứ luật lệ bất thành văn này thì nhiều ông kẹ chuyên "đấu tranh cho chính nghĩa quốc gia" vốn thừa thì giờ, sẽ làm ầm lên. Chả chết ai, nhưng mà khi không dòng họ tổ tông bị lôi ra trụng nước sôi, oan ức lắm. Và khách được mời muốn đến tham dự cũng đâm ngại. Chẳng phải đầu cũng phải tai, cà chua trứng thối ném vung vải thế kia, thể nào lại không tên bay đạn lạc. Thôi thì tránh voi chẳng xấu mặt nào, nằm nhà cho xong chuyện. Với viễn tượng bi quan ấy, mọi người ngầm hiểu: muốn cho buổi tổ chức của mình thành công, cách hay nhất hãy nên như ông nhà văn bạn Kim Thi: ngoan ngoãn vâng lời, thực thi chu đáo thứ điều luật đã trở thành "truyền thống" nọ.

Ừ thì chào cờ, hát quốc ca. Xứ sở này tự do tuyệt đối, miễn đừng phạm pháp (Ở San Francisco có nguyên một thành phố của công dân đồng tình

luyến ái, với lá cờ riêng hai màu xanh trắng treo rợp các đường phố. Có sao đâu). Cho nên ai muốn chào, muốn hát, tha hồ chào, tha hồ hát. Nhưng mà không phải bạ chỗ nào cũng chào, cũng hát. Một cuộc hội họp của đảng phái chính trị, những ngày lễ lớn của miền Nam xưa, và ngày 30 tháng tư... quí vị chào và hát cỡ nào không ai thắc mắc. Nhưng một buổi ra mắt thơ (với một tác phẩm tình ái ướt rượt), ra mắt băng video, băng nhạc (với những cái nhan cũng ướt rượt không kém: *Yêu em dài lâu, yêu em đậm sâu*) của các nàng ca sĩ mát da gợi tình trong bộ quần áo ít vải nhiều thịt, giữa một quán cà phê hay vũ trường mù mịt khói thuốc và đèn màu chớp sáng hoa mắt, mà hát quốc ca, chào quốc kỳ thì, nói thật, Kim Thi thấy chướng không chịu được.

Mục đích của quí vị hẳn nhiên rất cao cả: thánh thiện hóa lá cờ và bài quốc ca. Gợi nhớ và nuôi dưỡng ý chí đấu tranh kiên cường suốt hai mươi ba năm qua quí vị không ngừng vun xới. Giáo dục lớp trẻ để chúng hiểu rằng người Việt tha hương ngày xưa từng có một quốc gia (mà biểu tượng là lá cờ và bài quốc ca như thế, như thế), nay quê hương đã bị "Bắc phương" chiếm cứ. Tuy nhiên, còn giữ được sắc cờ, còn chưa quên bài hát là còn tất cả. Sẽ có một ngày cờ ấy sẽ tung bay khắp nẻo đường đất nước, bài quốc ca ấy sẽ vang vang dưới mọi mái nhà. Nghĩ đến cái ngày sáng/ lán đó (chỗ này xin ông Du Tử Lê cho Kim Thi được cóp của ông cái gạch chéo, để độc giả có thể hoán vị hai từ trên. Biết đâu nhờ thế ý nghĩa sẽ phong phú hơn), dù là người lừng khừng như Kim Thi (còn gọi là "bọn chao đảo", chẳng quốc gia mà cũng không Cộng Sản) vẫn cảm thấy lòng dạ bồi hồi. Nhưng mà, Kim Thi có cảm tưởng, nếu cứ bằng cái cách chào, hát linh tinh như quí vị đã, đang và sẽ bắt mọi người thực hiện, thì e rằng đến một lúc nào đó cái mục đích cao cả tốt lành của quí vị sẽ bị hoen ố nham nhở. Thử tưởng tượng một ngày nào đó, do phản xạ có điều kiện, cứ có hội có họp là có cờ có hát, khiến cho những băng du đãng, những ổ mãi dâm, những họp đêm vũ truồng cởi, những club thanh niên thiếu nữ trá hình ăn chơi trác táng, trước khi lập mưu cướp ngân hàng, hay chia bè dựt dọc cưỡng hiếp, hay nhập cuộc sì ke ma túy vui vầy trăng gió, cũng hát cũng chào, thì ô hô, quí vị nghĩ xem, có chí nguy không?

Đi đôi với luật chào cờ, là là "luật độc quyền chống cộng" (các thanh niên trẻ còn gọi "luật chống cộng... on lỳ".)

Với người hải ngoại thì chống cộng là một loại chân lý. *Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng chân lý ấy* (hẳn nhiên) *không bao giờ thay đổi.* Phàm, cái gì thuộc về chân lý đều quí, hiếm. Kim Cương hột xoàn làm cho đàn bà đẹp đẽ, thơm tho, sang trọng, đất giá thêm, vì thế kim cương hột xoàn thuộc về... chân lý. Cũng vậy, người hải ngoại chỉ có thể đẹp, sang, đắt giá và thơm

tho khi anh (chị), ông (bà) ta được xếp vào giai cấp chống cộng. Càng chống bạo, chống hăng, chống đêm chống ngày không ngừng nghỉ thì giá trị càng tăng. Không phải kim cương hột xoàn càng bự càng quí hay sao?

Cho nên, để được sang, được thơm, được đắt giá, người ta đua nhau chống cộng.

Ngoài ra, còn một lý do nữa, lý do này xem chừng khá phổ biến. Đó là chống cộng để được... yên thân. Giống trường hợp ông chủ chợ người Mỹ gốc Việt lai Tàu Kim Thi vừa nhắc đến bên trên, chống cộng để đừng có ai quấy phá công việc làm ăn buôn bán. Rõ hơn nữa là cách "thỏa hiệp" của các công ty du lịch Việt Nam. Thường, các cơ sở này hay chọn những tờ báo chống cộng quyết liệt nhất, để đăng quảng cáo (nếu không chống cộng, thì việc quái gì chúng tôi chọn những tờ báo ấy mà đăng quảng cáo?).

Nhưng chống nhiều thế e sẽ có lúc chân lý không còn là chân lý. Nói cách khác, chân lý sẽ mất giá. Hãy tưởng tượng một hôm nào mở mắt ra, thấy kim cương hột xoàn lổn nhổn khắp nơi, như đá cuội. Vả, qui luật thị trường dạy rằng, để giữ giá, ắt phải tăng phẩm chất món hàng, đồng thời dùng mọi phương cách cạnh tranh. Từ đó nẩy sinh tình trạng đấu đá tiêu diệt nhau, để độc quyền thị trường (chống cộng.)

Đã có cạnh tranh, có đấu đá, tất có ăn thua đủ, nghĩa là chiêu thức quyền cước tung qua ném lại không thiếu món gì. Có đòn quân tử mã thượng, có đòn tiểu nhân độc hiểm, có cả đòn bẩn đòn hèn, đòn đá cá lăn dưa chợ cầu Ông Lãnh. Một trong những ngón đòn xem ra dễ sử dụng nhất là thừa lúc địch thủ sơ hở, chụp ngay lên đầu hắn một cái mũ. Thế là tối tăm mày mặt, thế là chiêu thức rối loạn, thế là hàng ngũ lung lay, thế là một sớm một chiều từ chính nghĩa sáng như trăng rằm bỗng biết thành tà đạo u ám như đêm ba mươi.

Cứ thế, tình trạng cạnh tranh để được độc quyền chống cộng càng lúc càng quyết liệt. Đến một lúc nào đó, nhìn quanh, người ta kinh ngạc thốt kêu: nón cối mũ tai bèo ở đâu ra nhiều thế. Trùng điệp như rừng, nhấp nhô như sóng. Thảm hại hơn nữa, tìm đỏ mắt chưa ra một anh quốc gia chuyên chính. Kim Thi không nói ngoa đâu, độc giả hãy thử xét xem, có hội đoàn, đảng phái, cá nhân nào tại hải ngoại mà trên đầu không đội một cái mũ đỏ rực, với ngôi sao vàng chóe cài chính giữa, do chính các chiến hữu, các đồng nghiệp của mình ưu ái thương trao?

Hai mươi ba năm. Nếu xem đời sống của một cộng đồng cũng giống như đời sống của một con người, thì có thể nói là chúng ta đã qua tuổi vị thành niên từ lâu. Nói cách khác, cộng đồng Việt Nam đã bước vào tuổi

trưởng thành được nhiều năm. Vậy mà, rất nhiều biểu hiện của ta, trong rất nhiều lãnh vực, vẫn còn ở tầm vóc những đứa trẻ lên bảy lên mười.

Kim Thi nghe kể lại lời một "ông cán bộ" từ trong nước ra "tham quan" hải ngoại. Trong lúc chén chú chén anh, vui miệng, ông ta bật mí: Các anh ngây thơ lắm, kẻ thù đích thực thì tuốt tuột bên kia đại dương. Trong lúc bên này các anh cứ đè nhau ra tẩm quất. Rốt cuộc, thử nhìn xem, có anh nào trong các anh không u đầu bể trán? Các anh có tin không, những ông chống cộng hung hăng nhất, sắt máu nhất ở hải ngoại, đều là người của nhà nước ta cả đấy. Càng chống cộng sân si, điên cuồng, bất kể nghĩa lý chừng nào càng có lợi cho nhà nước ta chừng ấy. Riết rồi người hải ngoại chẳng còn ai dám tin ai. Chẳng còn chính nghĩa để mà noi, chẳng có lãnh tụ anh minh để mà phò. Thế là rã đám,thế là tiêu ma.

Kim Thi nghĩ có lẽ "ông cán bộ" nào đó chỉ bốc phét, ra điều nhà nước ta có sức mạnh vạn năng, đã đánh cho Mỹ cút, đã đánh cho nguỵ nhào, thì nhằm nhò gì ba cái tổ chức chống cộng cóc cắn ở hải ngoại mà nhà nước ta không lũng đoạn chia rẽ được, chứ lẽ nào những cái loa chống cộng hùng hồn sắt máu nhất ở hải ngoại lại là cộng sản trá hình?

Chẳng qua, vì thiếu căn cơ, vì não trạng đã chai cứng, không thể nào dung nạp những suy nghĩ mới, và vì bị bó rọ trong cái vòng rào bộ lạc chật hẹp, các chuyên viên chống cộng của chúng ta từ bao giờ đến bây giờ, vẫn cứ phải sử dụng mãi một món võ mà từ nửa thế kỷ nay chưa có dịp cập nhật.

Thành ra, nếu mọi hành vi của họ có tác dụng ngược lại, nào có gì lạ. Hai mươi ba năm trước, với những bài bản này, miền Nam "cháy túi". Hai mươi ba năm sau, thua nữa, cũng chuyện... tất nhiên!

Ngày 20 tháng 9 năm 1997

Tòa soạn vừa nhận được bài thơ của một người cầm bút gốc cựu quân nhân Quân Lực VNCH. Bài thơ viết cho một người bạn khác, cùng xuất thân từ một sân trường Trung Học ở miền Trung vào những năm thiếu thời. Lớn lên, mỗi người một ngã. Kẻ vào bưng theo "Mặt Trận", người đầu quân làm lính "Quốc Gia". Ba mươi năm sau, kẻ vào bưng hiện đang là một cán bộ cấp cao tại VN, người "quốc gia", cựu tù nhân cảo tạo", đã định cư diện ODP tại Mỹ. (và là cấp chỉ huy của Kim Thi ở thời điểm cuối thập niên 60, đầu thập niên 70 trong cùng một binh chủng). Nội dung bài thơ nói đến rất nhiều thảm kịch của quê hương, và cho rằng mọi thảm kịch ấy, từ cải cách ruộng đất đến thuyền nhân, rồi tham nhũng thối nát bây giờ đều phát sinh bởi cái

chủ nghĩa mà người bạn của nhà thơ đã chọn xưa kia. Bài thơ gián tiếp cho thấy, nếu chủ nghĩa Cộng Sản không phát sinh và hoành hành, thì VN ngày nay đã độc lập, phú cường, văn minh, no ấm và tự do. Kèm theo bản thảo là một note ngắn gửi riêng cho Kim Thi,: "Tôi nghĩ ông còn đủ CÔNG BẰNG cho đi bài thơ này" .

Nhận thấy vấn đề có tính cách phổ quát, Kim Thi chép lại lá thư trả lời của mình, dưới đây:

Ông... thân mến,

Kim Thi viết những điều sau bằng tất cả lòng quí mến, nhân danh một đồng nghiệp cầm bút, một chiến hữu và một thuộc cấp (của ông). Với những liên hệ mật thiết đó, Kim Thi nghĩ, sẽ không vì bất cứ lý do gì Kim Thi có thể phá vỡ sự CÔNG BẰNG ông nhắn. Với Kim Thi, CÔNG BẰNG là kim chỉ Nam, là mục đích trước tiên và tối hậu, vượt lên trên mọi lý do nào khác, khi quyết định xuất bản tạp chí *Hợp Lưu*.

Thật ra giữa Kim Thi với ông cùng có một mẫu số chung. Chỉ khác nhau chút xíu. Khổ thay, cái chút xíu này đã tách Kim Thi với ông ra xa, làm thành một vực sâu khó lấp đầy!

Đó là ông kêu gọi sự công bằng cho MỘT PHÍA. Phía của VNCH, phía của người cựu sĩ quan Nhảy Dù nói riêng, quân đội miền Nam VN nói chung, phía của nửa phần đất kể từ bờ Bến Hải. Kim Thi, viễn mơ hơn ông, xa rời thực trạng đã, còn, và sẽ kéo dài chưa biêt đến ban giờ mới chấm dứt, đó là ước ao trả lại công bằng cho cả HAI PHÍA, nghĩa là cho cái mảnh đất hình cong chữ S như chúng ta xưa kia, ấu thời, đã biết, qua các bài học Sử Ký.

Ông nói đến cải cách ruộng đất sau 1954; Ông nói đến 750,000 người chết ngoài biển Đông trên đường đi tìm TỰ DO; Ông nói đến những trại học tập cải tạo, nơi dập vùi cả phần đời tuổi trẻ của mấy trăm ngàn con người từng mang sắc áo Cộng Hòa. Tất cả - nếu chỉ nhìn từ góc độ của ông và từ những chiến hữu ông đang bênh vực, bảo vệ - thì không thể không đúng, không thể không xứng đáng và cần thiết nhắc lại, chả phải chỉ trăm lần, nghìn lần, mà là hàng triệu lần, để nhớ, để tránh.

Nhưng còn những trận bom B52 kinh thiên động địa có tham vọng biến nửa phần đất bên kia sông Bến Hải "trở về thời kỳ đồ đá" thì sao? Những xác bệnh nhân "chết hai lần" tan xương nát thịt hay cháy đen như những tảng thịt BBQ ở bệnh viện Bạch Mai, ở Mỹ Lai, ở khắp mọi phần đất được chính phủ miền Nam cho phép "oang kích tự do" thì sao? Và hàng triệu binh sĩ

Bắc Việt chết dọc đường Trường Sơn, vì bom, đạn, thuốc khai quang, sốt rét ác tính, trong các phòng tra khảo ở Côn Đảo, ở khắp các trại tù từ địa đầu giới tuyết đến đất mũi Cà Mau thì sao? Và trên hầu hết mọi bàn thờ của các bà mẹ miền Bắc đều có cùng lúc hai ba, thậm chí bốn năm bài vị, của chồng, của con, của rể, của dâu... đã "hy sinh vì tổ quốc" thì sao? Và những trẻ em tật nguyền, dị dạng do hậu quả của chất độc màu da cam đầy nhóc trên cả hai miền Nam Bắc thì sao?

Nỗi đau tù đày, khảo tra, chia tan, chết tróc, đói nghèo, bom rơi đạn lạc nào phải chỉ có một miền, Bắc hoặc Nam, gánh chịu?

Chúng ta, cái thế hệ đã đi qua chiến tranh, bằng khổ nhục, mất mát của chính bản thân mình, ròng rã non một đời người, có nên vì cái quá vãng bị đày ải đó mà ngoảnh mặt làm ngơ, hoặc cổ võ hỗ trợ cho bi kịch đau đớn ấy tái diễn thêm một lần nữa?

Bây giờ, không phải lúc ta qui tội cho phe nào. Ông thừa hiểu mọi thứ vũ khí cả hai phía sử dụng để bắn giết nhau là của Mỹ, của Nga, của Tàu... Ông thừa biết đám quan chức lãnh đạo miền Nam cũ từ đâu mà ra (nếu không được chuyển hóa từ quân đội, thư lại của Pháp thì cũng do Mỹ đào tạo, Mỹ đưa về) mục rã như thế nào. Ông cũng thừa hiểu cái chủ nghĩa ngoại lai mắc toi mắc dịch mang tên Cộng Sản xuất phát ở xứ sở nào, du nhập vào miền Bắc ra sao, và được rập khuôn theo mô hình do ai sáng tác.

Kim Thi từng đau đớn trào nước trào nước khi nhìn tấm hình ông thiếu tướng không quân VNCH trước khi leo lên oanh tạc cơ (dĩ nhiên được chế tạo từ Mỹ), toét miệng cười rất... play boy bên cạnh hàng chữ *I love you* ông vừa viết bằng bút nỉ ngoài vỏ trái bom (cũng dĩ nhiên được sản xuất từ Mỹ) mà lát nữa ông sẽ ném xuống miền Bắc. Màn biểu diễn cung cách hào hoa với vợ và với phóng viên trong ngoài nước, đã đăng trên trang nhất nhật báo *Chính Luận* vào một ngày (Kim Thi không nhớ) trong thập niên 60. Chỉ vài mươi phút sau khi hàng chữ (Mỹ) kia ráo mực, là nhà tan cửa nát, là hàng trăm sinh linh sẽ tan xương nát thịt. Đau đớn thay, những nạn nhân ấy lại là đồng loại của ông thiếu tướng, cùng nói tiếng VN, cùng mang trong thân xác dòng máu VN. Nụ cười hào hoa ấy, cung cách tay chơi ấy, Kim Thi nghĩ, cũng bạo ngược và dã man không kém gì cái nhếch môi lạnh lùng của Hitler khi ra lệnh đưa hàng triệu dân Do Thái vào phòng hơi ngạt. Nếu không có hai trái bom nguyên tử thả xuống nước Nhật, đệ nhị thế chiến khó mà chấm dứt, nhân loại còn trầm luân trong biển máu chưa biết đến bao giờ, Nhưng chúng ta đều biết, trước khi thi hành nhiệm vụ, hai phi công mang bom đi "giết người" ấy (dù giết người nhân danh chính nghĩa) đã vào nhà thờ, đã quỳ dưới chân Chúa, đã cầu nguyện cho những nạn nhân sẽ chết dưới tay họ ,

cũng như sám hối cùng Chúa tội lỗi mình sắp phạm. Tính chất của hành động (ném bom hủy diệt sinh linh) tuy giống nhau, nhưng cung cách biểu hiện khác nhau một trời một vực. Nó cho chúng ta thấy cái hố sâu thăm thẳm giữa nhân bản và vô đạo, giữa văn minh và man rợ.

Kim Thi cũng từng đau đớn trào nước mắt khi nghe, vào những ngày cuối cùng của miền Nam, vị công dân số một của nửa phần đất nước mang tên VNCH, trước khi lên phi cơ đào thoát, đã tự khai trên các hệ thống truyền thanh, truyền hình: "Thằng Mỹ nó hứa nó cho tôi một trăm triệu, rồi 70 triệu, bây giờ 30 triệu cũng không có, hỏi tôi lấy gì tôi đánh thằng Cộng Sản?" Trong lịch sử mọi dân tộc, có lẽ tổng thống của chúng ta là người duy nhất công khai tự thú tư cách tay sai, lính đánh thuê của mình một cách... tự nhiên đầy sỉ nhục như thế.

Kim Thi lại cũng từng đau đớn trào nước mắt khi cả gia đình Kim Thi, vợ chồng và ba đứa con, ăn bo bo chan nước mắm "chay" (vì không đủ tiền mua thêm vài trái ớt, múi tỏi) trong lúc bên ngoài, chỉ cách vài căn hộ, từ chiếc loa phóng thanh đặt trên nóc nhà Hội Đồng Nhân Dân Cách Mạng phường, ra rả đọc bài bình luận hùng hồn về một thiên đường ngày mai nhà nhà thừa ăn, người người thừa mặc.

Kim Thi lại thêm một lần nữa, nhiều lần nữa đau đớn trào nước mắt khi bạn bè Kim Thi, sau những năm dài học tập trở về, nhà cán bộ lấy, vợ cán bộ hưởng, con lang thang ngoài đường bán vé số.

Và ngày nay, những đảng viên Cộng Sản quyền cao chức trọng nhân danh thứ chủ nghĩa lỗi thời ấy để tham ô, nhũng lạm, bạo ngược không thua các lãnh chúa thời Trung cổ. Họ sẵn sàng thủ tiêu không nhân nhượng để diệt khẩu những kẻ, mới hôm qua, còn là bạn bè, hôm nay, vì thanh lý nội bộ, bị sa lưới. Họ cũng có thể bằng thủ đoạn và quyền lực, cướp nhà, cướp đất,, cướp cả vợ con kẻ khác. Họ có thể đốt hàng nghìn, hàng chục nghìn đô la Mỹ trong những cuộc vui suốt sáng trận cười thâu đêm, khi mà, ngoài lề đường, lăn lóc những kiếp đời khốn khổ cơm không đủ ăn, áo không đủ ấm. Khi mà, ở những vùng quê xa xôi, lợi tức của một người dân có khi không vượt quá 30 đô la một năm.

Đó là lịch sử của chúng ta. Đó là nỗi tủi nhục của chúng ta. Đó là bài học phải trả bằng hàng triệu sinh linh của chúng ta. Nhắc lại, rất nên, để nhớ, để tránh. Nhưng đừng nhắc lại để đổ lỗi cho nhau, để qui hết trách nhiệm về một phía, và nhất là để căn thù, để hầm hè giết tróc.

Sợ lắm rồi, ghê khiếp lắm rồi . Không lý do gì ngày nay chúng ta, trong cũng như ngoài, ngồi bình yên giữa những căn phòng có máy lạnh rì rào, dùng kim khơi vỡ những vết thương, không cho chúng kéo da non. Đấu tranh

cho một đất nước Việt Nam LÀNH MẠNH, HÙNG CƯỜNG, TỰ DO, NO ẤM là điều tất yếu phải làm, cần làm, nếu còn có chút hệ lụy tinh thần gì với giải đất hình cong chữ S ấy.

Nhưng bằng cách khác. Nhiều bác sĩ Việt Nam (có người từng là sĩ quan cao cấp của VNCH) với dự án"Chân Tay Giả" cho các thương binh và thường dân tàn tật trong chiến tranh (cả Nam lẫn Bắc). Nhóm chuyên gia với kế hoạch khai thác năng lượng cùng tài nguyên từ lưu đạo sông Cửu Long. Các kiến trúc sư với đồ án "Nhà Tiền Chế Cho Đồng Tháp Mười". Nhiều nhà môi sinh học, thực vật học, động vật học rời bỏ những "thiên đường nhỏ" là các bục giảng , các phòng thí nghiệm hiện đại và tiên tiến tại các quốc gia phương Tây, để trở về VN, lặn lội ngày đêm trong những đầm lầy đặc sệt muỗi mòng ve vắt để tìm hiểu, nghiên cứu, gầy trồng, nuôi dưỡng lại những khu rừng, muông thú từng bị hoang hóa hay bị diệt chủng vì thuốc khai quang và bom đạn... Và các cơ cấu giáo dục, tôn giáo với những học bổng cho sinh viên học sinh trong nước cũng như xuất ngoại du học. Và ở Pháp, ở Canada, ở Đức... hàng trăm tổ chức bất vụ lợi khác nữa, trong mọi lĩnh vực, từ kinh tế đến xã hội, từ y học đến khoa học, đang tích cực hoạt động... Họ đấu tranh xóa bỏ chế độ Cộng Sản không phải bằng những lời hoan hô đả đảo phường tuồng, bằng những tuyên ngôn, kiến nghị, tâm thư đẫm ướt những lời dối trá đầu môi chót lưỡi. Mà với những đóng góp cụ thể, thiết thực.

Kim Thi tin tưởng tuyệt đối rằng, với những đóng góp cụ thể và thiết thực đó, đất nước sẽ chuyển mình. Khi người dân đủ no, đủ ấm, tức khắc sẽ bằng mọi cách - kể cả sinh mệnh - bảo vệ sự no ấm ấy. Các thể chế độc tài, nhất là độc tài Cộng Sản, chỉ có thể nẩy mầm và lan tràn ở những quốc gia đói nghèo. Vì đói, vì nghèo, người ta mới ước mơ xóa bỏ chênh lệch giàu nghèo, mới mong được sống trong một thế giới đại đồng.

Riêng cái chế độ đang tồn tại ở Việt Nam (người hải ngoại vẫn gọi là CS, thực chất, chỉ là một thứ triều đình phong kiến khoác áo CS), nếu nó không hợp lòng dân, nếu nó không kéo nổi đất nước ra khỏi sình bùn, thì sớm muộn gì cũng sụp đổ. Lịch sử nhân loại đã chứng minh, một chế độ dù bạo ngược đến đâu chăng nữa, cũng không thể tồn tại, khi dân vùng lên, xóa bỏ. Đừng xem thường tiếng nói của 76 triệu con người. Đó là sức mạnh vạn năng, và chắc chắn tiếng nói đó đủ thẩm quyền hơn chúng ta, những kẻ, hợp pháp hay phi pháp, trốn ra hải ngoại, như những lưu dân mất gốc. Ngồi trong những căn phòng ấm cúng ở một nơi cách xa quê nhà nửa vòng trái đất, uống sữa, ăn bơ, mà lớn giọng hoan hô, đả đảo, tố cáo, vạch trần, đòi "đập cho phọt óc con rắn hồng" (nguyên văn lời phát biểu của Nguyễn Chí Thiện

trong đêm kỷ niệm 8 năm tạp chí *Thế Kỷ 21* tại Nam Cali. Giọng điệu y chang bọn cán bộ sách động đấu tố trong chiến dịch "cải cách ruộng đất" những năm 60 tại miền Bắc! Tôi nghe, cảm thấy sống lưng lành lạnh. Cảm giác này giống với cảm giác đã có, khi đọc bài tường thuật lãnh tụ Khờ Me đỏ thản nhiên nhận mình là tác giả của thảm kịch diệt chủng, giết chết hàng triệu đồng bào cùng màu da máu mủ với ông ta, nhân danh chiêu bài"bảo vệ tổ quốc") tôi cho, đó là trò diễu dở. Ngày nay, với phương tiện thông tin siêu xa lộ không gian, chẳng có cái gì dấu được dưới ánh mặt trời. Vụ Thái Bình, vụ sư sải bị bắt bớ tù tội, các tù nhân chính trị, nhân quyền đã , đang và sẽ còn bị chà đạp v.v... và v.v... thế giới quá rõ. ***Đêm Giữa Ban Ngày, Tử Tù Xử Lý Nội Bộ, Công Lý Đói Hỏi,*** những bài viết của Nguyễn Hộ, của Hà Sĩ Phu, tự truyện của Tiêu Dao Bảo Cự, thơ của Bùi Minh Quốc, tiểu thuyết của Bảo Ninh, Dương Thu Hương, Nguyễn Khắc Trường, Tạ Duy Anh... là những bản cáo trạng hùng hồn và sát sự thật nhất trong mọi thời điểm. Từ đấu tố đến xét lại, đến chiến tranh giải phóng, đến tham nhũng, tha hóa..., còn ai rõ chế độ ấy bằng những người từng là công bộc của chế độ?

Hãy nhìn lịch sử bằng cái nhìn tổng thể. Đừng nhìn lịch sử như những mảng nhỏ. Nếu tách ra từng mảng nhỏ, lắm khi phần này hoàn toàn đối chọi với phần kia, mâu thuẫn và trái nghịch đến phi lý.

Vì hai chữ CÔNG BẰNG của ông, Kim Thi cảm thấy phần nào bị thương tổn (bao năm nay, Kim Thi từng bị đội hàng trăm cái mũ, nhưng chưa bao giờ cảm thấy bị thương tổn, bởi lẽ, chủ nhân của mọi loại mũ nón vừa kể, dưới mắt Kim Thi, không đáng quan tâm). Có lẽ ông nghĩ Kim Thi thiên vị (hoặc Quốc, hoặc Cộng). Nói thật với ông, chưa bao giờ Kim Thi tự đặt mình vào một trong hai phía ấy. Phía của Kim Thi, nếu có, là đất nước Việt Nam, là con người Việt Nam, là lịch sử một dân tộc, dù đã trải qua đoạn đường dài trên bốn nghìn năm, mà ngày nay vẫn còn lạc hậu, chậm tiến, lòng lúc nào cũng sục sôi hận thù, nếu không với ngoại xâm thì với nhau. Một người bạn của Kim Thi, từng sống ở Đức vào thời bức tường Bá Linh chưa bị phá sập, kể: Lúc mới đến định cư ở Tây Đức, ông ta vô cùng kinh ngạc khi nhìn thấy, thỉnh thoảng những thanh niên chí nguyện (là sinh viên học sinh bình thường hay thuộc đảng CS Tây Đức) cùng nhau đến gõ cửa từng nhà, xin tiền hoặc quần áo, thực phẩm.... để cứu trợ nhân dân Đông Đức đang bị đói kém vì thiên tai hỏa hoạn hoặc vì một lý do nào đó. Kim Thi cũng từng đọc, lúc người Mỹ tranh cãi có nên tiếp tục tái cấp "tối huệ quốc" cho Trung Quốc hay không, thì chủ tịch sinh viên vụ Thiên An Môn (ngày nay đang sống ở Đài Bắc) đã gửi thư cho tổng thống Clinton và quốc hội Hoa Kỳ, yêu cầu "tái cấp", vì quốc gia của anh ta rất cần "lá bùa" ấy, để phát triển. Tinh

thần trách nhiệm, ý thức phân định rạch ròi chính kiến và dân tộc ấy đã khiến Kim Thi cảm thấy xấu hổ khi nghĩ đến cái cung cách chống Cộng độc tài, sắt máu, sân si không thua gì Cộng Sản của một số thành phần cực đoan hải ngoại.

Ông...,

Mọi điều Kim Thi vừa viết không nhằm mục đích thuyết phục ai, nhất là thuyết phục ông. Chỉ là tấm lòng thật , muốn bày tỏ cùng ông. Ông, nhắc lại, một đồng nghiệp cầm bút, một chiến hữu, một cấp chỉ huy (trong dĩ vãng) của Kim Thi. Trên đất nước tự do này, mọi người đều có quyền bày tỏ thái độ của mình. Kim Thi không thể buộc ông phải nghĩ giống Kim Thi. Nói cách khác, ông cứ tiếp tục con đường ông chọn, nếu cảm thấy con đường ấy đúng. Chỉ xin lưu ý: lịch sử đang chuyển động. Hoặc chúng ta nhập chung với lịch sử, làm một, hoặc chúng ta đứng lại, để lịch sử vượt qua.

Kim Thi vẫn bị mang tiếng là một tên... phổi bò. Không biết ỡm ờ đưa đẩy, càng không biết vuốt đuôi, cho qua chuyện. Trung ngôn nghịch nhĩ. Đành vậy.

KIM THI



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI



tuyển tập VĂN HỌC NGHỆ THUẬT liên mạng số 2, September, 1997. Chủ biên: Phạm Chi Lan. Phụ biên tập: Nguyễn Phước Nguyên, Đinh Chinh, Lê Tạo, Trần Hoài Thư, Trần Thái Vân, Nguyễn Vy Khanh, Nguyễn Phúc Đan Thanh, Nguyễn Kỳ Phong, Sung Nguyễn. Bìa Chinh. Giá 10MK.

http://saomai.org/ ~ vhnt

email: vhnt@saomai.org.

Ngoài phần thơ, truyện, biên khảo, phỏng vấn, tuyển tập còn có nhạc của Từ Công Phụng, Nguyễn Tiến Dũng, Ian Bùi, Nguyễn Phước Nguyên. Tác phẩm nhiếp ảnh của Tôn Thiện Nhân. Phụ bản hội họa của Chinh, Ian Bùi, Hoàng Ân.

Vẫn với những sáng tác phong phú và có chất lượng thuộc nhiều lĩnh vực được trích tuyển từ *Văn Học Nghệ Thuật E-Magazine,* phát hành hàng tuần trên Internet, do Phạm Chi Lan chủ trương.

NHO HỌC GIẢN DỊ, Nhuệ Hồng. Trung Tâm Nguyễn Trường Tộ, Định Hướng Tùng Thư xuất bản. Địa chỉ: 13G rue de l'Ill - 67116 Reichstett, France. Giá 6MK.

Ngắn, gọn. Chỉ 86 trang , nhưng cuốn sách đã thâu tóm đầy đủ học thuyết của Khổng Tử.

Để có một kiến thức tổng quát về một nền đạo học được xem là uyên áo nhất, cũng như từng chi phối toàn bộ đời sống chính trị, xã hội, đạo đức...

của dân tộc Trung Hoa suốt nhiều nghìn năm, độc giả rất nên tìm đọc tác phẩm này.

Dẫn nhập nghiên cứu TIẾNG VIỆT và CHỮ QUỐC NGỮ, Võ Long Tê. Trung Tâm Nguyễn Trường Tộ, Định Hướng Tùng Thư xuất bản. Giá 12MK.

Chúng tôi sẽ giới thiệu tác phẩm này qua bài điểm sách của tác giả Đặng Mi Lộc .

TÀN PHAI, thơ Nguyễn Hải Hà, bìa một màu do tác giả trình bày. Học Thuật xuất bàn 1997. Giá 8MK. Tổng phát hành nhà xuất bản Văn Nghệ.

Tác phẩm thơ thứ tư của cùng tác giả.

BÀI HAI MƯƠI, thơ Đặng Hiền. Bìa Khánh Trường, ký họa chân dung Bé Ký. Chân dung nhiếp ảnh Lê Trùng Chinh. Phụ bản vẽ Nguyễn Trọng Khôi, Ngọc Dũng, Đinh Cường, Lê Thánh Thư, Khánh Trường. Phổ nhạc: Trúc Hồ, Trúc Sinh, Lê Đức Long, Anh Bằng. Nhà xuất bản Văn Hóa, 2606 Main St. # 112, Houston, TX 77002. USA. Giá 12MK.

Người ta không thấy những thổn thức, bồi hồi rất Việt Nam của thế hệ trước 1975. Cũng không có hờn oán, than thân trách phận vì những giấc mộng lớn hoặc nhỏ đã tan tành bọt nước. Hay những anh hùng ca, chiến sĩ ca, những lăng loàn, hậm hực rất quen thuộc đương thời. Thơ Đặng Hiền giản dị và trong sáng... (trích Lời Nhà Xuất Bản)

THỰC PHẨM RAU ĐẬU QUA LĂNG KÍNH KHOA HỌC, Tâm Diệu. Bìa Khánh Trường, Văn Nghệ xuất bản. Giá 12MK.

Ở các quốc gia phương Tây giàu có, nhiều chứng bệnh như tim mạch, ung thư, mập phì, cao huyết áp, dư cholesterol... phát sinh do tiêu thụ quá nhiều thịt động vật.

Cuốn sách đã chứng minh bằng mọi luận cứ rất khoa học, rằng, dù ăn uống "chay tịnh" toàn rau quả , con người vẫn mạnh khỏe, sống thọ, ít tật bệnh, và nhất là thân tâm minh mẫn, an lành, đồng thời bảo vệ được môi sinh, tránh bớt việc sát hại súc vật.

CÔNG LÝ ĐÒI HỎI, Nguyễn Minh Cần. Bìa Khánh Trường. Văn Nghệ xuất bản. Giá 18MK.

Cuốn sách giới thiệu những bài viết tác giả đã công bố trên báo chí hải ngoại từ nhiều năm nay, với ước mong *"nói lên phần nào, dù chỉ là một phần rất nhỏ, về những nỗi oan khuất của người dân dưới chế độ cực quyền, mà các nạn nhân, hoặc vì đã ngậm hờn nơi chín suối, hoặc đang sống trong cảnh mất tự do nên không thể nói lên được."*

Ông Nguyễn Minh Cần từng là Đảng viên Cộng Sản, từng giữ chức phó chủ tịch Ủy ban Hành chánh thành phố Hà Nội, chủ nhiệm báo *Thủ Đô Hà*

Nội.

Năm 1962 đi học trường Đảng cao cấp thuộc Trung ương Đảng Cộng Sản Liên Xô tại Moskva. Do bất đồng về đường lối lãnh đạo Đảng, bị lãnh đạo Đảng truy bức, tháng 6 năm 1964 đã thoát ly khỏi Đảng Cộng Sản và xin cư trú chính trị tại Liên Xô.

Khi bắt đầu perestroika, đã tích cực tham gia phong trào dân chủ ở Nga và nhiệt thành ủng hộ cuộc đấu tranh cho dân chủ và nhân quyền ở Việt Nam.

Sau *Đêm Giữa ban Ngày*, hồi ký của Vũ Thư Hiên, đã xuất bản và được độc giả năm châu đón nhận nồng nhiệt (tái bản đến lần thứ 3 chỉ trong vòng hai tháng) , nhà Văn Nghệ lại cho ra đời *Công Lý Đòi Hỏi*, một tác phẩm, về mặt tư liệu, cũng phong phú không kém cuốn *Đêm Giữa ban Ngày*.

NỬA ĐỜI NHÌN LẠI, Tiêu Dao Bảo Cự. Bìa Phạm Hoán. Nhà xuất bản Thế Kỷ tái bản lần thứ nhất. Giá 18MK. Văn Nghệ tổng phát hành.

Cuốn sách là một kết hợp hai thể loại văn chương: bút ký và tiểu thuyết. Đó là phần hình thức.

Nội dung cuốn sách quan trọng hơn: là một bi kịch nội tâm, phản ánh cuộc đời, ước mơ, khát vọng và thất vọng của một Đảng viên Cộng sản phản tỉnh.

Chúng ta hẳn chưa quên, cuối năm 1988, cùng với nhà thơ Bùi Minh Quốc (Chủ tịch Hội Văn Nghệ tỉnh Lâm Đồng, Tổng biên tập tạp chí *Langbian*) thực hiện chuyến đi xuyên Việt, vận động trí thức, văn nghệ sĩ đấu tranh với Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam, đòi dân chủ và đổi mới thực sự. Sau vụ này, Bùi Minh Quốc bị cách chức và khai trừ khỏi Đảng,Tiêu Dao Bảo Cự cũng gặp nhiều khó khăn.

LỖ TẤN VÀ TRUYỆN XƯA VIẾT LẠI, Nguyễn Vy Khanh dịch và giới thiệu. Bìa Diệp Chu Xê. Xuân Thu xuất bản. Giá 12MK.

Lỗ Tấn là một trong vài tác giả vĩ đại nhất của văn học cận đại Trung Quốc. Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông: *Ả Q Chính Truyện*, từng được dịch sang nhiều ngôn ngữ.

Truyện Cố Viết Lại gồm tám truyện ngắn lấy đề tài từ huyền thoại và lịch sử (Trung Quốc), tuy không phải tác phẩm tiêu biểu của Lỗ Tấn, nhưng có lẽ ông là một trong những người đầu tiên, qua tập truyện này, góp phần khởi xướng cho văn học Trung Quốc một thể loại mới: *Thể truyện kể lịch sử*. Qua truyện xưa, Lỗ Tấn muốn phê phán người và việc của thời đại ông.

CON ĐƯỜNG NGƯỢC DÒNG, tâm bút của Vĩnh Hảo. Viên Thông & Chiêu Hà xuất bản. Giá 10MK. Địa chỉ :Chiêu Hà Publissher. 4702 W. First St., # E, Santa Ana, CA 92703. USA.

Tác phẩm thứ 11 của Vĩnh Hảo, gồm 7 "tâm bút" và 2 phụ lục: 1) Ý kiến về truyện "Đường Tăng" của Trương Quốc Dũng. 2) Văn truy tấn .

Đây là "*một tập hợp những bài viết liên quan đến nhà thiền, đến Phật giáo Việt Nam, đặt nặng trên phương diện sinh hoạt hơn là về nội dung hay ý nghĩa của nó*"

"*Tập sách nói về* con đường ngược dòng, đời sống ngược dòng, lý tưởng ngược dòng. *nếu không chấp nhận sự ngược dòng thì toàn bộ tác phẩm này chẳng có ý nghĩa nào cả*... (tựa)

TỪ ĐIỂN THI CA ANH-MỸ-VIỆT, của Nguyễn Đình Tuyến. Đại Học Đông Nam xuất bản. Giá 30MK. Cần mua sách xin gọi miễn phí: 1-888-815-9693.

Đầu đủ các từ ngữ Anh, Mỹ, Việt,Pháp, Đức. Nhật, Tây Ban Nha, Hy Lạp, La Tinh từ A đến Z về quan niệm thi ca thế giới, thể thơ, cách đọc thơ, kỹ thuật làm thơ, trào lưu thơ.

Cuốn sách còn tuyển chọn và phê bình những bài thơ hay thuộc các khuynh hướng lãng mạn, tượng trưng, tả thực và hiện sinh.

Theo lời giới thiệu ở bìa trước thì tác phẩm này đã được dùng để giảng dạy tại Đại Học Southeastern, Murray và Paris.

NHỮNG CHIẾC MẶT NẠ CƯỜI, tập truyện Kinh Dương Vương, bìa tác giả trình bày. Văn Mới xuất bản. Tổng phát hành Văn Nghệ. Giá 8MK.

Kinh Dương Vương tức bút hiệu của họa sĩ Rừng trong văn xuôi; Dung Nham, Cỏ Đồng trong thơ ca. Ông được biết đến như một họa sĩ, một nhà văn có tên tuổi từ thập niên 60.

Như tranh của Rừng, truyện ngắn Kinh Dương Vương là những mảng hiện thực trần trụi, thô nhám, nóng rẫy. Nó làm người đọc nổi gai, rùng mình, nó du người đọc vào một thế giới vắng bóng cỏ hoa, sông suối, sắc trời huyền ảo. Nó như cuộc đời. Nó là cuộc đời. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác, trong lời tựa cho tập truyện này, cũng có cùng nhận xét: "*Thảm kịch trong truyện Kinh Dương Vương là một thảm kịch nguyên khối, bề bộn, giống như một bức tranh dã thú đắp bằng chính máu lệ thịt xương*..."

Nếu đời sống là tấm mề đay mạ vàng bóng nhoáng, thì truyện ngắn của Kinh Dương chính là mặt trái sần sùi của tấm mề đay ấy.

LẦU XÉP, bảy chuyện, tám truyện của Võ Đình. Bìa tranh Đỗ Quang Em, KTrường trình bày. Văn Nghệ xuất bản. Giá 11MK. Ngoài Mỹ thêm 2MK.

Trong "Lời tác giả", sau khi nói rõ lý do tại sao gọi là *Chuyện*, và *truyện*, Võ Đình cho biết "Những chuyện và truyện trong tập sách này được chọn

lọc từ số bài viết trong vài năm qua. In lại theo thứ tự thời gian. Những chuyện có thể được xem như tiếp nối các chuyện trong *Sao Có Tiếng Sóng...* (Văn Nghệ, 1991). Còn những truyện thì coi như là một thứ "hậu" *Xứ Sấm Sét* (hai tuyển tập truyện ngắn, Lá Bối, 1980, Văn Nghệ, 1987).

Chúng ta đều biết Võ Đình là một họa sĩ, một nhà văn, một dịch giả uy tín tại hải ngoại. Trong *Lầu Xép*, chúng ta lại được tiếp cận với nhận xét sét bén, trong những nhận định về hội họa, về văn chương, cùng những truyện ngắn thâm trầm, ý nhị, của một ngòi bút tài hoa. *Lầu Xép* là một trong bảy chuyện, tám truyện, được tác giả chọn làm nhan đề chung cho tác phẩm.

EN UN INSTANT, UNE VIE, tập truyện của Bùi Minh Quốc, Phan Huy Đường chuyển sang Pháp ngữ. Bìa tranh của André Maire. Nhà xuất bản Philippe Picquier . Giá 89F. Liên lạc: *P. Picquier,* Mas de Vert, 13200 Arles. France.

Cuốn sách mới nhất trong phần Văn Học Việt Nam của nhà xuất bản Philippe Picquier do Phan Huy Đường chịu trách nhiệm biên tập. Từ non mười năm nay, độc giả Pháp ngữ khá quen thuộc với các cây bút trong, ngoài nước, như Bảo Ninh, Dươ ng Thu Hương, Phạm Thị Hoài, Phan Thị Vàng Anh, Nguyễn Quang Thân, Cung Tích Biền, Nhã Ca, Khánh Trường, Trần Vũ, Đỗ Kh....

Cuốn *En Un Instant, Une Vie* gồm các truyện ngắn *Đêm Trên Thác Bờm Ngựa, Giấc Chiêm Bao Cuối Cùng, Chiều Buốt Gió, Nước Chảy Qua Cầu, Người Cha, Cô Thợ Nề Thuở Ấy, Dạ Tiệc Trong Rừng, Bà, May Rủi* và *Một Lúc, Một Đời* (được lấy làm nhan đề chính cho tập truyện).

Vẫn như tất cả các cuốn khác trong tủ sách Văn Học Việt Nam, *En Un Instant, Une Vie* đẹp về hình thức, chọn lọc và điêu luyện phần dịch thuật .

Tuy chưa nhiều, nhưng văn học VN đã được độc giả Pháp ngữ biết đến với nhiều thiện cảm. Công lao ấy, tất nhiên, hàng đầu, nhờ vào Phan Huy Đường, một dịch giả có sức làm việc mạnh mẽ, cùng một khả năng Pháp ngữ hết sức dồi dào.

SÀI GÒN TRONG MẮT TÔI, biên khảo của Phụng Nghi. Bìa Khánh Trường. Văn Nghệ xuất bản. Giá 12MK.

Sài Gòn, xưa, từng là thủ đô của miền Nam Việt Nam, được tác giả giới thiệu rất cặn kẽ, từ lúc khai sinh, 300 năm trước (1698), đến ngày nay, qua mọi lĩnh vực: sử liệu, văn hóa, chính trị, kinh tế, địa dư...

Trong phần phụ lục, cuốn sách còn nói đến nguồn gốc địa danh Little Sài Gòn, nơi vẫn được người Việt hải ngoại xem như thủ đô tị nạn, trên đất Mỹ.

NGÓ LỜI, thơ Lê Đạt. Bìa Đặng Xuân Hòa, nhà xuất bản Văn Học (Việt Nam). Không ghi giá.

Người ta vẫn ngạc nhiên tự hỏi: làm thế nào trong một môi trường mà khuynh hướng hiện thực xã hội chủ nghĩa đã ngự trị và chi phối toàn bộ sinh hoạt văn học ngót nửa thế kỷ nay, cộng với tuổi đời ngót bảy mươi, mà Lê Đạt vẫn có khả năng "trẻ mãi không già". Ông "trẻ" một cách lạ lùng trong ngôn ngữ thi ca. Lật tập thơ, đọc bất cứ dòng nào, câu nào, ta cũng bắt gặp cái sức trai ngồn ngộn ấy:

Xé nát tim thư bay vườn trắng sớm
chập chờn hoa ngỡ bỡn bướm vờn bông.

Hẳn nhiên, sẽ có rất nhiều người "chịu không thấu" loại thơ có vẻ như "hủ nút" này. Nhưng nếu bình tĩnh, cởi mở, lắng đọng, thế nào chúng ta cũng tìm thấy trong rừng vần điệu rối rắm trúc trắc kia những khơi mở mạnh mẽ. Thơ, ở đây, không nhằm mục đích ngâm nga trầm bổng, thơ, ở đây, là sự biến hóa khôn lường của chữ nghĩa.

Trong nghĩa đó, thơ Lê Đạt, như đã nói, "trẻ" hơn rất nhiều nhà thơ trẻ khác.

NHÀN ĐÀM, Hoàng Phủ Ngọc Tường, bìa Việt Hải, nhà xuất bản Trẻ. Giá 18.000$ VN.

Tập hợp những bài viết ngắn, đăng từng kỳ trên mục *Nhàn Đàm Chủ Nhật* của báo Thanh Niên (Việt Nam).

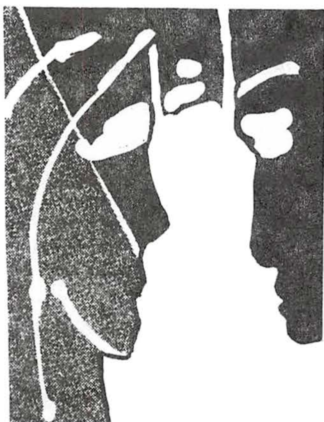
Khi nói đến hai chữ "nhàn đàn", người ta nghhĩ ngay đến hình ành những ông cụ trên lục thập, ngồi rung đùi bên tách trà, kề cà với nhau đủ mọi chuyện, từ chuyện thời tiết nắng mưa đến chuyện kinh tế chính trị, từ chuyện nhà cửa đất cát đến chuyện quốc gia thế giới... Nói chung, đó là những cuộc "nhàn đàm" tốn nhiều thời giờ, chỉ có thể thích nghi được với lớp tuổi đã nghỉ hưu, không còn bị vướng bận bởi công việc hàng ngày, tất bật.

Thế nhưng, những mẩu chuyện Nhàn Đàm của HPNTường lại không nhuốn cái cung cách kề cà "câu giờ". Trái lại, ở đấy, người đọc bắt gặp một HPNTường xông xáo, năng động trong nhiều lĩnh vực, với một "mặt bằng kiến thức rất có chiều rộng và một tư duy rất có chiều sâu" (tựa, Hoàng Phủ Ngọc Phan. Nói cách khác, người ta sẽ bắt gặp một HPNTường rất trẻ, trên những trang chữ của "Nhàn Đàm".

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



VỚI VĂN HỮU VÀ BẠN ĐỌC



THƯ VĂN HỮU & BẠN ĐỌC

Hội họa...

...

Số báo này (*HL 37*) không có chủ đề, nhưng có cái chất nostalgia/hoài niệm (có phải vì chuyện M.Thảo và NTNhiên mà Kim Thi nhắc trong *Ngày... Tháng...* chăng?).

Những bài viết về hội họa rất hay. Võ Đình có những nhận xét cũng thú vị. Nhưng thường trong thế giới nghệ thuật, những nghệ sĩ đến từ phương Đông văn chương tinh thần trầm mặc, và dĩ nhiên như một hệ quả, sẽ không hợp mấy trong trò chơi danh vọng, và quyền lợi của gallery, media... trong các xã hội phương tây. Thế nhưng đó không phải là vấn đề đáng để quan tâm lắm. Tôi được đọc một cuốn sách vô cùng đẹp đẽ và công phu về Antonio Tapies, một họa sĩ còn sống người Tây Ban Nha, chàng này càng lúc lại càng ngã về phía Phật giáo và Nietsche. Cuộc đi tìm "the Significance in insignificant things" (ý nghĩa trong những vật tầm thường vô nghĩa) của tapies thực thú vị.

...

H.NUYEN. (Australia)

Hợp Lưu *muốn đi sâu vào lãnh vực hội họa từ lâu (để theo sát khuynh hướng được đề ra: Văn Học, Nghệ Thuật, Biên Khảo), nhưng còn ngại không hợp "tì vị" độc giả. Thân mến.*

Được tài trợ...

... Tôi nghe nói tờ báo Văn & Hợp Lưu được tài trợ mỗi năm 28.000 đô la phải không? Nhưng không biết do chính phủ Mỹ hay Việt Cộng?

Một độc giả ở Bernice, Texas.

Thích nhỉ. 28.000 đô la! Vậy mà hai tay chủ biên hàng tháng vẫn phải chạy tiền nhòe người để in báo là nghĩa làm sao?

Thưa bà, nhận tiền Mỹ không dễ đâu. Xin, đã khó, xin được, làm theo ý họ càng khó gấp bội. Chẳng ai dại gì "cho không biếu không" bất cứ cái gì. Hàng ngày, bà vẫn thường nhận được những cái quảng cáo gửi đến tận nhà, rằng "chúng tôi rất vui được tặng không cho quí ông/bà" cái này, cái nọ, "hãy gửi thư về địa chỉ..." Chớ có quáng gà mà mắc lừa. Xin cẩn thận đọc hàng chữ nhỏ tí tẹo ở một góc nhỏ nào đó trong xấp quảng cáo: "Để nhận được quà tặng, tôi bằng lòng mua mỗi tháng (bao nhiêu) món..." Thế là bút sa gà chết. Quà tặng sẽ được gửi đến (thường chả đáng chi). Nhưng kèm theo, "khổ chủ" cũng sẽ nhận được những món hàng "trời ơi" cộng với bill tính tiền. Thực dụng là bản chất hàng đầu của nước Mỹ. Không có cái gì không mua bán được. Muốn chụp hình, bắt tay tổng thống trong một buổi tiếp tân gây quỹ nào đó, dễ thôi, giá cả có ghi rõ. Muốn làm "cố vấn tổng thống", cũng dễ thôi. Sẽ có ngay một cái điện thoại màu đỏ gửi tận nhà - để liên lạc với tổng thống khi cần "cố vấn" một chuyện gì -, kèm điều kiện hàng năm đóng bao nhiêu tiền cho đảng này, đảng nọ (một hai anh Việt Nam ta từng mua cái chức này, và dùng nó để hù đồng hương, nhất là bốc phét với bà con trong nước".). Tóm lại, có trời biết chúng tôi sẽ phải làm những gì nếu nhận tài trợ của chính phủ Mỹ. Không ham.

Còn tiền của Việt Cộng. Eo ơi, từ bao giờ đến bay giờ, ai cũng biết "phe ta" chỉ "thâu vô", còn khuya mới "chi ra". Mấy cái hội "Việt Kiều yêu nước" ở Tây, ở Canada thuở còn hoạt động hăng, hội viên hàng tháng phải đóng góp mờ người để ra báo, để làm chuyện "công quả". Thế mà nếu lỡ đi "sai chính sách", là lập tức "có vấn đề" ngay. Thế thì càng không ham.

- Về cái nông trại có cả "trăm con bò", "mùa hè câu cá, mùa đông săn nai" mà bà mô tả, toànban biên tập HL người nào cũng náo nức. Nhất định sẽ xin được đến "tham quan" một ngày gần. Kính mến.

HỢP LƯU TRẢ LỜI VĂN HỮU, ĐỘC GIẢ

Anh LVH. (CA): Khổ lắm, thưa anh, chỉ cái mục lỉnh kỉnh nàythôi,

chúng tôi cũng đã bị than phiền. Trong số báo vừa qua, nghĩ, để độc giả và văn hữu tiện theo dõi, chúng tôi thử ghi rõ tên người chúng tôi trả lời. Kết quả: bị chỉnh ngay. Quí vị ấy bảo, chỉ cần đọc, người hỏi sẽ biết ngay tòa soạn trả lời cho mình hay cho ai khác. Do đó, việc nêu rõ họ tên là vô ích và không nên. Ngược lại, nhiều độc giả, văn hữu cho rằng thư từ liên lạc giữa tòa soạn và người viết, người đọc nào có gì khuất tất đến phải ẩn danh?

Chín người mười ý. Khó làm vừa lòng tất cả.

Chuyện nhỏ đã thế, chuyện lớn hơn, liên quan đến bài vở, nội dung tờ báo, cũng lắm điều rắc rối. Thân mến.

Ông NHN (CA): Vâng, nếu tính năm, thì đúng 7 năm, thưa ông. Số ra mắt của Hợp Lưu phát hành ngày 1 tháng 10 năm 1990. Nhanh thật.

Số ấy đã tuyệt bản. Nếu tìm thấy, chúng tôi sẽ thông báo ông rõ. Kính

Cô HTTD (VA): Mong nơi cư ngụ mới sẽ vừa ý cô. Tháng 2, 1998 chúng tôi có một cuộc triển lãm tranh bên ấy. Sẽ gửi thiệp mời đến cô. Thân mến.

Anh LVTr (Đức): Cali mùa thu. Chiều, gây lạnh. Chúng tôi viết những dòng này khi bên ngoài đang mưa rả rích. Nhắc đến mưa, chúng tôi chợt nhớ đến nước. Mưa, ở Cali cũng hiếm quí như bất cứ thứ gì hiếm quí trên cõi trần ai này. Năm nào thiếu mưa, sông hồ cạn nước, dân Cali được nhắc nhở hãy tiết kiệm nước. Mới đây, những cửa tiệm, hàng quán trong một thành phố thuộc quận Cam được chính phủ tặng 50 đô la nếu thay đổi một loại bàn cầu mới, tốn rất ít nước khi khách hàng sử dụng. Thông tin dông dài và "không văn học" trên để trả lời câu hỏi của anh: Cali độ này thế nào. Riêng cá nhân chúng tôi, vẫn ăn no ngủ kỹ và vẫn tiếp tục những công việc "lẽ ra không nên tiếp tục", nếu đứng trên quan điểm "ấm no hạnh phúc" của các đấng... hiền phụ. Thân mến.

Anh ĐVB (Úc): Tiền cước qúa đắt, hơn giá bán một số báo nếu gửi máy bay, như anh biết. Vì vậy độc giả bên ấy không như mong muốn được. Đành chịu thôi.

Chúng tôi sẽ tìm và mua giúp anh cuốn sách ấy. Tuy nhiên, thư thả nhé. Chúng tôi rất ít có dịp ra phố. Thân mến.

HỢP LƯU



tạp chí sáng tác và nhận định

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

SUBSCRIPTION FORM

3 số / năm - 3 issues / year

Tên *Name*

Địa chỉ *Address*

Điện thoại *Phone*

Điện thư *Email*

Hoa kỳ và Gia nã đại *(U.S. & Canada)*	☐ US $20.00 cho một năm *(for one year)*
Âu châu *(Europe)*	☐ US $25.00 cho một năm *(for one year)*
Á châu và Úc châu *(Asia & Australia)*	☐ US $30.00 cho một năm *(for one year)*
Ủng hộ *Donation*	☐

Chi phiếu xin đề *(Check payable to):*	THƠ
Và gửi về *(and send to):*	TẠP CHÍ THƠ P.O. Box 1745 Garden Grove, CA 92842, USA

- **Delivery by first class and airmail**

tel. 714-530-6597 ▫ email: tctho@aol.com ▫ website:http: //www.vietbay.com/tctho

HỢP LƯU

P.O.Box 277 - Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 537-5229 - Email: tchl@aol.com

PHIẾU MUA DÀI HẠN HOẶC TÁI HẠN
(Subscription or Renew form)

Họ tên / Full name ______________________________

Địa chỉ / Address ______________________________

____

Điện thoại / Phone): ____________________ Email: ______________

Tôi đặt mua HỢP LƯU / I would like HOP LUU delivered to me:

☐ Một năm / One year. ☐ Hai năm / Two years

Bắt đầu từ số (Starting from issue #: ____________________

Mỹ & Gia Nã Đại (US & Canada):

Một năm / One Year:

- Hạng tư / Four class): ☐ US$40.00. Hạng nhất / First class: ☐ US$50.00

Hai năm /Two years):

- Hạng tư / Four class: ☐ US$78.00. Hạng nhất / First class: ☐ US$96.00

Âu châu (Europe):

Một năm / One year:

- Đường thủy / Surface: ☐ US$50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$70.00

Hai năm / Two years):

- Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$136.00

Úc, Á châu (Australia & Asia):

Một năm / One year:

- Đường thủy / Surface: ☐ US$50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$80.00

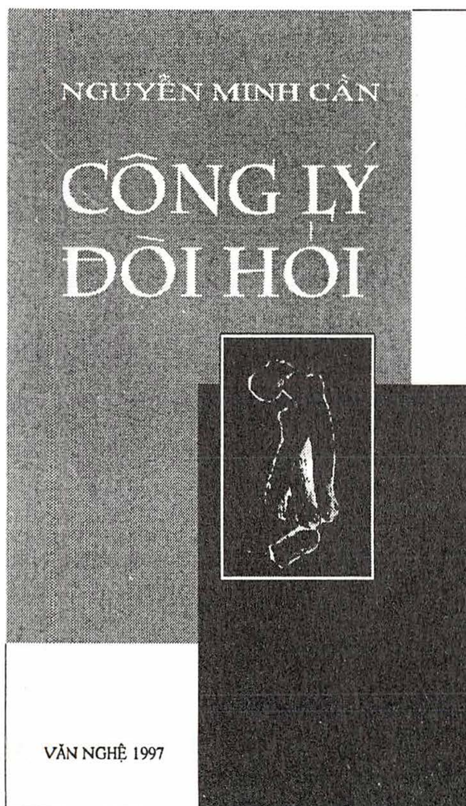
Hai năm / Two years:

- Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Airmail: ☐ US$156.00

Trả bằng Mỹ Kim, ngân phiếu *(Mỹ)*, money order *(Gia Nã Đại, Âu, Úc, Á châu)* đề HOP LUU / Check (*US*), money order (*Canada, Europe, Asia & Australia*), in US funds, pay to HOP LUU

Thay đổi địa chỉ, xin cho biết trước và gửi kèm nhãn gửi báo cũ / Please let us know in advance when you change address & attach your old label.

Ghi chú / Note: Số báo đầu tiên và cuối cùng in trên nhãn gửi báo / The first and the last subscribed issues are printed on the label



.. Nếu đọc kỹ những gì ông đã viết trong cuốn *Công Lý Đòi Hỏi*, và theo dõi mấy buổi thảo luận ông đã tham dự trong tuần qua, chúng tôi thấy rằng ông Nguyễn Minh Cần có vài dị biệt với các trường hợp như Bùi Tín hay Vũ Thư Hiên, qua mấy tác phẩm mà hai ông này đã viết. Một cách vắn tắt, chúng tôi thấy rằng ông dứt khoát với chủ nghĩa Cộng Sản hơn hai người kia, có lẽ nhờ ông đã thấy sự vận hành trọn vẹn của chủ nghĩa này ở nơi xuất phát ra phong trào Cộng Sản, là Liên Xô. Chúng ta cũng thấy rằng ông khiêm nhường nói ra sự dị biệt đó bằng tiến trình giác ngộ một cách tiệm tiến của một người. Điều đó là một sự can đảm và chân thành đáng quí, mà ta không thể đánh giá thấp được.

Về nội dung của cuốn sách *Công Lý Đòi Hỏi,* chúng tôi thiển nghĩ rằng ông viết ra không những để soi sáng thực chất thối tha và độc ác của Cộng Sản, và đứng đầu là Hồ Chí Minh, mà còn làm chúng ta hiểu rõ chính bản thân của người viết.

Cuốn sách không là hồi ký ít nhiều mang tính chất văn học, nhưng vẫn là một tự truyện trong sáng nhất về sự giác ngộ của tác giả...

Little Sàigòn Radio ngày 21.10.97

VĂN NGHỆ vừa phát hành 10.97
Bìa Khánh Trường. Giá 18MK. Ngoài Mỹ 20MK

VĂN NGHỆ.
P.OBox 2301 Westminster, CA 92683. USA
Tel: (714) 527-5761